

HOÀNG GIÁ

Sương loà

DÂM ĐÀM

Tiểu thuyết lịch sử



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

HOÀNG GIÁ

Sương khói

DÂM ĐÀM

Tiểu thuyết lịch sử



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Table of Contents

[Lời giới thiệu](#)

[Khúc dạo](#)

[Phần một: Lê Văn Thịnh](#)

[II](#)

[III](#)

[IV](#)

[V](#)

[VI](#)

[Phần hai: Hoàng thái hậu Ý Lan](#)

[VIII](#)

[IX](#)

[X](#)

[XI](#)

[Phần ba: Lý Nhân Tông](#)

[XIII](#)

[XIV](#)

[Phần bốn: Mục Thận](#)

[XVI](#)

[Phần năm: Sương khói Dâm Đàm](#)

[XVIII](#)

[Hồi dương](#)

[Đôi điều về tiểu thuyết lịch sử Sương khói dâm đàm](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Từ thuở mới bước vào trường cấp II Đặng Thúc Hứa tại Thanh Chương, Nghệ An tôi đã bị Khái Hưng "đánh lừa" nên để cho chú tiểu Lan tu ở chùa Long - Giáng (Bắc Ninh) hút mất hồn¹. Rồi hết cấp II lại bị ngài Phan Khắc Khoan bồi thêm quả Tiêu Sơn tráng sĩ² nên trang liệt nữ Trương Quỳnh Như trối hồn tôi chặt hơn vào xứ Bắc.

Nên chi, đã gần 40 năm làm việc tại Viện Văn học hầu như tôi chỉ quanh quẩn với Bắc Ninh - Kinh Bắc. Vẫn rất yêu và rất sợ, vì mãi mãi tôi vẫn chưa thật biết mấy về vùng văn hóa thâm diệu này.

Nay đến tuổi "lão giả an chi" thì nhận được một phần thưởng: Đó là việc tác giả Hoàng Giá đến nhà bảo tôi viết hộ lời giới thiệu cho thiên thiếu thuyết dã sử "Sương khói Dâm Đàm" nói về những danh nhân Bắc Ninh.

Đọc đi, đọc lại bản thảo của Hoàng Giá tôi càng thấy đã 40 năm lặn Bắc Ninh - Kinh Bắc tưởng đã rất gần mà vẫn cứ rất xa; tưởng đã hiểu mà làm sao hiểu nổi!

Rồi tôi mừng vì có thêm Hoàng Giá làm bạn đồng hành vào cõi linh thiêng huyền diệu. Có trời mà biết được câu chuyện Lê Văn Thịnh hóa hổ trong sương mù Dâm Đàm ấy là do ai sinh ra! Hình hài truyện ban đầu ra sao và sau nữa sẽ là sao? Có thể phải hàng chục tiểu thuyết gia và giáo sư, tiến sĩ cố công, tận tình thì may ra có thể! Nhưng muốn thế thì ngay bây giờ phải có những Hoàng Giá dám băng mình vào cõi thiên la địa võng này.

Tôi rất thích những chương, đoạn anh viết về Hoàng Thái Hậu ỷ Lan, vì anh đã nhắc tôi bên cạnh bà còn có một Lê Văn Thịnh để đánh đổ âm mưu xâm lược của Vương An Thạch, tạo ra cuộc cách mạng về tư tưởng, chính trị, kinh tế vĩ đại nhất thế giới hồi bấy giờ: Phá bỏ chế độ Trung cổ, mở ra thời đại Phục hưng - còn gọi là thời kỳ NHÂN VĂN của Đại Việt.

Cũng nhân đọc bản thảo này, tôi mong rồi đây sẽ có nhiều, rất nhiều tác giả nghiên kỹ, nghĩ sâu về đề tài tiểu thuyết lịch sử Việt Nam, vì ở đó cả dân tộc luôn đứng bên cạnh họ, làm thầy cho họ và cũng là bạn bè của họ. Tôi còn thích thú cuốn sách này vì bóng dáng của ỷ Lan ở đây đã gần được như ý dân Ngọc Quỳnh (quê Mẫu). Khấn rằng: Mẫu là bậc "TƯ QUỐC CHIÊU NHÂN". TƯ là dáng hình dáng vẻ, QUỐC là non sông đất nước; CHIÊU là tập hợp, lay dạy; NHÂN là con người. Nghĩa rằng: ỷ Lan đã tảo tần lay dạy khí thiêng sông núi và tạo nên dáng hình Đại Việt ngay từ thuở cách ta ngót cả ngàn năm. Trong công lao đó không thể không có phần của Lê Văn Thịnh.

Như dã sử "Sương khói Dâm Đàm" tôi mong rằng: Hoàng Giá phải làm được nhiều hơn nữa cho lịch sử nước nhà và cho quê hương Bắc Ninh, vì anh còn sung sức lắm!

Thanh Xuân, tháng 9 năm 2004

Phó giáo sư, tiến sĩặng văn lung

Khúc dạo

Sáng chủ nhật trung tuần tháng ba xuân Quý Mùi. Ngày âm lịch tôi không nhớ, nhưng ngày dương lịch thì tôi không thể quên. Đó là ngày 20 tháng 4 năm 2003. Trước đó ba ngày ba tờ báo: một của quốc gia, một của Thành phố Hồ Chí Minh, một của Quảng Ninh đăng bài phóng sự về công viên nước Hồ Tây của tôi. Sáng nay tôi được giám đốc và Ban lãnh đạo công viên mời chiêu đãi, đặc biệt có buổi du thuyền cùng các "nàng tiên cá".

Đã cuối mùa xuân, nàng Bân thở dài thườn thượt đan mũi cuối cùng cho chiếc áo tặng chồng, gió bắc nhẹ nhẹ len qua những cánh đồng đào bích, những biệt thự cao tầng loè loẹt, xoa trên mặt nước những nếp lăn tăn đuối nhau về phía xa thành phố. Tôi lên du thuyền cùng cô hướng dẫn viên không đẹp lắm nhưng đầy sức quyến rũ. Phút khởi hành cô bảo:

- Anh đợi em một chút, em quên chiếc máy ảnh tự động. Cảnh đẹp thế này không chớp lại phí lắm!

Cô lên bờ. Tôi xoay sở, tò mò, tí toáy giật nhẹ sợi dây màu đỏ. Du thuyền rung nhẹ nhẹ, nhẹ nhẹ lướt ra khơi.

Tôi luống cuống, vớ lấy vô lăng, đạp chân ga. Du thuyền lao vút đi. Tôi thoáng thấy trên đường Yên Phụ từng đoàn xe nối đuôi nhau rầm rập. Mặt trời vượt các tòa nhà hào phóng tia xuống nước muôn vàn những sắc màu. Từng đàn Sâm Cầm đen trũi vút lên che kín cả khoảng trời, rồi lại sà xuống trải tấm nhung đen dập dờn trên sóng.

Bỗng dừng trời đất tối sầm. Tôi cứ nghĩ là tại cái bọn Sâm Cầm. Nhưng liền đó là những cột sương từ dưới nước dâng lên mỗi lúc một dày, ken sít vào nhau làm thành bức tường màu sữa trắng.

Tôi hốt hoảng. Phút chốc tôi thấy mình chơ vơ trên con thuyền không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì kể cả tiếng máy du thuyền nhẹ nhẹ. Tôi nghĩ: Có lẽ mình đã rơi vào Tam giác quỷ. Cảnh tượng tôi đang chứng kiến đúng như những gì tôi đã đọc, đã nghe về cái tam giác khủng khiếp đầy bí hiểm ấy. Tôi hét toáng lên, cầu cứu. Chả lẽ tôi lại chết một cách vô lý thế này sao?

Tôi vẫn nắm chặt vô lăng. Du thuyền vẫn vun vút lao vào khoảng không màu sữa. Tôi bỗng thấy thoang thoảng mùi hương lạ như mùi lá hương nhu hay hoa bưởi đầu mùa. Ngay lập tức tôi nhận ra cánh rừng đại ngàn xanh thẫm. Tôi vô cùng kinh ngạc. Xung quanh Hồ Tây là những toà nhà cao tầng lô nhô, những đại lộ nghẹt người đầy xe cộ, đào đâu ra những cánh rừng? Không lẽ tôi đang mơ? Không lẽ tôi bị thần linh hay ma quái đẩy tới một thế giới kỳ lạ? Càng tới gần khu rừng tôi càng hốt hoảng. Tôi nghe rõ tiếng hổ gầm, tiếng chó sói hú dài và đủ các loài chim líu lo ca hát.

Từ bìa rừng xuất hiện một chiếc thuyền con. Chiếc thuyền lao về phía tôi êm ru như mũi tên bay là là trên mặt nước. Trên thuyền có một cụ già. Là phóng viên lâu năm, tôi đã đặt chân lên khắp các vùng đất, đã sang một số nước châu á, châu âu, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một cụ già như thế. Ở cụ không ai có thể đoán được tuổi. Thân hình cụ cũng bình thường như tất cả mọi người, nhưng đôi mắt xéch kỳ dị sáng long lanh, thăm thẳm. Đứng trước đôi mắt ấy ta không thể giấu giếm điều gì, cũng không có gì để có thể kể lể, khoe mẽ. Đôi mắt ấy nằm dưới hàng lông mày trắng mượt dài như chú tằm đang cong lên khoe thời sung mãn. Vầng trán phẳng, cao, nâng búi tóc dày trắng như cước. Nhưng cái đáng kể nhất lại là bộ râu có những sợi vừa trắng vừa dài đến nỗi luồng gió bắc nàng Bân thổi dạt về phía sau kéo dài đến giữa thuyền y hệt đuôi một ngôi sao chổi.

Tôi vừa mừng, vừa ngạc nhiên, vội buông vô lăng chấp tay kính cẩn:

- Con xin chào cụ!

- Ta cũng chào con. Con đi đâu mà lại vào lãnh địa của ta?
- Dạ. Con đi chơi thuyền Hồ Tây, bỗng nhiên sương mù dày đặc. Nhưng bây giờ trời quang mây tạnh sao lại chẳng thấy gì?
- Con cứ nhìn kỹ xem. Du thuyền của con còn đó, mặt nước hồ còn đây. Có điều năm tháng đổi thay, hồ xưa hồ nay khác nhau nhiều lắm.
- Thưa cụ. Con biết Hồ Tây ngày nay thời hồng hoang còn nối với sông Hồng có nhiều sóng lớn, dân ven hồ gọi là Lãng Bạc. Đến đời Lý Nam Đế có chuyện cáo chín đuôi nên gọi là hồ Xác Cáo. Thời Lý do có nhiều sương mù nên gọi Dâm Đàm. Đến đời Lê vì kiêng tên húy của vua mới đổi thành Hồ Tây. Con cũng biết thế sự đổi thay, nhưng núi sông làm sao lại quá ư khác lạ?
- Con không nhớ câu "vật đổi sao dời" sao? Mấy ngàn năm đổi thay thế cũng còn là ít. Làng quê vẫn bao quanh những lũy tre xanh, những điệu dân ca vẫn mượt mà thuần Việt, cương giới chỉ mở mang không bao giờ thu hẹp, bách niên như lão thì vua chúa cũng phải cúi chào... Chỉ mới vài chục năm qua là đổi thay khó tả. Ta thấy vui ít buồn nhiều...

Cụ dừng lại mơ màng như đang hoài cổ. Tôi nôn nóng chấp tay:

- Thưa cụ. Cụ có thể chỉ cho con những cánh rừng kia là gì? Những ngọn núi kia ở đâu? Và cả những toà bảo tháp, những mái cong như những cung đình?

Cụ cười ha hả:

- Đó là những dải rừng đại ngàn bao quanh hồ Dâm Đàm. ở đó đủ các loại gỗ quý nhiều nhất là lim, đủ các loài thú nhiều nhất là hổ báo, đủ các loài chim có cả Đại Bàng, Phượng Hoàng. Phía xa kia - Cụ đưa tay chỉ về hướng nam xa típ típ - Nơi có ngọn khói xanh lam đang cuộn lên như những giáo long là Bình sa động, có chuông, khánh, trống, tượng Phật đều bằng đá tự nhiên. Phía kia - Cụ chỉ về hướng đông - Có Nha Lâm động và bên này phía sau lưng con là động Già La, nơi Mục Thiện vừa đáng thương, vừa đáng tội luyện đạo cao siêu hô phong hoán vũ, biến hóa khôn lường. Còn bảo tháp kia là Đại thắng Tư thiên, người đời thường gọi là tháp Báo Thiên mười hai tầng bằng đá cao vài mươi trượng. Phía sau tháp Báo Thiên là điện Càn - Nguyên bốn tầng nơi thiết triều nghị sự. Những cái chòi cao vút nhọn hoắt kia là chòi gác bốn cổng thành. Chính giữa Hoàng cung nhìn về hướng nam là cửa Đại Hưng. Cửa này chỉ dành cho vua. Cổng phía sau quay hướng bắc là cửa Diệu Đức, còn tả hữu là cửa Quảng Phúc, Tường Phù. Những mái cong đầu rồng san sát kề nhau như bát úp là đại danh lam Vạn tuế tự, nơi Hoàng Thái Hậu y Lan và các vua Lý tụng kinh cầu phúc và là nơi trụ trì của Quốc sư đệ nhị Khô Đầu...

- Đây là cụ đọc trong sử sách hay là cụ nhìn thấy thật sự?

- Ta là con dân nhà Lý thì những gì của nhà Lý mà ta chả biết.

Nghe cụ nói vậy tôi bán tín bán nghi. Không lẽ lại có người sống tới ngàn năm? Còn những cái cụ chỉ, tôi chỉ lờ mờ như có như không. Tôi cho đó là ảo ảnh, là tôi đã bị cụ già với bộ râu dài và đôi mắt thăm thẳm dùng phép thôi miên. Tôi cố tìm một chi tiết thật độc đáo, hắc búa. Tôi nghĩ ngay tới vụ án Thái sư Lê Văn Thịnh.

- Thưa cụ, thời Lý Nhân Tông xảy ra vụ án Thái sư Lê Văn Thịnh hóa hổ định cướp ngôi vua. Đời sau các nhà viết sử chỉ ghi được đôi dòng, làm người tin, kẻ ngờ. Vua Tự Đức đời Nguyễn thì khẳng định tội lỗi của Lê Văn Thịnh bằng những dòng thơ:

Văn học đô vi tiến thủ tư

Man nô tư súc nhật căng kỳ

Thần qua nhất kích hôn phần tán

Yêu hồ nguyên lai thế Thái sư

Còn nghệ sĩ Tào Mạt thì lại dựng lên một Lê Văn Thịnh tham tàn, độc ác, thâm hiểm và phản nghịch trong một vở diễn có tên là "Lý Nhân Tông kể nghiệp". Nhưng hàng mấy chục làng vẫn tôn ông là thành hoàng, hàng triệu người dân Việt Nam vẫn cho rằng đó là một nghi án cần phải được minh oan. Cụ có thể cho con biết sự thật về vụ án ấy không ạ?

Cụ trầm ngâm suy nghĩ, rồi bảo:

- Chuyện dài. Rất dài. Nếu con muốn nghe hãy ghé nhà ta. Ta sẽ cho con biết sự thật. Sự thật đau lòng cũng không đến nỗi tàn bạo và ác độc khi cứ bị đẩy che, giấu giếm, nhất là lại đẩy che giấu giếm vì mục đích cá nhân, vì quyền lợi một nhóm người.

*

Tôi sốt sắng rời du thuyền theo cụ.

Ngôi nhà sàn ba gian giống như mái tam quan gỗ lim đen ánh, thoang thoang mùi trầm hương, lúc như menh mông, lúc như chát chội. Cụ đưa tôi chén nước chè xanh ngắt vừa chạm đầu lưỡi đã thấy vị ngọt lịm, quyến rũ, mệt mỏi tan đi, đầu óc sáng láng.

Tôi lại nghe có tiếng cộp găm, tiếng mang tác, tiếng tắc kè đếm nhịp, cả tiếng đùa giỡn chí choé của đàn vượn lông vàng, y như hồi tôi trực điện đàm trên ngọn Chư Lây giữa rừng Trường Sơn hồi đánh Mỹ.

Nhưng tôi đã hết sợ, phấn chấn hẳn lên. Còn cụ lại rầu rĩ như ai đó đã khơi lên những vết thương không bao giờ kín miệng. Cụ hỏi tôi:

- Con muốn ta bắt đầu câu chuyện từ đâu? Điều con quan tâm có phải là vụ án Dâm Đàm năm Bính Tý?

Tôi khe khẽ gật đầu.

- Vậy thì ta sẽ kể cho con về những con người có liên quan và ta sẽ bắt đầu từ đây. Con có nhìn thấy con đường mòn quanh co kia không? Đây là con đường tắt nối xứ Bắc với xứ Đoài, người đương thời gọi là đường Tầm Tử hay đường Ông Ba Mươi.

Trên con đường ấy cách đây chín trăm ba mươi năm năm có một người bất chấp những hiểm nguy đang tiến về phía trước.

Người đó chính là... LÊ VĂN THỊNH.

Phần một: Lê Văn Thịnh

I

Cuối đông, trời rất lạnh. Mưa bay lất phất, rừng đại ngàn im ắng, co ro. Hồ Dâm Đàm đùn lên những đụn sương như những người khổng lồ. Trên con đường mòn từ xứ Đoài lên xứ Bắc có một người con trai thân hình nở nang cân đối, mái tóc đen ánh rỏi bời xỏa xuống hai bờ vai chốc chốc lại rung lên từng chập. Người con trai vừa đi vừa chạy. Dốc Vông Thị không cao nhưng quanh co, len lỏi giữa những tảng đá xanh lờm chớm dưới những gốc lim xanh mượt thì thoảng xen kẽ những cây đào cổ thụ sần sùi chi chít những nụ hoa. Người con trai chợt giật mình khựng lại. Một thứ mùi khét lẹt chết chóc trộn lẫn mùi thối khẳn tởm lợm xộc tới. HỒ! Người con trai vội quay người nhìn lại. Chỉ có gió, mưa phùn và con đường lạnh ngắt. Lúc này anh có thể còn kịp quay lại. Nhưng anh không thể, bởi cha mẹ anh đang hấp hối. Người làng Bảo Tháp đã lặn lội sang tận nhà cụ đồ Ngô ẩn nổi tiếng xứ Đoài để báo cho anh tin dữ. Cả cha mẹ anh - ông khóa Lê Văn Thành và bà Trần Thị Tín trên đường hái thuốc gặp mưa lớn nhiễm phong hàn, đã dùng hết các bài thuốc mà bệnh không lui. Những lúc mê man hai ông bà luôn miệng kêu tên cậu con trai độc nhất. Người con đó là Lê Văn Thịnh.

Lê Văn Thịnh sinh ra khi cả hai ông bà đã ngoài ba mươi tuổi. Ông ham đọc sách thánh hiền, biết nhiều bài thuốc quý, thường lên núi Thiên Thai, núi Hàm Long, vào sâu trong rừng Báng tìm cây thuốc, chữa bệnh giúp dân. Ông thường nói với bà "ích thiện chi gia, tất hữu dư khương". Cả vùng Thiên Tài, Siêu Loại, Thiên Đức biết tên ông bà. Thế nhưng đã mười lăm năm chung sống hai ông bà vẫn hai hình, hai bóng. Một hôm hái thuốc trên núi Hàm Long hai ông bà trở về quê ngoại tại trang Ngô Xá huyện Quế Dương, bà nằm mơ thấy ngôi sao to như chiếc đấu, sáng rực góc trời phía đông nam chui tọt vào miệng. Sáng dậy, bà kể lại chuyện mơ, ông sung sướng bảo là điềm tốt. Quả nhiên bà mang thai. Ông quyết định rời quê ngoại trở về Bảo Tháp để con được sinh ra nơi thế đất Hàm Rồng.

Ngôi nhà ông bà ở làng Bảo Tháp sát chân núi Thiên Thai, lưng tựa Đài Trời, mặt hướng núi Đình Quan có hình khum tựa mũi rùa, như chiếc hương án trang nghiêm phía trước. Cạnh Đình Quan có ao bát giác như đĩa mực tàu. Bên trái nhà là giếng Mắt Rồng quanh năm nước trong xanh, tràn qua miệng đá. Xa chút nữa là dãy Yên Việt hình voi phục. Tiếp là dãy Du Tràng có chùa Tĩnh Lự đỏ rực màu hoa đào những tiết xuân sang. Trên núi Thiên Thai có chùa Thiên Thư trăm gian, quay mặt về Thăng Long nguyện cầu cho dân an, quốc thái.

Lê Văn Thịnh sinh ngày 11 tháng 2 năm Canh Dần đúng vào chính Ngọ. Người ta bảo hôm ấy mặt trời mọc sớm hơn mọi ngày, ánh sáng rực rỡ nâng bổng bầu trời mùa xuân xanh cao vời vợi. Nhưng khi cậu bé cất tiếng khóc chào đời thì trời lại sập tối, mưa dầm suốt suốt cả tháng hai. Cậu bé Lê Văn Thịnh ít khóc, ít cười, lớn nhanh như thổi. Ba tuổi biết phải trái, bảy tuổi đi học, mười ba tuổi thầy đồ xứ Bắc hết chữ, ông bà đành phải gửi con cho cụ đồ ẩn sĩ xứ Đoài.

Nghĩ tới công lao sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, Lê Văn Thịnh ruột gan như lửa đốt, muốn chắp cánh bay thẳng về nhà. Đường từ xứ Đoài lên xứ Bắc xa xôi cách trở. Nếu đi đường Thiên Lý nhanh cũng dăm bảy ngày nên anh đã chọn đường tắt dù biết rằng đầy trắc trở, dầm lầy, thú dữ, thảo khấu, đói rét... giờ đây hổ dữ có lẽ đang chặn phía trước, nếu quay lại thì biết bao giờ nhìn thấy mặt mẹ cha? Một chút ngần ngừ. Ngực trái bỗng nhói đau. Lòng dạ lại càng như có ai châm lửa đốt. Thầm nghĩ: Thú dữ đến mấy cũng vẫn sợ người, miễn sao đừng run khi đối mặt. Vững dạ, Lê Văn Thịnh mạnh mẽ bước tiếp.

Vừa ngoặt qua tảng đá xanh, Lê Văn Thịnh thấy ông Bạch hổ ngồi chễm chệ trên tảng đá phẳng lì nơi đỉnh dốc. Đôi mắt Bạch hổ sáng quắc, toé những tia tím nhức nhối. Hai hàm răng nhọn hoắt nhe ra trắng nhợt. Cái miệng rộng như chiếc gầu dai chảy ròng ròng hai hàng dớt dãi, phủ những làn sương trắng đục thối khẳn, bộ lông trắng toát điểm những vằn đen. Cái đuôi vằn dài

thượt cong lên, chỉ chờ quật xuống làm đà là con mồi đã nằm gọn trong những chiếc vuốt nhọn hoắt cứng như những chiếc răng bừa.

Một thoáng choáng váng. Lê Văn Thịnh tự nhủ: "Mạnh tại nhân, bất mạnh tại cơ", và bỗng nhiên anh nhớ tới mẹ, nhớ tới câu chuyện "đấu nhãn thoát hổ" bà đã kể. Chuyện rằng: Ngày xưa ở bìa một khu rừng có thửa ruộng kỳ lạ: Lúa cấy ở đó sinh ra những hạt thóc bằng vàng. Nhưng không ai dám ra cấy vì khu rừng ấy rất nhiều mãnh hổ, ai bén mảng ở bìa rừng là bị chúng xé xác ăn thịt ngay. Nhà phú hộ nọ vừa tham lam vừa độc ác bèn rêu rao sẽ trả công trước thật hậu cho những ai dám ra cấy mướn. Lão nghĩ: Nếu được thì mình được nhiều, nếu chết thì chết kẻ khác, mặc xác họ, ai bảo họ tham tiền. Một chị nông dân nghèo, chồng đang ốm nặng không tiền thuốc thang, con còn bé tí, nghĩ: "Chớ có con dữ, con hiền. Chắc hổ cũng vậy" bèn nhận lời lấy tiền ứng trước. Hôm sau chị gánh mạ ra cấy. Vừa bước xuống ruộng thì một con Bạch hổ to lớn nhe nanh định nhảy xổ vào chị. Hai tay hai bó mạ, chị sợ quá đứng như trời trồng, mắt chăm chăm không dám chớp nhìn vào mắt hổ. Hổ thấy người đàn bà không ngã khụy xuống mà vẫn đứng, dáng điệu hiền ngang, hai tay lại thủ hai quả chuỳ tua tua những mũi chông nhọn hoắt sáng xanh thì giật mình khựng lại. Khi thấy đôi mắt người đàn bà rọi thẳng vào mắt mình nhúc nhối như những mũi tên cắm vào tròng mắt thì hổ hoảng hốt thực sự. Một lúc, lựa được thể thuận lợi hổ quay người lao vút vào rừng xanh, báo cho cả đàn đừng có dại mà bén mảng ra chỗ người đàn bà.

Khi lúa chín, phú ông mừng rỡ, lại nghĩ phải tự mình thu lấy những hạt lúa bằng vàng chứ không khiến chị nông dân nọ. Đàn bà là hay tắt mắt lắm. Chuyện hổ dữ chắc chỉ là chuyện đồn nhảm đại gì mà nghe thiên hạ. Nghĩ vậy lão xăm xăm vác quang gánh, cầm hái ra đi. Lũ hổ lâu nay sợ người đàn bà, không dám ra bìa rừng, nay thấy lúa vàng rực rỡ bèn rình mò xem hư thực. Hổ trắng đi trước dẫn đầu, gặp ngay phú ông. Phú ông vừa thấy hổ đã ngất đi và thế là cả đàn được bữa xâu xé no nê cái thân hình béo mập của lão phú ông tham lam, độc ác.

Anh cũng nhớ như in lời thầy dạy võ là bất kể trong trường hợp nào cũng không được rời mắt đối thủ. Anh giữ nguyên thế đứng, tập trung nhãn lực rọi thẳng vào đôi mắt to, có những tia tím đỏ của mãnh hổ. Một khắc trôi qua. Mãnh hổ nhắm mắt trái, tập trung nhãn lực vào mắt phải. Lê Văn Thịnh thấy nhúc nhút nơi thái dương. Đôi chân lạnh cứng run lên. Nếu anh gục ngã Bạch hổ sẽ lao tới, cha mẹ anh chắc ruột gan đang còn cào móng ngóng. Anh hít một hơi thật dài, thật êm, điều hòa khí huyết rồi vận công lực làm ấm đôi chân, vận nội công lên mắt tập trung nhìn sâu vào huyết ấn đường giữa hai mắt hổ. Cái đuôi vằn Bạch hổ từ từ hạ xuống, mắt trái mở ra thay cho mắt phải. Thời khắc chậm chạp trôi. Lê Văn Thịnh rét cóng, lại ở tầm thấp không thể tấn công. Hổ ngồi cao chiếm thế thượng phong nhưng kinh hoàng trước đôi mắt sáng quắc sắc lạnh như ánh gươm thần chết. Loài hổ là chúa sơn lâm có sức mạnh phi thường, nanh vuốt sắc nhọn và những miếng võ bẩm sinh hiểm hóc, nhưng lại rất sợ sự bất biến, trơ lì. Vì thế đã ngót nửa canh giờ chưa bên nào dám động thủ, ánh mắt cũng không dám rời nhau.

Bạch hổ mở choàng hai mắt, đầu rướn cao, phản ngực rung rung, cái đuôi vằn lại giương lên cong vút. Có lẽ chỉ trong chớp mắt chàng trai Lê Văn Thịnh sẽ nát bét trong vuốt nanh mãnh hổ. Nhưng thật lạ kỳ, như hổ trắng đầu đàn trong câu chuyện mẹ kể. Cái đuôi quật mạnh sang trái, Bạch hổ ngoặt người vọt khỏi tảng đá, gầm lên một tiếng uất hận, cây rừng rung chuyển, mặt nước Dâm Đàm xao động. Bạch hổ biến thẳng vào rừng kéo theo những cơn lốc ào ào như bão.

Tất cả cảnh ấy diễn ra giữa âm u rừng đại ngàn, tưởng chỉ có cây rừng và chim muông chứng kiến. Nhưng ngay phía trên tảng đá lớn, nơi Bạch hổ rình mồi, giữa chạc ba cây lim già người con trai vạm vỡ có đôi mắt xé ngược kỳ dị quê làng Công Thụy trang Quảng Đức lúc đầu run lên cầm cập, càng sau càng hào hứng chiêm ngưỡng cảnh đấu nhãn lực giữa hổ và người. Thời khắc cuối cùng người ấy rung rờ kinh ngạc, tự tay cấu vào đùi mình xem thực hay mơ. Người ấy nhìn thấy Lê Văn Thịnh rùng mình rồi biến thành Bạch hổ, gầm gừ như sẵn sàng lao lên quyết chiến cùng hổ thật. Không lẽ chàng trai kia lại là Tiết Nhân Quý tái sinh, hay người ấy nhìn gà hoá cuốc, sợ quá nên nhìn đâu cũng có dáng hình Bạch hổ? Khi thấy chúa tể rừng xanh

hoảng hốt bỏ đi, người ấy mới tin là mình không nhầm. Chàng trai kia chính là Bạch hổ hoá thân hay là đạo sĩ tài ba đã tu luyện phép biến người thành hổ? Người ấy vô cùng thán phục ngời ngậy ra, nhìn theo chàng trai vội vã lao lên dốc khuất dần trên con đường mòn hướng về xứ Bắc. Rồi người ấy chợt tỉnh, vội vàng tuột xuống đuổi theo, mong được nhận chàng trai làm sư phụ. Chàng trai đã mất hút trong những cánh rừng trùng điệp. Người ấy giậm chân, hậm hực chém mạnh chiếc rìu vào gốc lim già, thề rằng: "Không học được phép thuật, không thành đạo sĩ quyết không trở về".

*

Ngày hôm sau, Lê Văn Thịnh vượt qua những cánh rừng, qua sông Hồng, sông Thiên Đức tới đất Siêu Loại. Trước mắt Lê Văn Thịnh là cánh đồng mênh mông đầy lau lác và những bãi sậy um tùm. Trời sập tối tiếng dân làng gọi nhau í ới, bếp rạ đùn ra những vệt khói xanh lam ầm ập.

Nhiều đĩa đèn dầu lạc, dầu trám đã được khêu lên. Lê Văn Thịnh tạt vào một ngôi nhà, có cái ngõ rất dài, hai bên là hai rặng găng được cắt xén khéo léo, tỉ mỉ. Một cụ già tóc bạc trắng chống gậy ra mở cửa.

- Quý khách hỏi ai?

- Thưa cụ, cụ cho con hỏi từ đây vào trang Đông Cứu bao xa? ở ngã tư dưới gốc cây đa ngoài đường, ngã nào sẽ đi về Đông Cứu ạ?

Cụ già ngẩng nhìn Lê Văn Thịnh, đưa tay vuốt bộ râu dài, hỏi:

- Anh là người Đông Cứu?

- Dạ. Thưa cụ, vâng ạ.

- Đây về Đông Cứu khoảng vài chục dặm, chỉ vài ba canh giờ là tới. Nhưng bây giờ trời đã tối. Nhà lão tuy nghèo, chật chội cũng có thể lưu tiếp anh một đêm. Sáng mai lão sẽ chỉ đường để anh về Đông Cứu.

- Con cảm ơn cụ. Nhưng nội nhật đêm nay con phải về nhà, vì cha mẹ con đang hấp hối, con lại là con độc nhất. Lỡ cha mẹ con có mệnh hệ gì, con về chậm e lỗi đạo. Con chỉ xin gia đình có gì ăn được để tạm cho con chút ít. Đã hai ngày con chưa có gì vào bụng.

- Trời đất! Sao anh không nói trước? Vừa may cơm chiều đã chín, mời anh vào nhà xơi tạm.

Mâm cơm được cô cháu gái cỡ tuổi cập kê bung lên chiếc phản gỗ lim đen bóng. Trên mâm có bát canh tập tàng rau rệu, mùng tơi, mảnh bát nấu với trứng cáy và bát chuối om lươn. Chiếc niêu đất Quảng Hà tròn vo mới mở vung đã thơm ngát mùi cơm gạo tám hạt dài trắng muốt. Lúc sau cô gái còn bung thêm một đĩa cà nén xé từng múi vàng ươm và đĩa dưa củ chưa ngả hết màu. Cụ với tay lấy hai cái chén, xách từ trên bàn thờ xuống nằm rượy. Cụ mời:

- Nào, tráng sĩ, mời tráng sĩ một chén gọi là duyên phận gặp nhau.

- Con xin mời cụ. Nhưng con chỉ là một học trò nghèo, bất tài, đâu đáng để cụ gọi là tráng sĩ.

- Anh không biết đó thôi. Nhà ta đã năm đời dạy học và nghiên ngẫm kinh dịch, tướng số. Ta biết tối nay ta được gặp quý nhân. Cái dáng cộc ngời, đôi tay dài, tai to, mắt sáng như có hai đồng tử đã báo với ta là anh văn võ kiêm toàn. Cái chấm bạc nơi đầu mắt kia mách ta anh vừa trải qua một cơn nguy hiểm. Rồi anh sẽ nổi danh thiên hạ, nhưng...

- Thưa cụ, xin cụ nói tiếp. Con sẽ gặp những trắc trở gì?

- Con có thể cho ta biết rõ giờ và ngày tháng năm sinh?

- Con sinh chính Ngọ, ngày 11 tháng 2 năm Canh Dần.

Cụ già chuyển thế ngồi. Hai bàn chân vắt lên hai đùi, mắt hướng thẳng vào Lê Văn Thịnh, thông thả nói:

- Con tuổi Dần, sinh giờ Ngọ, tháng 2 tháng Kỷ Mão là người có kỳ tài, tài trí hơn người, lập

được đại nghiệp, giúp nước, giúp đời. Nhưng con rơi vào ngày Canh Ngọ, cung mệnh có tướng tinh phải đề phòng bọn tiểu nhân ghen ghét, tìm cách ám hại. Gặp các năm Ngọ, Sửu vạn sự hanh thông, đại cát. Năm ất Sửu con đạt tới tột đỉnh vinh quang, nhưng như người đứng trên đỉnh núi lắm bão táp phong ba chưa biết bị đẩy xô lúc nào xuống vực. Gặp các năm Dần, Thân, Thìn, Tý phải hết sức cẩn trọng, nhất là năm Tý. Con đứng chữ Canh dễ phải sống một mình, cô độc lúc tuổi già. Năm Tý luôn là khởi điểm của một đại hạn...

Ông cụ ngửa cổ cười một tiếng, rồi buông một câu cảm thán: "Ôi! Thương thay!" khiến Lê Văn Thịnh lạnh toát người. Nhưng anh lại nghĩ: Đời người như dặm đường dài, số mệnh bắt người ta phải đi hết con đường đã bày sẵn những chướng ngại, vượt qua hay không lại tùy ở mỗi người. Con người vẫn có thể vượt lên số mệnh. Lê Văn Thịnh chấp tay:

- Con xin đa tạ những lời chỉ bảo của cụ. Sau này nhất định con sẽ tìm đến nhờ cụ chỉ bảo. Còn bây giờ...

Cụ vội đón lời:

- Bây giờ con hãy xoi cơm, rồi kịp lên đường. Với con, năm Thân đối xung, vui ít buồn nhiều. Ta không mong thế, nhưng nhân gian chữa được bệnh chứ ai thay được mệnh. Thôi, mời con.

Cơm nước xong Lê Văn Thịnh rút mấy hào tiền Minh Đạo xin gửi cụ già. Cụ nhất định

gạt đi:

- Ta sắp gần đất xa trời, được gặp quý nhân đã là hãnh ngộ. Mong sao khi thành đạt con đừng quên đất Siêu Loại, đừng quên những người chân lấm tay bùn. Vì đạo hiếu con quyết ra về ta không dám giữ, nhưng bọn thảo khấu miếu Âm Hồn giữa cánh đồng Thập Điện con quyết không được coi thường. Nhớ rằng Địch Quốc Trung còn có biệt danh là "Quý khát" có thể uống hết máu huyết một người cùng cả vò rượu lớn.

- Vâng. Con sẽ cẩn trọng. Con cảm ơn cụ. Sắp sang năm mới con xin kính chúc cụ thọ mãi cùng núi sông, sáng suốt như vàng nhật nguyệt.

Cụ cười ha hả, gọi cô cháu gái dẫn Lê Văn Thịnh ra đường lớn, chỉ đường về Đông Cứu.

Cô gái khép tà áo đi trước. Đến gốc cây đa cô đưa tay chỉ về hướng đông, lý nhí:

- Em chúc anh thượng lộ bình an.

Lê Văn Thịnh nhìn theo hướng tay cô chỉ, thấy một ngôi miếu mới xây, lập lòe đèn hương, mới hỏi:

- Ngôi miếu kia dân làng xây để thờ ai vậy?

Cô gái giọng đượm buồn, trả lời rất khẽ:

- Dạ. Đó là miếu thờ nàng Sen.

- Nàng Sen? Tức là vị nữ thần này còn rất trẻ?

- Vâng. Bà là ái phi của đương kim Hoàng thượng. Nghe nói bà bị chết đuối lúc mới tròn 18 tuổi, lại vào giờ linh nên thiêng lắm. Người tử tế cầu gì được nấy. Bà còn vun vén cho những người thật sự yêu nhau mà trắc trở...

Nói tới đó cô gái mặt nóng ran, đôi má đỏ ửng, cũng may trời tối, Lê Văn Thịnh lại mãi nhìn ngắm ngôi miếu nên không để ý. Lê Văn Thịnh rút ra một hào Minh Đạo bảo:

- Phiền nàng mua giúp tôi một thẻ hương. Tôi muốn làm lễ kính Bà.

Cô gái không cầm tiền, miệng bảo: "Đợi em", chân đã chạy biến vào trong ngõ. Lúc sau cô chạy ra, trên tay cầm thẻ "Thiên hương" chưa đốt đã tỏa mùi thơm thoang thoảng. Lê Văn Thịnh bảo:

- Đi. Ta cùng vào làm lễ Bà.

Cô gái lại một phen mặt đỏ bừng, nhưng không tiện từ chối. Hai người vào đền thành tâm dâng hương, mỗi người đều thầm nói ra những lời gan ruột. Rồi Lê Văn Thịnh tròng mắt nhìn cô gái:

- Xin cảm ơn nàng. Lần nữa tôi xin cảm tạ ông nàng. Nếu có duyên sẽ có ngày gặp lại.

Cô gái cúi đầu e thẹn. Lê Văn Thịnh bước những bước dài.

*

Càng đi sâu vào cánh đồng Thập Điền đường càng nhỏ. Những bụi dứa dại, những lùm gai xấu hổ lan khắp mặt đường. Cánh đồng cuối năm thâm sì trơ gốc rạ. Từ khu bãi sậy, bãi lau còn trũng rền rĩ, thi thoảng như véo von điệu nhạc sáo diều.

Gần tới miếu âm Hồn, Lê Văn Thịnh dừng lại, buộc chặt chiếc bị cói, quấn lại chiếc khăn, hít một hơi thật dài, căng mắt nhìn vào lùm cây rậm rạp. Đôi mắt tinh sáng của Lê Văn Thịnh phát hiện những bóng người lố nhố, tay còn tay kiếm. Lê Văn Thịnh bước nhanh hơn, cất tiếng đồng dặc:

- Có phải Địch Quốc Trung thì ra đây để ta nói chuyện.

Đèn bật sáng. Một người lo lớn, mắt xếch, tay giơ cao cây thiết bổng đen sì, quay tít một vòng, nhảy ra. Tiếng nói lơ lơ ngọng nghịu, âm âm như tiếng sấm:

- Kẻ nào chán sống dám réo gọi tên ta? Người không biết cây thiết bổng Tôn Ngộ Không đại thánh đã trao lại cho ta khi ngài về Tây Trúc sao?

Nhìn thấy Lê Văn Thịnh, Địch Quốc Trung cười khanh khách:

- Tưởng đại ca nào hóa ra một thằng nhóc chưa sạch máu đầu, miệng còn hơi sữa. Thôi, hôm nay ta vui, ta tha cho. Nhưng cái bị kia thì để lại.

Lê Văn Thịnh mỉm cười. Những kẻ to mồm thường là những thằng khuếch khoác, nhát gan. Lê Văn Thịnh sát mặt Địch Quốc Trung, nói nhẹ:

- Địch Quốc Trung. Ta thấy người dáng dấp trượng phu, anh hùng hảo hán, có sao mang tài sức hơn người đi làm thảo khấu, bôi nhọ thanh danh tiên tổ, để lại tiếng xấu muôn đời.

Địch Quốc Trung lại cười vang:

- Ta làm gì có gia đình, tổ tiên mà sợ bôi nhọ thanh với chả danh. Còn xấu hay tốt là người đời

thích gán gì thì gán. Ta thấy người nhỏ tuổi mà ăn nói đàng hoàng, ta cũng có lòng quý trọng. Nhưng hảo hán hay không phải coi cây côn, thanh kiếm. Hãy đứng vững mà tiếp chiêu.

Nói rồi Địch Quốc Trung vung cây thiết bồng đánh một đòn bổ thượng. Lê Văn Thịnh bình tĩnh né người. Cây thiết chưa chạm đất, Địch Quốc Trung đã quay thiết đánh đòn quét chợ. Lê Văn Thịnh nhún người. Cây thiết đánh xuống mặt đường in vào phiến đá toé lửa, đất đá bay vèo vèo. Cứ thế cây thiết bổ bổ thượng, tạt trái, quay phải tạo những luồng khí ràn rạt, vù vù. Lê Văn Thịnh nhẹ nhàng né tránh. Anh thấy Địch Quốc Trung ra đòn rất mạnh, thần tốc nhưng không hiểm chứng tỏ tên cướp này vẫn còn nhân tính. Lượng một thể thuận trái, Lê Văn Thịnh áp sát tóm gọn gốc côn, ân cần dỗ dành:

- Thôi. Cây thiết bồng của người không dụng được tới ta đâu. Tốt nhất nên nói với nhau những điều phải trái.

Địch Quốc Trung chùng như thấm mệt, thu ngay thiết bồng, nói lớn:

- Khá lắm. Nhưng tại sao chú em không xuất chiêu?

- Người là tướng cướp, người thích giết người cướp của, chứ ta đâu muốn thế. Đúng ra giết người để trừ hại cho dân cũng là việc tốt, nhưng ta tiếc công cha mẹ người đã sinh thành dưỡng dục một cơ thể cường tráng, anh hùng. Ta muốn người phải là người có ích.

- Có ích cho ai? Cả nhà ta bên kia đã bị bọn quan quân nhà Tống giết hại. Ta không có cách trả thù. Lưu lạc sang đây ta lại bị người Đại Việt khinh khi. Chả đi ăn cướp người bảo ta lấy gì mà sống?

- Có chí thì có khí, có khí ắt có vận. Vận do trời và cũng do người. Đại Việt có câu "ở hiền gặp lành", "Gieo gió gặt bão". Trời không cấm ai làm phúc. Người hãy nghe ta. Còn giờ đây cha mẹ ta đang hấp hối, ta phải về để kịp trông thấy mặt người. Người có thể để cho ta đi không?

Địch Quốc Trung ngờ ngác. Đám lâu la từ nãy chứng kiến cảnh giao đấu: bên có vũ khí ra đòn quyết liệt, bên tay không nhẹ nhàng hóa giải, trong lòng rất khâm phục, nay lại nghe chàng trai nói cha mẹ đang hấp hối thì đều thương cảm, chạnh nhớ tới cha mẹ, gia đình. Địch Quốc Trung vẫn đứng như trời trồng, mặt quay về phương Bắc. Rồi bằng thứ tiếng Quảng Tây như người đầy lưỡi, Địch Quốc Trung kêu lên:

- Cha mẹ chú em đang hấp hối ư? Cha mẹ ta làm gì có thời khắc nào mà hấp hối. Họ không muốn đem quân đi đánh Đại Việt, bị vu là thoán nghịch, ghép tội khi quân, họ chết dưới lưỡi đao đao phủ đang thời sung sức. Anh em ta phải phiêu bạt sang đây. Người Đại Việt không tin ta, suýt nữa ta cũng mất đầu dưới lưỡi gươm thù hận. Ôi, ta thêm được thấy mẹ cha hấp hối lúc tuổi già! - Rồi Địch Quốc Trung nói to bằng tiếng Việt - Thôi, người đi đi. Đi đi!

Lê Văn Thịnh chắp tay từ biệt. Bỗng Địch Quốc Trung lao tới nắm cánh tay anh:

- Tráng sĩ. Tráng sĩ có thể cho kẻ bất hạnh này biết quý danh, quê quán?

- Ta là Lê Văn Thịnh, người làng Bảo Tháp, trang Đông Cứu, bên Gia Định.

Địch Quốc Trung thò tay vào túi, lấy ra một bọc tiền:

- Ta lòng thành, có chút quà để tráng sĩ thêm thắt thuốc thang cho phụ mẫu. Mong tráng sĩ nhận cho.

Lê Văn Thịnh kiên quyết từ chối. Địch Quốc Trung quỳ xuống nói rằng: Nếu Lê Văn Thịnh không nhận quyết không đứng dậy. Lê Văn Thịnh nghiêm mặt:

- Địch Quốc Trung! Ta biết người lòng thành, nhưng số tiền này là mồ hôi, nước mắt và cả máu

của bao dân lành. Ta không thể nhận số tiền tanh tươi ấy.

Địch Quốc Trung bật khóc, hắn không thể giải thích rõ cho Lê Văn Thịnh rằng hắn chỉ cướp của những kẻ giàu có, của bọn quan lại chuyên bóc lột dân lành; vì hắn biết rằng Đại Việt đang hưng thịnh, người như Lê Văn Thịnh rồi sẽ làm quan, sẽ trung thành vô bờ bến với triều đình, sẽ bênh vực cho đội ngũ quan nhà. Hắn đành áp ứng thừa nhận:

- Ta biết. Tráng sĩ nghĩ vậy là đúng.

Nói rồi đứng phắt dậy, rút từ ngón trở ra chiếc nhẫn kim cương, giọng thiếu náo:

- Bao năm làm cướp, dễ mấy lần được gặp tri âm. Đây là chiếc nhẫn mẹ ta khi lên đoạn đầu đài đã trao lại cho ta, dặn rằng phải rèn ý chí mà rửa hận. Nhưng ta đã trái ý người. Ta xin trao lại cho tráng sĩ, gọi là chút tình của kẻ giang hồ.

Lê Văn Thịnh chần chừ, rồi đưa tay nhận nhẫn, giọng đầy cảm khái:

- Ta xin đa tạ. Ta hứa sẽ làm hết sức mình để đừng ai rơi vào cảnh như phụ mẫu của người, để hai dân tộc Việt - Tống sống bên nhau đời đời như hai người bạn. Xin cáo từ!

*

Bảo Tháp chìm trong màn sương trắng đục. Ngọn Thiên Thai sừng sững ửng lên màu đỏ hoa đào khi những tia nắng hiếm hoi đầu tiên xuyên vào sườn núi. Chuông chùa trên núi Thiên Thai chảy dài xuống những ngọn tre. Tiếng mõ khô khốc đổ dồn. Đĩa dầu trầm khô dần. Hai giường hai ông bà Lê Văn Thành và Trần Thị Tín vẫn nặng nhọc kéo từng hơi thở. Đám học trò học chữ, học thuốc vẫn bó gối ngủ gà ngủ gật trong những ổ rơm rải ngay dưới giường hai ông bà.

Giường bên, bà Tín bỗng nấc lên, ú ớ

"T... h... ị... nh, con đâu?". Đám học trò vùng dậy. Bà Tín nấc lên mấy nấc, ngheo đầu ra cửa, mắt mở trừng trừng. Tia nắng đầu tiên rơi vào mặt bà. Bà hấp háy nhìn ra, bỗng reo lên: "Con, con tôi", cánh tay gầy guộc giơ lên như vẫy gọi. Đám học trò và những người thân quen tức trực vẫn nghĩ bà như mọi ngày, sáng nào cũng mơ cậu khóa Thịnh trở về. Nhưng tia nắng ban mai đang chiếu vào mặt bà biến mất. Bóng một chàng trai ào tới dẫm ướt sương đêm.

- Mẹ, mẹ ơi! Con đã về đây. Con của mẹ đã về đây.

Bà ú ớ. Trên khuôn mặt dẫn đeo gầy guộc bỗng ửng lên một nụ cười. Cánh tay bà rơi xuống đúng vào khuôn mặt chữ điền của Lê Văn Thịnh. Cánh tay bất động, lạnh giá. Bà Tín thanh thản ra đi đúng lúc hồi chuông cuối cùng vừa ngất. Lê Văn Thịnh lay gọi mẹ. Nước mắt anh thấm ướt ngực áo lép kẹp của bà. Người ta xô vào vực anh dậy. Giường bên ông Thành ú ớ gọi một cái tên. Lê Văn Thịnh nhớ ra là bố cũng đang trong cơn hấp hối. Anh chạy sang với bố. Ông Thành kéo con áp sát ngực mình tự dưng nói năng lưu loát như ông vẫn giảng bài cho bọn nho sinh:

- Con đừng khóc nữa. Sinh, lão, bệnh, tử, xưa nay ai trốn khỏi cầu này. Khi bố mẹ qua đời con hãy đặt chúng ta song đôi trên sườn phía tây núi Đình Quan, dưới tảng đá có hình con quỷ. Con bảo anh em môn sinh đào sâu ba thước bảy. Chôn xong lấp bằng tưới nước cho cỏ lên xanh và nhớ là không được cải táng. Sau khi cha mẹ mất con hãy thay cha dạy dỗ đám học trò, chớ để chúng trở lại kiếp mù loà chữ nghĩa. Thôi, con sang với mẹ. Còn ba ngày nữa bố mới ra đi. Bố còn một điều hệ trọng phải nói với con.

Chiều hôm ấy dân làng Bảo Tháp đã đủ mặt tại nhà ông Thành. Đám học trò khiêng về cỗ quan tài nguyên khúc thân một cây hồ đào. Sau lời điệu do chính cụ trưởng làng thống thiết ngâm đọc, trống đại nổi lên ba hồi chín tiếng, thanh la, võng bặt vang lừng, tiếng kèn ai oán réo rắt

cất lên. Đám học trò quỳ lạy rồi cùng nhau nâng nhẹ cụ bà đưa vào linh cữu. Tắm thân khô đét bị bó cứng thẳng đuột như cây thiết bồng của cụ bà Trần Thị Tín được đặt gọn trong khúc gỗ hồ đào. Thế là nhất ư? Khởi thủy con người đã mang hình chữ nhất, khi ra đi, hay theo nhà Phật là lúc trở về lại mang hình chữ nhất sau cả chuỗi dài cuộc đời sinh, lão, bệnh, tử, cả chuỗi những suy tư hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục. Với người đàn bà còn phải cầu may, mười hai bến nước biết chọn đâu được bến neo đậu cho cả cuộc đời. Lê Văn Thịnh quỳ xuống, hai cánh tay dài sần chắc ôm lấy mẹ. Đã một lần anh chứng kiến mẹ anh kinh hãi nằm thẳng đuột dưới sàn nhà. ấy là khi anh còn học ở nhà. Ông Lê Văn Thành quá ư nghiêm khắc bắt anh học thuộc một trăm trang sách trong đêm. Đã quá canh ba, mẹ lo lắng thấy buồng anh vẫn chong đèn. Bà lo anh đói, lo anh rét, lo anh ốm. Anh chưa tròn chín tuổi, cái tuổi đáng ra còn được mẹ bế ẵm, chăm bẵm. Bà rón rén mở cửa phòng. Không hiểu sao bà ngã vật ra mê man bất tỉnh. Anh luống cuống gọi cha, luống cuống nâng đầu mẹ dậy. Sau này mẹ bảo mẹ trông thấy ông Bạch hổ đang trườn lên anh như muốn xé anh ra hàng trăm mảnh. Chỉ cần mấy cái bầm nhẹ của cha, mẹ đã tỉnh, tức tưởi ôm lấy anh vừa khóc vừa cười. Còn giờ đây bà đã vĩnh viễn ra đi, vĩnh viễn ẩn mình trong lòng khúc cây hồ đào, thứ cây thẳng băng, tán lá sum suê bốn mùa xanh mượt.

Mọi người phải gỡ tay anh. Anh ngửa mặt lên trời than khóc. Tắm ván thiên sập xuống. Anh vĩnh viễn mất người mẹ thân yêu. Cha anh, ông Lê Văn Thành đòi anh vực dậy. Ông lập cập đến trước linh cữu bà, lẩm bẩm:

- Bà ơi! Bà đi trước chờ tôi. Tôi còn chút việc phải làm. Tôi phải cho con chúng mình biết rõ gốc gác tổ tông. Rồi tôi sẽ đến với bà. Trên núi Đình Quan chúng ta sẽ chứng kiến những bước thăng trầm của đứa con yêu quý. Bà ơi, thiên cơ bất khả lộ, tôi lo lắng, đau đớn. Cuộc đời của con mình sẽ tốt đẹp vinh quang nhưng cũng đầy trời oan nghiệt. Tôi với bà không được tan biến, phải cùng nhau theo gót nó suốt đời...

Tiếng ông lúc bổng lúc chìm, lúc mờ lúc tỏ, tan loãng trong điệu kèn nam ai oán. Rồi ông lạy bà hai lạy. Hai hàng nước mắt túa ra đọng trên hõm má sâu đen, ánh lên như hai giọt thủy ngân, lấp lánh bóng hình cô thôn nữ bên kia dòng Thiên Đức.

Đêm ấy Lê Văn Thịnh nằm phục bên linh cữu mẹ. Nửa đêm ông Lê Văn Thành cho gọi.

Ông bảo anh bê cái tráp sơn son trên bàn thờ. Lúc này tiếng kèn đã dứt. Những người thân, hàng xóm láng giềng và cả đám học trò đã nằm tằm vào một góc ổ rơm chờ ngày mai đưa cụ bà về nơi an nghỉ cuối cùng.

Dưới đáy tráp có quyển sách bìa bằng tấm da dê màu vàng xỉn. Ông Thành run rẩy sờ khắp bốn góc, bảo Lê Văn Thịnh:

- Đây là cuốn Gia phả. Bố sẽ kể cho con những điều không ghi trong đó.

Rồi ông thì thào kể về gốc tích của mình.

*

Ngày ấy cách đây tám mươi tám năm, Thập đạo tướng quân đang luyện thủy binh ở Lục Đầu Giang thì nhận được chiếu thư của Hoàng Thái Hậu Dương Vân Nga. Chiếu thư có đoạn: "... Từ khi Hoàng đế qua đời, vua nhỏ, ta đàn bà buông rèm nghe chính sự, biết nghe mà không biết phán. Trong triều gian thần lấn át, bọn Ngô Nhật Khánh lắm le rước quân Chiêm về giày má tổ. Tổng Thái Tông nghe bọn Hâu Nhân Bảo đã cử Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trưng, Giả Thực hội quân chờ ngày xâm phạm cõi bờ Đại Cồ Việt. Xã tắc đang lâm nguy, sơn hà bị đe dọa. Ta xem trong trời đất chỉ có khanh là bậc chí nhân, chí dũng, chí tín, chí nghĩa. Khanh hãy vì sơn hà xã tắc, cũng vì ta mau trở lại kinh thành. Ta hẹn gặp khanh tại điện Thái Bình trước giờ Ngọ ngày vọng tháng mạnh thu". Thập đạo tướng quân hướng về kinh đô làm lễ bái tạ rồi nhanh chóng sắp đội kiêu binh đi đường Thiên Lý, còn mình đóng giả một tráng sĩ hào hoa tìm đường tắt kịp về kinh thành phụng chỉ.

Một buổi chiều ngựa của ngài qua làng Trầm có nghề ươm tơ xe chỉ. Mải nghĩ suy vận nước, ngựa băng qua giàn tơ làm đứt tung những sợi chỉ thâm sẫm tím. Cô gái xe chỉ dang tay trước đầu ngựa:

- Quân tử nhìn xa trông rộng, nhưng không thể bỏ qua cái trước mắt. Tôi biết ngài đang mải mưu đại sự nhưng có gì lại không thấy những mảnh tơ? Có làm đến công hầu khanh tướng, đến Thiên tử cũng không nên chỉ mơ quyền quý cao sang mà quên mất dân đen khó nhọc.

Thập đạo ngạc nhiên. Không ngờ nơi thôn dã lại có người con gái nhìn thấu ruột gan kẻ khác, lại đoán trước những sự sẽ xảy ra.

Thập đạo xuống ngựa, kinh ngạc thấy hai hàm răng cô gái trắng muốt, đều tăm tắp. Thiên hạ thường giấu cợt, phỉ báng những kẻ không chịu nhuộm răng, coi đó là những quái nhân, hiện thân của ma tà, của cái ác. Nhưng cô gái này lại hiện rõ vẻ lạnh lợi, thông minh, lại mặn mà tươi tắn. Thập đạo lúng túng tìm tiền bồi hoàn cho những sợi chỉ đứt tung vương đầy mặt đất. Nhưng tìm mãi cũng chẳng được một cắc Thái Bình. Thập đạo liền cởi chiếc đai lưng thêu cảnh quần tiên tụ hội đưa cô gái. Cô gái lắc đầu:

- Đây là vật của những bậc cao sang. Thiếp chỉ là cô gái quê mùa, quanh năm ươm tơ xe chỉ. Chàng hãy đi đi. Nhớ rằng mai sau thành đạt đừng quên những người như thiếp.

Dùng dằng. Kẻ không nhận, người cố trao. Bóng chiều đã khuất. Thập đạo đành hỏi thăm nhà trọ. Cô gái bảo:

- Nếu chàng không chê, nhà thiếp gần đường, cửa mở đông nam có thể giúp chàng bớt đi cái nóng mùa hè.

Đêm ấy Thập đạo ngồi trên chõng tre nghe cuộc đời đau thương đầy bất hạnh của cô: Cô chính là người con gái cuối cùng của sứ quân Lý Khuê, người đã bị truy lùng để triệt đi mầm họa. Cách đây mười ba năm, lúc đó Thập đạo còn là tướng tiên phong của Đinh Bộ Lĩnh, trong trận đánh sinh tử trên đất Luy Lâu giữa hai xứ quân, Lý Khuê đã bị Lê Hoàn chém ngang thân ngay trên mình ngựa. Cô bơ vơ trong đám loạn quân, không ai dám chứa chấp, sợ vạ sát thân. Cô xinh đẹp nhưng không ai dám cưới cô làm vợ vì sợ không xứng, sợ mầm phản loạn, còn vì cô khí phách ngang tàng.

Dưới ánh trăng, Thập đạo đánh rơi giọt lệ, khe khẽ trút một tiếng thở dài. Ôi, thời tao loạn, ông hoàng bà chúa, hảo hán anh hùng khiến bao cuộc đời, bao thân phận bị vùi dập đón đau. Thập đạo nhìn sâu vào đôi mắt ánh lên như có lửa của cô gái, bất giác sờ tay vào thanh bảo kiếm. "Nếu cô biết chính ta là người đã giết cha cô, cô sẽ xử sự thế nào? Ta có cần diệt cỏ diệt tận gốc hay không?". Đúng lúc ấy nước mắt cô gái đã mười ba năm dồn nén, giờ như được khai thông ồ ạt trào ra. Cô nức nở gọi cha, nức nở kêu trời, trách phạt. Thập đạo sưng sờ. Ngài lại gần cô. Hai bờ vai cô vẫn rung lên. Hai cánh tay Thập đạo mạnh mẽ ôm cô vào lòng. Cô yên phận tin tưởng nép mình trong đôi tay mạnh mẽ. Đêm ấy mưa gió sục sùi, hạnh phúc và đón đau xen kẽ khiến cô như tỉnh như mơ.

Sáng hôm sau Thập đạo nói thật thân thể của mình. Cô vội quỳ xuống:

- Thiếp có mắt như mù. Đêm qua đã mấy lần thiếp mơ thấy được rồng vàng ấp ủ. Thiếp tin là tướng quân nay mai nhất định sẽ là vị vua hiền.

Thập đạo vội lấy tay ngăn không cho cô nói tiếp, rồi dặn rằng:

- Ta phải về triều hầu Hoàng Thái Hậu. Đêm qua vì cảm tấm lòng của nàng ta đã nhãng sao việc nước. Tội đáng muôn chết. Nhưng ngẫm lại cũng là do duyên trời định. Nếu cuộc hợp cần đêm qua kết quả, sinh con trai nàng hãy đặt tên là Lê Tàng. Tàng bên phải có bộ qua, vì ta đang lo đất nước khó tránh khỏi can qua, lại giấu nàng tung tích. Vả lại ta muốn sau này con cháu sẽ lập

được võ công hiển hách giúp nước, giúp đời. Nếu thuận ta sẽ tìm nàng. Nếu ta không tới, nàng hãy vì ta mà giấu biệt tung tích, kéo con ta gặp vạ sát thân. Ta có lỗi với nàng, mong nàng hiểu thấu lòng ta. Nàng cứ giữ lấy chiếc đai lưng như mối ân tình. Còn đây là miếng ngọc bội chiến lợi phẩm khi đánh giặc Chiêm Thành, ta gửi nàng làm vật truyền đời. Thôi, ta phải gấp rút hồi triều.

Chín tháng sau Lê Tàng ra đời. Cô gái bị dân làng đuổi khỏi làng Trầm, phải ra miếu Âm Hồn nuôi con, chờ ngày tướng quân Thập đạo nay đã là đức Vua Đại Hành trở lại. Lê Tàng càng lớn càng khôi ngô, giống hệt tướng quân Thập đạo. Mười tuổi mẹ cho Lê Tàng theo học cụ đồ Thành làng Lạc Thổ. Cạnh nhà cụ đồ Thành có nhà đình trưởng họ Vương, gia thế phong lưu, thương kẻ hiền tài. Năm mười tám tuổi Lê Tàng được đình trưởng gả Vương nương tử, cho ở rể, ba năm sau được chính thức nhập cư. Năm Canh Tý Vương nương đẻ sinh đôi, bà nội đặt tên anh là Lê Tang, em là Lê Tài. Một buổi chiều tháng ba năm ất Ty, bà gọi Lê Tàng vào nhà, kể hết gốc tích, dặn dò tỉ mỉ, thắt chiếc đai quần tiên hội tỵ, bẻ đôi miếng ngọc bội đeo vào cổ hai cháu nội, rồi không bệnh cứ thế qua đời. Chính ngọ hôm đó tại kinh đô Hoa Lư đức Vua Lê Đại Hành cũng không bệnh mà tạ thế thọ sáu mươi lăm tuổi. Hai mươi tư năm trị vì nước Đại Cồ Việt, để lại bao võ công hiển hách, đức trạch tưới nhuần khắp con dân nước Việt. An táng xong cho mẹ, mấy lần Lê Tàng định tìm về Hoa Lư thọ tang cha, nhưng nhớ lời mẹ dặn, lại nghe Long Đĩnh tàn ác bất lương nên còn chần chừ. Đến khi Tả thân vệ Điện liên chỉ huy sứ Lý Công Uẩn được triều thần tôn lên làm vua, lập ra triều Lý, lại dời đô về Đại La thì Lê Tàng hoàn toàn từ bỏ ý định tìm về nguồn cội. Cuối năm Canh Tuất Lê Tang, Lê Tài mới mười tuổi nhà đình trưởng bị giặc cướp Hắc Phong đột nhập, giết chết cả nhà, Lê Tang, Lê Tài chui xuống gầm sập rồi lườn qua ống thoát nước chạy được ra ngoài. Trời rét, đêm tối, hai anh em lạc nhau ở giữa cánh đồng. Lê Tài đi xuôi theo dòng Thiên Đức đến sáng thì tới chân núi Thiên Thai.

Đó chính là ông nội con.

Giọng ông yếu dần: Còn bác Lê Tang không biết chạy hướng nào. Đã bao năm ông nội con, rồi đến bố ra công tìm kiếm, nhưng vẫn bật vô âm tín. Rằm vừa rồi bố nằm mơ thấy ông nội con báo mộng đến đời con sẽ gặp cháu nội của bác Lê Tang. Con nhớ là họ Lê ta từ đời cụ đặt tên đều có bộ qua bên phải. Chắc con cháu bác Lê Tang cũng sẽ theo lệ ấy.

Ông quờ tay vớ quyển gia phả, lật trang bìa rút ra một miếng ngọc bội màu xanh lam. Ông dặn:

- Con phải giữ nửa miếng ngọc bội này. Đây là báu vật gia truyền.

Ông ngược đôi mắt đờ đẫn nhìn sang gian giữa, nơi đang quản linh cữu của bà. Miệng ông mấp máy:

- Đợi, đợi tôi, bà ơi!

Hai mắt ông khép lại. Mặt ông bỗng hồng lên thanh thản đến lạ kỳ. Lúc đó dễ chừng đã quá canh tư, chớm đến giờ dần. Ông đã theo bà không phải sau ba ngày như ông nói, mà chỉ là ngày trước, ngày sau.

Lê Văn Thịnh không gào khóc nổi. Anh lại ngửa mặt lên trời, con mắt đại đi.

*

Hai cỗ quan tài bằng hai khúc cây hồ đào đặt song song. Người từ khắp nơi đổ về, lặng lẽ đặt một bàn tay lên mặt linh cữu, quỳ cả hai chân, cúi xuống như thì thầm cùng người chết. Bốn học trò đứng bốn góc, liên tục gật đầu đáp lễ. Sư Trí Cương trên chùa Thiên Thụ dán tờ giấy đỏ vẽ đầy chữ Phạn vào đầu khúc hồ đào. Có giấy này ông bà Lê Văn Thành sẽ dễ dàng vượt qua chín ải vào địa phủ, qua sông Mê không mất tiền đồ.

Không tiếng khóc, đám ma kéo dài lặng lẽ. Gió mùa đông thổi tung những mái đầu xoa tóc, cái

trắng, cái đen. Hàng trăm bó đuốc bằng tre nửa được tẩm nhựa hồ đào, nhựa trám át cả những bụi mưa, sáng rực chạy quanh chân núi.

Sư Trí Cương cầm thiền trượng đi đầu. Đoàn học trò múa gậy mở đường cho linh hồn ông bà đường quang dậm thẳng. Chũm chọe giập theo nhịp bước. Thi thoảng kèn mới cất lên sau ba hồi trống đại. Đoàn người rùng rình như đứng im một chỗ. Ba tiến một lùi. Gần trưa mới tới huyệt, nơi đã đánh dấu bằng bốn lá cờ ngũ sắc.

Khi hai cỗ quan tài đã nằm chắc dưới đáy huyệt mọi người mới oà khóc. Họ dăn dò, cầu chúc, hẹn hò... Họ nói với người chết những lời thân thiết, như thể người chết chỉ đi trước tới nơi nào đó rất xa xôi, nhưng cũng rất yên bình.

Sư Trí Cương cúng nốt bài tiễn biệt. Sau cùng ông lấy giọng thống thiết đọc một bài thơ:

Trạch đắc long xà địa khả cư¹

Dã tình chung nhật lạc vô dư

Hữu thời trực thưởng vô phong đỉnh

Trường hiếu nhất thanh hàn thái hư

(Chọn nơi địa thế đẹp sông hồ

Vui thú tình quê quen sớm trưa

Có lúc trèo lên đầu chót núi

Kêu dài một tiếng lạnh hư vô).

II

Làng Mía thuộc đất Phong Châu, chuyên trồng mía kéo mật làm đường, là nơi đã sinh thành hai ông vua yêu nước thương dân, lập nhiều võ công hiển hách.

Năm Đinh Mùi ba anh em Phùng Hưng đã lãnh đạo nhân dân Phong Châu nổi dậy chống lại ách thống trị tàn bạo nhà Đường. Nghĩa quân bao vây Tống Bình khiến tên đô hộ sứ Cao Chính Bình lo sợ sinh bệnh mà chết. Phùng Hưng lên ngôi làm chủ đất nước một phần tư thế kỷ. Khi mất, nhân dân đã tôn ông là Bố Cái Đại Vương, nhiều nơi lập đền, đình thờ cúng. Đến năm Mậu Tuất nghe tin tên phản bội Kiều Công Tiễn rước quân Nam Hán về giày má tổ, Ngô Quyền - người con ưu tú làng Mía, đã kéo quân từ Thanh Hoá ra Bắc, tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Bằng ý chí và tài năng kiệt xuất Ngô Quyền nhanh chóng diệt Kiều Công Tiễn, đóng cọc cửa sông Bạch Đằng, giết chết tướng giặc Hoàng Thao, đại thắng quân Nam Hán, chấm dứt hơn nghìn năm Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập lâu dài cho dân tộc.

Làng Mía không những là đất hai vua đầy võ công hiển hách mà còn là đất nho, đất phật. Thầy Ngô ẩn nổi tiếng gia phong đức độ, văn võ toàn tài, thu hút hàng trăm nho sinh, võ sinh từ khắp nơi trong nước.

Thầy Ngô ẩn là cháu nội Ngô Nhật Khánh. Ngô Nhật Khánh là hậu duệ của Ngô Vương. Khi Ngô Xương Văn trúng tên độc chết ngay trên mình ngựa trong trận đánh dẹp bọn phản loạn ở Thái Bình, các thổ hào nổi lên xưng hùng. Ngô Nhật Khánh chiếm luôn mảnh đất quê hương làm nơi hùng cứ. Năm Đinh Mão bị Đinh Bộ Lĩnh thu phục lại gả công chúa Chúc Anh cho. Thế mà Nhật Khánh vẫn ôm mộng trả thù lấy lại ngai vàng cho dòng họ, nên đã đem gia binh, vợ con chạy sang Chiêm Thành chờ cơ hội. Năm Kỷ Mão do tranh giành ngôi vị mà Đinh Liễn giết em là Hạng Lang, Đỗ Thích bèn giết cả hai cha con Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Liễn ngay giữa Cẩm Đình. Ngô Nhật Khánh cho rằng thời cơ đã đến, bèn thuyết phục vua Chiêm cho mượn binh, theo đường biển về định đoạt lại Hoa Lư. Nhưng "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", binh thuyền của Ngô Nhật Khánh vừa tới cửa Đại ác, Tiểu Khang thì gặp bão lớn, thuyền đắm hết. Chúc Anh ôm đứa con trai năm tuổi, may mắn vớ được tấm ván dạt vào bờ, lần hồi về quê hương làng Mía ẩn cư sinh sống. Đứa bé năm tuổi đó là Ngô Nhật Khang.

Nhật Khang lớn lên thông minh khỏe mạnh, văn tài võ giỏi, theo Lê Long Tường làm đến chức Lữ Trưởng, sau theo hầu Long Việt, chơi với Lý Công Uẩn như anh em sinh đôi. Năm ất Tỵ vua Lê Đại Hành qua đời. Long Việt bị Long Đĩnh giết chết. Lý Công Uẩn nhờ Lý Nhân Nghĩa thuyết lý "Chấp gì cái hạt mận ấy" mà thoát chết. Còn Ngô Nhật Khang bị giết ngay trong phủ. Lúc đó ở làng Mía vợ Nhật Khang trở dạ sinh con trai, ông ngoại đặt tên là Ngô Nhật Khương. Khi hay tin Nhật Khang đã bị sát hại cùng vua Long Việt, cả nhà lo sợ Long Đĩnh "diệt cỏ diệt tận gốc" nên mẹ con Nhật Khương phải đổi tên họ chạy bạt lên mạn ngược. Bốn năm sau (năm Kỷ Dậu) Lê Long Đĩnh chết, Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ được triều đình tôn lên làm vua, mẹ con mới trở về. Lúc đó mẹ đã đổi tên Ngô Nhật Khương thành Ngô ẩn. Lớn lên nghe mẹ kể về ông nội. Ngô ẩn nói ngay: "Đấu tranh để giành lại ngôi báu còn được nhưng đi rước ngoại bang về là ông nội sai rồi. May mà trời có mắt". Có lẽ tấm gương của ông và bố khiến Ngô ẩn chán ghét cảnh quan trường nên mặc dù văn võ đều giỏi không kém gì cha, Ngô ẩn nhất định không chịu đầu quân, khi được mời ra làm quan cũng kiên quyết từ chối. Ông thường nói "Quan nhất thời, dân vạn đại".

Hôm ấy đã là mồng sáu tết Giáp Dần, làng Mía vẫn nhộn nhịp. Cái nhộn nhịp của một làng hơn bốn ngàn dân giàu có, lắm trai tài gái sắc khiến làng Mía như cánh rừng gập ghềnh đầy hoa quý. Còn cái nhộn nhịp của đất văn võ, đất học lại biến làng Mía như cánh Hoàng Thành. Riêng nhà cụ đồ ẩn còn có niềm vui riêng là năm nay cụ được thất tuần thượng thọ. ở cái tuổi "cổ lai hy" mà cụ vẫn quắc thước, khỏe mạnh, đôi cánh tay săn chắc vẫn nhắc nhở cố gắng, vẫn nâng bổng thanh đại đao gia bảo múa tít bài "Mai Hoa đao pháp".

Ngõ nhà cụ sâu hun hút được kết hoa, cách năm thước lại treo hai ngọn đèn lồng hai bên. Ngoài sân che rạp màu xanh da trời, kê thẳng tắp năm hàng bàn tượng. Giữa sân lơ lửng chiếc đèn kéo quân đang trưng diệp những đoàn người ngựa. Trong nhà, chính giữa là bức hoành phi sơn son thếp vàng "Quang tiền thủy hậu" (làm sáng người trước, để phúc người sau). Hai bên bàn thờ là đôi câu đối viết theo kiểu chữ triện:

Thư sơn hữu lộ cần vi kính

Học hải vô nhai khổ tác chu

(Núi sách có đường chăm dọn lối

Biển học không bờ gặng làm thuyền).

Dưới bàn thờ một gốc đào được uốn khéo léo theo thế nhất phụ đa tử, mỗi cành lại theo thế long giáng hồi đầu sao cho ngọn trên gốc dưới thẳng đứng theo thế trực. Trên hoành phi treo ba ngọn đèn lồng. Trên chiếc sập gụ và bốn chiếc phản lim ngồi chật ních toàn các cụ đầu râu tóc bạc. Thầy Ngô ẩn ngồi sập giữa. Bàn thờ khói hương nghi ngút. Gia nhân tấp nập. Những chén trà xanh biếc bốc hơi. Câu chuyện đang đến hồi hưng phấn.

Lê Văn Thịnh giữ sạch bụi đường, sửa sang lại quần áo, thông thả bước vào. Qua cánh cửa bức bàn, anh vội quỳ sụp vái thầy ba vái, rồi thưa:

- Thưa thầy. Kể từ khi phụ mẫu con mắc bệnh qua đời, đã sáu năm con không có dịp tới vấn an thầy. Con nhớ năm nay đến tuần thầy thượng thọ, nên vội về mừng chúc. Con xin kính chúc thầy thọ trường, an khang. Cháu xin kính chúc các cụ thọ trường, an khang.

Cụ Ngô ẩn vui mừng đứng dậy, đi nhanh tới chỗ Lê Văn Thịnh. Một tay cụ vuốt râu, một tay nâng Lê Văn Thịnh, giới thiệu:

- Thưa cùng các cụ. Đây là trò Lê Văn Thịnh người bên Gia Định, là học trò yêu của tôi. Năm Mậu Thân phụ mẫu ốm nặng phải về chăm sóc. Đến nay không được báo, đường sá lại xa xôi mà vẫn lặn lội về đây mừng thọ tôi, thật là quý hóa. Xin cảm ơn con!

Lê Văn Thịnh không dám ngồi, nghe thầy hỏi thăm gia cảnh. Lê Văn Thịnh kể cho thầy và các cụ vấn tắt đôi điều:

- Khi con về tới nhà thì mẫu thân con qua đời. Ngày hôm sau phụ thân con cũng ra đi. Trước khi nhắm mắt phụ thân con có dặn là phải thay người dìu dắt đám học trò, không được để chúng thất học. Ba năm ở nhà thọ tang và kèm cặp lũ trẻ, năm thứ tư con cùng cụ đồ Hành qua dạy bên Giang Sơn. Cụ đồ Hành có gửi lời thăm chúc thầy và kính biểu thầy một đôi câu đối.

Lê Văn Thịnh cúi xuống giở khăn gói rút ra bó giấy hồng điều, dâng lên thầy, rồi lại cung kính dâng một hộp lớn, một bó giấy hồng điều nữa, thưa:

- Đây là chút lễ mọn con kính mừng thầy nhân tết Giáp Dần thầy mừng thượng thọ.

Cụ ẩn cảm động, giở hai đôi câu đối đọc to cho các cụ cùng nghe. Đây là đôi của cụ đồ Hành:

Thạc đức lưu huy hàm ngưỡng, Nam Sơn chiếm thượng thọ.

Gia tân hữu sủng thích tông, Thượng quốc trú phương danh.

Còn đây là đôi của trò Thịnh:

Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái Sơn vĩnh thọ.

Danh tôn tại quốc trường lưu trượng quốc hành tiên.

Rồi cụ xin phép các cụ thông thả bước ra sân. Hơn một trăm học trò do trưởng tràng Ngô Khoán đứng đầu nhất loạt quỳ lạy. Lê Văn Thịnh từ trong nhà cũng vội vã chạy ra đứng xuống cuối hàng. Cụ đằng hắng rồi nói:

- Hôm nay bà con thân bằng cố hữu, dân làng và các trò có lòng về chúc tôi nhân tuần thượng thọ. Tôi xin cảm ơn!

Cụ chấp tay quay ba phía thi lễ. Đúng lúc đó trời bỗng nổi gió bắc, những hạt mưa lất phất, lả lướt. Số người ngoài ngõ chạy ùa vào trong rạp. Chờ mọi người ổn định cụ nói tiếp:

- Riêng các học trò thầy sẽ ra một vế đối. Trò nào đối hay thầy sẽ có thưởng, cũng coi đó là món quà quý nhất cho thầy.

Cụ im lặng suy nghĩ. Các trò hồi hộp chờ đợi. Vài hạt mưa bay xéo đậu vào bộ râu trắng như cước khiến cụ phải lùi vào sâu trong hiên. Mắt cụ bỗng sáng lên. Cụ tươi cười bảo:

- Ồ, những hạt mưa. Những hạt mưa không giam hãm ai mà lại bắt người ta phải ngồi một chỗ. Hay, hay lắm. Thầy ra cho các con vế đối là: Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách. (Mưa không xiềng trời mà giữ được khách).

Đám học trò xôn xao bàn tán. Một học trò dáng mảnh mai trắng trẻo đứng dậy thưa:

- Thưa thầy. Con xin được đối: Sắc bất ba đào dị nịch nhân. (Sắc đẹp không có sóng mà đắm người).

Cụ ần gật gù: Rất hay. Rất chỉnh. Ta sẽ có thưởng cho con.

Lập tức một học trò to béo, lùn, có cặp mắt ty hý nghịch ngợm đứng phắt dậy, thưa:

- Con xin đối. Nhưng vế đối của con hơi không được sạch sẽ, mong thầy cho phép.

Cụ ần gật đầu, không nói gì.

- Con xin đối là: Phần bất uy quyền dị sử nhân (Cút chẳng uy quyền vẫn dọa người).

Đám học trò cười ồ lên. Cậu học trò vừa đọc vế đối quay lại cãi:

- Chứ không à. Thấy phân các cậu lại không sợ tái mặt mà bỏ chạy ý à.

Từ đó các trò đua nhau đối. Rất nhiều những câu đối hay nhưng chưa tỏ được chí trai, tỏ được tấm lòng, trách nhiệm của người có chữ với dân với nước.

Trong đám người chạy vào rạp trú mưa, có ba người con gái lạ. Đến lúc này cả ba cô tách khỏi đám đông tiến về phía cụ đồ. Cô đi đầu chừng ba mươi tuổi, da trắng, môi đỏ, hàm răng đen nhúc, lưỡng quyền mở rộng. Đặc biệt đôi mắt to, sáng lung linh và vàng trán cao, thanh tú. Cả ba cô đều ăn mặc kiểu dân buôn xứ Bắc: quần thâm, áo tứ thân buộc dải trèm bên ngoài chiếc áo bông trần chỉ kim tuyến lông lánh, khăn mỏ quạ buộc thêm dải nơ đỏ kéo tận cổ áo. Tay cắp nải, tay khoác nón ba tầm, chân đi hài nhung đệm trong tất tơ tầm màu hoa lý. Cô đi đầu rẽ đám đông tiến đến trước mặt cụ đồ, khẽ nhún chân, hạ khăn gói, cung kính chấp tay thưa:

- Thưa cụ. Chúng tôi bên xứ Bắc, buôn chút tơ tầm qua đây, nghe tin cụ khao thượng thọ, lại được nghe cụ ra vế đối. Tuy bận rộn buôn bán, chị em chúng tôi vẫn cố theo đòi đèn sách, mạo muội xin cụ cho chúng tôi được đối, để tỏ lòng kính trọng một vị lão sư phụ.

Cụ ần vui vẻ cười lớn:

- Xin đa tạ các cô nương. Tôi chẳng qua là người sống lâu thì già, biết dăm chữ thánh hiền ai yêu mến đến theo thì truyền lại. Nhìn các cô nương tôi biết các cô chỉ lấy buôn bán làm phương tiện, chí lớn còn ấp ủ chưa biết khi nào cánh mày râu lại xấu hổ vì phận kém hèn. Còn ý cô nương muốn đổi, tôi đâu dám chối từ, xin vui mừng đón nhận. Nào xin mời!

Cô gái đi đầu lại chấp tay cung kính:

- Chị em tôi xin mạn phép các thầy khóa, xin mạn phép các cụ, mạn phép các bậc lão nho, mạn phép bà con cô bác. Chị em tôi xin đổi là: Thiên bất sinh nhân khả lập vương. (Trời không sinh người nhưng tạo ra vua).

Về đối thật bất ngờ. Đối tượng là bậc tối thượng nhưng không phạm thượng, không khi quân. Khẩu khí không phải của một kẻ bình thường. Cụ đồ vượt râu suy nghĩ. Đám nho sinh bối rối. Cụ mời ba cô gái vào nhà, rồi tiếp tục nghe các trò trò tài. Mỗi người mỗi vẻ thật xứng với công lao dạy dỗ của thầy.

Gần trưa, trưởng tràng Ngô Khoán đứng lên thưa:

- Thưa thầy. Chúng con thường nghe danh anh Lê Văn Thịnh văn võ song toàn, nay may mắn được gặp mặt, xin thầy cho anh Thịnh đọc về đối của mình để anh em chúng con được mở tầm hiểu biết.

Thầy gật gù, vẫy tay bảo Lê Văn Thịnh đứng lên, ra hiệu cho anh lên đầu hàng. Thầy nói:

- Đây là Lê Văn Thịnh người làng Bảo Tháp, trang Đông Cứu, huyện Gia Định, bên lộ Bắc Giang đã theo thầy năm năm. Năm Mậu Thân phụ mẫu lâm trọng bệnh trò Thịnh phải về phụng dưỡng, mà thầy cũng hết chữ để truyền. Chẳng may phụ mẫu không qua khỏi phải ở nhà thọ tang, lại vâng lời di huấn của cha dạy dỗ đám học trò. Nay nghe thầy thương thọ lặn lội lên mừng. Trước là trò, nay là đồng nghiệp, các trò phải coi Lê Văn Thịnh như thầy các trò vậy. Nếu đã có về đối xin thầy cứ đọc.

Lê Văn Thịnh vội quỳ xuống:

- Không thưa thầy. Lúc nào con cũng là trò nhỏ của thầy. Còn đối với anh em, con chỉ là người đi trước. Anh em đã có về đối, con cũng xin được góp phần. Thưa thầy, về đối của con là:

Nguyệt tựa loan cung bất xạ nhân

(Trăng như cánh cung mà chẳng bắn người).

Về đối cao xa, bao la như trời đất, nhân hậu đầy nghĩa tìn, đầy hoài bão. Lấy cái tự nhiên đối với tự nhiên để nói về nhân tâm, nói về cái gốc bản thiện quả là đặc ý. Cụ đồ ẩn lại vượt râu, các trò vỗ tay rầm rĩ, các cụ gật đầu tâm đắc, nói với nhau đúng là "hậu sinh khả úy". Ba cô gái từ trong nhà bước ra ngoài nhìn Lê Văn Thịnh vẻ đầy thán phục.

Đến bữa, cụ đồ mời các quý khách, các học trò và cả ba cô gái buôn tơ tằm vào nhà xơi cơm. Vì khách đều là nam giới nên cụ đồ rất băn khoăn, bèn gọi Lê Văn Thịnh bảo thay thầy tiếp ba cô hàng vải.

Lê Văn Thịnh đã có vợ. Đó chính là cô cháu gái cụ già đã cho anh ăn bữa cơm chiều và chỉ đường cho anh qua cánh đồng Thập Điền. Hết tang cha mẹ, anh quay lại thăm cụ già, nhờ cụ chỉ bảo những điều về thuật phong thủy, tướng diện và tử vi đầu số. Một năm sau cụ già đã tác thành cho vợ chồng anh. Có vợ, anh có điều kiện dạy học trò, giao du gần xa và toàn tâm nghiên cứu nghiên ngẫm sách thánh hiền. Anh không ngờ cô gái đi đầu lại là con gái vùng Siêu Loại, rất tỏ tường quê vợ anh, lại biết cả cụ đồ Nhân, chính là ông nội vợ anh ở trang Phương Trì. Trong ba cô thì hai cô ít tuổi rất ít nói, chắc là ít được học hành, còn cô gái lớn vừa có dáng

chị cả, vừa có dáng bà chủ chắc là con nhà danh gia thế phiệt, học rộng biết nhiều, văn hay chữ tốt. Cứ như vẻ đối của cô thì nhất định cô không phải người thường, có lẽ đúng như lời thầy nhận xét "chỉ lấy bán buôn làm phương tiện, chí lớn còn ấp ủ, chưa biết khi nào cánh mày râu lại xấu hổ vì phận kém hèn".

Cô đặt ngang đôi đũa trên miệng bát, nhìn Lê Văn Thịnh đột ngột hỏi:

- Xin thầy khóa cho phép, tôi xin mạo muội hỏi: Thầy học để làm gì?

Lê Văn Thịnh đáp:

- Tôi học để biết, để giúp đời, giúp mình.

- Giúp đời, giúp mình bằng cách nào?

- Giúp mình thì đã rõ: Dạy học cũng là một nghề, có thể nuôi sống bản thân. Oan khiên tự mình trần tình. Vui buồn làm thơ giải bày. Cái chính là giúp mình hiểu biết, nhận rõ nhân tình thế thái, yêu ghét phân minh, quyết đoán. Còn giúp đời: dạy người mở mang trí thức, khi loạn góp sức dẹp, khi bình góp công kiến quốc. Nếu được làm quan sẽ giúp được nhiều cho quốc gia. Chỉ tiếc Đại Việt duy trì cha truyền con nối, bỏ phí bao nhiêu nhân tài trong thiên hạ. Bên Trung Nguyên việc thi cử chọn người tài đã tiến hành mấy trăm năm. Từ năm Hy Minh thứ hai Vương An Thạch đã đưa ra Tân pháp cải cách nhiều mặt trong đó rất đề cao thi cử.

- Nhưng Đại Việt có mấy học trò mà phải thi cử tốn kém?

- Trung Nguyên học tại trường, Đại Việt học tại chùa. Kiến thức chủ yếu ở hàng tăng, nên ít. Muốn nhiều nhân tài phải có nhiều trường, nhiều thầy. Muốn nhiều thầy phải thi tuyển. Đại Việt đã có Văn Miếu vì sao lại không có Khổng Tử, Chu Công, Tứ Phối của riêng mình?

Cô gái trầm ngâm suy nghĩ rồi bỗng hỏi:

- Nếu triều đình mở khoa thi, thầy có tham dự không?

Lê Văn Thịnh chưa kịp trả lời thì từ ngõ quân binh kéo tới rầm rập.

Cả nhà náo loạn. Cô gái đứng lên bảo mọi người yên lặng, không việc gì mà sợ.

Một viên tướng trẻ tiến về phía cô gái, quỳ sụp:

- Kính chúc Hoàng Thái Hậu thiên tuế.

Tất cả hoảng hốt vội vàng quỳ lạy, đồng thanh hô lớn:

- Kính chúc Hoàng Thái Hậu thiên tuế, thiên tuế, thiên thiên tuế.

Lê Văn Thịnh sững người. Không ngờ một học trò vô danh tiểu tốt lại được cùng ngồi ăn với Hoàng Thái Hậu, người được thiên hạ gọi là Quan Âm nữ. Trong lúc mọi người đã quỳ lạy tung hô thì Lê Văn Thịnh vẫn chưa hết bàng hoàng kinh ngạc, đến nỗi một trong hai cô gái mà giờ đây anh biết là thị nữ phải bảo: "Kìa thầy khóa, thầy hành lễ đi chứ". Lúc ấy Lê Văn Thịnh mới luống cuống quỳ xuống. Hoàng Thái Hậu ân cần giơ tay nói với mọi người: "Tất cả bình thân", rồi bước tới chỗ Lê Văn Thịnh bảo:

- Ta miễn lễ. Lát nữa ta còn muốn hỏi thầy khóa đôi điều.

Viên tướng trẻ cung kính dâng mật thư. Hoàng Thái Hậu vừa đọc vừa chau mày, xong xuôi đưa tờ mật thư vào ngọn đèn. Ngọn đèn bùng lên. Hoàng Thái Hậu bảo viên tướng:

- Khanh lui ra chờ ta. Ta còn chút việc phải làm.

Hoàng Thái Hậu cho gọi thầy Ngô ẩn và Lê Văn Thịnh vào nhà. Hoàng Thái Hậu hỏi Lê Văn Thịnh.

- Ban nãy người nói tới Tân pháp của Vương An Thạch, theo người Tân pháp hay, hay dở?

- Dạ thưa Hoàng Thái Hậu Tân pháp của Vương An Thạch có chỗ hay mà cũng có chỗ dở.

- Người nói đi. Hay thế nào mà dở thế nào?

Lúc đầu Lê Văn Thịnh run bắn vì ban nãy chót ca ngợi Tân pháp nhà Tống mà nhà Tống đang là kẻ thù đe dọa non sông Đại Việt. Nhưng thấy Hoàng Thái Hậu vẫn vui vẻ dịu dàng, dễ gần như người chị nên mạnh dạn trình bày:

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Tân pháp của Vương An Thạch có sáu điểm. Chủ yếu là:

Thứ nhất luật Nông điền thủy lợi: Luật này quy định các công trình thủy lợi do các hộ nông dân đóng góp. Những công trình lớn nhà nước và tư nhân giàu có có thể cho vay tiền xây dựng, lãi suất không quá hai phần mười. Điều này đã kích thích nền nông nghiệp phát triển. Dân no thì nước yên.

Thứ hai là luật Thanh miêu: Quy định việc cho nông dân vay đến mùa sau mới trả. Điều này đã hạn chế sự bóc lột nhưng đụng chạm quá nhiều đến quyền lợi các nhà giàu.

Thứ ba là luật Miễn sưu: Quy định có thể nộp tiền thay những ngày lao dịch. Điều này vừa tăng được ngân khố vừa giải quyết được việc làm. Rất có lợi.

Thứ tư là luật Tịch điền: Đo lại toàn bộ ruộng đất, định ra năm mức. Điều này đã làm tăng thêm ruộng đất, nhà nước thu được nhiều thuế. Nhà giàu và quan lại bị mất khá nhiều nên kịch liệt chống lại luật này.

Thứ năm là luật Thị dịch: Nhằm ổn định thị trường.

Thứ sáu là luật Bảo giáp: Nhằm quản lý nhân khẩu, thực hiện chế độ quân dịch.

Ngoài ra còn rất nhiều các luật về thi cử, phong hóa, văn học, võ học. Cái hay của Tân pháp là

đất nước ổn định, "phú quốc, cường binh". Kinh tế phát triển, buôn bán thông thương, quân đội được chấn chỉnh mạnh dạn học cách thức tổ chức theo Đại Việt ta. Dở ở chỗ là đánh quá mạnh vào những người giàu, vào quan lại thậm chí vào cả Hoàng tộc nên không được triều đình, không được các quan lại, phú gia ủng hộ. Vả lại Vương An Thạch chủ trương mở rộng đất đai, cướp của ngoại bang về thi hành cải cách là một sai lầm nghiêm trọng. Trước sau Vương An Thạch sẽ thất bại.

- Vì sao người khẳng định Vương An Thạch thất bại?

- Dạ. Nhà Tống không dựa vào dân chỉ dựa vào quan, vào quân đội, không dựa dân nghèo chỉ dựa người giàu, không vì đất nước mà vì ngai vàng. Còn Tân pháp lại giúp bần chế phú. Tuy có đạt một ít thành quả nhưng kéo theo mối họa. Vương An Thạch hết chức Tể tướng, Tân pháp hết người thực hiện. Vương An Thạch đem kiến giải thi sĩ mơ mộng áp dụng cho quốc sách, thất bại đã ở ngay phía trước.

- Người nói Vương An Thạch chủ trương mở rộng đất đai, liệu quân Tống có dám tiến công Đại Việt?

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Điều ấy là chắc chắn. Chủ trương xâm lược để mở rộng đất đai, chiếm

đoạt của cải tài nguyên đã là quốc sách. Nhưng phía Bắc, phía Tây đang bị Liêu, Hạ làm cho khốn đốn đến nỗi nước lớn phải chịu cống nạp nước nhỏ, phía Đông là biển, thủy binh Tống lại không mạnh, vậy chỉ còn phía Nam. Muốn tiến xuống phía Nam tất phải qua Đại Việt. Cho nên học trò cho rằng nhà Tống nhất định sẽ xâm phạm Đại Việt, xúi giục Chiêm Thành quấy rối biên giới phía Nam của ta chính là nằm trong âm mưu đó. Chắc Hoàng Thái Hậu và triều đình đã có kế sách đề phòng.

Hoàng Thái Hậu rất vui. Người bỗng chuyển chủ đề, đột ngột hỏi:

- Nếu triều đình mở khoa thi tuyển thầy giáo, theo người nên gọi là thi gì?

Lê Văn Thịnh suy nghĩ một chút, rồi quay sang thầy Ngô ẩn thưa:

- Thưa thầy. Con hiểu biết còn nông cạn. Xin thầy cho kiến giải.

Từ nãy Ngô ẩn ngồi im nghe Hoàng Thái Hậu hỏi Lê Văn Thịnh, bây giờ nghe Lê Văn Thịnh hỏi, thầy thông thả chấp tay quỳ xuống. Hoàng Thái Hậu vội đưa tay đỡ thầy đứng lên, dịu dàng, thân mật:

- Xin thầy đừng đa lễ. Tôi thân là Hoàng Thái Hậu nhưng tuổi chỉ bằng con cháu cụ. Trong triều trọng tước, dân gian trọng xỉ. Tôi đã vì hành vào dân gian cũng phải theo luật trọng xỉ. Vả lại, nếu theo Tiên đế cụ còn là chú của tôi. Biết cụ không muốn nhắc tới điều đó nên tôi không dám hành lễ, như thế đã là thất lễ, mong cụ bỏ quá cho.

Nghe Hoàng Thái Hậu nói thế, cụ đồ ẩn bỗng nhớ lại năm Mậu Thìn, cụ được vua Lý Thái Tổ cho triệu vào cung. Lúc đó đức Vua đang lâm bệnh nặng. Đức Vua sờ soạng cầm lấy tay Ngô ẩn nói khẽ:

- Ta với cha con cùng tuổi, cùng phò một chúa, coi nhau như ruột thịt. Thế mà ta không cứu nổi cha con. Ta thật có lỗi. Ta muốn sửa cái lỗi ấy bằng cách nhận con là con, đưa vào triều thăng quan tiến chức. ý con không muốn, ta cũng không ép. Nay ta sắp được tổ tiên triệu về, chỉ muốn dặn con: Hãy vì sơn hà xã tắc, đem sức trai, tài học giúp dân, giúp nước. Nếu con không muốn làm quan thì hãy làm thầy, đào tạo cho đất nước càng nhiều nhân tài càng tốt. Ta nói vậy con có hiểu ta không?

Ngô ẩn gục đầu nức nở, mãi mới thốt thành lời:

- Cha. Con hiểu. Con sẽ sống xứng đáng như lời cha dặn.

Chuyện ấy xảy ra đã gần năm mươi năm, cụ đã giấu kín không kể với ai, "làm sao Hoàng Thái Hậu lại biết mà gọi ta bằng chú?". Phải rồi. Đức Thái Tông Lý Phật Mã hơn cụ năm tuổi, cụ là em thì Hoàng Thái Hậu đúng là cháu dâu của cụ.

Hoàng Thái Hậu nhìn vẻ mặt bần thần, bộ râu trắng như cước im phăng phắc biết cụ đồ đang sống lại những kỷ niệm xa xưa. Hoàng Thái Hậu cũng ngồi im suy ngẫm về một đời người, về thế sự có lúc thăng trầm nhưng chính nhân quân tử thì lúc nào cũng là rường cột cho một quốc gia, là tấm gương cho một dân tộc.

Cụ đồ ẩn nghĩ về ân sâu nặng của Đức Thái Tổ, nghĩ về đức độ của Hoàng Thái Hậu. Quốc gia Đại Việt vừa xảy ra bao biến cố. Lý Thánh Tông đột ngột qua đời, triều đình như rạn mất đầu. Thái tử còn nhỏ tuổi kế vị làm vua, Thái sư Lý Đạo Thành theo khuôn phép cổ nhất quyết đưa Hoàng hậu Thượng Dương chấp chính. Mâu thuẫn giữa Thượng Dương, ý Lan, Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt lên đỉnh điểm. Sự kiện Hoàng Thái Hậu Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ bị bức tử tuần tiết theo Lý Thánh Tông, thiên hạ đồn rằng Hoàng Thái phi ý Lan âm mưu giết hại để đoạt ngôi Hoàng Thái Hậu. Lý Đạo Thành bị giáng xuống Giám nghị đại phu, bị điều vào mãi Ngự An nhậm chức Tri châu mục. Bên ngoài thì Chiêm Thành quấy rối, nhà Tống lâm

le xâm lược, cố tình chiếm đất Quảng Nguyên, chiếm cả hai châu Vật Dương, Vật ác.

May sao ý Lan khi được quần thần tôn lên làm Hoàng Thái Hậu, buông rèm nghe chính sự đã nghe theo trung thần, chú trọng vi hành nghe kể sách dân gian, dẹp bỏ tư thù, hoá giải mọi hiềm khích, chăm lo chính sự nên trong nước ổn định, dân no ấm mà bọn ngoại bang cũng hãi hùng kìm chế lòng tham xâm lấn.

Còn giờ đây theo nghị luận của Lê Văn Thịnh, Hoàng Thái Hậu đang muốn tuyển người tài. Trước mắt có lẽ hãy tuyển những người tài giỏi để dạy những môn sinh đã học hành lâu năm, tinh thông kinh sử nay không tìm được thầy giỏi hơn theo học. Nhất thiết Ngô ẩn không được trốn tránh, làm trái lời dặn dò của Tiên đế, không được phụ tấm lòng của Hoàng Thái Hậu. Nghĩ vậy, cụ chấp tay thưa:

- Thưa Hoàng Thái Hậu. Tôi nghĩ trước sau gì Đại Việt ta cũng phải tổ chức thi cử để chọn hiền tài. Nếu theo Đường, Tống thi chọn từ các châu phủ lên tới triều đình như hình tháp bút là tốt nhất. Nhưng như thế phải có thời gian. Theo thiên ý của tôi ta hãy mở cuộc thi kén người đức độ, tài năng làm thầy dạy cho những người đã "học hết chữ thiên hạ" thành người kiệt xuất, rồi những người này sẽ giúp triều đình mở những khóa thi.

- Hay, hay lắm. Theo cụ ta nên gọi cuộc thi ấy là gì?

- Đây là tuyển những người thông lầu kinh sử, am tường địa lý thiên văn, biết hết mọi việc trong thiên hạ, có thể gọi là những Minh Kinh bác học, nên có thể đặt luôn là Minh Kinh bác học.

- Minh Kinh bác học? - Hoàng Thái Hậu hỏi lại.

- Vâng, thưa Hoàng Thái Hậu.

- Hay lắm. Nếu nay mai triều đình mở được cuộc thi ấy, nhất định cụ phải ra giúp, đứng trong Ban giám khảo chọn cho được những người thực tâm, thực tài. Đúng, nhất định Đại Việt ta sẽ có Khổng Tử, Chu Công, Tứ Phối, sẽ có những vị tiên hiền, những nhân tài kiệt xuất như thầy khóa Lê Văn Thịnh đã nói. Có đúng thế không, hả cụ?

Cụ đồ ần vui vẻ, vuốt râu gật gù.

Ngoài sân bỗng ồn ào náo động. Thì ra dân làng Mía và dân quanh vùng nghe tin Hoàng Thái Hậu vi hành tới đây đã lũ lượt mang lễ vật đến dâng tặng và mong mỏi được thấy dung nhan người đàn bà đã hai lần chấp chính, đem lại bao nhiêu phúc trạch cho dân, được dân yêu mến tôn lên thành Quan Âm nữ.

Hoàng Thái Hậu cùng cụ đồ ần và Lê Văn Thịnh bước ra. Mọi người quỳ lạy:

- Kính chúc Hoàng Thái Hậu thiên tuế, thiên tuế, thiên thiên tuế.

Hoàng Thái Hậu rất cảm động:

- Ta miễn lễ. Bà con hãy bình thân. Năm nay bà con ăn tết có vui không? Có nhà nào không có bánh chưng không?

Một cụ già đầu tóc bạc phơ đứng ra thưa:

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Năm nay nhờ phúc trạch Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu cả nước được mùa, dân no ấm, nên tết vui vẻ lắm, không nhà nào không có bánh chưng, thịt lợn. Để tỏ lòng biết ơn và kính yêu Hoàng Thái Hậu dân chúng tôi có chút quà mọn, xin kính dâng Hoàng Thái Hậu.

Cụ dút lời, những cô gái áo tứ thân tha thướt, có cả những cô gái người dân tộc thiểu số bê những mâm quả, những chœ mậ, những thúng bánh, những lồng gà, lồng chim quý; cả những chiếc hộp sơn son thếp vàng đựng mậ ong, mậ gấu, cao hổ, cao trăn... đặt trước mặt Hoàng Thái Hậu.

Hoàng Thái Hậu cảm ơn bà con rồi chọn một đôi gà trống mái, một lạng cao hổ cốt một túi mậ gấu, một đõ mậ ong, một chœ mậ mía, một dò phong lan đặt lên bàn.

Người vui vẻ nói:

- Lễ vật nhiều quá. Tôi xin nhận tất cả cũng như xin ghi nhận những tấm lòng quý mến của bà con. Nhưng vì đường xá xa xôi, tôi xin đem về triều đình những thứ này - Người chỉ tay vào những thứ đã để trên bàn - Còn lại xin nhờ cụ - Người lại chỉ vào cụ già vừa phát biểu - phân phát giùm tôi tới những gia đình có người chết trận, những người cô đơn quả phụ, những cụ già cao tuổi, coi như món quà mọn của tôi, cũng là "của người phúc ta" mong bà con thông cảm.

Viên võ tướng trở lại vào tàu nhỏ với Hoàng Thái Hậu điều gì đó. Đám đông dần dần. Hoàng Thái Hậu bảo hai cô gái thu những thứ trên bàn, để lại cho người lạng cao hổ cốt. Hoàng Thái Hậu cầm lạng cao đến trước mặt cụ đồ ẩn, vừa thân mật, vừa cung kính:

- Đây là quà dân làng Mía biểu tôi. Tôi xin được biểu lại cụ để cụ bồi dưỡng tuổi già và mong cụ nhớ cho là chưa làm tròn phận sự Ban giám khảo cuộc thi thì cảm cụ không được ốm đấy.

Mọi người cười vang. Cụ ẩn vô cùng xúc động:

- Xin đa tạ Hoàng Thái Hậu. ẩn này dù còn chút hơi thở cũng sẽ đem ra giúp nước tới cùng.

III

Tháng 2 năm ất Mão triều đình mở khoa thi Minh Kinh bác học và nho học tam trường. Thái phó Bình Dương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành làm chánh khảo, cụ đồ Ngô ẩn làng Mía được mời về làm phó. Có hơn sáu trăm học trò từ khắp nơi trong nước về Thăng Long ứng thí. Thí sinh phải qua ba vòng thi. Vòng một chọn được ba trăm người vào vòng hai. Vòng hai chọn được một trăm người vào vòng ba. Vòng ba chọn được mười hai người, đứng đầu là Lê Văn Thịnh.

Khi thí sinh mang sổ báo danh tam bách lục thập cửu bước lên sân Rồng ra mắt Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu trong rèm nhận ngay ra Lê Văn Thịnh, người đã đề xuất việc thi cử và có những ý kiến nhận xét rất sâu sắc về Tán pháp nhà Tống.

Lúc đó vua Lý Nhân Tông đang mải mê xem hai con đế trũi chọi nhau, bất chợt ngẩng đầu lên thấy Lê Văn Thịnh liền gọi:

- ái khanh. ái khanh có biết chọi chọi đế không?

Lê Văn Thịnh vội quỳ lạy:

- Thần là Lê Văn Thịnh kính chúc Hoàng thượng vạn tuế. Thừa Hoàng thượng thần đã chọi chọi đế từ thuở nhỏ. Quê hương thần có núi, có sông, lại có đồng bằng bát ngát nên có rất nhiều đế.

- Thế thì bao giờ về quê, khanh hãy chọn cho trăm một con đế trũi thật to, dũng cảm, chọi giỏi như con Hắc điểu này nhé.

- Thần xin tuân chỉ.

Trong rèm Hoàng Thái Hậu nhắc:

- Hoàng thượng hãy có lời uỷ lạo các quan tân khoa.

Lúc đó Lý Nhân Tông mới nhớ những lời đêm qua Hoàng Thái Hậu đã dạy, bèn ngồi lại ngay ngắn nói những lời khen ngợi và biểu dương kết quả kỳ thi đầu tiên của quốc gia Đại Việt.

Hôm sau, tại điện Giảng Võ kiểm hiệu Thái úy Lý Thường Kiệt đang vui vẻ tiếp chuyện Ngô ẩn thì Hoàng Thái Hậu bước vào. Hoàng Thái Hậu giơ tay ra hiệu miễn lễ, rồi hỏi:

- Hai khanh đang chuyện gì mà vui vẻ thế?

Thái úy Lý Thường Kiệt tâu:

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Hôm nay nói chuyện với thượng lão Ngô ẩn thần mới biết thần và thượng lão cùng một tổ. Theo gia phả thì thần phải gọi thượng lão là thúc phụ.

- Ta có lời mừng hai khanh. Ta muốn gặp hai khanh để bàn chút việc. Một là, ta muốn phong Ngô ẩn là Quốc lão vì đã có công giúp triều đình kén chọn nhân tài. Vả lại Đại Việt ta khí hậu mát mẻ, cây cối xanh tốt, đời sống dồi dào nên trường thọ có nhiều người cao tuổi, rất cần một người đứng đầu đại diện cho quyền lợi các cụ. ý các khanh thế nào?

Ngô ẩn vội quỳ xuống.

- Bẩm Hoàng Thái Hậu, Ngô ẩn chẳng qua lấy kinh nghiệm năm mươi năm dạy học mà góp chút công nhỏ, tự thấy mình không xứng đáng. Vả lại Quốc lão phải là các công thần có hai chữ thượng, được Hoàng thượng cho phép chống gậy ngồi ghế mỗi khi vào chầu. Ngô ẩn này đã không có công lại chưa thượng thượng thọ. Xin Hoàng Thái Hậu xét lại.

- Kiểm hiệu Thái úy nghĩ sao?

Lý Thường Kiệt chấp tay râu rắng:

- Kén cho triều đình mười hai hiền tài có thể giữ các trọng trách trong triều, gần hai trăm người có thể giữ trọng trách các lộ, các phủ, lại mở đầu cho nền khoa cử há chẳng phải công to? Quốc lão không phải chỉ ngồi một chỗ an hưởng tuổi già mà phải thay Hoàng thượng chăm lo những người cao tuổi, hiến cho xã tắc những kế hay mưu hiểm, như cây cao trùm bóng mát che chở muôn dân, không còn sức, không minh mẫn thì hành sự thế nào? Sự lựa chọn của Hoàng Thái Hậu vừa hợp lòng dân, hợp ý quần thần, hợp với khả năng, sao thúc phụ cứ phải chối từ?

Hoàng Thái Hậu gật đầu bảo Ngô ẩn:

- Thôi, cứ thế. Khanh chớ phụ tấm lòng yêu mến kính trọng của ta, chớ quên những lời đức Tiên đế căn dặn lúc lâm chung. Còn việc thứ hai ta muốn hỏi hai khanh là... - Hoàng Thái Hậu dẫn đo, suy tính.

- Xin Hoàng Thái Hậu cứ dạy.

- Nay Hoàng thượng đã thập tuế. Việc học hành ở Văn Miếu do Thị độc Lý Lương phụ trách ta thấy bất ổn. Ta thì rất bận, vả lại cũng không đủ kiến thức dạy dỗ. Ta muốn có người đủ đức đủ tài ngày đêm giúp Hoàng thượng học hành toàn diện. Ta muốn Hoàng thượng phải là một minh quân, văn võ toàn tài, để tề gia trị quốc, sánh vai cùng Tống triều. Ta đang nghĩ tới một người, nhưng...

Ngô ẩn hỏi:

- Có phải Hoàng Thái Hậu đang nghĩ tới thủ khoa Lê Văn Thịnh?

Hoàng Thái Hậu gật đầu.

- Vậy Người còn băn khoăn điều gì?

- Ta muốn Hoàng thượng học văn, học võ một thầy để có cùng một tư tưởng, một chí hướng, một phong cách và một tấm lòng. Nhưng Lê Văn Thịnh có văn tài chắc gì đã võ giỏi?

- Bẩm Hoàng Thái Hậu, Lê Văn Thịnh là học trò của thần, thần xin bảo đảm Lê Văn Thịnh văn độc nhất vô nhị mà võ cũng khó kiếm người hơn. Theo ngu ý của thần, đất nước lúc này rất cần những võ công, Hoàng Thái Hậu nên cho mở khoa thi võ học, động viên các quan tân khoa tham dự, nếu đạt điểm cao sẽ sung chức cao hơn từ một đến ba bậc. Qua đó Hoàng Thái Hậu sẽ biết võ công của Lê Văn Thịnh.

- ý quốc lão vậy, Kiểm hiệu Thái úy nghĩ sao?

- Bẩm. ý Quốc lão rất hay. Nhưng điện Giảng Võ quá hẹp, xin Hoàng Thái Hậu cho mở võ trường có thể thi đấu kiếm, cung, các loại binh khí, cưỡi ngựa, trưng bày chiến cụ và thủy chiến. Tất nhiên các thí sinh phải thuộc lòng binh pháp và biết vận dụng vào địa hình Đại Việt.

*

Võ trường là khu đất rộng mênh mông phía nam hồ Dâm Đàm kéo từ Trúc Thanh tới Trúc Bạch, từ bờ hồ tới cửa động Bình Sa, rộng dài hàng chục dặm rất thuận lợi cho thi đấu thủy, lục, khinh, kỵ.

Bấy giờ đã là tháng Quý Xuân, trời trong, khí hậu mát thi thoảng đổ trận mưa rào chỉ như trảng võ tay. Thái úy Lý Thường Kiệt điều sáu mươi giáp quân cấm vệ chia ra hai bộ phận: Trên bộ gồm bốn mươi giáp, mỗi giáp đảm nhiệm canh gác một khu vực, dưới nước gồm hai mươi giáp

tuần tra trên mười chiến thuyền lớn kéo theo hàng chục chiến mộc thủy có thể lao vun vút như những chú cá kình, ken đặc trên mặt hồ. Cờ xí rợp trời, trống đồng âm vang, kiêu dũng, nghiêm trang, trống da thùng thình náo nức, kèn trện thúc bách kích động, đàn sáo vi vút thanh bình... Võ trường sôi sục, háo hức, vừa như hội hè vừa như trận mạc, vừa đối đầu vừa thân thiết. Tất cả toát lên khí thế hào hùng của một dân tộc thượng võ nhưng không kém phần văn minh, lịch lãm.

Kiểm hiệu Thái úy Lý Thường Kiệt, Thái phó Lý Đạo Thành, Quốc lão Ngô ẩn, phò mã Thân Đạo Nguyên và các thượng tướng quân bước lên võ đài. Quan truyền hô đồng đạc công bố thể lệ và các môn thi.

Cuộc thi sẽ diễn ra bảy ngày. Ngày thứ nhất thi binh pháp: đề xuất kế sách giữ nước. Ba ngày tiếp theo thi các môn: vật, quyền, biểu diễn binh khí, đối công binh khí trên mặt đất, trên mình ngựa, bắn cung nỏ và trưng bày các loại binh khí lạ. Ba ngày cuối cùng thi thủy chiến bao gồm: bơi có vũ trang, lặn, bơi thuyền và đối công trên thủy.

Ban giám khảo được chia làm nhiều bộ phận, cho điểm theo thang mười từ nhất tới thập. Các môn được cộng lại chia đều lấy thứ tự từ cao xuống thấp theo yêu cầu nhân sự của quân đội.

Các môn thi đối kháng võ sinh phải mặc giáp trụ khác màu, đeo mặt nạ.

Thời khắc cuối cùng Thái úy Lý Thường Kiệt được báo số thí sinh đăng ký dự thi đã vượt quá con số một nghìn, nên thể lệ thi đấu đối kháng là năm hiệp nay phải rút xuống ba, mỗi hiệp không quá nửa khắc để đảm bảo thời gian.

Các quan tân khoa khoa thi Minh Kinh bác học và nho học tam trường đều phấn khởi xin được tham gia.

Mỗi lần có đấu thủ chiến thắng trống trận đổ ba hồi chín tiếng, một lá cờ Đại Việt từ từ kéo lên cao phấp phới trước võ đài.

Võ trường bụi bốc mù mịt. Tiếng hò reo, tiếng binh khí chạm nhau chan chát.

Bốn ngày sau - ngày cuối cùng của cuộc thi đối kháng trên bộ thì Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu xa giá tới. Quân cấm vệ hô vang "Vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế". Theo luật thì các cuộc thi đấu vẫn được phép tiếp tục.

Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu không lên võ đài mà xuống kiệu đi tới bãi đấu kiếm. Lúc ấy có hai võ sinh một mặc giáp đen, mũ đen, một mặc giáp trắng, mũ trắng. Cả hai đều đeo mặt nạ kín mít. Võ sinh giáp đen sử dụng thanh trúc kiếm màu đen, còn võ sinh giáp trắng lại chỉ có trên tay một ống sáo trúc. Có lẽ vì ống sáo trúc rất ngắn nên võ sinh giáp trắng áp rất sát võ sinh giáp đen, những đường sáo vun vút hút gió hú lên như những trận cuồng phong khủng khiếp. Còn thanh trúc kiếm là loại đoản kiếm cực kỳ biến hóa. Những luồng đen khi thì từ dưới lao lên khi thì trên cao bổ xuống, chém ngang, chém dọc, vây bọc đối phương đến con ruồi cũng khó thoát khỏi không bị xẻ ra làm nhiều mảnh.

Hiệp đấu thứ ba đang vào hồi quyết liệt thì Hoàng Thái Hậu bảo trọng tài cắc trống. Hai võ sinh đều nhảy lùi lại nhưng thanh kiếm và ống sáo vẫn đan những vòng tròn lấp lánh quanh người. Khi kiếm và sáo đều được thu lại, hai võ sinh chấp tay ngang mặt nói: "Xin bái phục". Võ sinh giáp trắng quay lại, vội vàng quỳ xuống tung hô:

- Hoàng thượng vạn tuế! Hoàng Thái Hậu thiên tuế!

Võ sinh giáp đen hốt hoảng quỳ sụp xuống, ấp úng:

- Hoàng thượng vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế. Hoàng Thái Hậu thiên tuế, thiên thiên tuế.

- Ta miễn lễ. Hai người quả là anh hùng hảo hán, còn kiếm thật khó thấy trong thiên hạ. Ta e hai hồ đấu nhau thế nào cũng có một hồ sát thương nên cho dừng trận đấu. Ta nghĩ cả hai đều là anh tài tuần kiệt, sau này nên đem hết sức mình phò vua, giúp dân, giúp nước.

Hoàng Thái Hậu rất hài lòng, đôi mắt rực sáng lấp lánh. Còn Hoàng thượng tiếc là không được xem hết trận đấu hay, bây giờ nóng lòng muốn biết mặt hai võ sinh tài giỏi, nên nói lớn:

- Các khanh hãy bỏ mặt nạ ra, để ta xem là ai mà lại giỏi tài như vậy?

Hai người đều đồng thanh: "Tuân chỉ", đưa tay kéo chiếc mặt nạ xuống.

Cả Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu, Thái úy, phò mã và các quan giám khảo đều hết sức ngạc nhiên vì người mang giáp trắng không phải ai xa lạ mà chính là đệ nhất khai khoa Lê Văn Thịnh; còn người giáp đen là một thiếu niên có lẽ chưa bước qua lứa tuổi mười sáu, có đôi mắt rất đẹp, nước da trắng hồng như con gái. Hoàng Thái Hậu vui mừng bảo Lê Văn Thịnh:

- Ta không ngờ khanh văn chương như nước chảy, thông kinh bác cổ mà còn pháp lại dũng mãnh tài ba khác thường. Nhưng ta không hiểu ống sáo trúc nhỏ nhoi ọp ẹp kia làm sao lại có thể giao đấu ngang tài với thanh trúc kiếm.

- Dạ. Muôn tâu Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu. ống sáo của thần có tên là Địch trúc huyền chỉ phỏng theo cây sáo trúc dân gian chứ chất liệu lại là thứ thép đặc biệt cứng và nặng hơn các loại thép khác hàng trăm lần. Địch trúc huyền gồm hai khúc lọt thỏm vào nhau nên khi dùng làm sáo thổi Địch trúc huyền chỉ dài một thước, nhưng khi chiến đấu thần đã rút dài ra gấp đôi.

Vừa nói Lê Văn Thịnh vừa làm động tác thu vào kéo ra ống sáo. Mọi người thấy lạ đều xô vào xem. Thái úy phải ra lệnh tạm dừng cuộc đấu. Hoàng Thái Hậu lại hỏi:

- Khanh có thể cho mọi người biết rõ xuất xứ của ống Địch trúc huyền và bí quyết của nó được không?

- Bẩm Hoàng Thái Hậu, ống Địch trúc huyền này thần được một người bạn tiểu phu trên dãy núi Hàm Long tặng lại và dạy thần Địch pháp.

Lê Văn Thịnh kể rằng: Khi cha mẹ chết, không đêm nào anh ngủ được nếu không ra thăm mộ cha mẹ một lần. Đêm ấy đã qua tuần tứ cửu, đợi các học trò ngủ say anh lẳng lặng đi về phía Đình Quan. Trời tháng hai se lạnh, sương mù trắng toát mịt mờ. Vừa bước ra khỏi nhà anh nghe tiếng sáo văng vẳng khi xa khi gần. Càng tới sát Đình Quan tiếng sáo càng rõ, trầm bổng, xót thương, ai oán. Anh tiến tới kinh ngạc thấy trên tảng đá hình con quỷ có một bóng trắng phi vun vút trên các ngọn hồ đào mất hút trong rừng cây trên núi Thiên Thai. Sáng hôm sau dậy sớm anh ra mộ thì nhặt được mảnh giấy đề "Hữu duyên tiên giáng". Anh không tin là có quỷ ma, hơn nữa chưa hết tang cha mẹ, nên chuyện ấy rồi cũng quên đi. Hết tang, anh được cụ đồ Nhân giả cho cháu gái, lại bảo "Các con hãy đưa nhau về quê ngoại làm lễ gia tiên, báo hỷ với họ hàng". Nghe lời ông, vợ chồng anh về Ngô Xá, rồi theo dân làng lên núi Hàm Long thấy hội. Tới chùa Đại Lãm trời đã xế chiều, anh bỗng nghe văng vẳng tiếng sáo quen thuộc và sức nhớ lời hẹn ba năm trước. Anh nghĩ nơi tiên giáng nhất định là trên chỗ có bàn cờ tiên. Anh để vợ ở lại chùa, một mình leo thẳng lên đỉnh núi. Tới chỗ bàn cờ thì trăng thượng tuần đã đứng đỉnh đầu, anh đang ngơ ngác thì bóng trắng đã tiến sát phía sau. Anh quay lại, kinh hoàng thấy người trước mặt có cặp mắt lồi xanh lét, cái mũi khoằm và hàm răng nhọn hoắt, hai cái nanh chìa dài ra hai bên mép. Người ấy ôn tồn chào hỏi:

- Ta chào đệ. Ta là Bạch Quỷ. Người đời gọi vậy vì ta luôn mặc đồ trắng, tóc cũng bạc trắng, ẩn hiện bất thường và xấu xí như quỷ dữ. Ta chỉ là tiểu phu không làm hại ai nhưng hình dáng của ta chắc đã làm nhiều người kinh sợ. Con người vốn hiếu kỳ, giàu óc tưởng tượng nên thường thêu dệt những chuyện kinh dị. Họ biết đâu rằng những chuyện thêu dệt mua vui ấy đã giết chết một con người. Ta muốn gặp để được trả chút ân tình.

Bach Quý kể rằng: Ngày xưa cha mẹ anh cũng là tiểu phu nghèo khó. Sắp đến kỳ sinh nở mẹ anh vẫn phải lên núi kiếm củi. Khi trở dạ biết không kịp xuống núi, cha anh đã đưa mẹ anh tới bàn cờ tiên phẳng phiu, mát mẻ, mong được Phật Trời phù hộ. Mẹ anh đẻ khó, oằn oại trong vũng máu, chỉ còn thoi thóp. Đúng lúc đang nguy kịch thì ông bà Lê Văn Thành đi hái thuốc đến đây dừng chân nghỉ. Ông bà đã cứu được anh nhưng không cứu nổi mẹ anh. Từ đó hai bố con rau cháo nuôi nhau, đêm đêm ở ngay trên bàn cờ vì không muốn mẹ anh cô đơn trên đỉnh núi. Năm tám tuổi anh bị lạc cha, rơi vào một toán cướp kỳ dị. Toán cướp gồm toàn những người thấp lùn, mỗi người trên tay đều có một ống sáo trúc. Họ gọi những ống sáo ấy là Dịch trúc huyền. Anh được tên đầu lĩnh yêu quý cho một ống Dịch trúc huyền đẹp nhất và truyền dạy võ công cũng như Dịch pháp. Một đêm toán cướp đóng bè vượt Lục Đầu giang tiến về Yên Tử. Bè tới giữa dòng gặp lốc xoáy. Lốc xoáy xoáy tròn tạo thành hố sâu hun hút để đến mấy chục trượng. Mọi thứ trên mặt nước bị cái hố kinh khủng ấy nuốt hết. Anh cũng bị cái hố ấy chìm cho ngất lịm. Không hiểu sao khi tỉnh dậy anh thấy mình dạt vào một bãi sậy sinh lầy rậm rạp, bên mình vẫn còn nguyên ống Dịch trúc. Anh mò mẫm tìm về bàn cờ. Cha anh vẫn còn sống ôm lấy anh khóc thảm thiết, rồi kể lại chuyện bị rắn độc cắn, may mắn lại gặp ông bà Lê Văn Thành cứu thoát. Lúc lâm chung cha anh dặn: Thế nào anh cũng phải tìm cách trả ơn người đã hai lần cứu cả bố lẫn con thoát chết. Anh tìm tới hang rắn giết tất cả bọn rắn độc, lấy mật ngâm ống Dịch trúc huyền.

Dịch trúc huyền được làm từ quặng sắt lẫn trong những mỏ vàng của xứ Quảng Nguyên. Quặng sắt này có màu vàng ánh, lấp lánh như có chứa thủy ngân. Qua chín lần gạn lọc người ta lấy được thứ thép dẻo như lụa giang, cứng như kim cương để rèn những thanh bảo kiếm chém sắt như chém bùn. Dòng họ Thân ở sâu trong thung lũng vùng núi phía bắc Đại Việt là dòng họ có kỹ nghệ luyện thép Quảng Nguyên tài giỏi nhất. Họ không dùng thép ấy rèn kiếm mà nấu chảy vàng như mật trộn với loại nhựa cây anh ánh màu hổ phách dần mỏng như những tờ giấy bản, rồi cuộn lại thành những ống sáo, để lâu ngày biến thành màu đen sẫm như màu những cây huyền trúc. Ống sáo ấy có âm thanh kỳ diệu bỗng chìm, luyến láy, lan xa hàng chục dặm, có thể bắt được tiếng thú rừng tìm bạn, tiếng cá mùa đông trướng, tiếng xạc xào của gió, tiếng róc rách của nước và đặc biệt có thể bày tỏ nỗi lòng của mỗi con người. Nhưng khi cần tự vệ ống sáo trở thành loại vũ khí đa tác dụng và rất lợi hại: vừa là đoản côn, là thương, là giáo lại vừa là loại nổ cực mạnh có thể phóng những viên đá, viên bi sắt xuyên thủng giáp trụ kẻ thù.

Những ống sáo ấy nếu được ngâm lâu ngày trong mật những loài rắn độc thì không những sức mạnh tăng lên gấp bội mà còn có thể chữa được rất nhiều những bệnh nan y.

Sau buổi gặp gỡ ấy, Lê Văn Thịnh đưa vợ về quê rồi quay lại cùng Bach Quý kiếm củi, tìm cây thuốc quý và đêm đêm học võ công, Dịch pháp. Khi Lê Văn Thịnh đã thành thạo, Bach Quý bảo:

- Ta thân là tiểu phu, suốt đời gắn với núi rừng, trời đất bắt ta dị hình dị dạng xấu xí khác người nên không dám về nơi làng mạc. Với võ công của ta hổ báo cũng còn nể sợ thì ta đâu có sợ con người. Ta biết đệ là phúc tinh giáng thế giúp nước, giúp đời sẽ phải vào ổ rắn hang hùm, xông pha trận mạc, nên ta tặng đệ ống Dịch trúc huyền này. Mong đệ đừng quên ta, giúp ta trả nghĩa cho sơn hà xã tắc.

Lê Văn Thịnh nhất định chối từ, nhưng Bach Quý đã lẳng lặng bỏ đi để lại Dịch trúc huyền linh thiêng quý giá...

Hoàng thượng há hốc miệng đứng nghe. Hoàng Thái Hậu và mọi người nín thở theo dõi. Lê Văn Thịnh ngừng lời, Hoàng Thái Hậu bảo:

- Đại Việt ta thật lắm người tài, lắm điều kỳ lạ.

Còn Hoàng thượng thì bảo:

- Khanh nói Dịch trúc huyền còn là ống nổ, cung tên. Khanh hãy bắn thử cho Hoàng Thái Hậu, cho trăm và mọi người cùng xem.

Tất cả gặt đầu tán thưởng. Lê Văn Thịnh cúi đầu tuân chỉ, rồi nhanh nhẹn rút từ trong túi ra một nắm bi đá nhét vào Địch trúc huyền. Con bạch mã từ nãy vẫn ngóng tai nghe ngóng cứ như chủ ta cũng hiểu rõ mọi chuyện, giờ thấy Lê Văn Thịnh lấp bi vào ống sáo vội hý một tiếng dài, bốn vó đập bụi mù. Lê Văn Thịnh nhảy lên lưng bạch mã phi một vòng, rồi bất ngờ vấy Địch trúc huyền qua đầu. Một viên bi đá xé gió bay ra. Hồng tâm hút một lỗ sâu chính giữa. Cả võ trường vỗ tay rầm rầm, trống đồ hồi dồn dập và thêm một lá cờ ngũ sắc phần phật kéo lên.

Lúc đó mọi người mới sực nhớ tới võ sinh giáp đen, có nước da và đôi mắt như thiếu nữ dậy thì. Hoàng Thái Hậu hỏi:

- Còn Khanh? Khanh tên gì? Năm nay bao nhiêu tuổi?

Võ sinh mặt ửng đỏ, ấp úng:

- Dạ, bẩm Hoàng Thái Hậu. Con tên là.. tên là... là Quách Kim Nguyệt. Năm nay con mười sáu tuổi ạ.

- Mười sáu tuổi? Khanh nhỏ tuổi mà võ nghệ đã cao cường là đối thủ ngang tài ngang sức với đệ nhất khoa Lê Văn Thịnh. Ta có lời khen đó. Thanh kiếm mà Khanh đang sử dụng nhất định phải là một thanh kiếm báu.

- Dạ. Bẩm Hoàng Thái Hậu. Con nghe phụ thân con nói thì đây là thanh trúc kiếm mà gốc gác cũng y hệt ống sáo của quan đệ nhất khoa.

Lê Văn Thịnh râu thêm:

- Bẩm Hoàng Thái Hậu, bẩm Hoàng thượng. Thần có biết lai lịch của thanh trúc kiếm. Thanh trúc kiếm cũng được làm từ quặng sắt các mỏ vàng Quảng Nguyên. Khi luyện thành kiếm phải tôi bằng máu mãnh hổ và nước ép ra từ những cây huyền trúc. Trúc kiếm chém sắt như bùn và rất dẻo. Người có kiếm pháp giỏi có thể chống cong kiếm bất ngờ bật lên bay cao mấy trượng. Trúc kiếm có thể uốn cong như bầy đá tạo thành những phi tiêu vô cùng lợi hại.

Nghe Lê Văn Thịnh kể về thanh trúc kiếm. Lý Nhân Tông vô cùng thích thú, bước đến gần Quách Kim Nguyệt, bảo:

- Khanh cho trẫm xem thanh trúc kiếm.

Quách Kim Nguyệt vội quỳ xuống dâng kiếm. Hoàng thượng cầm trữu tay, định giơ lên khua thử một vòng, nhưng thanh trúc kiếm mỏng mảnh mà nặng như chiếc đỉnh nên tuột khỏi tay, mũi kiếm cắm phập xuống đất sát chân Quách Kim Nguyệt. Quách Kim Nguyệt bật người ra xa, bước chân vô cùng uyển chuyển. Hoàng Thái Hậu chăm chú nhìn Quách Kim Nguyệt đôi mày hơi nhíu lại, rồi hạ giọng nói nhỏ có lẽ chỉ Quách Kim Nguyệt mới nghe rõ.

- Tối nay ta sẽ cho người tới đón con. Ta muốn hỏi con đôi điều về kiếm pháp.

Kim Nguyệt mặt biến sắc, dạ một tiếng lùi

ra xa.

*

Thế là sau khoa thi Minh Kinh bác học và nho học tam trường kén cho đất nước hàng trăm hiền tài, cuộc thi võ học tháng 3 năm ất Mão lại tuyển cho quân đội hơn nghìn chiến binh ưu tú, trong đó có những võ tướng sau này lập nhiều chiến công hiển hách. Cả triều đình phấn khởi. Cả nước hừng hực khí thế, sẵn sàng cầm vũ khí sống mái với quân thù.

Sau lễ ăn mừng thắng lợi hai kỳ thi văn võ, Hoàng Thái Hậu cho triệu Thái úy, Thái phó, Quốc

lão và đệ nhất khoa Lê Văn Thịnh về điện Thiên An bàn việc.

Điện Thiên An nằm trong Long Thành.

Long Thành có mười bốn ngôi điện lớn, lần lượt từ Phụng Thiên có lầu Chính Dương xem giờ giấc đến Long Trì hai đầu có hai lầu chuông đặt hai chiếc chuông lớn báo hiệu lệnh thiết triều, tan triều. Tiếp đó là hồ Long Thủy tròn như mặt trăng rằm, rộng mênh mông. Bờ nam hồ có điện Thiên An, giữa hồ là điện Thiên Khánh, bờ bắc hồ là điện Trường Xuân nơi vẫn dùng để thiết triều. Hai chiếc cầu Phụng Hoàng bằng đá xanh nối Thiên An, Trường Xuân với Thiên Khánh.

Bên tả có điện Văn Minh đời Lý Thái Tổ gọi là điện Tập Hiền. Phía sau Văn Minh là điện Tuyên Đức. Bên hữu có điện Quảng Vũ xưa gọi là Giảng Võ, nay dùng để xử án. Phía sau Quảng Vũ là điện Diên Phúc.

Sau điện Trường Xuân là vườn Thượng uyển đủ các loại cây lạ, hoa quý, các loài chim cảnh, cá cảnh. Trong vườn Thượng uyển có điện Thụy Hoa, Long An. Hai điện Long Thụy là nơi vua nghỉ qua đêm. Bên tả còn có điện Nhật Quang để ngắm mặt trời buổi sáng, đối diện với điện Nguyệt Minh để ngắm trăng rằm ngoài Long Thành.

Điện Thiên An đời Lý Thái Tổ gọi là điện Càn Nguyên, sau bị sét đánh hư hại nặng mới chuyển nơi thiết triều về điện Trường Xuân. Đời Lý Thái Tông cho xây dựng lại to đẹp hơn đổi tên là Thiên An.

Điện Thiên An hình chữ nhật rộng mười hai bộ, dài ba mươi sáu bộ, cao hơn sáu trượng kiến trúc theo kiểu chông diêm bốn tầng, mỗi tầng bốn mái, bốn đao, tổng cộng mười sáu đao, mười sáu mái lợp ngói "Thành Chuyên" mạ vàng óng ánh. Trừ tầng bốn để trống gọi là lầu Hòa Phong, còn ba tầng đều có lan can rộng ba bộ, lát đá cẩm thạch vân đỏ nhô ra như đoá sen. Nóc điện cao chót vót chạy dài hai con rồng uốn khúc từ hai phía đông tây ập đến, nâng bổng khối cầu được gắn ba mươi sáu viên ngọc minh châu phát sáng suốt ngày đêm. Bốn góc điện cao vút, bốn đầu đao là bốn con rồng bằng đồng đỏ quay đầu về bốn phía. Tất cả ở tư thế bay lên. Vì thế điện tuy đồ sộ, hùng vĩ sáng lấp lánh bởi những khối kim nhũ, những viên bích ngọc vẫn thanh thoát như bầy chim Lạc đang chuẩn bị vút vào bầu trời xanh biếc. Sứ thần các nước, kể cả sứ thần nhà Tống nhiều người cứ đứng lạng ngắm Thiên An điện mà mơ ước một công trình cho đất nước.

Trước điện Thiên An là sân Quảng Long có cột Báo Thiên kỳ phấp phới lá cờ ngũ sắc thêu hai chữ vàng "Đại Việt", mỗi chữ cao một ngũ.

Trong bốn cửa Hoàng Thành, cửa Đại Hưng chỉ dành cho vua, Hoàng Thái Hậu và các sứ thần. Các quan từ Thái sư, Thái úy vào điện đều phải qua cửa Tường Phù, vòng về sân Quảng Long, qua cửa chính bước vào nội điện.

Trên cửa chính là bức hoành phi vẫn giữ nguyên từ đời Lý Thái Tổ, khắc ba chữ "Càn nguyên điện" nổi trên đá, viền hoa văn bằng những bầy chim Lạc phía trên, giao long phía dưới. Hai bên cửa là đôi câu đối cũng khắc nổi trên hai cột đá hình rồng đang bay.

Đạo nhược lộ thiên, đắc kỳ môn nhi lập

Quân tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng

(Đạo tựa lối đi, được đường hướng thì vào

Vua tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên).

Lính cấm vệ giáp trụ lóng lánh đứng im phăng phắc như hai hàng kim cương bát bộ. Mùi trầm

hương phảng phất như chốn đình chùa, tiếng nhạc dặt dìu, réo rắt, bỗng chìm như mây bay nước chảy.

Lê Văn Thịnh ngập ngừng bước theo quan thái giám, khễ khàng đặt chân lên chín bậc đá bước vào nội điện. Quan thái giám đưa Lê Văn Thịnh qua nhiều hành lang rộng hẹp giống hệt nhau vào căn phòng nhỏ xinh xắn. Quan thái giám đi đầu đó chừng nửa khắc thì quay lại dẫn Lê Văn Thịnh lên lầu. Một căn phòng rộng rãi có rất nhiều tranh Phật, ba hàng ghế chạy vòng tròn trông lên sân khấu rộng, trên đó kê hai chiếc ghế bọc da hổ, hai tay ngai đầu rồng bằng vàng sáng rực. Quan thái giám bảo "Đây là nơi Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu gặp riêng các quan bàn chuyện cơ mật". Bước vào, Lê Văn Thịnh đã thấy Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu ngồi trên cao. Thái úy, Thái phó, Quốc lão ngồi hàng ghế đầu bên dưới.

Lê Văn Thịnh tung hô. Hoàng Thái Hậu sai thị vệ đem lên sân khấu một chiếc ghế, bảo Lê Văn Thịnh:

- Khanh lên đây. Hoàng thượng và triều đình quyết định phong khanh chức Sư phó có nhiệm vụ dạy cho Hoàng thượng trở thành vị Hoàng đế có lòng nhân ái, có bản lĩnh của bậc Thiên tử, văn võ kiêm toàn, kế sách sâu sắc bền vững để Đại Việt ta sánh ngang các quốc gia hùng mạnh, để Tống triều từ bỏ dã tâm xâm lược, non sông đất nước ta mãi mãi trường tồn. Nào, khanh hãy mau tiếp chỉ.

Lê Văn Thịnh quỳ xuống. Một vị thái giám giọng sang sảng tuyên chỉ. Lê Văn Thịnh làm lễ tạ ơn rồi theo lệnh của Hoàng Thái Hậu ngồi vào chiếc ghế thị vệ mới đưa lên. Hoàng Thái Hậu quay lại phía Hoàng thượng:

- Sư phó đã tiếp chỉ. Hoàng thượng mau thi lễ thầy trò.

Vua Lý Nhân Tông vội tụt xuống ghế định quỳ xuống bái lạy, nhưng Hoàng Thái Hậu ra hiệu chỉ cần đứng bái thầy ba bái. Lê Văn Thịnh hoảng hốt quỳ xuống, đầu cúi sát tấm da báo trải nền:

- Thần không dám. Thưa Hoàng Thái Hậu, thần không dám.

Lúc đó Thái úy, Thái phó, Quốc lão đều đứng dậy. Hoàng thượng ngơ ngác nhìn mọi người. Thái phó Lý Đạo Thành giũ tay áo tiến lên một bước:

- Khởi bẩm Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu. Thần trộm nghĩ đấng quân vương là Thiên tử dưới trời còn trên tất cả mọi người, chỉ phải quỳ lạy Thái Thượng hoàng, Hoàng Thái Hậu. Dù Sư phó có mang trọng trách dạy Hoàng thượng học thì đó cũng là chịu ơn mưa móc, không thể để Hoàng thượng phải thi lễ với quan Sư phó...

- Không - Hoàng Thái Hậu kiên quyết ngắt lời Thái phó - Ta cho rằng người ta sinh ra muốn phát triển toàn diện thành một con người hữu ích phải có ba người cha đích thực: Người cha thứ nhất là người đã chắt lọc từ máu thịt để sinh thành ra mình, người cha thứ hai là người cho mình trí tuệ để mình xứng đáng là một con người, người cha thứ ba là người cho mình mảnh đất, cho mình Tổ quốc để mà sinh sống, cho mình cuộc sống yên bình, hạnh phúc, không phải làm nô bộc ngoại bang. Theo lễ Tam cương thì vua là tối thượng, rồi đến thầy, sau mới tới cha. Lễ Tam cương quy định thứ tự Quân - Sư - Phụ, không quy định những ai được miễn lễ. Sư phó đã là sư phụ của Hoàng thượng thì Hoàng thượng phải tuân luật Tam cương mà thi lễ. Ta thấy đó mới hợp đạo, hợp lòng người.

Lúc đó Thái úy mới tiến lên một bước mà thưa rằng:

- Thần nghĩ: Hoàng Thái Hậu đã xử sự theo lễ đời, theo tình người ven lý trợn tình. Đã là trò thì phải giữ đúng đạo thầy trò. Nhưng từ thời Bàn cổ chưa thấy sử sách nào ghi chuyện Thiên tử phải lạy mừng người khác. Vả lại đã là đạo Tam cương khi xếp Quân lên trên là đã có ý miễn cho Thiên tử. Ngay như cha học con còn không phải thi lễ thì làm sao Hoàng thượng phải thi lễ

với Sư phó.

Cả Thái phó và Thái uý đều chấp tay đồng thanh nói lớn:

- Xin Hoàng Thái Hậu xét lại.

Hoàng Thái Hậu tỏ ra lúng túng, nhưng lại rất kiên quyết.

- Không. Ta không cho đó là đúng. Nếu không giữ lễ từ đầu thì làm sao mà học được, Sư phó làm sao mà truyền hết mọi kiến giải của mình.

Thấy Quốc lão vẫn đứng yên không nhúc nhích, chòm râu trắng mượt rung khe khẽ. Hoàng Thái Hậu đi lại phía Quốc lão hỏi nhỏ:

- ý Quốc lão thế nào?

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Thần thân là một thầy đồ nên nói ra e có phần thiên vị.

- Ta cho phép Quốc lão cứ nói.

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Thầy muốn dạy được trò thầy phải nghiêm. Trò muốn học hành tiến tới phải giữ đúng đạo, đúng lễ. Người xưa nói "Tiên học lễ, hậu học văn" là như thế. Nhưng để Hoàng thượng thi lễ với Sư phó lại là chuyện ngược với lễ Tam cương. Theo thần thì...

- Quốc lão cứ nói - Hoàng Thái hậu sốt ruột, khích lệ.

- Sao Hoàng Thái Hậu không học theo Triệu Vô Tuất cởi áo cho Dự Nhượng...

- ý Quốc lão là...

- Là Sư phó cũng cởi áo...

Hoàng Thái Hậu hiểu ngay ý Quốc lão.

- Hay. Hay lắm... Đúng là "Lão mưu đa kế". Ta cảm ơn Quốc lão.

Thái phó định can ngăn, nhưng Hoàng Thái Hậu xua tay:

- ý ta đã quyết. Cái chính là ta muốn Hoàng thượng trước hết phải giữ kỷ cương, phải là tấm gương cho thần dân học tập.

Thị vệ khiêng lên giá áo. Lê Văn Thịnh cởi mũ đội lên giá, cởi áo khoác, khoác lên, rồi lui lại ba bước. Lý Nhân Tông tiến lên vái ba vái vào giá áo rồi quay lại. Lê Văn Thịnh vội đáp lại một lạy. Tất cả tung hô:

- Hoàng thượng vạn tuế. Hoàng Thái Hậu thiên tuế.

Một hôm thầy Lê Văn Thịnh kể cho Lý Nhân Tông nghe chuyện học của Sở Bá Vương. Lý Nhân Tông về kể lại cho Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu bảo:

- Vậy thì từ nay Hoàng thượng hãy học theo Sở Bá Vương. Khi tới lớp lạy thầy ba lạy theo đạo thầy trò. Chắc chắn khi Hoàng thượng về Sư phó sẽ lạy Hoàng thượng ba lạy theo đạo quân thần. Như thế không ai nỡ ai mà vẫn tròn đạo hiếu.

Đó là chuyện năm sau. Còn lúc đó Hoàng Thái Hậu rất hài lòng, vui vẻ nói tiếp:

- Ta đã xem bài thi bình pháp của Sư phó. Ta thấy Sư phó quả là người thông lâu võ kinh. Những điều Đường Thái Tông hỏi Lý Tĩnh, Sư phó đều trả lời thông thạo, chính xác. Đặc biệt

những kế sách mà Sư phó đề xuất, ta và Kiểm hiệu Thái úy thấy rất hay, triều đình sẽ xem xét vận dụng. Vì thế Kiểm hiệu Thái úy dâng tấu muốn Sư phó đảm đương trọng trách Thị lang Bộ binh, không trực tiếp cầm quân, chỉ tham gia kế sách, mưu lược, khi cần thì tham gia tranh biện. ý Sư phó thế nào?

- Muôn tâu Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu. Thần chỉ là một học trò văn chưa lâu Tứ thư, Ngũ kinh; võ học một chút những lời Lý Tĩnh; còn kiểm chỉ đáng bậc chư trấn, lộ quan, được Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu tin yêu giao cho chức Sư phó đã giạt mình lo sợ, nay lại giữ thêm chức Thị lang e không biết xoay xử thế nào. Xin Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu và Thái úy lượng xét.

- Khanh quá khiêm tốn. Ta thấy khanh không vì trọng trách Sư phó mà trực tiếp cầm binh sẽ chẳng kém gì Hàn Tín đời Hán, Triệu Thủ đời Đường; chứ bọn Quách Quỳ, Triệu Tiết, Miêu Lý thì có đáng kể gì. Thôi, khanh đừng phụ tấm lòng ngưỡng mộ của quan Thái úy. Thái úy cũng chỉ lo cho non sông Đại Việt.

Thái phó, Quốc lão, Thái úy và cả Hoàng thượng đều có lời khuyên. Lê Văn Thịnh mới quỳ xuống nhận chỉ.

Thế là chỉ tháng trước còn là một thư sinh bạch diện, tháng sau đã là Sư phó mang trọng trách dạy vua, là Thị lang Bộ binh nhất hô bách ứng. Cuộc đời thăng quan tiến chức của con người này thật như cánh diều gặp tiết Tín phong.

Dù vậy Lê Văn Thịnh vẫn giữ nếp sống kiệm cần, ở trong nhiệm sở, tháng tháng một mình một ngựa về quê thăm người vợ tảo tần, thấp lên mộ phần cha mẹ những nén hương thơm, thăm hỏi người già, cho quà con trẻ. Lê Văn Thịnh vẫn là người thầy của đám học trò, là người con yêu quý của làng quê Đông Cứu.

IV

Một ngày cuối tháng 4 năm Bính Thìn, Thăng Long lồng lộng gió. Đường Thiên Lý từ ải Pha Lũy đến cửa Đại Hưng cứ mười thước lại cắm một lá cờ, các nhà trạm treo đèn kết hoa sáng rực. Kinh thành Thăng Long rực rỡ sắc màu. Cờ phấp phới trên các tòa lầu, trước cửa tất cả những ngôi nhà. Pháo nổ từng tràng giòn giã. Dân nông thôn đổ xô ra đường. Người Thăng Long tràn ra phố xá. Khí thế bừng bừng, háo hức đợi chờ.

Đoàn quân chiến thắng vượt hàng trăm dặm về tới Long Biên, rùng rùng qua cầu phao tiến vào Thăng Long. Quân cấm vệ chia làm năm đội, mỗi đội bốn giáp. Đội Bạch ngự giáp trụ trắng, cưỡi ngựa bạch, tay cầm trường thương đi trước tiếp đến đội Vũ hồng giáp trụ màu cánh sen, cưỡi ngựa hồng tay cầm đoản đao, đội Thanh Dục giáp trụ màu lá cây, vai đeo cung nỏ lưng giắt đoản kiếm; rồi đến đội Hắc lược cưỡi ngựa ô, đeo toàn trúc kiếm. Kiểm hiệu Thái úy Lý Thường Kiệt mặc võ phục thêu kim tuyến, cưỡi con Truy phong cao lớn, mắt sáng quắc, lông mượt như nhung cùng hoàng tử Hoảng Chân, hoàng tử Chiêu Văn, phò mã Thân Đạo Nguyên, các tướng Tôn Đản, Vi Thủ An; Thân Cảnh Phúc... đi giữa đội Hoàng tiếp giáp trụ màu hoàng yến, cưỡi ngựa lưu tinh, đeo bảo kiếm chuôi nạm bạc, ung dung tiến về cửa Đại Hưng. Theo sau Thái úy là hơn một ngàn khinh kỵ, giáp trụ uy nghi, dây cương thả lỏng, vẻ mặt vừa phấn khích, vừa trang nghiêm đi giữa rừng người chật ních ven đường. Pháo nổ ran trời. Hoa bay lá tả. Hàng trăm dàn bồ câu được tung lên bầu trời Thăng Long, lượn những vòng hẹp dần, xoáy chôn ốc lên cao, lẫn mãi vào những đám mây bông.

Cửa Đại Hưng là chính môn chỉ vua, Hoàng Thái Hậu và các sứ thần được vào, nhưng hôm nay theo lệnh của Hoàng Thái Hậu chính môn rộng mở đón những người chiến thắng. Việc quân đội Đại Việt vượt biên giới đánh sang đất Trung Nguyên không phải là mới lạ. Theo sử sách thì năm Nhâm Tuất, Lý Bí một hào trưởng đã nổi lên khởi nghĩa. Thứ sử nhà Lương là Tiêu Tư khiếp sợ chạy trốn. Năm sau (năm Quý Hợi) vua Lương cay cú cho các tướng Tôn Quýnh, Lưu Tử Hùng tập hợp đại binh ở Hợp Phố để tiến hành cuộc xâm lược trả thù. Thực hiện chiến lược "Tiên phát chế nhân" (tiến công trước để kìm chế giặc), Lý Bí đã đem quân tinh nhuệ hành quân thần tốc bất ngờ tập kích tiêu diệt gần như hoàn toàn đạo quân ấy.

Năm Kỷ Hợi, nhà Tống tráo trở cho quân quấy rối biên giới, Lý Thánh Tông đã cho đội kỳ binh tới doanh Tư - Lãm thuộc Khâm Châu biểu dương lực lượng, quan quân nhà Tống thấy mà khiếp hãi. Trước đó nhân đánh đuổi quân lấn chiếm, phò mã Thân Thiệu Thái Châu mục Lạng Châu đã tràn sang đất Tống, bắt sống tên chỉ huy sứ Dương Bảo Tài. Quân Tống dùng lực lượng mạnh sang cướp lại, bị đánh tan tác, tháng 7 năm Canh Tý phải đề nghị mở hội nghị Ung Châu, hứa trừng phạt những kẻ quấy rối, cùng nhau hoạch định biên giới và xin thả Dương Bảo Tài. Vua Lý chấp nhận cử Phí Gia Hậu tới những kiên quyết không thả Dương Bảo Tài vì đó là nhân chứng của sự vi phạm.

Cuộc tiến quân của quân Đại Việt lần này ở quy mô lớn hơn nhiều. Thủy quân dưới sự chỉ huy tài tình của Thái úy Lý Thường Kiệt đã vượt biển đánh chiếm Châu Khâm, Châu Liêm. Bộ binh mà nòng cốt là kỵ binh dưới sự chỉ huy của các tù trưởng dân tộc ít người như Tôn Đản, Lưu Kỷ, Hoàng Kim Mãn, Thân Cảnh Phúc, Vi Thủ An bất ngờ đánh chiếm các trại biên giới, rồi thần tốc hợp với quân chủ lực bao vây Ung Châu. Thành Ung Châu được mệnh danh là pháo đài bất khả xâm phạm, có lực lượng quân sự lên tới gần chục vạn quân, là lực lượng chính để tấn công Đại Việt, có hậu cần phong phú có thể tiến hành chiến tranh vài ba năm, có tường thành cao vài trượng, hào sâu cắm đầy chông sắt... Nhưng với cách đánh độc đáo, dũng mãnh, quân Đại Việt sau hai tháng bao vây đã san phẳng thành trì, tiêu diệt năm vạn tám ngàn tên, trong đó có những viên tướng giỏi như Trương Thủ Tiết, Tô Giám... số còn lại bỏ ngũ chạy tan tác. Hàng triệu斛 lương, hàng vạn binh khí, hàng ngàn ngựa chiến và rất nhiều quân trang quân dụng rơi vào tay quân ta, một số được đưa về nước, còn lại bị thiêu hủy hết. Thành Ung Châu bị hạ khiến cả triều đình Tống bất ngờ, hoảng loạn, quân Liêu, Hạ thừa cơ ào ạt tràn vào đất Tống; Tân pháp của Vương An Thạch bị đả kích, phá sản; Tống Thần Tông vô cùng bối rối. Còn quân

dân Đại Việt, triều đình nhà Lý thì vô cùng phấn khởi, ý chí độc lập tự cường được củng cố, sức mạnh quân sự tăng lên gấp bội.

Vua Lý Nhân Tông, Hoàng Thái Hậu ỷ Lan, Thái phó Lý Đạo Thành, Quốc lão Ngô Ỗn, Sư phó kiêm Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh cùng toàn bộ văn võ bá quan ra tận cửa Đại Hưng đón đoàn quân chiến thắng. Tục kết trúc làm núi Nam Sơn đã được bỏ từ lâu vì quá công phu tốn kém, nay Hoàng Thái Hậu cho dựng lại đặt giữa Quảng Long Trường dưới chân cột Báo Thiên kỳ.

Kiểm hiệu Thái úy thay mặt đoàn quân chiến thắng tấu trình sơ bộ với Hoàng thượng và triều đình về cuộc hành binh Bắc phạt. Hoàng thượng tuy mới bước sang tuổi mười một nhưng vóc dáng đã phổng phao, khuôn mặt nhân hậu đẹp như trăng rằm và đặc biệt tiếng nói đã chứng chạc, âm vang, đầy uy lực, vô cùng phấn khởi đến trước mặt Thái úy, nắm chặt bàn tay vị tướng già trụ cột:

- Trẫm cảm ơn Thái úy. Giữ được non sông Đại Việt là nhờ bàn tay này của Thái úy đấy. Thôi, tất cả hãy vào đại điện, hôm nay trẫm mở tiệc mừng, không câu nệ vua tôi, uống thật say mừng Đại Việt trường tồn, mừng Thái úy muôn đời lưu danh sử sách.

Tiệc tan. Hoàng Thái Hậu mời văn võ bá quan đầu giờ Thân về phòng cơ mật họp. Phòng cơ mật ở tầng ba trong điện Thiên An, có tường dày hai lớp. Lớp ngoài ốp đá cẩm thạch, lớp trong ốp gỗ lim đen bóng. Giữa hai lớp là khoảng không rộng năm tấc. Trần và nền ốp tứ thiết. Quanh phòng quây màn gió bằng lụa phương la vùng Ngự Thiệu màu mỡ gà nổi tiếng. Trên trần căng lụa tơ tằm màu thanh thiên điểm những chấm đỏ như những vì sao đêm trung thu. Từ sau những bức rèm ánh sáng êm dịu phát ra rực rỡ, ấm áp.

Một dãy bàn bọc gấm quây theo hình móng ngựa trông lên hai chiếc ghế đầu rồng bọc da hổ, nơi Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu đang căng tấm bản đồ Đại Việt trên bàn. Chính giữa phòng là chiếc sa bàn dài hai trượng, rộng một trượng đắp những vị trí thiết yếu của Đại Việt và vùng Lưỡng Quảng đất Tống. Khi có mặt đông đủ Hoàng Thái Hậu bảo:

- Đây không phải là buổi thiết triều nên các khanh không phải giữ lễ. Ta cũng sẽ thay Hoàng thượng trực tiếp làm chủ tọa. Những võ công mà quân dân Đại Việt lập trên đất Tống đã làm thần dân cả nước vui mừng, nhưng cũng làm vua tôi nhà Tống mất mặt. Nhất định chúng sẽ báo thù, cũng là để thực thi dã tâm xâm lược. Vì vậy Hoàng thượng và ta cho triệu văn võ bá quan đứng đầu các bộ để bàn kế sách đánh giặc. Ta cho rằng muốn có kế sách vẹn toàn, phải nhìn thật kỹ những võ trận vừa qua, phải hiểu ta mạnh gì, yếu gì, phải biết là vì sao ta thắng. Ta mong các khanh nói hết những kiến giải của mình.

Thái phó Lý Đạo Thành đứng dậy. Hoàng Thái Hậu ra hiệu cứ ngồi tại chỗ. Thái phó ngồi xuống, nói:

- Muôn tâu Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu. Thần cho rằng sở dĩ ta thắng lợi trước hết là nhờ phúc trạch của Đại Việt, đức lớn của Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu, tài dụng binh của Thái úy và tư tưởng "Tiên phát chế nhân" đúng đắn của Thái úy, của Thị lang Bộ binh đã tiến công chủ động, đúng lúc, đúng chỗ. Sau nữa là lòng can đảm của quân đội và cách đánh biến hoá của ta...

Tướng Tôn Đản rất tâm đắc với những điều Thái phó vừa nói, buông tay phấn khởi:

- Anh em binh sĩ rất đội ơn Hoàng Thái Hậu đã đốc thúc kịp thời những cặp cò kheo vừa có thể vượt qua hào rãnh, sinh lầy, vừa là loại trường thương chống lại bọn kỵ binh Tống rất hiệu quả. Tướng sĩ cũng rất khen ngợi sáng kiến của Thị lang Bộ binh làm lương khô bằng chè đỗ xanh kho vừa để được lâu, ăn vào thấy khỏe mạnh như được uống thuốc bổ lại đỡ phải đun bếp nấu nướng. Bài "Lộ bố" của Thái úy được dân Tống đón nhận, hiểu rõ việc ta chinh Bắc là đúng, là tốt nên không những họ không oán trách mà còn ủng hộ mạnh mẽ.

Bá quan văn võ mỗi người mỗi ý tìm thấy những cái mạnh, cái yếu của quân ta và nêu những kiến nghị rất hợp lý.

Thái úy Lý Thường Kiệt rời ghế tiến về phía sa bàn, trình bày tường tận diễn biến cuộc chiến, đánh giá mạnh yếu cả của ta, cả của địch, rút ra những điều cần ghi nhớ. Ông nhìn tất cả mọi người rồi trầm giọng:

- Tổng Thần Tông và triều đình nhà Tống cho rằng chúng đã bỏ lỡ ba cơ hội đánh chiếm nước ta. Một là: Sau khi Đại Hành Hoàng đế băng hà, nội bộ nhà Lê lục đục, vua Long Đĩnh tàn ác mất lòng dân. Hai là: Khi Hoàng thượng mới lên ngôi. Ba là: Khi thần đem binh vây Ung Châu ất trong biên鄙 ngổ. Ba cơ hội đã trôi qua. Nhưng còn một cơ hội nữa: Đó là sau khi thắng trận, quân Đại Việt sẽ say sưa chiến tích, sao nhãng việc phòng thủ. Vì thế thần cho rằng ta đừng quá vui mừng, hủy bỏ các cuộc truy hoan, bàn ngay kế sách...

Vi Thủ An đứng phắt dậy:

- Thái úy quá lo xa. Quân Tống muốn đánh ta nhất định phải tập trung binh lực. Ta tăng cường thám báo vào đất Tống, nếu thấy có hiện tượng tập trung quân ta lại "Tiên phát chế nhân", một trận là quét xong kinh ngạc, lo gì? Người xưa nói "Dĩ dật đãi lao", sao ta lại hạn chế truy hoan để giảm đi nhuệ khí?

Lúc ấy Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh mới từ tởn đứng dậy, thưa:

- Bẩm Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu, thưa văn võ bá quan. Thần cho Thái úy nói rất đúng. Quân Tống chỉ nay mai sẽ xâm phạm biên cương Đại Việt. "Tiên phát chế nhân" cốt lõi ở sự bất ngờ. Nhà Tống đã có bài học. Việc cần thiết bây giờ là phải tổ chức phòng thủ vững chắc, linh hoạt.

Lê Văn Thịnh ngừng lại suy nghĩ. Hoàng Thái Hậu khích lệ:

- Khanh hãy nói rõ chủ kiến của mình.

- Thưa Hoàng Thái Hậu. Thần cho rằng trước hết phải triệt nguồn cung cấp hậu cần của địch. Muốn triệt đường hậu cần phải tập trung lực lượng ít mà tinh tiêu diệt quân tải lương, cắt hết nguồn cung cấp tại chỗ. Phải tổ chức nhân dân sơ tán lương thực, làm vườn không nhà trống những nơi giặc đi qua, nhất là những nơi chúng có thể sẽ chiếm đóng.

Thứ hai, phải tổ chức các tuyến phòng ngự dựa vào địa hình tự nhiên là các con sông lớn như sông Ô Bì, Nhật Đức, Nguyệt Đức, Thiên Đức và Nhị Hà. Chủ yếu là tuyến Nhật Đức. Bờ nam Nhật Đức phải được đắp thành đê như đê Cơ Xá, thời bình giữ cho khỏi úng lụt, thời chiến là chiến lũy ngăn địch. Những đoạn sông nông địch có thể lội qua phải làm chướng ngại vật, tăng cường quân phòng thủ. Những đoạn sông sâu thì đóng cọc ngầm. Các mỏm núi đặt máy bắn đá, liên châu nổ... không chế từng vùng. Toàn tuyến có ám hiệu thống nhất có thể nhanh chóng cấp báo về triều đình.

Thứ ba, phải phát động quốc dân tham gia đánh giặc, không kể nam, phụ, lão, ấu hễ là con dân Đại Việt ai cũng phải có trách nhiệm đánh giặc cứu nước.

Thứ tư, những vùng đã bị địch chiếm phải tổ chức những đội du binh, ngày đêm tiêu hao quân địch. Rồi đây các châu như Vị Long, Vĩnh An, Đô Kim, Thất Nguyên, Châu Văn, Châu Lạng, Bình Nguyên, Thăng Do, Châu Bình, Châu Bà... và có thể cả phủ Phú Lương, cả lộ Bắc Giang sẽ nằm trong vùng chiếm đóng của quân Tống. Các tri châu phải đưa lực lượng vào rừng sâu, núi cao tổ chức những trận đánh nhỏ, không để địch khắc nào rảnh rang, yên nghĩ.

Thứ năm, Thiên tử quân phải được tổ chức tốt hơn, thiện chiến hơn. Phải tập đánh đêm, đánh trên mặt nước. Phải nhử địch xuống nước, vào hẻm núi mà tiêu diệt.

Thừa Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu. Thừa văn võ bá quan. Nếu vua tôi một lòng, quân dân một dạ thì thất bại của giặc Tống đã ở ngay trước mắt. Thần tin là cuộc chiến sẽ không quá một năm.

Thân Cảnh Phúc rụt rè hỏi Thị lang:

- Thừa quan Thị lang. Tôi không hiểu vì sao phòng tuyến chính phải lập ở sông Nhật Đức, để mất vào tay giặc hàng chục châu, trại? Vì sao ta không tập trung quân ở biên giới đánh khi địch vừa đặt chân vào đất của ta?

- Đại Việt ta nhỏ và yếu hơn đại Tống, vì vậy ta phải "lấy đoản binh mà chống trường trận", tức là lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh. Quân giặc mới tới còn mạnh, còn hung hăng, muốn "tốc chiến tốc thắng", ta nên rút lui bảo toàn lực lượng. Chờ giặc vào sâu lực lượng bị dàn mỏng, tiếp tế hậu cần khó khăn, không quen thủy thổ, chờ cơ hội tốt ta sẽ phản công. Ấy là kế lấy "nhu thắng cương" như sách Kinh thế nói: "Địch mạnh thì nên dùng lối đánh tía". Còn lập phòng tuyến chính ở sông Nhật Đức vì sông Nhật Đức lòng sâu, nước xiết, xa đất Sơn Lăng, tiến thì thuận mà lui thì dễ. Chẳng may thất thủ sẽ có phòng tuyến Nguyệt Đức hậu bị. Nếu lấy Ô Bì làm tuyến chính thì sớm quá, lấy Nguyệt Đức làm tuyến chính thì muộn quá. Lấy Nhật Đức là vừa phải.

- Khoan - Thái úy đứng dậy - Xin quan Thị lang khoan nói tiếp. Tôi rất tâm đắc với những kế sách quan Thị lang vạch ra. Riêng việc lập phòng tuyến chính phụ thì ta phải bàn cho kỹ. Nhất định trận quyết chiến sẽ xảy ra ở phòng tuyến này, an nguy của Đại Việt cũng được định đoạt ở đây. Tôi cho rằng nếu lập phòng tuyến chính ở Nhật Đức thì địch vẫn còn đang tập trung, đang mạnh mà đường tiếp ứng của ta lại quá xa, quân dân chưa thấy cái họa Thăng Long thất thủ.

Vả lại phòng tuyến Nhật Đức sẽ phải kéo rất dài, ta không đủ lực lượng chốt chặn. Theo tôi phòng tuyến chính nên lập tại sông Nguyệt Đức. Nguyệt Đức tuy dài nhưng có dãy Nham Biền chắn phía hạ lưu, ta chỉ cần lập tuyến đoạn sông Như Nguyệt từ đầu làng Như Nguyệt đến bến Chúc Tay. Phía sau phòng tuyến là vùng Vũ Ninh, Thiên Đức đông người lắm của, là đất Sơn Lăng cấm địa, là kinh thành Thăng Long. Quân dân Đại Việt nhất định sẽ mang hết trí lực, tài lực, tính mạng, của cải để giữ gìn non sông gấm vóc. Nhất định giặc Tống sẽ bị chôn vùi dưới dòng Nguyệt Đức.

Cuộc tranh cãi nổ ra quyết liệt, một bên là Kiểm hiệu Thái úy đặt quân Đại Việt vào thế Hàn Tín đánh Triệu Vương Yết, một bên là Thị lang chọn nơi công không quá xa, thủ không quá gần. Trước lý lẽ của Thái úy, văn võ bá quan dần dần đi đến nhất trí, chỉ có Thị lang vẫn còn băn khoăn. Thái phó lưỡng lự.

Cuối cùng Hoàng Thái Hậu quyết định:

- Ta chấp nhận phương sách của Kiểm hiệu Thái úy. Thị lang chọn Nhật Đức không sai nhưng thắng giặc sẽ lâu, hy sinh sẽ lớn. Còn mọi kế sách của Thị lang ta thấy khá ven toàn, các khanh hãy bàn luận kỹ mà thực hiện. Ta giao cho Thái úy cùng Thị lang Bộ binh lập tức lập ngay phòng tuyến sông Như Nguyệt và phải chú ý phòng thủ phía Nam. Thế nào nhà Tống cũng xúi giục bọn Chiêm Thành, Chân Lạp gây rối. Lý Thái phó vừa trông coi nội chính vừa đôn đốc hậu cần. Các châu mục tổ chức ngay các căn cứ bí mật trong rừng làm sao công thủ lưỡng tiện, quyết không để quân giặc khắc nào ăn no ngủ yên. Ta sẽ cùng Quách nữ tướng lập những đội nữ binh, Quốc lão sẽ lập những đội Bạch đầu quân. Phen này cả nước vào trận, mỗi người dân Đại Việt là một chiến binh bất khả chiến bại.

*

Năm ấy rét sớm. Mới cuối tháng mười mà những trận gió mùa đông bắc đã ào ạt tràn về, lá xanh úa héo vàng vọt bay lá tả. Hoàng Thái Hậu dậy rất sớm. Đêm qua người không ngủ. Thám báo phi ngựa lưu tinh từ biên ải về cấp báo: Tống Thần Tông đã cho rút tên nguyên soái Quách

Quỳ từ chiến trường Liêu, Hạ về nhận chức Bình Nam Đại nguyên soái cùng Triệu Tiết - tên tiến sĩ văn hay chữ tốt đem mười vạn tinh binh, kéo theo hai mươi vạn dân binh hy vọng vợ vết của cải Đại Việt đem về thi hành Tân pháp. Tổng Thần Tông cùng Vương An Thạch tiễn Quách Quỳ mười dặm khỏi Biện Kinh. Triều đình nhà Tống cho rằng cuộc Nam Chinh sẽ xóa đi nỗi nhục Ung Châu, răn đe Liêu, Hạ và bổ sung cho quốc khố đang thiếu hụt hàng triệu lạng bạc, lấy lại uy danh Thiên tử. Họ tin rằng nước Đại Việt nhỏ bé như một châu quận sẽ không chịu nổi đòn tấn công sấm sét cả hai mặt trận phía Bắc, phía Nam. Họ sẽ nhanh chóng đánh tan quân đội do Lý Thường Kiệt chỉ huy, sẽ vào Thăng Long bắt sống vua Lý, bắt sống Hoàng Thái Hậu y Lan mà Tổng Thần Tông nghe kể đã mơ đến giấc mơ hoan lạc.

Hoàng Thái Hậu cho mời Thị lang Lê Văn Thịnh. Người không thể ngồi yên ở kinh thành. Người phải tận mắt nhìn thấy sự chuẩn bị kỹ càng của quân dân Đại Việt. Hoàng Thái Hậu ngồi trên bành voi chiến, còn Thị lang cưỡi con Bạch mã. Đội Ngự long quân cưỡi trên những con chiến mã cao lớn đưa Hoàng Thái Hậu và quan Thị lang qua cửa Tường Phù, ngược hướng Tây Bắc tiến lên đầu nguồn sông Nguyệt Đức, vượt sông sang phủ Phú Lương, rồi xuôi theo dòng Nguyệt Đức. Hoàng Thái Hậu và quan Thị lang tận mắt chứng kiến cảnh vườn không nhà trống, cảnh những đội dân binh, thổ binh tự trang bị giáo mác, cung nỏ luyện tập trong căn cứ bí mật. Đêm ấy Hoàng Thái Hậu ngủ lại ở một ngôi chùa dưới chân núi Đuối. Thị lang nghỉ ngoài tam quan. Cả đêm Thị lang chỉ suy nghĩ một điều: quân Tống sẽ chọn khúc sông nào để vượt? Chờ trăng cuối tuần nhô lên sau dãy Nham Biền xa xa, Thị lang đóng yên cương cưỡi con Bạch mã lững thững dọc bờ bắc đoạn sông Như Nguyệt. Tới bến Xà Ngọt, ngắm kỹ địa hình, Thị lang khẳng định địch quân nhất định sẽ chọn nơi đây làm điểm đột phá vượt sang bờ nam. Thị lang khẽ mỉm cười, bình thản quay về Tam quan.

Trăng hạ tuần tháng mười mờ tỏ, sương đêm thoa nhẹ lên lớp da cái cảm giác cô đơn giá lạnh. Thị lang nhớ tới người vợ nơi quê nhà, chắc đêm nay đang ôm gối thổ dài. Gọi là vợ quan được cả làng, cả huyện tôn kính nhưng nàng vẫn giữ bản chất quê mùa, thức khuya dậy sớm. Nàng vẫn trồng dâu nuôi tằm, vẫn lên núi Thiên Thai kiếm củi hái những trái hồ đào lấy hạt làm muối hồ đào. Đêm đêm nàng vẫn chong đèn đọc sách, nghiền ngẫm Kinh dịch, thuật pháp mà ông nội nàng đã bỏ cả đời nhận chân giá trị. Nàng còn dạy cho những người con gái quê mùa chữ thánh hiền, dạy thêu thùa, tằm tang khung cửi.

Thật ra lúc đầu Lê Văn Thịnh không hề yêu nàng. Cái đêm mùa đông cách đây đã tám năm, khi cô cháu gái cụ đồ Nhân chỉ đường anh về Đông Cứu, anh chỉ vô tình nói ra một lời từ biệt "Nếu có duyên sẽ có ngày gặp lại". Rồi anh gặp lại nàng thật. Lúc này nàng đã phổng phao, đã là một thiếu nữ tuy không đẹp lắm nhưng nét na, dịu dàng và hiểu biết. Càng gần nhau, như lửa gần rơm, anh thấy đời anh không thể thiếu nàng. Dù sau này cuộc đời xô đẩy, anh may mắn leo tới tột đỉnh vinh quang thì nàng cũng sẽ mãi mãi là của anh. Không một mỹ nhân, công chúa hay nàng tiên nào có thể thay thế được nàng.

Nghĩ tới nàng người Thị lang nóng rực. Đã gần ba tháng Thị lang mãi theo dõi tình hình chiến sự, mãi luyện cho Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu thành thực thể kiếm Mai Hoa nên không có dịp về nhà. Nhớ nàng, nhớ những câu nói dịu dàng đầm ấm, nhớ bữa cơm gạo tám ăn với muối hồ đào, chan canh cua rau rút nổi gạch

vàng ngày ngày, nhớ những phút ái ân cuồng nhiệt. Cả Thị lang, cả nàng đều mong có đứa con nối dõi. Nhưng không hiểu sao đã ba bốn năm trời mà nàng vẫn chưa có gì. Hay là ta ăn ở có điều gì chưa phải đạo? Thị lang lại mỉm cười, tự hứa là bao giờ chiến thắng giặc Tống sẽ đưa nàng lên kinh thành một thời gian, nhất định vợ chồng sẽ được toại nguyện. Thị lang lại mơ màng nghĩ tới phút giây ấy, người Thị lang lại rùng rục. Ngọn lửa thanh xuân át đi sương mù, át những cơn gió lạnh. Thị lang xuống ngựa, cởi quần áo dài, rút thanh bảo kiếm, tập trung nhãn lực vào mũi kiếm, bay lên, đi lại bài Mai Hoa rồi chuyển sang bài Đảo Sơn đầy kinh lực. Người nóng rực, Thị lang cởi nốt quần dài, áo lót để lộ bắp vai to rộng, bộ ngực nở và bắp đùi săn chắc. Những đường kiếm lại loang loáng trong đêm, ánh trăng thẳng thốt bị cắt ra làm hàng trăm mảnh, đập vào cánh cửa chùa, đập vào những hàng cây, in trên mặt nước lấp loáng,

lấp lánh.

Gần sáng Thị lang xuống hồ rửa ráy, mặc quần áo ngồi trên thành giếng, rút ống Địch trúc huyền thối điệu Lưu thủy, Hành vân. ôi, nước mây Đại Việt sao mà lung linh, sao mà huyền diệu! Lúc đầu là tiếng róc rách của con suối thượng nguồn, tiếng ào ào của ngọn thác chênh vênh bên vách đá, rồi con nước lững lờ trôi giữa đôi bờ xanh mượt lúa ngô, nghe như có cả tiếng ộp oạp vỗ mạn thuyền của vùng đồng chiêm trũng. Bao la là biển xanh khi mặt nước phẳng lý như tấm gương đồng, khi giận dữ gầm gào như mãnh hổ sa vào bẫy sắt... và những áng mây, lúc thì ùn ùn kéo tới đen kịt bầu trời, lúc vật vờ lang thang đi tìm người tri kỷ. Người dân Đại Việt yêu lắm những áng mây ngũ sắc, những đám mây bông, những chòm mây chần trâu thối sáo, những bức cầu vồng biến hóa khôn lường. Dân Đại Việt ghét nhất những đám mây thành giếng phía chân trời một màu u tối, ghét những chòm mây kỳ mã cung kiếm rợp trời. Khúc Lưu thủy, khúc Hành vân của Thị lang vừa thực vừa hư, vui lắm mà cũng nghĩ suy nhiều lắm...

Tiếng sáo vô tình, thế võ vô tình, cái cơ thể đàn ông của Thị lang cũng vô tình đã lọt vào những cặp mắt đen láy, long lanh của hai người đàn bà và một người tu hành. Hai người đàn bà là ai sau này ta sẽ rõ, còn người tu hành chính là Yết ma trụ trì ngôi chùa mà Hoàng Thái Hậu và Thị lang ngủ trọ.

Thị lang vừa dứt tiếng sáo, nghe tiếng vỗ tay đôm đốp. Thị lang quay lại hỏi "Ai đấy?" thì nghe được câu thơ:

U minh càn thượng nhân ô, thổ

Khuất khúc khôn duy vi nhạc, Hoài

(Trời tối sáng soi nhờ Nhật, Nguyệt

Đất hiểm phân ranh có núi, sông).

Thị lang biết ý vội nói: "A di đà Phật". Một vị Yết ma nhỏ nhắn, da trắng, mắt xếch, tai xệ ngang cằm từ Tam bảo bước ra, chấp tay:

- Mô Phật! Xin bái phục, bái phục. Đêm nay bản tăng được mở rộng tầm mắt, mở thêm trí tuệ. Lục căn! Lục căn!

Hai người vào Tam quan đàm đạo. Yết ma hỏi:

- Ngài là quan gì?

Thấy vị Yết ma tò mò hỏi một câu rất lạ, người tu hành không bao giờ quan tâm. Lê Văn Thịnh ồm ờ "Quan nhân". Hai người ngồi im. Lê Văn Thịnh vốn không tin lắm vào đạo Phật, lại không thích vị Yết ma làm mất hứng, bèn hỏi:

- Ngài là người tu hành. Xin hỏi "Phật là gì?".

- Nhật nguyệt lệ thiên hàm trần sát

Thùy chi vân vũ lạc sơn hà.

(Nhật nguyệt trời cao soi mọi cõi

Ái hay mây khói phủ non sông).

- Làm thế nào mà hiểu được ý ngài nói?

- Mục đồng kỳ quán ngộ ngư hầu

Sĩ hữu anh hùng khoa đắc y

(Mục đồng ngủ mãi lưng trâu ngộ

Câu chuyện anh hùng biết được sao).

Lúc đó Hoàng Thái Hậu đã ra khỏi tòa Tam bảo, đứng ngoài Tam quan nghe hai người đàm đạo. Hoàng Thái Hậu vốn sùng đạo Phật, thuộc nhiều các bộ kinh, có thuyết lý rõ ràng. Nghe vị Yết ma trả lời, Hoàng Thái Hậu rất lấy làm thích thú, nhẹ nhàng bước ra:

- A di đà Phật. Lão tăng ở đây có một mình sao?

- Tương thức mãn thiên hạ

Tri âm năng kỷ nhân

(Quen biết đầy thiên hạ

Tri âm được mấy người?).

Hoàng Thái Hậu hiểu người này không phải người bình thường nên lại hỏi:

- Thế nào là con đường dẫn đến căn nguyên của Đại Đạo?

Vị Yết ma đáp ngay:

- Cao ngạn tột phong tri kính thảo

Bang gia bản đẳng thức trung lương.

(Cổ mạnh đứng bờ cao gió dữ

Nước nhà thời loạn biết trung lương).

Rồi lại ngâm:

- Bất nhân phong quận phù vân tận

Tranh kiến thanh thiên vạn lý thu

(Không nhờ gió cuốn mây trôi hết

Màu xanh sao tỏ một trời thu).

Hoàng Thái Hậu phục lắm, cho về chùa Vạn Tuế gần điện Thái Hoà trụ trì, phong chức giáo là hoà thượng, đặt giáo hiệu là Khô Đầu.

*

Đầu tháng chạp năm Bính Thìn đại quân của Quách Quỳ, Triệu Tiết đã phá vỡ phòng tuyến sông ô Bì, phòng tuyến sông Nhật Đức áp sát bờ bắc sông Nguyệt Đức. Đại bản doanh của Quách Quỳ, Triệu Tiết đóng trên mỏm những quả đồi vùng Tiên - Lát, bên tả là trại tiên phong của tướng Miêu Lý, Yên Đạt, bên hữu là trại hậu quân của tướng Trương Cát, Dương Nguyên Khanh. Các tướng Giới Định, Đặng Trung, Lưu Tử Dân, Trương Long, Thẩm Khởi, Lưu Dự đều ở trung quân. Tướng Đào Bất, Tắt Trọng Hùng được giao chỉ huy quân tiếp lương đồng thời là quân vận chuyển chiến lợi phẩm về Tổng quốc. Thủy quân do hai tướng Hòa Mãn, Dương Tùng

Tiên xuất phát từ Châu Khâm theo đường biển tiến đánh vùng duyên hải rồi hợp quân ở Lục Đầu giang. Thủy quân Tống chưa kịp cập bờ duyên hải đã bị hai hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn đánh cho tơi bời phải tháo chạy về nước mặc cho Quách Quỳ mong đứng, mong ngồi.

Bờ nam, đoạn từ Xà Ngọt đến bến Chúc Tay dẽ được đắp cao như rừng xanh án ngữ. Ngoài bờ dẽ là lớp lớp cọc tre dày đặc, có lối đi riêng bí mật. Những đoạn sông sâu đều có cọc bịt sắt nhọn, những chỗ nông có "rồng tre" là những cây tre gai bó lại thành từng bó so le dài hàng chục trượng, không cách gì tháo gỡ. Quân cung nỏ án ngữ những điểm cao, sử dụng loại nỏ liên châu có thể bắn một trăm mũi tên đồng một lúc và máy bắn đá có thể phóng những tảng đá nặng hàng ngàn cân xa hai ba dặm qua sông tới những doanh trại địch bên bờ bắc.

Quân ta đóng đại bản doanh trên núi Thất Diệu. Mười dặm đóng một đồn "Thiên tử quân", một dặm có trại hương binh, thổ binh. Các đội nữ binh mang tên Trưng Vương, Triệu Chinh Nương, Thúy Hoa... tự trang bị mã tấu, đoản kiếm, cung nỏ nấp sẵn trong các lũy tre xanh. Các đội Bạch đầu quân trang bị gậy Xuân - Lai, đoản đao, thiết lĩnh tập trung ở các chùa, đền, quán dịch sẵn sàng ứng chiến. Tiếng trống cầm canh liên tục, tiếng tù và rúc thâu đêm, chuông mõ đổ hồi, bước chân rầm rập.

Quân Tống mấy lần liều chết vượt sông nhưng đều bị chướng ngại vật và quân cung nỏ chặn lại.

Năm ấy Tết tiến đưa ông Táo về trời là một cái tết đặc biệt. Trời bùng nắng, cao bỗng như mùa thu. Lý Thái úy và Lê Thị lang rảo bước quanh Xà Ngọt, chỉ trở gặt gù. Đêm hai ba không trăng nhưng đầy sao, những bóng đen hì hục bắc cầu phao, những chiếc mảng kết bằng tre nửa rơi lả tả như những lá tre già đen đặc dòng sông. Khi chiếc cầu phao nổi nhịp cầu cuối cùng tới bờ nam cũng là lúc tiếng kèn bờ bắc rúc lên inh ỏi. Tiếng hò la, tiếng vó ngựa, tiếng bơi chèo làm vỡ vụn khoảng trời đêm. Quân Tống ào ạt đổ sang Như Nguyệt. Vài tốt dân binh của ta cuống cuống chống đỡ. Đồn binh "Thiên tử quân" bến Ngọt tung ra một đội kỵ binh nhưng lại vội vàng tháo chạy. Quân Tống hý hửng. Miêu Lý nhếch mép tiếc là không chớp thời cơ tấn công từ sớm

và hăn nghĩ ngay tới những phố phường Thăng Long tráng lệ, những pho tượng Phật bằng vàng, những cô gái đẹp như cung phi của Tống Thần Tông. Miêu Lý thúc đội kỵ binh ào ạt tiến theo đường Thiên Lý.

Bỗng, pháo hiệu đỏ rực bầu trời, hàng ngàn bó đuốc rực sáng. Những chiếc thông lọng tung ra, những đoàn kỵ binh xộc tới, đi đầu là những chiến tướng lừng lững như những trái núi xông thẳng vào quân Tống. Biết là bị rơi vào ổ phục kích, Miêu Lý hốt hoảng ra lệnh rút lui. Nhưng rút đường nào? Cầu phao đã bị chính đội hậu quân theo lệnh Miêu Lý cắt bỏ, sợ quân Đại Việt lợi dụng đánh sang bờ bắc, những bức tường giáo mác, cung nỏ và cả bóng những bụi tre chập chờn ma quái đã khép chặt vòng vây. Chỉ một mình Miêu Lý chui lủi, nhờ bản lĩnh trẻ con ngày xưa lặn ngụp trên dòng Hắc Long giang mà chạy thoát.

Quân thám báo lao vào cấp báo với Quách Quỳ. Quách Quỳ căm lắm định bỏ mặc nhưng lại nghĩ trách nhiệm Bình Nam Đại nguyên soái nên vội vàng lệnh cho thủy quân vượt sông ứng cứu. Thời Tam quốc, Chu Du phải ngựa mất mà than rằng: "Trời đã sinh Du sao còn sinh Lượng", Quách Quỳ, Triệu Tiết biết Đại Việt có Lý Thái úy, lại có Lê Thị lang mà vẫn cố làm liều. Việc binh đâu phải trò chơi con trẻ. Bao nhiêu bè mảng quân Tống chưa kịp cập bờ đã bị quân dân Đại Việt bắt gọn.

Đứng trên mô đất cao Lê Thị lang vô cùng phấn khởi, ngẫu hứng bật lên mấy câu thơ:

Mạc quán giang ba nịch

Thân lai khước tự trầm.

(Muốn chìm cho sống chết

Ai hay thân tự trầm).

Thị lang vẫn võ song toàn, nhưng dù thông kinh bác cổ đến mấy cũng không học được chữ ngờ. Tên phó tướng của Miêu Lý đang bị dồn vào chân tường thì nhìn thấy Thị lang. Hắn nhận ngay ra đó là một vị quan to có lẽ là quan văn triều Lý. Hắn hý hửng mừng thầm định bắt sống uy hiếp để thoát thân hoặc cùng lắm là mạng đổi mạng. Khi nghe Lê Văn Thịnh đọc thơ hắn bỗng uất ức mất hết lý trí, giơ cao thanh đại đao lao từ phía sau chém tới. Khi cái luồng sáng đỏ như máu ấy sắp sửa sập xuống cổ Thị lang thì một tiếng “choang” khô khốc vang lên, toé những tia lửa xanh lè. Từ trong bụi tre ngà, cây thiết bồng đen trũi bay ra, đánh bật thanh đại đao, khiến tên phó tướng ngã nhào. Thị lang quay lại đã thấy một bóng đen to lớn chặn bàn chân giữa yết hầu tên giặc. Bóng đen nói với Lê Văn Thịnh:

- Tráng sĩ sơ suất quá. Lúc này đâu phải lúc ngâm thơ, thưởng nguyệt.

Lê Văn Thịnh reo lên:

- Địch Quốc Trung. Đúng là Địch Quốc Trung. Sao anh lại ở đây? Xin đa tạ anh cứu mạng.

- Xi, chuyện dài lắm. Tráng sĩ tha chết cho tôi, tôi may mắn cứu được tráng sĩ. Thế là hòa, có gì mà phải đa tạ.

Nói rồi Địch Quốc Trung định bỏ đi. Lê Văn Thịnh giữ lại. Thuyết phục mãi Địch Quốc Trung mới chum tay huyết một tiếng còi dài. Gần trăm bóng đen từ bốn phía kéo đến tập trung thành bốn ngũ. Thì ra sau cái đêm gặp Lê Văn Thịnh trước cửa miếu Âm Hồn cánh đồng Thập Điền, Địch Quốc Trung đã thôi nghề thảo khấu, lên tận châu Lạng làm nghề săn bắn, thi thoảng lại leo lên đỉnh Thiên Sơn nhìn về bên kia biên giới để nguôi ngoai bớt nỗi nhớ Tổ quốc, quê hương. Khi thấy giặc Tống ồ ạt kéo qua biên giới Địch Quốc Trung vô cùng căm giận, tập hợp những bạn săn, những tiểu phu tâm đầu ý hợp tự trang bị cung nỏ, giáo mác thành đội Lâm binh kéo về phía nam sông Nguyệt Đức, sẵn sàng sống mái với giặc. Tình cờ Địch Quốc Trung nhìn thấy Lê Văn Thịnh đồng thời phát hiện ra âm mưu tên phó tướng.

Nghe chuyện Thị lang vô cùng cảm động, dẫn cả đội quân của Địch Quốc Trung về ra mắt Thái úy. Thái úy hết sức vui mừng, xòe rộng đôi tay ôm lấy Địch Quốc Trung, âu yếm coi Địch Quốc Trung như người em ruột thịt.

- Đệ là người Tống, chắc đệ yêu nước Tống, yêu nhân dân Tống. Cái quý là đệ biết rõ những kẻ chỉ muốn bắt người khác làm nô lệ, bắt người khác phải khuất phục theo ý muốn và quyền lợi nông cuồng của chúng là kẻ thù chung của cả hai dân tộc. Đệ hãy chiến đấu để trả thù cho cha mẹ, trả lại ranh giới tự nhiên mà trời phạt đã phân chia cương vực.

Địch Quốc Trung cảm động lắm. Anh vâng lời Thái úy xin cho những người bạn, người đồng đội được nhập đội Ngự long khắc trên trán ba chữ "Thiên tử quân", còn bản thân xin tình nguyện làm nô bộc suốt đời theo Thị lang Lê Văn Thịnh. Từ đó Thị lang có một người nô bộc thân tín. Ông coi người đó như một người bạn, một ân nhân, đối xử ân tình cung kính như với một người anh ruột vì Địch Quốc Trung hơn Lê Văn Thịnh tới gần mười tuổi.

*

Tết Đinh Tỵ không ồn ào. Những chiến binh Đại Việt vẫn có đủ bánh chưng xanh, giò lụa, thịt đông, dưa hành và cả những câu đối động viên nhau thi đua giết giặc. Chỉ tiếc là đêm giao thừa, sáng mồng một không có tiếng pháo nổ đì đùng, đêm đêm vắng tiếng trống chèo, tiếng tom chát cầm trịch cô đầu, ban ngày không có những gốc đu, những tà áo tứ thân phất phơ bay lượn giữa trời xuân xanh ngắt.

Đêm mờn năm, cả phòng tuyến như trở về cái thuở hồng hoang. Bóng đêm dày đặc đè ập xuống dòng sông. Không tiếng lợn kêu chó sủa, ếch nhái rúc sâu trong hang tránh rét, chìm muông chìm vào nỗi sợ hãi hồn tên mũi đạn.

Nửa đêm. Những tiếng phụt phụt của dây cung nổ bỗng thi nhau đồng loạt bật lên, rồi cả tiếng bật cần dứt khoát của những chiếc máy bắn đá. Không phải những mũi tên xé gió bay vào khoảng không. Không phải những tảng đá sầm sập bay vào trại giặc. Cả một trời hương thơm sáng rực, ngời ngút. Mùi thơm ngào ngạt lan khắp mặt sông, bốc lên trời cao, trùm cả đôi bờ nam bắc. Rồi tiếng đàn tỳ bà hờn giận, tiếng độc huyền cầm nỉ non, tiếng sáo trúc thanh bình vút cao lạnh lớt... Từ phía thượng nguồn, nghe như trên núi Đuối hay giữa ngã ba Xà, những tiếng ồ ồ trầm lắng như tiếng giận dữ của người khổng lồ. Cả chiến tuyến bừng tỉnh. Quân Đại Việt lăm lăm khí giới lặng lẽ đợi chờ. Quân Tống hải hùng ôm chặt lấy nhau nín thở. Tiếng ồ ồ thanh dần, thanh dần người ta nghe trên không trung văng vẳng tiếng ngâm một bài thơ tứ tuyệt. Tiếng ngâm rõ dần, càng về sau càng sang sáng:

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Quân dân Đại Việt thuộc lâu, họ đồng thanh ngâm theo tiếng ngâm kỳ lạ, như tiếng vọng của người xưa, như hùng khí núi sông Đại Việt. Quân Tống hoảng loạn. Hoảng loạn vì trái mệnh trời, trái đạo lý, trái lẽ công bằng. Hoảng loạn vì thất bại đã ở ngay trước mắt. Trước sự sống, cái chết họ phải chọn lấy một con đường. Con đường ấy là chạy về phương Bắc, là sớm đầu hàng Đại Việt theo lời "Lộ bố" của Lý Thái úy khi đem quân Bắc phạt. Hàng ngàn bóng đen tay không vũ khí lao ra khỏi những chiếc lều. Đứa chạy lên phía Bắc, đứa giơ cao hai tay miệng gọi tên Thái úy xin hàng.

Lúc đó từ những cánh rừng bạt ngàn, những đội kỵ binh bắt đầu tung vó. Những mảng lớn từ bờ nam lao sang. Những chiếc cầu phao rầm rập ngựa, người. Những đội du binh rời căn cứ bí mật lườn sâu trong lòng địch... Từ căn cứ Vạn Xuân hơn bốn trăm chiến thuyền Đại Việt đổ quân lên bờ, dồn quân Tống lọt vào cánh đồng Phụng Nhãn. Cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt giữa một bên chính nghĩa luôn giành thế chủ động, một bên phi nghĩa đang bị dồn tới bước đường cùng. Như chó dại càng sắp chết càng hung tợn, giặc Tống cố sống cố chết đánh trả, phá vây. Hai hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn người ngựa dầm máu, tả xung hữu đột bị một đám cung nỏ Tống nhằm bắn tới tấp. Cả hai trúng tên độc, hy sinh anh dũng trên mình ngựa. Hai con chiến mã tinh khôn đạp lên xác giặc đưa thi hài các chủ tướng trở về căn cứ. Nỗi đau mất hai hoàng tử không chỉ riêng Hoàng tộc gánh chịu mà cả thần dân Đại Việt ngàn năm sau vẫn cứ đau theo.

Rạng sáng ngày mùng sáu, quân Tống cụm lại quanh trại Quách Quỳ, Triệu Tiết. Điểm lại binh mã Quách đã mất hơn sáu vạn quân thiện chiến trong đó có hai phần ba lực lượng kỵ binh mà Tống Thần Tông gọi là "Cái dùi nhọn cắm vào trái tim Đại Việt", quá nửa số quân tải lương, hôì của cũng tan tác mỗi đứa mỗi phương. Chắc chỉ trận nữa như trận đêm qua quân Tống sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Bên bờ nam vua Lý Nhân Tông và Hoàng Thái Hậu ý Lan đã xa giá tới đại bản doanh Thất Diệu Sơn để được nhìn tận mắt chiến thắng tuyệt vời của quân dân Đại Việt.

Thái úy vui mừng tấu trình với Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu về diễn biến trận đánh đêm qua và bài thơ thần vang lên từ ngã ba Xà. Hoàng Thái Hậu khen:

- Ta không ngờ Thái úy cả đời trận mạc mà văn thơ lại cao đạo khác thường. Ta nghĩ đó là sự

hun đức khí thiêng Đại Việt, là ý trời lòng dân, là phật thánh hiện hình, là cuộc đời ái quốc trung quân của Thái úy.

- Thừa. Người quá lời khen. Thật tình thần chỉ là người nhớ và đọc lại lời thơ của Đức Thánh Tam Giang mà đêm mồng bốn khi thần nằm nghỉ ở đình làng Xà Ngọt được hai vị nhân thần là Trương Hồng, Trương Hát truyền cho. Thần còn được thần núi Cao Sơn hứa sẽ đem binh trợ chiến. Vì thế đêm qua quân Đại Việt mới thắng to như vậy.

Vua Lý Nhân Tông vô cùng ngạc nhiên, hỏi:

- Có thật thế sao? Vậy khi nào hết giặc ta phải sắc phong cho các vị thần. Nhưng giặc Tống chưa hết, các khanh đêm nay có định đánh nữa không?

- Muôn tâu Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu - Thị lang Lê Văn Thịnh ngẫm nghĩ rồi nói tiếp - Binh pháp Tôn Tử nói "Không đánh mà lui được địch, ấy là thượng sách". Thần nghĩ mục đích của ta không phải là giết được nhiều quân Tống mà là đuổi được quân Tống ra khỏi bờ cõi, làm cho nhà Tống không còn dám xâm phạm Đại Việt ta. Lúc này chỉ cần một lá thư của Thái úy là Quách Quỳ sẽ như kẻ chết đuối vớ được cọc. Ta mất một chút lương thảo, ngựa xe chu cấp cho quân Tống hồi hương thì ơn ấy thần dân nước Tống không quên mà vua Tống cũng muôn phần nể sợ. Sống hòa hiếu, nghĩa nhân vốn vẫn là cái gốc của Đại Việt ta, là phúc trạch của Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu.

Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu, Thái úy đều gật đầu cho là phải, là kế sâu rĩ bền gốc.

Tháng ba năm ấy, quân Tống vui mừng được nhận lương thực thực phẩm kéo nhau về nước. Nhưng kẻ "mất nết đánh chết không chừa", càng đặt chân lên đất nước Đại Việt bọn quan lại, tướng lĩnh nhà Tống càng thấy đất nước này quả là giàu đẹp, càng thêm thường, mơ ước. Vì thế chúng đã mật tấu với Tống Thần Tông và Tống Thần Tông đã ngoảnh mặt làm ngơ, cũng là để đánh lừa dư luận, cho quân Tống cố tình nấn ná chiếm đóng những châu Quảng Nguyên, Tư La, Tô, Mậu và huyện Quang Lang đất đai Đại Việt.

Cuộc chiến để bảo toàn bờ cõi Đại Việt lại bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn kết hợp sức mạnh quân sự với đấu tranh ngoại giao quyết liệt; giai đoạn mà tài trí thay cho gươm giáo, đức độ thay cho chiến trường và lòng trung quân ái quốc luôn sáng soi như vầng nhật nguyệt.

V

Chưa bao giờ ở Biên Kinh cái rét lại khủng khiếp như năm nay. Tuyết phủ trắng trên các nóc nhà, trên đường phố, kéo từ tháng chín năm ngoái qua tiết lập xuân. Đường phố vắng ngắt, đây đó những tiếng kèn đám ma, những tiếng khóc thảm thiết của thân nhân những người lính chết trận ở biên giới Liêu, Hạ và nhất là ở chiến trường Đại Việt chốc chốc lại vang lên. Trời đội cho Biên Kinh chiếc khăn tang bằng tuyết. Triều đình Tống đội cho người dân những chiếc khăn tang bằng thứ vải sô thơm đầy nước mắt.

Điện Kính Thiên im lìm chờ đợi. Đã mấy tháng nay Tống Thần Tông ngày nào cũng thiết triều, chờ tin chiến sự. Lúc đầu là niềm phấn khích khi thám mã liên tục đưa về những tin thắng lợi: nào là quân ta đã tràn qua biên giới, qua ải Pha - Lũy như qua chỗ không người; nào là chiến tuyến Ô Bì, Nhật Đức chỉ như sợi chỉ trẻ con giăng giữa đường chặn đoàn đón dâu, rước rể; nào là xứ Quảng Nguyên vàng lộ thiên lấp lánh, có câu lính vớ được cả một cục nặng tới mười lạng; nào là; nào là... Nhưng sau Tết ông Công ông Táo cái tin Miêu Lý nổi máu anh hùng, muốn lập công riêng đã không theo lệnh Quách Quỳ án binh chờ quân thủy, tự ý đưa một vạn quân bản bộ, bắc cầu phao vượt sang bờ nam Như Nguyệt, theo đường Thiên Lý tiến về Thăng Long, rơi vào ổ phục kích bị tiêu diệt hoàn toàn, kéo theo mấy ngàn quân Quách Quỳ cố sống cố chết sang cứu viện bị bắt làm tù binh, đã làm cả triều đình cuống cuồng lo sợ.

Hôm ấy, từ mờ sáng Tống Thần Tông còn co ro trên giường thất bảo thì được tin khẩn cấp: Quân Đại Việt đã phản công tiêu diệt quá nửa quân Tống, Chinh Nam Đại nguyên soái phải chấp nhận giảng hòa, nhận bố thí ngựa xe, lương thảo, đang trên đường rút quân về nước. Tống Thần Tông đập tay xuống chiếu, thét gọi Vương An Thạch. Vương An Thạch đội tuyết hốt hoảng ào vào trong cung quên cả lễ quân thần.

- Bẩm Hoàng thượng. Thần không ngờ Đại Việt lại có sức mạnh ghê gớm thế! Đúng là mệnh trời.

- Tể tướng nói sao? Mệnh trời ư? Sao khi đưa quân đi Tể tướng bảo đấy là mệnh trời. Mệnh trời bắt Lý Thánh Tông chết yếu để lại vua bé, đàn bà điều hành chính sự. Mệnh trời xui Lý Thường Kiệt tiến đánh Ung Châu để ta kiểm soát. Mệnh trời cho ta vàng bạc xứ Quảng Nguyên... Nay thất bại Tể tướng cũng lại bảo mệnh trời. Bây giờ "mệnh trời" còn bảo nước Tống làm thêm gì nữa?

Vương An Thạch tái mặt, nhưng với cách nghĩ của một thi sĩ Vương An Thạch coi vận nước, coi thất bại chỉ như một bài thơ ngẫu hứng. Khi tâm hồn đồng nhịp với thiên nhiên, với cảnh, với người thì bài thơ bay bổng, âm vang, đầy giai điệu. Khi nghĩ suy lạc lõng, buồn chán thì bài thơ lạc điệu, lạc vắn. Vương An Thạch yêu nước Tống, muốn nước Tống hùng mạnh nên đã dồn trí lực, tài năng làm ra Tân pháp. Tân pháp mang lại bao mối lợi, bao chuyển biến, bao sự mới lạ, thế mà bọn nhà giàu, bọn quan lại ngay cả trong Hoàng tộc cũng lên án, phá phách khiến Tân pháp trở thành hủ pháp, nhân tâm ly tán, nước Tống trở thành tổ ong không chúa. Nay sự đã thế này, trách cứ lẫn nhau phỏng có ích gì? Vương An Thạch nhìn thẳng vào Tống Thần Tông thách thức:

- Thần cũng muốn mở mang bờ cõi cho Hoàng thượng. "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", chẳng may thất bại, xin Hoàng thượng cứ xử theo quốc pháp. Dầu dầu có lìa khỏi cổ, An Thạch này không hề oán trách, chỉ không hiểu vì sao Tân pháp từ năm Kỷ Dậu đến năm Giáp Dần thu bao công tích mà triều đình không ai ủng hộ, bất quá thần mới phải nghĩ tới chuyện "mượn hàng xóm, sửa nhà mình". Bây giờ thần đã biết chủ trương xâm chiếm Đại Việt là một sai lầm, là điên rồ, là trái đạo trời, đạo người; nhưng khi ấy cả triều đình nào có ai phản đối, lại còn được Hoàng thượng hết lời khen ngợi.

Tống Thần Tông tưởng có thể đổ trách nhiệm lên đầu viên Tể tướng luôn đắm đuối mộng mơ, không ngờ lại bị phản đòn, đành đánh bài lảng, giảng hòa:

- Trầm giận quá, lo quá mà nặng lời, mong Tế tướng bỏ qua. Theo Tế tướng giờ ta phải làm gì?
- Bẩm, sự đời chỉ có hai con đường: tiến, thoái. Đã không tiến được thì chỉ còn nước thoái. Phải tiếp tục thi hành Tân pháp, phải đòi lại bảy trăm dặm đất quân Liêu lấn chiếm. Thần đã xem bản "Lộ bố" của Thái uý nước Nam, lại nghe bài thơ thần "Nam quốc sơn hà" của Đức Thánh Tam Giang nước họ, thần biết họ chỉ muốn hòa bình, giữ yên cương vực, không có ý hại gì Tống quốc.
- Thôi. Ta không ngờ Tế tướng lại quá tin miệng lưỡi An Nam. Ta không thể quên nỗi nhục Ung Châu, không thể quên những thỏi vàng xứ Quảng Nguyên, giờ đây lại không thể quên mối thù Như Nguyệt. Ta sẽ trị tội Quách Quỳ, sẽ rút hai mươi vạn quân phương bắc, lấy ba mươi vạn quân duyên hải, mười vạn quân trấn biên, sẽ có sáu mươi vạn quân đập nát xứ An Nam, thử xem Lý Nhân Tông gan to bằng mấy, xem ý lan trí lược ra sao, xem lão tướng Lý Thường Kiệt còn bao hơi sức. Lý Đạo Thành trung dũng thế nào? Và cái gã thư sinh Lê Văn Thịnh có dám mang tài văn võ chặn vó ngựa chinh Nam?

Tống Thần Tông nói một hơi, đôi mắt vằn lên dữ tợn, mặt đỏ bừng bừng, hai vành tai rung lên như tai các loài động vật. Lúc văn võ bá quan kéo tới cũng là lúc viên tướng chỉ huy hậu quân Đào Bất phi ngựa ngày đêm về tới triều đình. Đào Bất tường thuật tỷ mỉ những trận đánh trên đất Đại Việt, còn lớn tiếng đọc bài thơ:

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Triều đình lặng ngắt. Phe chủ chiến mặt mũi hốc hác, tím bầm. Phe chủ hòa tím tím, đặc ý. Vừa ban nãy còn hung hăng là thế mà giờ đây Tống Thần Tông mặt tái mét, ỉu xiu. Văn võ lại chia làm hai phe tranh luận. Phe chủ chiến cho rằng phải huy động các hoàng nam từ mười bốn tuổi lập đội quân trăm vạn; nhường cho Liêu, Hạ thêm một số quyền lợi để ký hiệp ước hòa bình rút bớt quân, rút các tướng giỏi, kích động các nước Chiêm Thành, Chân Lạp, Vạn Tượng, quyết đập nát An Nam, bắt cho được Lý Nhân Tông, lập lại quận Giao Chỉ như thời Hán, thời Đường. Phe chủ hòa nhắc lại những đòn đau từ thời Tần Thủy Hoàng, nhắc tới tài trí nước của Hoàng Thái Hậu ý Lan, tới võ công của Lý Thường Kiệt và ca ngợi hết lời vị đệ nhất khai khoa Lê Văn Thịnh. Tống Thần Tông do dự, hỏi Đào Bất:

- Cho khanh trăm vạn quân, khanh có thắng Lý Thường Kiệt không?

Đào Bất thành thật tâu:

- Với cách đánh của Đại Việt thì trăm vạn cũng như mười vạn, tướng hay cũng hóa tướng hèn. Xin Hoàng thượng xét kỹ, kéo lại mắc lỗi lầm.

Tống Thần Tông bảo bá quan giơ tay biểu quyết. Thật bất ngờ phe chủ hòa chiếm quá ba phần. Có những người lúc đầu rất hăng nay cũng giơ tay ủng hộ phe chủ hòa. Phe chủ chiến trở lại số vô quan đa phần quê vùng Lưỡng Quảng. Tống Thần Tông thân mật hỏi Đào Bất "Xứ ấy thế nào?". Đào Bất mặt tươi như hoa đứng dậy hươ chân múa tay, nói:

- Dạ, muôn tâu Hoàng thượng. Thừa văn võ bá quan. Thần là võ tướng đã từng theo Định nguyên soái đánh đông dẹp bắc, đi khắp Trung Nguyên, khắp các xứ Di, Nhung nhưng không đâu đẹp giàu như Đại Việt. Đại Việt không phải là Man, Địch. Đại Việt có nền nông nghiệp phát triển, kinh thành của họ đồ sộ rực rỡ. Đàn bà Đại Việt đẹp như tiên nữ, đất đai phì nhiêu, vàng nổi trên mặt đất. Những buổi sáng sương đọng long lanh, ánh mặt trời lấp lánh, cả xứ Quảng

Nguyên như tấm áo mạ vàng. ôi, không thể kể xiết, không thể kể xiết.

Quần thần ai cũng im bật háo hức lắng nghe. Tống Thần Tông khe khẽ thở dài. Đôi mắt Thần Tông bỗng sáng lên. Thần Tông hăng hái nói:

- Các khanh. Ta bằng lòng tha cho Đại

Việt. Nhưng Đại Việt phải cung tiến cho ta xứ Quảng Nguyên. Ta giao cho Đào Bất gấp rút quay lại, lệnh cho Quách Quỷ không được rời xứ ấy, đặt cho xứ ấy là châu Thuận. Tướng Đào Bất sẽ là châu mục, toàn quyền tuyển chọn các phó và tùy ý giữ lại số binh quyền. Cứ năm ngày Đào châu mục phải cho chuyên chở số vàng khai thác về Biện Kinh. Nếu làm tốt ta sẽ có thưởng.

Vương An Thạch ra sức khuyên can nhưng Tống Thần Tông quyết không nghe. Vàng Quảng Nguyên đã mờ mắt tên vua bất tài nhưng kiêu ngạo, luôn đeo mộng bá quyền.

*

Một tắc đất của Tổ quốc cũng thấm đẫm mồ hôi khai phá, cũng đổ bao xương máu giữ gìn. Không thể để nhà Tống được đăng chân lân đăng đầu, Hoàng Thái Hậu và vua Lý Nhân Tông đã lệnh cho viên ngoại lang Đào Tông Nguyên sang Tống triều hội đàm về biên giới, không những đòi những châu huyện quân Tống cố tình chiếm đóng mà còn đòi lại cả hai châu Vật Dương, Vật ác bọn thổ ty Nùng Trí Hội, Nùng Tôn Đản đem nộp cho Tống năm Quý Mão, năm Đinh Dậu, Thái úy Lý Thường Kiệt đem đại binh lên ải Pha Luỹ, tổ chức phòng tuyến bao vây Châu Quảng, Châu Tô, Châu Mậu, huyện Quang Lang. Các châu mục

Thân Thiệu Thái, Thân Cảnh Phúc, Vi Thủ An, Hoàng Đình Hải tổ chức hàng trăm đội du binh luôn sẵn sàng trong lòng địch ngày đêm quấy rối, đánh nhỏ, đánh tía. Các đồn trại Tống bị bao vây tứ phía. Đêm đêm dân các bản đốt đuốc sáng rực, đánh chiêng gõ mõ, kêu gọi những người lính Tống xa nhà trở lại quê hương hoặc bỏ ra rừng theo về Đại Việt. Nhiều trại lính đã phản chiến. Tướng Vương Cảnh Nhân bị lính Tống giết chết phá trại về quê. Lính Tống còn nổi lửa hỏa thiêu kho trại, đốt chết tên tướng Trương Long. Do căng thẳng, sợ hãi mà hai tên Dương Nguyên Khanh, Lưu Tử Dân hóa thành điên dại, réo Tống Thần Tông chửi bới suốt ngày. Tướng Trương Cát buồn phiền sinh bệnh chết giữa tuổi tráng niên. Vàng khai thác được đúc thành thỏi lớn chuyển về Tống quốc, nhưng hầu hết lại rơi vào tay quân Đại Việt. Đào Bất, Tất Trọng Hùng bị Tống Thần Tông khiển trách, ngày đêm lo sợ, chán chường. Đào Bất luôn than thở: "Hải quốc mặt cương giai thao lão, Đãi thủy lai thử lạc công danh", đêm ngày vùi đầu vào bàn đèn, cho đến một đêm giá lạnh gục xuống ôm lấy cả hòm vàng mà chết. Thế nhưng, đã qua sáu cuộc hội đàm mà triều đình Tống vẫn làm ngơ, đổ chối cho bề tôi không tuân lệnh. Mãi đến tháng 9 năm Mậu Ngọ, vua Lý Nhân Tông cho người đem năm thớt voi sang biếu, đầu năm Kỷ Mùi lại trả cho Tống hai trăm hai mươi một tù binh, Tống Thần Tông mới chịu trả lại châu Thuận bao gồm châu Quảng Nguyên, châu Tô, châu Mộc, nhưng nhất định không trả hai châu Vật Dương, Vật ác mà Tống đã đổi tên thành Quy Hóa, Thuận An. ấy là chưa kể các xứ: Thượng Điện, Hạ Lôi, Ôn Nhuận, Anh Đào, Kê Thành, Cổng, Lục, Tân, Nhâm, Đông, Tây, Cảnh, Tư, Kỳ, Kỳ, Huyện và sáu huyện: Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Đình, Phổng, Cạn; ba động: Túc, Tung, Tế đã bị các triều lấn chiếm từ trước.

Cuộc hội đàm cuối cùng giữa Đào Tông Nguyên và Đô Tuần Kiểm tả giang Thành Trạc ở Vĩnh Bình kéo dài suốt ba tháng liên tục mà vẫn giằng chân tại chỗ. Tháng 6 năm Quý Hợi (1083) Đào Tông Nguyên tức giận bỏ về. Ông tâu với vua Lý rằng:

- Nhà Tống lòng tham vô đáy, nửa miếng ăn cướp của người cũng không muốn nhả. Nói với bọn tham lam như nói với trâu, với chó. Can qua thì không ai muốn, nhưng đất tiên tổ không thể cho không. Dám xin Hoàng thượng vì muôn dân mà ra quân điếu phạt. Mong Thái úy chớ ngại tuổi già ra tay giành lại cõi bờ.

Trước lời tâu bày của Đào Tông Nguyên

cả triều đình vô cùng tức giận, đều muốn dụng binh. Vua Lý Nhân Tông còn đang do dự, đợi Hoàng Thái Hậu đi kinh lý Siêu Loại về để hỏi ý kiến. Hôm sau Hoàng Thái Hậu hồi triều, nghe rõ tình hình Người bảo:

- Ta nghĩ: Can qua thì trăm họ lầm than. Nhưng đất đai của ta không dễ gì để mất. Ta muốn Thị lang Lê Văn Thịnh khó nhọc một chuyến. Ta cũng chỉ mong lấy lại hai châu Vật Dương, Vật ác hoặc những phần đất tương đương, chứ những đất khác của mười sáu xứ từ đời Văn Lang, âu Lạc cũng khó mà đòi nổi. Lê Thị lang hãy gửi công điệp cho Tổng quốc hẹn quý hạ sang năm sẽ tiếp tục hội đàm, nếu không hai nước sẽ không tránh khỏi can qua. Lý Thái úy giao công việc Châu ái cho phó tướng và bố trí phòng thủ chặt chẽ mọi nơi, còn Thái úy phải đem đại binh dàn lên phía Bắc. Cây muốn lặng, gió chẳng dừng, ta cũng vì đại nghĩa mà phải làm như vậy.

*

Tháng 6 năm Giáp Tý phái bộ nhà Lý do Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh dẫn đầu gồm Nguyễn Bồi phó sứ, Địch Quốc Trung thân tín của Lê Văn Thịnh và ba mươi sáu bộ hạ tới Vĩnh Bình.

Đô tuần kiểm tả giang Thành Trạc lại được vua Tống cử làm chánh sứ đứng đầu phái bộ Tống. Thành Trạc gốc người Đại Lý, phiêu bạt nhiều nơi, xung quân đội làm đến chức Kim Ngô Thượng tướng, sau chuyển ngạch thăng tới Trung thư Thị lang, có tài ăn nói, giỏi thơ ca, xướng họa, được Tống Thần Tông yêu mến, cấp trên trực tiếp là Hùng Bản kính nể.

Thành Trạc tuổi ngoài năm mươi, râu tóc vẫn đen nhánh, mắt tinh, cười rất duyên, ẩn chứa sự thông minh, láu lỉnh. Khi thi lễ cùng Lê Văn Thịnh. Thành Trạc tỏ ra thân thiện như anh em lâu ngày gặp lại, chào phái bộ ta bằng tiếng Việt rất sôi. Đáp lại tấm thịnh tình của Thành Trạc, Lê Văn Thịnh ân cần hỏi thăm bằng tiếng Hán hết sức chuẩn xác. Bước đầu nhà Tống không gây khó dễ gì cho phái bộ ta.

Đáng lẽ hội nghị khai mạc vào trung tuần tháng sáu, nhưng Thành Trạc đề nghị để tới tiết lập thu, mời phái bộ ta đặc biệt là chánh sứ Lê Văn Thịnh đi thăm viếng danh lam thắng cảnh.

Hôm đầu Thành Trạc mời phái bộ du thuyền trên hồ Thiên Thảo. Hồ rộng mênh mông, xung quanh là hàng ngàn loài cây lạ, hoa quý. Trên hồ đậu san sát những chiến thuyền. Những chiếc Lâu thuyền trắng lệt, quân sĩ gươm giáo chảnh tề có lẽ là thuyền chủ tướng, những chiếc Tẩu kha chạy nhanh như gió lướt xung quanh hồ có lẽ là đi tuần tiểu. Những chiếc Đẩu thuyền to lớn chắc nịch, Hải cốt mảnh khảnh lưới nhẹ như lá rơi và những chiếc Du đỉnh cao lênh khênh như những tòa lâu... Lê Văn Thịnh biết Thiên Thảo vừa là thắng cảnh vừa là căn cứ thủy binh nổi với Hằng Giang thông ra tới biển. Lê Văn Thịnh hỏi Thành Trạc.

- Chắc hai tướng Hoà Mãn và Dương Tùng Tiên của quý quốc cũng đang ở đây?

Thành Trạc biết Lê Văn Thịnh muốn nhắc tới trận đại bại của thủy quân Tống cuối năm Bính Thìn nên lảng chuyện, khoe các loài cá lạ. Lê Văn Thịnh cũng vui vẻ kể những giống cá ngon trong đầm Dạ Trạch và loài Hải Mã sinh sống rất nhiều quanh các hòn đảo của xứ Vĩnh An.

Hôm sau Thành Trạc mời phái bộ lên núi Ngũ Lĩnh. Ngũ Lĩnh còn gọi là Ngũ Thiên Sơn quanh năm sương mù bao phủ. Trên núi có chùa Thiên Lăng có một nghìn tòa bảo tháp. Chùa là đại bản doanh của võ phái Dịch Cân Kinh đối thủ ngang tài với Thiếu Lâm Tự, có bảy võ sư được liệt vào hàng Tứ Cửu đại sư nổi tiếng khắp Trung Nguyên. Lê Văn Thịnh không ngớt lời khen ngợi và ngẫu hứng rút ống Địch trúc huyền thối một bài Hành vân xoắn xang như những áng mây bay lượn. Cả bản tự im lặng lắng nghe. Hết bài, một vị võ sư cao lớn có đôi mắt xéch và búi tóc trắng như cước, bảo:

- Tiếng Địch của ngài quả là khiến được mây bay, gió cuốn. Nhưng liệu có đuổi nổi mãnh hổ, sư tử?

Lê Văn Thịnh cười bảo:

- Nếu mãnh hổ, sư tử chỉ sống ở núi rừng như bản mệnh trời sinh thì có gì phải đuổi. Nếu mãnh hổ, sư tử đói bụng làm càn thì ống Địch trúc sẽ thành cây cung ống nỏ, thành thương giáo đuổi dã thú về rừng.

Cả bọn cho là nói khoác, khoái chí cười ồ. Lê Văn Thịnh bảo:

- Tiếc là ở đây không có loài mãnh thú.

Vừa hay phía chân trời xuất hiện đàn thiên nga trắng muốt. Lê Văn Thịnh cúi xuống nhặt một viên đá tròn đút vừa ống địch, bảo các vị võ sư:

- Ta nên mượn bầy thiên nga mừng cuộc hội ngộ. Tôi biết các vị không kiêng chay, thịt thiên nga vừa ngon vừa bổ. Xin các vị chuẩn bị cung nỏ. Tôi xin đảm nhiệm con đầu đàn.

Lê Văn Thịnh đưa ống sáo lên môi. Những âm thanh réo rắt như tiếng thiên nga cái gọi ban tình. Cả bầy thiên nga hướng phía Thiên lăng tự bay tới.

Khi đàn thiên nga bay ngang sân chùa. Lê Văn Thịnh vấy ống địch qua đầu, con thiên nga đầu đàn trúng đạn rơi ngay xuống sân chùa. Các võ sư, võ sinh và cả Thành Trạc đều vỗ tay khen.

- Cao thủ, cao thủ, đại cao thủ. Đại Việt quả là danh bất hư truyền. Bái phục, bái phục.

Mấy ngày sau Thành Trạc mời riêng Lê Văn Thịnh tới Kỳ Vân Thượng (bàn cờ trên mây) trên đỉnh Hỏa Sơn. Hỏa Sơn là ngọn độc sơn cao ngất đứng giữa đồng cỏ mênh mông. Từng đàn bò, dê, cừu, ngựa... béo tốt gặm cỏ xung quanh núi. Biết Thành Trạc có ý khoe sự giàu có của nước Tống, Lê Văn Thịnh xuýt xoa ra vẻ thán phục lắm, rồi bảo:

- Trung Nguyên thật là giàu đẹp, đất đai rộng rãi phì nhiêu. Kẻ tiểu tử này không hiểu vì sao quý quốc vẫn còn ham mấy mảnh đất sỏi đá Vật Dương, Vật ác?

Thành Trạc tái mặt vội nói lảng:

- Nghe quan chánh sứ cờ cao như Đế Thích, hôm nay bản quốc mời ngài lên thăm Kỳ Vân Thượng xem kỳ tài của quý quốc. Còn chuyện biên giới xin cứ để sang tiết lập thu.

Kỳ Vân Thượng là tòa nhà ba tầng bốn mặt. Một con suối trong vắt thẳng tắp chảy qua chia tòa nhà làm hai phần y hệt đường sông trên bàn cờ thật. Tầng một gồm sáu mươi tư phòng, mỗi phòng đặt một bàn cờ quân bằng bạc. Tầng hai có sáu mươi tư phòng, mỗi phòng đặt một bàn cờ quân bằng vàng. Tầng ba chạy lan can bốn phía, bao quanh một phòng rộng đặt một bàn cờ quân một bên bằng bích ngọc, một bên bằng hồng ngọc. Muốn bước vào Kỳ Vân Thượng phải qua cổng Kỳ môn đặt trên một bàn bằng đá ngũ sắc, lúc nào cũng có một thể cờ hiểm hóc. Ai giải được thể cờ ấy, cánh cổng đá mới từ từ mở. Lê Văn Thịnh quay ngựa hích con bạch mã, tung chân sau đá văng quân sĩ bằng một thổi đá xanh vuông vắn đặt trên bàn cờ, rồi lại cho vó trước bạch mã đẩy quân xe sát mặt tướng. Cứ thế sau nước thứ chín cánh cổng bằng đá từ từ hé mở người lính gác đứng tuổi giờ tay cung kính mời Lê Văn Thịnh.

Theo luật Lê Văn Thịnh phải thi đấu với một kỳ thủ ở tầng một. Nếu thắng liền hai ván mới được lên tầng hai. ở tầng hai phải thi đấu một trận với một quái kiệt lừng danh người đời vẫn gọi là "Kỳ ma". Nếu thắng mới được lên tầng ba. ở tầng ba thi đấu trận cuối cùng, nếu thắng được phong là trạng. Hiện nước Tống đã có ba trạng xếp thứ tự. Đệ nhất, đệ nhị, đệ tam kỳ thủ. Còn viên Trưởng quản vì có công lập Kỳ Vân Thượng nên được vua Tống phong chức Trung Thị lang được coi là đứng hàng thứ tư.

Biết vậy Lê Văn Thịnh bảo:

- Ta sang quý quốc là để hội đàm chứ không có ý định tranh đoạt thấp cao cờ bạc. Ta đâu có thời gian. Nhưng lệ quý quốc đặt ra ta xin tôn trọng, chỉ xin thay ba ván cờ tăng một, tăng hai bằng một thế cờ. Nếu người quý quốc giải được ta xin đánh đủ số ván theo lệ, bằng không ta chỉ đánh ván cuối cùng.

Viên Trưởng quản hỏi ý Thành Trạc. Thành Trạc gật đầu. Lê Văn Thịnh liền bày thế nhất mã đả lưỡng xa theo trận Bát môn kim tỏa nhị biến. Sau một canh giờ viên Trưởng quản đành lắc đầu mời Lê Văn Thịnh lên tăng ba.

Lê Văn Thịnh hỏi:

- Ngài đứng thứ mấy?

Viên Trưởng quản thật thà:

- Thứ tư.

- Nếu tôi chấp ngài một mã, liệu đã hơn ba người kia chưa?

Viên Trưởng quản lắc đầu.

- Nếu tôi chấp ngài một pháo, liệu đã hơn ba người kia chưa?

Viên Trưởng quản lại lắc đầu.

- Nếu tôi chấp ngài một xe, liệu đã hơn ba người kia chưa?

Viên Trưởng quản gật gù:

- Nếu chấp ta một xe mà thắng thì ngài sẽ là đệ nhất Trung Nguyên, sẽ là "Kỳ vương" Tổng quốc.

Lê Văn Thịnh thò tay nhắc quân xe hồng ngọc ném qua cửa sổ. Cả Thành Trạc lẫn viên Trưởng quản đều hốt hoảng, ngơ ngác. Thật ra thì bộ quân ngọc này chỉ dùng cho vua Tống đi kinh lý phương Nam nổi hứng lên Kỳ Vân Thượng giải trí cùng Tế tướng, Hoàng hậu hoặc các trạng cờ. Nay bị Lê Văn Thịnh vút mất cây xe xuống dòng suối lớn nhón những viên sỏi đủ màu, không biết rồi có tìm được không. Nếu không tìm được thì tội này khó mà giữ nổi thủ cấp, ít nhất thì cũng đi toi cái chức Trung Thị lang ngoài vỏ.

Vào trận Lê Văn Thịnh ra quân phòng thủ, khép chặt sĩ tượng, đưa xe lên gác bờ hà, nhích dần từng nước tốt. Viên Trưởng quản cây có đôi xe đánh pháo đầu tấn công ồ ạt. Đã mấy lần viên Trưởng quản tìm cách đấu nốt xe nhưng Lê Văn Thịnh vẫn kiên trì né tránh. Đến nước thứ ba mươi hai viên Trưởng quản lại đưa xe ra đấu. Lê Văn Thịnh không chần chừ nhấc cả hai xe bích ngọc, hồng ngọc bỏ ra ngoài. Viên Trưởng quản đưa xe thế vào vị trí ban nãy. Bất ngờ cây pháo ba của Lê Văn Thịnh nổ sang cây tốt bảy, dọa bắt tượng chiếu hết. Viên Trưởng quản đành mất nốt cây xe gờ thế chiếu bí. Từ đó bên xanh thế trận đã vỡ, pháo mã rời rạc mất thế liên hoàn, bốn trong số năm cây tốt đã bị diệt, tượng lại trái giò. Bảy nước sau viên Trưởng quản đành buông quân, trao cho Lê Văn Thịnh một miếng ngọc có màu đỏ rực, trên đó khảm hai chữ "Kỳ vương" bằng vàng óng ánh.

*

Ngày 22 tháng 6 tiết lập thu. Trời trong xanh, mát rượi. Điện Hoà An kết hoa, đèn lồng đủ kiểu treo dưới mái hiên, dưới những vòm cây khe khẽ đung đưa. Trước điện hai hàng lính giáp trụ đen, mũ đuôi điều trắng, đeo bảo kiếm, tay chống trường thương đứng im phăng phắc. Giữa sân sừng sững cột cờ xây chín mươi chín bậc pháp phối lá cờ ngũ sắc, nổi đậm ba chữ "Tống Thiên triều". Bên cạnh là một cột cờ được dựng tạm bằng gỗ tứ thiết trên đó treo lá cờ màu

vàng giữa thêu kim tuyến hai chữ "Đại Việt".

Phái bộ Đại Việt do Lê Văn Thịnh dẫn đầu gồm ba mươi chín người nhưng chỉ có mười tám người trực tiếp hội đàm. Bước qua cổng lớn, Lê Văn Thịnh ngược nhìn hai lá cờ bèn phẩy tay cho cả đoàn quay lại. Viên quan phụ trách lễ tân vội rào bước tiến sát Lê Văn Thịnh cung kính:

- Thừa quan Chánh sứ. Vì sao ngài quay lại?

- Đại Việt và Tống quốc dù to nhỏ vẫn là hai quốc gia cương vực rõ ràng, bản tính, phong hoá riêng biệt, cùng tồn tại trong trời đất. Có sao quốc kỳ phân biệt to nhỏ, cao thấp. Chả lẽ hai đoàn không ngồi chung phòng, không cùng dãy ghế?

- Quan Chánh sứ bớt giận. Chẳng qua là việc gấp. Cột cờ cũ, lá cờ cũng đã cũ, treo rồi không muốn kéo xuống. Cột mới làm sau có thấp hơn một chút nhưng cờ lại mới, lại thêu kim tuyến, đẹp hơn cờ Tống. Hạ quan không có ý gì phân biệt.

- Nếu các ngài không có ý phân biệt, chúng tôi cũng không câu nệ mà đề nghị treo hai lá trên cùng một cột. Đây, chúng tôi có đem theo cả cờ Đại Việt và cờ Tống quốc.

Địch Quốc Trung tung hai lá cờ mới tinh, kích thước y hệt nhau. Viên quan phụ trách lễ tân vô cùng ngạc nhiên, thực ra hai lá cờ này là hai lá cờ treo trong lễ ký giảng hòa tháng 3 năm Đinh Ty, được bộ lễ cất giữ như biểu tượng của chiến công oanh liệt. Lê Văn Thịnh muốn đem hai lá cờ này tới cuộc hội đàm để củng cố niềm tin chiến thắng và khi cần là vật chứng của sức mạnh và lòng nhân ái. Viên quan phụ trách lễ tân chưa biết tính sao thì vừa lúc phái bộ Tống do Thành Trạc dẫn đầu đông tới hơn năm chục người cũng tới kịp. Nghe chuyện Thành Trạc trách viên quan phụ trách lễ tân:

- Ngài làm vậy phái bộ Đại Việt lại cho chúng ta là phân biệt lớn nhỏ, thấp cao. Lớn hay nhỏ, cao hay thấp, mạnh hay yếu đều căn cứ vào thực lực chứ cứ gì phải nhìn vào Quốc kỳ. Thôi, ngài cứ làm như lời quan Chánh sứ.

Bước vào phòng họp trái thảm màu xanh rêu, hai dãy đèn lồng sáng rực soi rõ chín hàng ghế, quay mặt lên một sân khấu rộng trên đó kê hai chiếc bàn phủ nhung đỏ dành cho hai Chánh sứ. Viên quan tiếp tân chỉ cho phái bộ ta ba hàng ghế giữa, còn phái bộ Tống ngồi sáu hàng ghế, tả hữu mỗi bên ba hàng. Một lần nữa Lê Văn Thịnh kiên quyết phản đối yêu cầu kê bàn tròn, mỗi bên một nửa; các Chánh phó sứ và thư ký ngồi giữa đối diện nhau. Lê Văn Thịnh còn rút tờ thông điệp quy định rõ số người tham dự hội đàm:

- Theo thỏa thuận giữa bộ lễ hai nước thì số người tham gia nghị đàm mỗi bên là mười tám gồm: một trưởng phái bộ gọi là Chánh sứ, một phó, hai độc thị (phiên dịch) và mười bốn thư lại. Tống quốc lãnh trách nhiệm phục dịch, hậu cần. Sao quý quốc đưa lắm người vào phòng ồn ào chật chội lại trái quy ước hai bộ như vậy?

Thành Trạc ậm ừ rồi xin thêm một bộ hạ vào ra túc trực. Lê Văn Thịnh đồng ý nhưng nhấn mạnh:

- Khi nào bàn quốc sự nghiêm ngặt thì cấm bộ hạ không được vào.

Cuộc tranh biện bên lễ hội nghị đã ngốn hết thời gian buổi sáng. Đầu giờ Mùi hôm ấy cuộc hội đàm mới chính thức bắt đầu.

Sau lời khai mạc hết sức trịnh trọng, Thành Trạc hỏi:

- Mục đích của phái bộ Đại Việt là gì?

Lê Văn Thịnh không trả lời mà giơ ra tờ thông điệp:

- Chả lẽ quan Chánh sứ không đọc kỹ điệp văn?

- Vậy Chánh sứ Đại Việt cứ trình bày kiến nghị.

- Sao lại là kiến nghị? Thuở xa xưa phương Bắc, phương Nam đều có phân định rạch ròi. Trải qua Hạ, Thương, Chu rồi Tần, Hán, Ngô, Tấn, Lương, Tùy, Đường, Tống phương Bắc ngày càng lấn xuống phương Nam. Đại Việt tôi từ đời Ngô Vương Quyền đã lập cõi riêng bao gồm cả mười tám xứ, sáu huyện, ba động Đại Việt đã ghi trong điệp văn.

Thành Trạc cãi:

- Quan Chánh sứ bảo mười tám xứ là của Đại Việt là không đúng. Đất xứ ấy không phải người Việt sinh sống, ngôn ngữ bất đồng, vật nuôi, cây trồng cũng khác. Xứ ấy toàn thông, còn xứ Việt toàn tre. Làm sao mười tám xứ ấy lại là đất Việt?

- Từ năm Bính Dần Triệu Quốc Công nếm mật nằm gai dẹp yên Hậu Chu lập nên nhà Tống đã tôn trọng cương giới từ thời Ngô Vương. Đến năm Giáp Tuất Cảnh Hựu thứ nhất Tống Nhân Tông không nhận mười tám xứ ấy là đất của mình. Năm Kỷ Mão Bảo Nguyên thứ nhất, Tống Nhân Tông nghe sàm tấu, xúi giục bọn thổ ty làm loạn nhân đó chiếm cứ mười sáu châu huyện. Năm Đinh Dậu tên Nùng Tôn Đản vì thù riêng đem châu Vật ác dân Tống Nhân Tông. Năm Quý Mão tên Nùng Trí Hội tham sống sợ chết đã đem dân châu Vật Dương cho Tống. Những điều đó sử sách hai nước đều ghi, nhân chứng rõ ràng, không ai có thể chối cãi.

Đại Việt tuy nhỏ nhưng rộng dài cũng hàng ngàn dặm đâu chỉ một tộc người. Chả lẽ mãi trong Nghệ An, Châu Hoan, Châu Ái, mãi trên Thường Tân, Thăng Do... người Mán, Tày, Nùng, Thái... sinh sống cũng không phải đất Việt? Người Choang, người Mân ở vùng Lưỡng Quảng, người Mân trên các thảo nguyên phía bắc dọc hai bờ Hắc Long giang chả lẽ không phải đất Tống? Tộc người khác thì ngôn ngữ khác, cái đó có gì là lạ? Vật nuôi, cây trồng hợp thổ nhưỡng từng vùng không thể đem lúa nước trồng trên vùng đất Mãn. Còn thông tre là hai loài xen kẽ. Ai bảo Đại Việt không có cây thông? Và ngài không nhìn thấy những khóm tre trúc khi du thuyền trên hồ Thiên Thảo?

Hôm sau, viên thư lại ngồi sát Thành Trạc huênh hoang lên tiếng:

- Theo thiện ý của ta thì những đất mà Hoàng thượng nước ta đánh lấy thì ta đáng trả cho Giao Chỉ. Còn những đất mà các người coi giữ lại mang nộp để theo ta thì khó mà trả được.

Lê Văn Thịnh nhận ngay ra đó là Hàn lâm Học sĩ Dương Dương Tu trá hình làm thư lại thực ra là cố vấn cho Thành Trạc. Lê Văn Thịnh bèn dẫn giọng:

- Trong trời đất phương Bắc có Trung Nguyên, phương Nam có Đại Việt. Trung Nguyên không có tên nước mà tên nước gọi theo triều đại. Khi Hán Công chém rắn khởi nghiệp đất huyện Bái giành được thiên hạ lập nên nhà Hán thì gọi nước là nước Hán. Lý Uyên đánh đổ Tùy Dạng Đế lập nên nhà Đường thì gọi nước là nước Đường. Triệu Quốc Công lập nên nhà Tống thì gọi nước là nước Tống. Còn Đại Việt thời các vua Hùng quốc hiệu là Văn Lang, thời Lý Nam Đế quốc hiệu là Vạn Xuân, thời Đinh Tiên Hoàng quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Đến năm Giáp Ngọ niên hiệu Long Thụy Thái Bình Lý Thánh Tông mới đổi tên nước là Đại Việt, nước có tên nước, người có tên người, có sao các ngài lại gọi quàng xiên là Giao Chỉ?

Dương Dương Tu phải đứng dậy nói lời xin lỗi, còn cố nhắc lại:

- Thế ý của ta vừa nói ngài Chánh sứ nghĩ sao?

- Đất có chủ. Các viên quan coi giữ mang nộp và trốn đi thì đất ấy thành vật ăn trộm của chủ. Sự chủ giao cho mà tự lấy trộm đã không thể tha thứ được, huống chi chúng lại đem đất ăn trộm ấy dâng lên nhà Vua làm dơ bẩn sổ sách triều đình. Sao người Tống không ra tay trừng trị mà

lại cố tình che giấu?

Thành Trạc gật đầu khen Lê Văn Thịnh có lý.

Những điệp văn của cuộc hội đàm được Thành Trạc soạn lại kỹ lưỡng rồi gửi qua Hùng Bản. Hùng Bản lại thảo điệp văn báo về cho vua Tống. Thành Trạc bề ngoài tỏ ra lịch lãm, phân rõ phải trái, trắng đen, nhưng lại đầy những mưu mô phản trắc. Những báo cáo mà Hùng Bản nhận được đã khác xa những lời trong hội nghị. Ngày 15 tháng 7 thấy rõ bản chất dối trá của Thành Trạc, Lê Văn Thịnh đã trực tiếp viết thư cho Hùng Bản - một người vừa có quyền vừa có học đã từng đỗ tiến sĩ triều Tống Nhân Tông. Bức thư có đoạn: Thành Trạc nói vạch rõ cương giới phía Nam mười tám xứ này: "Thượng Điện, Hạ Lô, Ôn Nhuận, Anh Đào, Vật Dương, Vật ác, Kê Thành, Cống, Lục, Tân, Nhâm, Đông, Tây, Cảnh, Tư, Kỳ, Kỷ, Huyện và nói những đất ấy đều thuộc Tống quốc. Bồi thần tiểu tử này chỉ biết nghe mệnh không dám cãi. Nhưng những đất ấy mà họ Nùng đã nộp đều thuộc Quảng Nguyên. Nay thánh triều ban bố hàng loạt chính lệnh khoan đãi sao lại chuộng miếng đất đầy sỏi đá, lam chướng ấy mà không cho lại nước tôi để giúp kẻ ngoại thần". Lê Văn Thịnh nói nhún nhường là "không dám cãi" nhưng thật ra Lê Văn Thịnh vạch rõ chỗ phi lý gian xảo của triều đình Tống, lý lẽ của ông hết sức chặt chẽ, sắc bén.

Không hiểu lá thư ấy có tới tay Hùng Bản hay không mà ngày 20 tháng 8 vua Tống nhận được một điệp văn của Hùng Bản, lời lẽ như sau: "Thành Trạc trình rằng: Theo điệp văn của Lê Văn Thịnh thì bằng lòng vạch địa giới ở phía Nam các châu Vật Dương, Vật ác. Vậy xin bàn nên phụng chỉ ban chiếu thư, cấp cho Giao Chỉ làm xứ ở ngoài ải và ban cho Lê Văn Thịnh, Nguyễn Bồi đồ vật".

Ngày 25 tháng 9 Lê Văn Thịnh và phái bộ ta nhận được chiếu thư của Tống Thần Tông:

"Phụng thiên thừa vận, Hoàng đế chiếu rằng: Nay An Nam đã thuận phân hoạch xong biên giới thì hãy đem sáu huyện là: Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Đinh, Phổng, Cận và ba động: Túc, Tung, Tế ở ngoài ải Khẩu Nhạc giao cho An Nam thủ lĩnh. Còn Lê Văn Thịnh Chánh sứ An Nam khiêm tốn, văn võ toàn tài, phong hai tước "Kỳ vương" và "Long đồ các đãi sĩ", thưởng hai trăm tấm gấm và đôi câu đối dát vàng.

Bắc triều phụng sự vô song sĩ

Nam quốc khai khoa đệ nhất nhân.

Thưởng cho Nguyễn Bồi một trăm tấm lụa, cho các viên thư lại mỗi tên mười tấm vải. Khâm thử!".

Lê Văn Thịnh hết sức bất bình, một mặt phái người cưỡi ngựa thiên lý mang chiếu thư của vua Tống và báo cáo của phái bộ về triều đình nhà Lý, một mặt báo cho Thành Trạc, Hùng Bản là sẽ lên đường tới Biện Kinh yết kiến Tống Thần Tông.

Sợ rằng cả đoàn đông gần bốn chục người trẩy kinh sẽ gặp nhiều rắc rối, Lê Văn Thịnh quyết định chỉ chọn chín người trong đó có Dịch Quốc Trung và bảy viên thư lại văn võ kiêm toàn, giỏi tiếng Hán và đã từng tham gia chinh Bắc. Lê Văn Thịnh chọn ngày mùng 1 tháng 10 là ngày hoàng đạo, từ ngày ấy khí hậu tuy rét nhưng sẽ ít mưa, gió không mạnh để làm ngày xuất phát. Thành Trạc, Hùng Bản vô cùng lo lắng. Chúng lo lắng vì sự dối trá sẽ bị bại lộ. Dù rằng việc dối trá ấy phù hợp với lòng tham, tính ích kỷ và mộng ước bá quyền của triều đình nhà Tống; nhưng khi phái bộ Đại Việt đã làm rõ chuyện thì Tống Thần Tông sẽ phải ngậm bồ hòn làm ngọt mà ghép chúng vào tội khi quân. Thành Trạc, Hùng Bản bàn đi tính lại, cuối cùng Hùng Bản phải thở dài đưa hạ sách.

- Trăm phương kế chẳng kể phương nào hữu hiệu. Người xưa có câu "phi tiểu nhân bất thành quân tử". Thôi đành dùng hạ sách nhờ đạo chích trộm hết công văn giấy tờ, phi tang chứng cứ. Không chứng cứ Lê Văn Thịnh không thể tới Biện Kinh. Mà có tới cũng chẳng ai tin lời nói.

- Cao kiến, cao kiến. Hạ quan xin bái phục, bái phục.

Đêm 30 tối đen như mực. Các đĩa đèn đều cạn dầu khô bốc. Những chiếc đèn lồng lơ mờ hắt ra thứ ánh sáng vàng vọt, lay lắt. Lê Văn Thịnh cho đoàn đi Biện Kinh ngủ sớm, các người khác tụ tập ở đại sảnh ngâm thơ, đọc sách, chơi cờ.

Một bóng đen từ nóc nhà tụt xuống. Tiếng ngáy vẫn đều đều trong những chiếc màn hồng. Bóng đen nhẹ nhàng mở khoá tủ, ôm vội những túi, những cặp cho vào túi lớn, thoát một cái đã vọt lên mái nhà. Nhưng trên cái lỗ thủng bóng đen vừa tụt xuống đã có một bóng đen khác. Đó chính là Địch Quốc Trung. Địch Quốc Trung điểm cho bóng đen kia trúng huyệt sinh tử ngắt lịm. Lập tức bốn bóng đen khác từ bốn phía lao tới. Tiếng binh khí xé gió rít lên, nhằm Quốc Trung bổ tới. Nhanh như cắt Quốc Trung cặp bóng đen ngắt lịm vọt qua các luồng binh khí. Bốn bóng đen lao theo. Bỗng cả bốn bóng đen đều ngã lăn nằm chổng chơ trên nền gạch viên nào cũng in hàng chữ: "Đại Tổng quốc quân. Triệu gia tứ đế. Khánh lịch nhị niên tạo". Thế là cả năm tên đạo chích đều đã bị bắt gọn với đầy đủ chứng cứ, tang vật. Rất tiếc chưa kịp khai thác điều gì, cả năm tên đã cắn thuốc độc tự tử. Hùng Bản và Thành Trạc bảo đó là bọn cướp trên núi Linh Cảm và xin lỗi đã không bảo vệ phái bộ chu đáo. Có điều sao những tên cướp của lại chê những thỏi vàng, xấp bạc, găm vóc, lụa là mà chỉ "cướp" những giấy tờ có liên quan đến cuộc hội đàm Tống - Việt!? Hùng Bản, Thành Trạc lẩn tránh, ậm ừ qua chuyện. Phái bộ ta lại chuẩn bị lên đường.

Đang đông mặt trời vừa nhô lên đã bị những đám mây vần vũ che kín. Gió bắt đầu thổi mạnh. Con bão muện mằn trái vụ bất ngờ đổ xuống vùng Lương Quảng, Đại Lý, kèm theo những trận mưa xối xả. Nước Hàng Giang dâng cao. Những xác chết nổi lều phều nhấp nhô úp ngửa. Xứ Lương Quảng chìm trong nước lũ. Tiếng khóc vang dậy bốn phương. Tiếng quạ kêu lộng óc. Sự trừng phạt của đấng cao siêu lại nhằm vào đầu những con người vô tội, lại vô tình giúp kẻ dối lừa thực hiện trót lọt âm mưu bẩn thỉu. Nửa tháng trời phái bộ ta bị cô lập giữa biển nước. Đến khi nước rút hàng triệu người dân rơi vào cảnh không nhà, không cửa, không còn cả ngọn cỏ tươi mà gặm nhấm để sống qua ngày đoạn tháng. Phái bộ ta gom góp tất cả vải vóc, quần áo, bớt nửa khẩu phần mong góp chút nghĩa tình cứu vớt những người dân cùng khổ.

Sáng 21 tháng 10 Lê Văn Thịnh lại quyết định lên đường. Đoàn vừa lên ngựa thì Tổng quản khu mật sứ Trần Lãi cùng ba tùy tùng đem chiếu thư của vua Lý Nhân Tông đến kịp. Chiếu thư viết:

"... Rất may là trẫm đang kinh lý châu Lạng tới thăm đại bản doanh của Thái úy Lý Thường Kiệt. Trẫm và quan Thái úy rất hiểu tâm tư của khanh. Trẫm biết khanh không thỏa mãn với phán quyết của Tống Thần Tông. Nhưng kẻ đã có dã tâm sẽ tìm trăm phương ngàn kế, giở đủ mảnh lới. Vả lại sáu huyện ba động phía nam Khẩu Nhạc còn lớn hơn hai châu Vật Dương, Vật ác. Hai huyện Miêu, Phổng đều có mỏ bạc, Bảo Lạc có mỏ đồng, Luyện, Đinh, Càn nghe nói có vàng lộ thiên như Quảng Nguyên, Túc, Tung, Tế lắm gỗ tứ thiết, nhiều tam thất, lại án ngữ phía Bắc. So với Vật Dương, Vật ác tài nguyên còn phong phú hơn nhiều. Tống Thần Tông chẳng qua ngu muội, hoặc sợ oai Thái úy, hoặc sợ tài ứng biến của khanh, hoặc che giấu thất bại nên đã đổi vàng lấy bạc, đổi gấm lấy vải. Âu cũng là lẽ công bằng của trời đất vậy.

Còn mười sáu xứ mà Tống Nhân Tông có lần không nhận là đất của mình là lúc mười sáu xứ ấy nổi loạn đòi về Văn Lang thời các vua Hùng, sau nghĩ lại đã cho quan lại, quân đội đến đánh dẹp; đưa người Hán, người Mông, người Choang đến chiếm đất sinh sôi nảy nở. Ta khó mà đòi được.

Cả triều đình đều rất vui mừng khi biết khanh đã đem về cho trẫm bao nhiêu đất đai

quý giá, bao nhiêu thần dân, bao nhiêu của cải. Công của khanh cổ kim khó sánh, sử sách không mờ.

Khanh hãy vui vẻ hồi quốc. Hẹn gặp khanh tại điện Thiên An ngày vọng tháng sau. Mong khanh đừng do dự" .

*

Sáng hôm sau phái bộ ta lên đường về nước. Hùng Bản, Thành Trạc tiễn mười dặm. Dân Vĩnh Bình cảm cờ Đại Việt, tung hoa lưu luyến tiễn đưa.

Trước lúc chia tay Hùng Bản tặng Lê Văn Thịnh đôi câu đối:

Tam thốn thiết, đàm cổ, luận kim, hoạt linh, hoạt hiện.

Nhất xích địch, diệu truy, phạt nghịch, Việt thuyết, Việt kỳ.

(Ba tắc lưới, bàn xưa, luận nay, thoát ẩn, thoát hiện.

Một ống sáo, tỏ trung đánh giặc, càng nói, càng kỳ).

Thành Trạc cũng cung kính tặng Lê Văn Thịnh một đôi câu đối:

Phách án kinh kỳ, khiến hồn phách

Khắc thời thuyết nhạc, biện trung gian

(Vỗ án ghê thay dẫn hồn phách

Phút giây thuyết lý biện ngay gian).

Lê Văn Thịnh chấp tay cảm ơn, chào nhân dân Vĩnh Bình.

Cuối giờ Thìn ngày 22 tháng 10 năm Giáp Tý, niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng thứ 9 triều Lý, phái bộ ta rời Vĩnh Bình về nước; tuy không đạt kết quả như mong muốn nhưng đã bắt nhà Tống phải trả lại sáu huyện ba động, một kết quả mà cổ kim và có lẽ mãi mãi sau này cũng không ai làm nổi. Lê Văn Thịnh được cả triều đình tôn vinh, ngưỡng mộ.

Tháng 8 năm sau ông được phong chức Thái sư, đứng đầu triều chính, tạo điều kiện cho Lê Văn Thịnh đem hết tài năng, trí tuệ phục vụ vương triều, đưa Đại Việt trở thành một quốc gia hùng mạnh.

VI

Phủ Thái sư tấp nập. Văn võ bá quan, nhà buôn nước ngoài, các phú gia ở kinh thành, ở Phố Hiến, ở các châu, nhà sư, nhà nho, thầy đồ, học trò, binh lính, dân cày ruộng... lũ lượt tới chúc mừng sự kiện Sư phó kiêm Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh được phong chức Thái sư.

Kể từ tháng 4 năm Nhâm Tý niên hiệu Thái Ninh, Thái sư Lý Đạo Thành bị giáng xuống Giám nghị đại phu, Kiểm hiệu Thái úy Lý Thường Kiệt làm phụ chính tới khi Lý Đạo Thành được khởi dụng mời về triều lo nội trị, cũng chỉ được phục chức Thái phó bình chương quân quốc trọng sự, ghế Thái sư vẫn bỏ trống. Tháng 10 năm Tân Dậu niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng Lý Đạo Thành qua đời, năm sau Thái úy Lý Thường Kiệt lại phải vào trấn thủ vùng ái, Hoan, Hoàng Thái Hậu lại luôn vi hành, chăm việc phạt hơn chính sự, mọi công việc đều đè nặng lên vai ông vua trẻ, nên không khỏi có điều sơ suất. Sau thắng lợi ở hội nghị Vĩnh Bình không những vị thế Đại Việt lên cao, nước Tống, nước Đại Lý và các nước Chiêm Thành, Chân Lạp, Lão Qua, Trảo Oa đều kính nể mà tiếng tăm Lê Văn Thịnh cũng vang dội khắp trong thiên hạ. Lý Nhân Tông cho rằng Đại Việt không thể thiếu vắng một vị quan đầu triều, mà vị quan ấy chỉ có thể là Lê Văn Thịnh.

Buổi thiết triều sáng ngày 25 tháng 8 năm ất Sửu niên hiệu Quảng Hựu đời vua Lý Nhân Tông là buổi thiết triều rất đáng ghi nhớ. Hôm ấy có đủ văn võ bá quan. Thái úy Lý Thường Kiệt từ Châu ái cũng ra, các phò mã, các châu mục, các sứ thần cũng đều có mặt. Trời trong xanh, trắng lười lười và những vì sao không lặn. Bầu trời rực rỡ chan hoà ánh nắng. Sau khi quan độc thị đọc chiếu chỉ sắc phong, Lê Văn Thịnh ba lần giập đầu bái lạy, không dám nhận cương vị quá cao. Các quan văn võ đều rất mừng, cho quyết định của Hoàng thượng là sáng suốt. Lê Văn Thịnh là người rất xứng đáng. Lê Văn Thịnh một mực chối từ. Hoàng Thái Hậu phải nói:

- Khanh nhận chức Thái sư đứng đầu triều không phải vì khanh mà vì trăm họ, vì giang sơn xã tắc, vì sự trường tồn của Đại Việt. Khanh định giữ trách nhiệm cho ai?

Lê Văn Thịnh một lần nữa dập đầu bái lạy, không nói gì nữa. Các quan văn võ lần lượt tới chúc mừng.

Lễ chúc mừng chính thức được tổ chức trọng thể ở phủ Thái sư. Người đầu tiên tới phủ không phải là các quan đại thần mà là một nhà sư và một thiếu nữ. Nhà sư đó là thầy Khô Đầu trụ trì chùa Vạn Tuế, còn thiếu nữ là con nuôi nhà sư.

Cách đây hai năm, người động Ma Sa nổi loạn, vua Lý Nhân Tông thân đi đánh dẹp, sư Khô Đầu xin được đi theo giáo hóa. Giặc yên, vua Lý về kinh. Khô Đầu ngược sông Đà kiếm tìm vài loài thảo dược. Bỗng có tiếng kêu văng vẳng từ một khe suối. Khô Đầu vội lao xuống bắt gặp bọn thảo khấu đang định làm nhục một người con gái. Khô Đầu đã dùng lời lẽ thuyết phục, cứu cô gái và giáo hoá bọn cường bạo. Cô gái ấy là Ngô An Thủy, con nhà phú hộ bị bọn nổi loạn động Ma Sa giết cả nhà, may mà cô thoát chết; đến khe suối mệt quá định nghỉ chân đi tiếp lên thượng nguồn tìm kế sinh nhai thì gặp bọn thảo khấu. May mà gặp được đại sư đức cao vọng trọng. An Thủy cảm cái ơn cứu mạng, vả lại cũng không còn chỗ nương thân, xin theo sư thầy về chùa xuống tóc. Sư Khô Đầu thấy An Thủy còn nặng căn cơ nên lựa lời khuyên bảo, rồi nhận làm con nuôi cho ở trong chùa. Khô Đầu thấy An Thủy tuổi Mùi, đức hạnh, phúc nghiệp sáng sủa, đầy đặn; cung mệnh có đủ các sao Thái âm, Thiên phủ, Thiên đồng, Thái dương...

sẽ là người có đức độ, giàu sang, sống lâu, vương phu ích tử; cung tử tức có đủ các sao chính diệu, nam đẩu tinh sẽ sinh nhiều con trai. An Thủy rất thông minh, nhan sắc lại chim sa cá lặn, không thể ở mãi trong nhà nên Khô Đầu có ý mối lái cho Lê Văn Thịnh, vừa là món quà mừng, vừa là trả chút ân tình cái đêm hạ tuần tháng 10 năm Thìn bên dòng Như Nguyệt.

Thầy Khô Đầu biết Thái sư Lê Văn Thịnh đã có vợ, có con. Vợ Lê Văn Thịnh là nàng Đặng Thị

cháu cụ đồ Nhân. Sau chiến thắng Như Nguyệt, Thị lang đưa vợ lên kinh thành một tuần trăng. Kết quả là năm sau nàng sinh cho Thị lang một tiểu thư mỏng mày hay hạt. Thị lang đặt tên con là Lê Thị Sạn để nhớ những ngày vợ chồng chung sống ở Thăng Long. Năm Quý Hợi khi nhận lệnh vua chuẩn bị sang năm đi hội nghị Vĩnh Bình, lại nhân lúc vua Lý Nhân Tông đi dẹp loạn Ma Sa, Lê Văn Thịnh xin về nhà sửa sang mộ phần cha mẹ. Khi cuộc hội đàm bắt đầu tiến hành cũng là lúc phu nhân ở nhà sinh hạ con trai. Theo lời dặn của chồng nàng đặt tên con là Tiễn: Lê Văn Tiễn. Thế là tên hai chị em đều có bộ qua bên phải như di chúc của cụ Lê Văn Thành...

Nhưng đàn ông năm thê bảy thiếp là chuyện thường, huống hồ Lê Văn Thịnh đường đường là một Thái sư mới ba mươi sáu tuổi đầu, làm sao lại chỉ có một người vợ quê mùa.

Sư Khô Đầu thực sự khâm phục tài năng, đức độ, phong thái của Lê Văn Thịnh. Từ cái đêm xem Lê Văn Thịnh đi bài Đảo Sơn kiếm đầy vũ uy kinh lực, Khô Đầu đã biết người này có thể ngăn sông lấp biển, chuyển núi dời non, sự nghiệp sẽ lấy lòng chói lọi. Sau hội nghị Vĩnh Bình, Khô Đầu còn thấy Lê Văn Thịnh là đối thủ đáng gờm cho ai có ý định ngăn đường, phản kháng. Từ đó Khô Đầu vừa kính phục, vừa e dè sợ hãi, cứ như Lê Văn Thịnh và nhà sư có số khắc tinh. ý định mỗi mai Ngô An Thủy cũng là muốn bắc nhịp cầu để hai người xích lại.

Sư Khô Đầu dắt An Thủy bước vào đại sảnh cung kính cúi chào, nói lời chúc, rồi đọc một đôi câu đối:

Y, Chu sự nghiệp nhàn trung hội

Khổng, Mạnh văn chương tĩnh lý tâm

(Văn chương tĩnh lý tìm Khổng, Mạnh

Sự nghiệp nhàn quan khảo Y, Chu).

Lê Văn Thịnh chấp tay:

- Thầy quá khen. Tôi tài hèn sức mọn đâu dám sánh với Y Doãn, Chu Công, lại càng không dám ví mình như đức Khổng Khâu, Mạnh Tử.

Sư Khô Đầu lẳng lặng, chỉ tay vào ái nữ Ngô An Thủy đọc:

Nhân Tam Cương chính, Cửu trù tự

Thiên tứ thời hành, bách vật sinh

(Người giữ ngay đạo Tam Cương, Cửu trù được đặt ra

Trời bốn mùa xoay vần trăm vật sinh sôi

nảy nở).

Lê Văn Thịnh hiểu ý, kinh ngạc đang định lựa lời thanh minh, từ chối thì ngoài ngõ vang lên tiếng viên quan bộ lễ: "Hoàng thượng giáng lâm". Lê Văn Thịnh và mọi người chưa kịp ra cổng nghênh giá thì vua Lý Nhân Tông và Quốc lão đã vui vẻ bước vào

- Trẫm miễn lễ. Trẫm đến để chúc mừng Thái sư, cũng là chúc mừng người thầy mà trẫm vô cùng tôn kính.

Quốc lão Ngô ẩn không nói gì. Lúc sau Lý Nhân Tông mới để ý đến nhà sư Khô Đầu và Ngô An Thủy. Lý Nhân Tông hỏi:

- Hình như sư thầy năm kia có cùng trầm lên động Ma Sa?

Sư Khô Đầu thừa:

- Nam mô a di đà phật. Bẩm Hoàng thượng. Đúng là năm kia bản sư có theo Hoàng thượng lên Ma Sa giáo hoá.

- Thế cô nương này là...

- Bẩm Hoàng thượng. Cháu là Ngô An Thủy. Năm bản sư lên giáo hóa động Ma Sa đã cứu được cháu khỏi tay bọn thảo khấu. Cha mẹ cháu bị bọn nổi loạn động Ma Sa giết chết, cháu bơ vơ không cửa, không nhà, bản sư mới nhận cháu làm ái tử.

Ngô An Thủy khẽ ngẩng đầu đưa mắt nhìn Lý Nhân Tông. Lý Nhân Tông ngây người vì vẻ đẹp mê hồn của cô gái. Thực ra Lý Nhân Tông không phải là ông vua háo sắc, thậm chí còn rất ngại phải tiếp xúc với đàn bà con gái. Nhưng đã là vua phải duy trì sự nghiệp tổ tông, phải có người nối dõi.

Năm mười bốn tuổi Hoàng Thái Hậu đã bắt nhà vua sớm phải thành thân với một người con gái văn võ song toàn, nét na thùy mỵ, sắc nước hương trời.

Còn nhớ năm ất Mão trong cuộc thi võ học, võ sinh mặc giáp đen sử dụng thanh trúc kiếm, thi đấu ngang ngửa với Lê Văn Thịnh. Võ sinh đó là Quách Kim Nguyệt. Vì thanh trúc kiếm tuy mảnh mà rất nặng nên Lý Nhân Tông lúc đó mới mười tuổi đã tuột khỏi tay khi giờ kiếm khua thử một vòng. Mũi kiếm nặng cắm sát bàn chân Quách Kim Nguyệt, cô nhanh nhẹn rút chân lại, động tác vô cùng khéo léo, uyển chuyển. Việc đó không qua khỏi đôi mắt tinh anh của Hoàng Thái Hậu. Tối hôm đó Hoàng Thái Hậu cho đón Quách Kim Nguyệt vào phòng riêng, vừa ân cần, vừa trách móc:

- Con không biết giả dạng nam nhi, lừa dối Hoàng thượng là mắc tội khi quân phải chém đầu sao?

Quách Kim Nguyệt giật thót, vừa thú nhận, vừa nói hết ý nghĩ của mình:

- Con nghe nói phía Bắc nhà Tống đang lăm le xâm lược nước mình. Phía Nam quân Chiêm Thành, Chân Lạp, Trảo Oa hay vượt biển cướp phá các vùng Nghệ An, Châu á. Con lại nghe nói: Giặc đến giết cả đàn ông, đàn bà, người già, con trẻ. Thế mà trách nhiệm đánh giặc lại chỉ có đàn ông. Con nghĩ: "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Đã đành là phải thắng. Mà muốn thắng phải học hành tinh thông võ nghệ. Muốn biết mình tinh thông đến mức nào thì phải giao đấu. Vì thế con đã mạo muội cải dạng nam nhi mong được noi theo tấm gương Bà Trưng, Bà Triệu, xứng đáng là con dân của Hoàng Thái Hậu. Cúi xin Hoàng Thái Hậu tha thứ.

Hoàng Thái Hậu ngạc nhiên lắm:

- Con là con cái nhà ai mà võ đã giỏi, biện luận lại đâu ra đấy, có lý có tình. Ta đâu nỡ trách tội một ái nữ như con.

- Dạ. Cha con là Thái úy Quách Kim Nhật. Cha con kể rất nhiều chuyện tốt đẹp về Hoàng Thái Hậu.

- Thế ra con là ái nữ của Quách Thái úy. Thảo nào...

Trong cuộc kháng chiến chống giặc Tống, Quách Kim Nguyệt đã cùng Hoàng Thái Hậu lập những đội nữ binh. Đội nữ binh do Quách Kim Nguyệt chỉ huy đã góp phần tiêu diệt đội quân tiên phong của Miêu Lý đêm 23 tháng Chạp, đã đánh tan cánh quân do Trương Cát chỉ huy dưới chân núi Đuổm. Thắng giặc, vua Lý phong Quách Kim Nguyệt là Đô thống, thường cùng nàng luyện kiếm pháp, yêu quý nàng như yêu quý một người chị.

Năm Kỷ Mùi, Hoàng Thái Hậu lập Quách Kim Nguyệt làm Hoàng hậu. Lý Nhân Tông không dám cãi nhưng rất buồn, cứ như đột nhiên mất đi một người chị, một người bạn thân thiết. Quách Kim Nguyệt cũng buồn vì trái tim nàng đã thuộc về chàng trai đỗ đầu khoa thi Minh Kinh bác học dù biết rằng Lê Văn Thịnh đã có vợ, có con, dù biết Lê Văn Thịnh không bao giờ để ý tới nàng. Quách Kim Nguyệt vẫn không thể dập tắt được tình cảm của mình. Đã có lúc nàng tỏ ra căm ghét, lại có lúc muốn liều lĩnh xin được làm thiếp người mình yêu. Nhưng rồi ý nghĩ vẫn chỉ là ý nghĩ. Nàng đau khổ, dần vật. Khi Hoàng Thái Hậu ngỏ lời, biết không thể trái mệnh, nàng càng buồn. Càng buồn hơn khi mà nàng đã là cô gái ở tuổi hai mươi, còn chồng nàng vẫn chỉ là một đứa trẻ tuy thông minh nhưng vẫn rất ngây thơ bé dại. Đã năm năm Hoàng hậu vẫn óng ả mượt mà chưa cho Hoàng Thái Hậu niềm vui được làm bà. Hoàng Thái Hậu cho là phúc đức chưa đầy nên càng chăm lễ bái, dựng thêm chùa chiền, bảo tháp và cũng để ý đàn bà con gái trong thiên hạ ai xứng đáng thì đưa về cung lập làm phi. Lý Nhân Tông thì lại rất dửng dưng, coi bọn họ như những người giúp việc.

Sau hôm ở phủ Thái sư về, Lý Nhân Tông đến tận cung Vĩnh Thọ yết kiến Hoàng Thái Hậu, kể rõ việc chúc mừng ở phủ Thái sư, không quên chuyện cha con sư Khô Đầu. Hoàng Thái Hậu mỉm cười tủm tỉm khiến Lý Nhân Tông mặt đỏ bừng. Hoàng Thái Hậu vui vẻ bảo:

- Ta phải xem cô bé Ngô An Thủy thế nào mà Hoàng thượng mới gặp lần đầu đã ra chiều sủng ái. Nếu có lập làm phi cũng đừng vì nó mà lạnh nhạt với Quách Kim Nguyệt con dâu yêu của ta đấy nhé.

Hoàng thượng đỏ mặt cúi đầu:

- Con dâu dám thế!

Bảy ngày sau Ngô An Thủy được rước về Tây cung lập làm phi. Năm sau (năm Bính Dần niên hiệu Quảng Hựu) Ngô An Thủy mang thai rồng, lại có hai người Bà La Môn đi theo đoàn sứ giả Chân Lạp đem theo lễ vật quý giá đến Thăng Long xin buôn bán. Nhân đó Thái sư Lê Văn Thịnh xin vua Lý cho mở khoa thi Nho học trong cả nước chọn người tài đưa vào Hàn Lâm viện. Vua Lý vui vẻ chuẩn tấu.

Trung tuần tháng 8 khoa thi được mở ở Quốc Tử Giám. Kết quả chọn được sáu mươi ba người thực tài đứng đầu là Mạc Hiến Tích. Vua Lý Nhân Tông hết sức vui mừng. Cùng lúc Ngự long quân do Hoàng Thái Hậu phái tới báo tin: Tây phi ra chơi chùa Vạn Tuế thăm sư Khô Đầu đã sinh công chúa. Nhân đó vua đặt tên con là Lý Tự Sinh.

Lý Tự Sinh đầy tôi, nhà Vua mở tiệc mừng. Thái sư đến lại gặp sư Khô Đầu. Nhân lúc ngồi riêng, Thái sư hỏi:

- Vạn Tuế tự có bao nhiêu điền nô?

- Vạn Tuế giữa phố đông không có điền nô, chỉ có hai mươi đứa công bộc.

- Ít quá, ít quá. Tôi đã đi các chùa vùng Siêu Loại, Vũ Ninh, Trường Yên, lên cả các châu Thăng Do, Quảng Nguyên, Thường Tân... Chùa ít cũng năm mươi người, chùa to có tới vài ba trăm, có chùa có tới cả ngàn, cây cày hàng chục, hàng trăm mẫu ruộng, thu hàng ức thưng lúa, các vị trụ trì chỉ lo giảng đạo tụng kinh, bọn bên dưới được thể làm càn. Triều đình có ý định đưa các quan văn kiêm chức Đề cử giúp nhà chùa quản lý. Sư thầy nghĩ sao?

Khô Đầu khẽ vẩy tay niệm: "A di đà phật".

Tháng 3 năm Đinh Mão niên hiệu Quảng Hựu, cùng với việc cho xây lầu chứa sách quý gọi là "Bí thư các". Hoàng đế còn ra sắc chỉ chia chùa trong cả nước làm ba hạng: Đại danh lam, trung danh lam, tiểu danh lam; cử các quan văn cấp cao làm Đề cử quản lý trực tiếp kho tàng, nhân khẩu, thu nhập, hàng năm trích quỹ sung vào quỹ thiện góp thêm dựng chùa mới, đúc tượng và

bổ thí cho những kẻ nghèo hèn.

Ngày sóc tháng 6 các sư khắp kinh thành và các vùng phụ cận tập trung về chùa Khai Quốc nơi Quốc sư Thảo Đường trụ trì, đang lâm trọng bệnh.

Thảo Đường người Trung Nguyên là đệ tử của thiền sư Tuyết Đậu Minh Giác, đồng sư với các thiền sư Nghĩa Hòa, Trí Phúc, Truyền Tông. Năm Nhâm Thìn niên hiệu Hoàng Hựu đời vua Tống Nhân Tông thiền sư Tuyết Đậu qua đời, Thảo Đường rời chùa Tư Khánh đi mãi về phương Nam thuyết pháp. Năm Kỷ Dậu niên hiệu Thần Vũ, Lý Thánh Tông đem quân chinh phạt Chiêm Thành bắt được Chế Củ (vua Chiêm) và năm vạn tù binh. Tình cờ Lý Thánh Tông phát hiện trong đám tù binh có một thiền sư xứ Trung Nguyên có kiến thức uyên thâm, am hiểu rất nhiều lĩnh vực, đặc biệt là Phật học và thi ca. Lý Thánh Tông rất khâm phục phong cho làm Quốc sư trụ trì chùa Khai Quốc ngay tại kinh thành.

Thiền phái Tuyết Đậu trong đó có Thảo Đường chủ trương dung hòa Nho - Phật, ủng hộ quân vương, tìm thuyết lý trong thi ca, đạo pháp, thờ ơ với cuộc sống vật chất, với bản thể. Khi các sư Khô Đầu, Viên Chiếu, Quảng Trí, Từ Lô, Giác Hải, Minh Không... đến Khai Quốc tỵ, Quốc sư đã yếu lắm, không nói được nữa, nhưng đầu óc vẫn minh mẫn.

Sư Khô Đầu thưa:

- Nếu triều đình xếp chùa Khai Quốc của thầy là đại danh lam thầy nghĩ sao?

Quốc sư gật đầu.

- Nếu triều đình xếp Khai Quốc là trung danh lam?

Quốc sư lại gật đầu.

- Nếu chỉ xếp là tiểu danh lam?

Quốc sư cũng gật đầu.

- Mọi thứ của nhà chùa, triều đình cho người đến quản lý hết thì sao?

Quốc sư ra hiệu đưa giấy, nguệch ngoạc một chữ "hòa", cười một tiếng, khóc một tiếng rồi tịch.

Lúc đó Thái sư Lê Văn Thịnh vừa tới, nhìn thấy chữ "hòa" vội quỳ xuống lạy ba lạy, đọc bài kệ rằng:

Chí đạo vô ngôn

Nhập bất nhị môn

Pháp môn vô lượng

Thùy thị hậu cốn?

(Đạo lý không lời

Vào cửa không hai

Pháp môn bất nhị

Ai người thừa kế?).

*

Cuối năm. Trời rét ngọt. Quốc lão Ngô ẩn đã tám mươi ba tuổi, già yếu cáo lão về quê. Thái sư xin được đưa thầy về tận quê hương làng Mía. Nhớ lại Tết Giáp Dần Lê Văn Thịnh còn là bạch diện thư sinh, lặn lội về mừng thầy thượng thọ. Ngày ấy tuy đã ở cái tuổi "cổ lai hy" thầy Ngô ẩn vẫn vác nổi thanh đại đao gia bảo múa tít bài "Mai hoa đao pháp", thế mà bây giờ thầy đã già yếu lắm, bước chân run run đặt lên những con đường ngoằn ngoèo nơi xóm núi. Thời gian thật ghê gớm. Nó đánh bại mọi đối thủ. Con người dù tìm được thuốc trường sinh vẫn nằm trong cái hữu hạn. Thời gian tước đi tất cả những gì gọi là vật chất. Chỉ có tâm hồn cao thượng, hành động nghĩa cử vì con người, vì mảnh đất quê hương mới mang lại sự tồn tại vĩnh cửu, mới đi cùng thời gian tới cõi vô vi, cực lạc.

Làng Mía thay đổi khá nhiều. Những ngôi nhà lợp ngói mọc lên san sát. Những cánh đồng bạt ngàn tím sẫm mía Kim Sơn lấy giống từ trong Châu á vừa ngọt, vừa giòn, nước nhiều, mật lắm. Hàng trăm con trâu béo khỏe đi vòng tròn kéo những chiếc trục ép mía rít lên ken két. Hàng trăm lò nấu đường khói bốc nghi ngút thơm lừng... Cánh đồng như một khu rừng đầy mía. Cả làng ngan ngát mùi mật, mùi đường. Quốc lão buột miệng:

- Quê mình mía tốt như lau sậy, đường nhiều như cây rừng, có thể tự hào gọi là xứ Đường Lâm.

Biết tin thầy Ngô ẩn cáo lão về quê, có cả quan Thái sư đưa về, dân làng bảo nhau nghỉ việc ra tận đường cái quan đón chào. Nghe thầy Ngô ẩn nói vậy cả làng ồ lên:

- Hay quá. Từ nay làng mình cứ gọi là làng Đường Lâm, vừa kể được cái nghề, cái giàu, vừa tỏ rõ cho thiên hạ biết đây là nơi văn hay chữ tốt.

Đoàn người ra đón liền vỗ tay ầm lên, miệng hô to:

- Đường Lâm! Đường Lâm! Kính chúc Quốc lão sống lâu muôn tuổi.

Thầy Ngô ẩn vẫn nhớ từng người. Thấy ai vắng mặt thầy ân cần thăm hỏi. Ai đã qua đời thầy gửi hương đăng và hứa sẽ đến tận nhà thăm viếng.

Thái sư tặng mỗi cụ già một chiếc áo lụa, mỗi cháu bé một gói kẹo, cháu nào đang đi học được thêm một cây bút lông và một xấp giấy "mật hương" trắng mịn.

Đêm ấy đợi dân làng về hết, hai thầy trò mới có dịp hàn huyên.

Lê Văn Thịnh cung kính:

- Thầy là người hiếu con, hai năm qua thầy thấy con thế nào?

Thầy Ngô ẩn nâng chén trà cuộn khói, nhìn ra khoảng trời đen kịt nói:

- Thầy mừng cho con ở cương vị đầu triều mà vẫn thanh bần, không ham lợi lộc, không cậy chức quyền, một lòng vì nước vì dân. Nhưng thầy lo cho con lắm.

- Người ta ai qua khỏi vòng sinh, lão, bệnh, tử. Ai chẳng có kẻ yêu người ghét, lúc thành lúc bại, thầy lo làm gì.

- Thầy không lo những điều đó. Thầy lo cho con là lo cho sơn hà xã tắc, lo cho vận nước thịnh suy, lo cho công nghiệp muôn đời nhà Lý. Ngày chúc mừng con nhậm chức, con không để ý người đến đầu tiên lại là một nhà sư và một cô gái sao?

- Con nhớ. Đó là sư Khô Đầu và con gái nuôi tên là Ngô An Thủy.

- Phải. Thầy không nói chuyện manh mối không thành vì thầy biết con là người trọng nghĩa trọng tình, vả lại ông ta còn thành công hơn ý định ban đầu. An Thủy trở thành Tây phi sẽ tạo điều kiện để Khô Đầu đi sâu vào chính sự và cũng là cái phúc cho con. Thầy cứ linh cảm thấy Ân

Thủy không phải là người đơn giản, Khô Đầu có lẽ đã quá tin vào tự thuật của cô ta. Dầu sao thì chuyện ấy cũng đã yên một bề. Thầy muốn nói với con những điều có liên quan đến Quốc đạo. Con cũng biết từ năm ất Mão niên hiệu Thái Khang đời Tấn Võ Đế cai trị Giao Châu thầy Khâu Đà La và các giáo sĩ ẩn Độ vào nước ta truyền giáo đến Khương Tăng Hội, Tuỳ ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường Phật giáo càng ngày càng thịnh. Năm Mậu Tuất (938) Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán mở ra thời kỳ độc lập lâu dài của quốc gia Đại Việt, rồi trải qua các điều Đinh, Lê, Lý đều lấy đạo Phật là Quốc đạo, có Quốc sư, Tăng thống, tích cực tham gia chính sự, chùa chiền tha hồ tự do phát triển thành những điền trang tư viện, không ai quản lý. Đến nay nhà Vua (mà ai cũng hiểu rằng Thái sư là người chủ trương bàn soạn), lại đưa các quan văn làm Đề cử kiểm soát gắt gao công việc nội tự. Việc đó tốt cho triều đình, lợi cho quốc gia nhưng không tốt, không lợi cho nhà chùa. Thử hỏi nếu con chỉ cần là Đại hiền, Tăng chính, Tăng lục chứ chưa kể đến Yết ma, Tăng thống, Quốc sư thì con nghĩ sao?

- Con nghĩ việc gì có lợi cho sơn hà xã tắc, cho trăm họ thì con sẽ làm.

- Thầy rất khâm phục con về điều đó. Nhưng con phải cẩn thận giữ mình.

Hai thầy trò đàm đạo rất nhiều vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia, đến nhân tình thế thái. Gần sáng hai thầy trò đều mệt mỏi đi nằm, nhưng không ai ngủ được. Mười hai năm tham gia chính sự Ngô ẩn hiểu rằng người làm quan thanh liêm, giữ được chữ đức chữ nhân, giữ cho lòng mình trong sạch thật là khó. Thái phó Lý Đạo Thành đã qua đời, con người chỉ biết nói lẽ phải không còn nữa. Thái uý Lý Thường Kiệt phải trông nom vùng Nghệ An, Châu ái xa xôi. Mạc Hiến Tích vẫn còn là chàng thư sinh chỉ biết đọc lầu kinh sách. Hoàng Thái Hậu vẫn còn dằn vặt về vụ Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ nên chỉ nghĩ chuyện tích thêm ân đức mong được siêu thoát kiếp sau. Vua Lý Nhân Tông thông minh đức độ nhưng từ khi thắng Tống nhất là từ khi có Tây phi bắt đầu ăn chơi, hưởng lạc. Văn võ bá quan, ai cố gắng làm tròn chức trách xứng đáng với ân huệ vua ban đã là tốt lắm rồi. Nhưng mấy ai được như vậy. Trò đời một của một con... Có chức thì có quyền, có thế. Quyền thế dễ sinh lòng ham muốn. Ham muốn làm con người tối mắt. Lương tâm, Tổ quốc chỉ như một món hàng. Chỉ còn Lê Văn Thịnh. Tuy đứng đầu văn võ bá quan nhưng con người này nghĩ sao làm vậy, luôn quên mình vì công việc. Điều ấy thật quý. Nhưng cũng giống như người đi đường mang theo quá nhiều vàng bạc châu báu, cái quý lại trở thành vật sát thân...

Còn Lê Văn Thịnh. Ông hiểu thầy đang lo cho mình. Ông biết ông là dòng dõi một triều vua có võ công oanh liệt, đã lập nên một triều đại huy hoàng. Nhưng những kẻ kế tục triều đại ấy, không tự răn mình đã thoái hoá, sa đọa, xuống dốc rồi sụp đổ. Ông không oán hận ai, không oán hận những người đã tranh đoạt vương miện của cụ kỵ tổ tiên. Ông cho đó là mệnh trời, hợp lòng người, hợp đạo lý. Ông vô cùng khâm phục các vị tiên đế nhà Lý. Nhưng cũng như dòng họ của ông, ông lo rồi con cháu nhà Lý sẽ suy vong, sẽ đem cơ nghiệp tổ tiên trao vào tay kẻ khác. Ông biết nhà Tống không bao giờ từ bỏ dã tâm xâm lược. Đại Việt luôn như miếng thịt thơm ngon đặt trước miệng bầy hổ đói. Giờ đây miếng thịt ấy đang có những con người hết lòng vì nước vì dân gìn giữ. Ông lo đến một ngày nào đó người ta tranh đoạt, người ta thỏa mãn, người ta quên đi mối đe dọa bên ngoài. Trách nhiệm của ông là phải làm hết sức mình để vương triều này lớn mạnh, để Đại Việt mãi mãi trường tồn. Ông biết thầy Ngô ẩn có lý khi cho rằng ông đã thò tay vào hang hổ cướp lại những chú dê béo mập trả về cho chủ cũ. Ông rất cảm ơn thầy, nhưng ông sẽ không lùi bước.

Trên đường đưa thầy về Đường Lâm, ông có dịp làm quen với những bác nông dân, những người thợ thủ công, những anh lính, những nhà sư... Ông thấy họ rất tốt, rất đáng trân trọng. Nhưng họ vẫn còn nghèo quá. Chế độ thuế khoá đánh vào đầu người thật vô lý. Người không có thước đất cắm dùi chuyên cày thuê cuốc mướn, cũng như người có cả trăm mẫu ruộng, có trong tay hàng trăm điền nô, kẻ hầu người hạ. Ông đã tới những huyện, những châu, xuống từng trang, từng làng ông thấy nhiều vị quan thanh liêm mẫu mực, học rộng biết nhiều. Nhưng cũng lắm ông quan béo ỳ, thẳng đường chỉ biết quát mắng dùng hình, thậm chí có ông chưa đọc hết sách Tam tự kinh, ký tên mình còn thừa, thiếu nét.

Ông nhớ như in cái lần ông đóng giả lái buôn về vùng Trường Yên thị sát. Thấy quan huyện lệnh sở tại xử án giữa công đường, ông bỏ ra mấy đồng Minh Đạo xin được vào xem. Phạm nhân là một thiếu phụ xinh đẹp, ăn mặc rách rưới. Ông dò hỏi biết cô ta vì giữ thủ tiết mà bị vu là bán thân nuôi miệng. Ông liền bảo viên thư lại:

- Cô ta là người tình cũ của tôi. Tôi muốn cứu cô ta thì phải thế nào?

- Có tiền không? - Viên thư lại hỏi ráo hoảnh.

Ông thò ra mấy đồng tiền vàng lấp lánh. Viên thư lại cười tít mắt, bảo là sẽ thừa với cụ lớn, giao tay định chộp cả số tiền. Ông rút tay lại, bảo nhỏ:

- Nhưng cô ta ngày xưa đã phụ bạc tôi. Tôi căm ghét cô ta. Tôi muốn xử cô ta thật nặng.

- Được. Được mà!

- Nhưng tôi muốn được thay quan, đích thân thẩm vấn, rồi xử cô ta cho bõ ghét.

Viên thư lại chần chừ, cười nhẵn nhủ, bảo:

- Ngài ghê thật đấy. Để tôi hỏi cụ lớn.

Lúc sau viên thư lại xuống, đòi đủ năm trăm quan với tất cả số tiền vàng.

Ông gật đầu. Thế là "cụ lớn" vui vẻ đi xuống, cung kính mời ông lên ghế xử án...

Nghĩ lại mà vừa ghê tởm, vừa đau buồn. Ông tự hứa với mình nhất định sẽ thanh lọc lũ quan ngu muội, dốt nát, vô lương tâm, nhất định sẽ nghĩ cách tạo lập sự công bằng trong dân chúng.

Sáng hôm sau ông đem những suy nghĩ của mình nói với thầy Ngô ẩn. Thầy bảo:

- Nếu con dám làm những việc đó, dù thành hay bại, con cũng đã là bậc thánh nhân. Con phải chờ cơ hội. Con nên đi vào ái Châu một chuyến xem ý Thái úy thế nào. Sang năm Thái úy cũng bảy mươi rồi đó.

*

Mùa xuân năm Mậu Thìn niên hiệu Quảng Hựu, Lý Nhân Tông phong cho bố nuôi vợ - nhà sư Khô Đầu chức Quốc sư, ban cho Tiết Việt cùng Thái sư luận bàn quốc sự. Lê Văn Thịnh thay mặt Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu đem quà mừng thọ tới Thái úy Lý Thường Kiệt.

Lý Thường Kiệt họ Ngô tên Tuấn. Cha là Ngô An Ngữ anh em thúc bá chi tôn ngành trên với Ngô Nhật Khương (tức thầy Ngô ẩn). Ngô An Ngữ được sung chức Sùng ban lang tướng, một chức võ quan cao cấp trong quân đội triều Lý. Ngô An Ngữ văn hay, võ giỏi được Hàn thượng thư gả con gái đầu là Hàn Nguyệt Sương cho. Mùa xuân năm Kỷ Mùi niên hiệu Thuận Thiên đời Lý Thái Tổ, sinh Ngô Tuấn tại phường Thái Hoà - Thăng Long. Ba năm sau - năm Nhâm Tuất người Đại Nguyên Lịch đất Tống tràn sang cướp phá biên giới, Ngô An Ngữ theo Dục Thánh Vương lên đánh dẹp, chẳng may bị trúng đạn nổ chết ở trại Như Hồng. Ngô Tuấn được đưa vào cung học tập. Ngay từ nhỏ ông đã tỏ rõ bản chất trung hậu, nghiêm cẩn. Ông rất thông minh, học một biết mười, văn võ đều giỏi, thuộc lòng các bộ Võ Kinh. Nhưng ông không quá coi trọng phép dùng binh của người xưa. Ông thường nói: "Binh tắc biến. Biến tắc ứng. Không nhất nhất như sách". Năm Tân Tỵ niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo đời vua Thái Tông ông được bổ ngạch Thị vệ hầu vua, rồi sung chức Hoàng Môn Chi hậu. Sau đó được thăng lên các chức Đô tri, Bổng hành quân hiệu úy và cuối cùng là chức Kiểm hiệu Thái úy đứng đầu các quan võ. Do có nhiều công lao phục vụ vương triều nên được Lý Thái Tông yêu mến cho lấy họ vua đặt tên là Thường Kiệt hy vọng ông sẽ là trụ cột giữ gìn giang sơn nhà Lý. Năm Nhâm Tý niên hiệu Thái ninh Hoàng Thái Hậu Thượng Dương và Hoàng Thái phi ỷ Lan tranh quyền chấp chính, Lý

Thường Kiệt và Lý Đạo Thành bắt đồng quan điểm. Khi vụ việc vỡ lở Lý Đạo Thành bị giáng xuống Giám nghị đại phu, bị đẩy vào Nghê An giữ chức Tri châu, Lý Thường Kiệt thay quyền phụ chính. Ngay sau đó ông thấy việc bất hòa đã làm Đại Việt suy yếu, kẻ thù thừa cơ dòm ngó. Ông đã khẩn thiết xin Hoàng Thái Hậu khởi dụng Lý Đạo Thành. Vì sự tồn vong của quốc gia, Hoàng Thái Hậu ý Lan đã quên chuyện cũ mời Lý Đạo Thành về coi nội trị, lo hậu cần để Lý Thường Kiệt rảnh tay đánh giặc, nhưng cũng chỉ hời trả chức Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự, chỉ như Tể tướng thứ hai. Lý Thường Kiệt vẫn gánh phần phụ chính.

Khi vua lớn, muốn nắm trong tay thực quyền nên đã điều ông vào cai quản Châu ái và trông nom các châu huyện phía Nam. Tuy vậy ông vẫn phải thường xuyên về triều, thường xuyên chỉ huy quân đội làm áp lực cho cuộc hội đàm năm Giáp Tý ở Vĩnh Bình.

Được lệnh vua đem quà mừng thọ vào Châu ái, Thái sư Lê Văn Thịnh vô cùng phấn khởi. Ông cho đó là điềm lành, là ý trời vì nếu không cuối mùa xuân ông cũng sẽ có chuyến đi như vậy.

Thái úy cũng vô cùng cảm động và hết sức ngạc nhiên khi thấy một vị quan đầu triều lặn lội từ kinh thành vào đây chỉ để mừng ông thượng thọ. Ông đoán rằng Thái sư còn có việc riêng.

Sau khi làm lễ tạ ơn vua, cảm ơn Thái sư, cảm ơn văn võ bá quan, ông hỏi:

- Chắc Thái sư kết hợp đi kinh lý?
- Không. Tôi muốn Thái úy chỉ giáo.
- Không dám. Không dám. Nhưng nếu việc quân quốc tôi xin hết lòng tham gia.

Đã biết nhau trong cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt năm xưa, Lê Văn Thịnh thẳng thắn trình bày những sự kiện, những thái độ, những nhận xét về thời cuộc, về con người. Ông cũng không ngần ngại nói rõ những dự kiến của mình. Cũng như Quốc lão, Lý Thường Kiệt chăm chú lắng nghe khi thì chau mày suy nghĩ, khi thì phấn khởi mỉm cười. Thái sư dùng lời. Thái úy nói rất chân tình:

- Khi rời Thăng Long tôi lo lắng lắm. Khi nghe thúc phụ cáo lão về quê, ruột gan tôi như lửa đốt. Nhưng nay nghe những lời Thái sư nói tôi có thể kê cao gối mà ngủ được rồi.

Việc Thái sư mạnh dạn phân loại chùa chiền, cho người quản lý kiểm soát tuy có gặp những phản kháng nhưng đã mang lại cho quốc gia bao mối lợi. Còn việc định quan chế không phải là việc mới. Hàng đại thần từ xưa vẫn có Thái sư, Thái phó bên văn, Thái úy, thiếu sư, thiếu úy bên võ. Các hàng dưới quy định theo thứ tự: Bên văn lần lượt là: Thượng thư, Tả hữu tham tri, Tả hữu giám nghị đại phu, Trung thư thị lang, Bộ thị lang. Bên võ lần lượt là: Đô thống, Nguyên suý, Tổng quản khu mật sứ, khu mật tả hữu sứ, Kim ngô thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, Chư vệ tướng quân. ở các châu: Văn có: Tri phủ, Tri châu. Võ có: Chư lộ trấn, Lộ quan... là những cấp chức từ xưa vẫn dùng, nay Thái sư xếp cho trật tự và thống nhất hơn. Cái khó nhất là phân chia hạng bậc từ cửu phẩm tới nhất phẩm. Người có thực tài thì không nói làm gì, kẻ bất tài vì nọ vì kia mà hưởng chức cao vọng trọng nay Thái sư lấy có gì cho xuống? Thái sư phải đặt ra những tiêu chuẩn, phải sát hạch bằng những cuộc thi. Nếu những người chấm thi lại nhận hối lộ hoặc cố tình trái lệnh, liệu Thái sư có kiểm soát được không?

Việc định phép thu tô là việc vừa mới lạ, kim cổ ở nước ta chưa hề có. Bên Tống, Vương An Thạch đề ra Tân pháp trong đó có luật đo lại ruộng đất và thu thuế bình quân. Ông thi sĩ này không phải chỉ biết có mộng mơ mà còn rất thực tế, rất có đầu óc cải cách. Tân pháp đã đưa nước Tống vượt khỏi những khó khăn, đã làm cho "binh cường quốc phú". Thế mà Tân pháp bị phản đối, bị đánh phá quyết liệt, ngay cả trong Hoàng tộc mà Tân pháp đem về bao nhiêu lợi lộc. Ông đau buồn cáo quan về "Bán sơn viên" đến chết vẫn còn ân hận. Phép định điền thu tô của Thái sư sẽ đem lại cho triều đình nguồn thu lớn, quân đội sẽ dư dật lương thảo mà vẫn không ảnh hưởng đời sống người dân. Mức thu mỗi mẫu ba thăng là vừa phải. Làm được việc

này người dân sẽ vô cùng phấn khởi, triều đình không lo việc nuôi quân. Nhưng cũng như nước Tống những nhà giàu lắm ruộng, những điền ấp tự viện của nhà chùa, của những người trong Hoàng tộc sẽ căm ghét Thái sư, sẽ phản kháng quyết liệt. Thái sư đã có kế gì giữ yên bách tính?...

Thái sư Lê Văn Thịnh cảm thấy được mở mang tầm mắt rất nhiều. Tài quân sự của Thái úy, Lê Văn Thịnh đã tai nghe mắt thấy, đã được thừa hưởng niềm vinh quang chiến thắng. Còn tài văn chương của Thái úy, Lê Văn Thịnh mới biết qua bài thơ "Nam quốc sơn hà" mà người đời cho là của Đức Thánh Tam Giang. Đến hôm nay Lê Văn Thịnh mới thực sự biết Thái úy là người có tài trị quốc, am tường thông hiểu mọi lĩnh vực, có tầm nhìn xa trông rộng. Những kiến giải của Thái úy vừa rõ ràng, vừa sâu sắc, hội đủ các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Thái úy vạch ra những khó khăn, những áp lực, đưa ra những giả thuyết, những biện pháp hết sức phù hợp, chính xác. Lê Văn Thịnh mừng lắm. Ông vô cùng xúc động, cảm ơn Thái úy tiếp tục cuộc hành trình tới những vùng đất xa xôi, những nơi dân tình còn đang lầm than, đói khổ.

Trước lúc chia tay Thái úy bảo:

- Thái sư cho tôi gửi lời tạ ơn Hoàng thượng, tạ ơn Hoàng Thái Hậu. Theo thiện ý của tôi Thái sư nên tranh thủ ý kiến của Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu một đời vì dân vì nước, vì chồng, vì con. Vụ việc năm Quý Sửu không thể trách mình Hoàng Thái Hậu. Tôi, Thái sư Lý Đạo Thành và nhất là Hoàng Thái Hậu Thượng Dương phải chịu một phần trách nhiệm. Cho tôi một lần nữa xin kính chúc Hoàng Thái Hậu thiên tuế.

Nghe lời Thái úy, mùa hè năm ấy Thái sư Lê Văn Thịnh tới điện Vĩnh Thọ yết kiến Hoàng Thái hậu. Hoàng Thái Hậu đi Vũ Ninh dự lễ khánh thành chùa Đại Lâm và chuẩn bị xây tháp Lâm Sơn. Lê Văn Thịnh tức tốc đi Vũ Ninh.

Đã gần hai mươi năm Lê Văn Thịnh mới trở về quê ngoại. Ông bồi hồi nhìn lên ngọn núi Hàm Long dân dã vẫn quen gọi là núi Dạm. Trên đó có bàn cờ tiên, nơi cha mẹ ông vẫn thường nghỉ chân khi đi hái thuốc, có người anh em Bạch Quỷ di dạng di hình mà tấm lòng trắng trong, thủy chung sau trước. Tiếng vó ngựa khắp khểnh lên núi khiến ông chạnh nhớ những đêm trăng hai anh em học kiếm pháp, Địch pháp, nhớ những câu chuyện phiêu lưu bí tráng về cuộc đời Bạch Quỷ. Giờ đây ông đã là vị quan dưới một người mà trên ức vạn người, không biết người anh em ấy bây giờ còn hay mất, bây giờ đi đâu, ở đâu? Ông thấy lòng mình se lại. Trách gì lòng người đen bạc, thay trắng đổi đen. Ngay ông đây, ơn huệ là thế, nghĩa tình là thế, thành đạt là thế mà đã gần hai mươi năm có lúc nào nghĩ tới anh ấy, chứ kể gì tới chuyện đi tìm. Ông tự nhủ chuyến này sau khi yết kiến Hoàng Thái Hậu nhất định phải lên bàn cờ tiên tìm anh ấy. Nếu anh ấy sống sẽ tạo lập cho anh một cuộc sống tốt hơn, có ý nghĩa hơn. Nếu chẳng may anh ấy không còn, phải đáp cho anh mồ yên mả đẹp, phải truyền cho con cháu cúng giỗ như cúng giỗ bản thân mình.

Gặp Hoàng Thái Hậu trong Tam bảo, Thái sư đàm đạo với Người những vấn đề như đã chuyện trò cùng Thái úy. Hoàng Thái Hậu im lặng lắng nghe, thở dài mà rằng:

- Ta mừng cho Hoàng thượng con ta có khanh phụ chính. Âu cũng là cái phúc của xã tắc. Nhưng nhà ta có được đại nghiệp là nhờ đức Phật từ bi, nhờ các đại sư có lòng vì dân vì nước. Vẫn biết khanh lo là lo cho vua, cho trăm họ nhưng khanh không thấy quản lý nhà chùa như vậy là quá khắt khe sao? Việc định quan chế là quyền hạn của Thái sư, khanh cứ làm nhưng nhớ là bên cạnh chữ lý vẫn còn một chữ tình. Khanh làm sao để bá quan khỏi bất bình phản kháng. Việc định tư điền thu tô, sẽ lợi cho triều đình lắm lắm, nhưng sẽ đụng chạm tới các phú gia, quan lại, tướng sĩ... Khanh làm sao để thật công bằng hợp lý. Theo ta khanh hãy đợi năm nào trời đất thuận hòa, mùa màng tươi tốt, lòng người thanh thản. Khi cuộc sống dễ chịu, người ta dễ thể tất cho nhau. Thái sư hỏi thì ta góp ý, chứ bây giờ Hoàng thượng đã lớn khôn ta không muốn mình như Lữ Hậu, Võ Tắc Thiên để thiên hạ ngàn năm đàm tiếu.

Lê Văn Thịnh tạ ơn, nhớ kỹ lời vàng ngọc, rồi một mình theo đường cũ leo lên bàn cờ tiên.

Cảnh vật vẫn như xưa. Lê Văn Thịnh sục tìm khắp chốn cùng nơi, không thấy dấu vết Bạch Quỷ. Ông buồn bã than rằng: "Ta đời này thất tín. Đời sau xin làm chó ngựa hầu hạ đại ca".

Năm sau - năm Kỷ Ty niên hiệu Quảng Hựu, nhà Vua quy định các chức của bá quan văn võ. Cuối năm ấy quân Tống xâm phạm đất Thạch Tề, Lê Văn Thịnh xin cầm quân ra trận, vừa là đi thị sát vùng biên cương phía Bắc, nhưng nhà Vua nhất định đòi đi, giao Thái sư nhiếp chính.

Năm Nhâm Thân vua Lý Nhân Tông đổi niên hiệu Hội Phong, mưa gió thuận hòa, khắp nơi lúa tốt, hạt vàng căng mẩy. Lê Văn Thịnh quyết định cho ban bố luật canh điền. Luật canh điền quy định rất tỉ mỉ, cụ thể, chặt chẽ quyền sở hữu đất đai, phân biệt các khế ước ủy nhiệm, ủy thác, thu các ruộng tư nhân mỗi mẫu ba thưng, phân phát ruộng công cho những người nghèo, hàng năm nộp tô theo quy định chung của nhà nước về từng hạng đất. Năm ấy vui như năm Đinh Tỵ đánh tan giặc Tống trên phòng tuyến sông Như Nguyệt, dân tình sắc mặt hồng hào, áo quần rực rỡ, tiếng hát ngợi ca vua hiền quan thảo, ngợi ca quê hương đất nước vang vọng khắp nơi.

Năm sau hương Siêu Loại mở hội Pháp Vân bốn ngày từ mùng 6 tháng 4 qua ngày Phật đản.

Hoàng Thái Hậu vui cùng trăm họ. Bà lại đóng giả người buôn tơ tằm về Siêu Loại trẩy hội để được sống lại thời thiếu nữ, nhớ lại ba mươi năm ngày gặp mặt đức Vua, ngày bà trở thành phu nhân ỷ lan.

Bà không muốn thần dân trăm họ vì bà mà mất việc, mất vui, mà lo có điều sơ suất. Bà muốn mình như cô gái hái dâu cắt cỏ năm xưa, muốn được cất cao lời ca:

Tay cầm bán nguyệt xênh xang

Một trăm thức cỏ lai hàng tay ta.

Dân Siêu Loại không ai quên bà. Thần dân trăm họ không ai quên bà. Bà đã trở thành Quan âm nữ cứu độ chúng sinh. Bà là niềm kiêu hãnh của muôn dân Đại Việt. Ngàn năm sau sẽ còn rất nhiều chuyện về bà.

Trời sập tối đã từ lâu. Cụ già mời tôi đi nghỉ. Vả lại cả một ngày kể chuyện cụ đã mệt lắm rồi. Lúc đi nằm tôi còn cố hỏi thêm:

- Thừa cụ. Người ta bảo bà Hoàng Thái Hậu ỷ lan chính là cô Tấm trong truyện cổ tích Tấm Cám. Có phải thế không ạ?

- Không phải - Cụ già khẳng định - Tháng 3 năm Canh Tý niên hiệu Đại Đường thứ hai, thiền sư Tỳ ni Đa Lưu Chi vào Vạn Xuân dưới triều vua Lý Phật Tử. Thiền sư Tỳ ni Đa Lưu Chi theo thiền phái Đại thừa, cho rằng: Con người bất sinh, bất diệt, có thể luân hồi theo từng quả kiếp. Thời ấy đất nước rối ren, lòng người đen bạc. Chuyện Tấm Cám ra đời là thể hiện thiền thuyết Tỳ ni Đa Lưu Chi và thực trạng xã hội Vạn Xuân, nên Hoàng Thái Hậu không thể là cô Tấm trong câu chuyện bị thương Tấm Cám. Nhưng cuộc đời Hoàng Thái Hậu lại có nhiều điểm tương đồng như cô Tấm. Người đời nhầm lẫn cũng là chuyện thường tình.

Thôi. Con hãy ngủ đi. Ngày mai ta sẽ kể cho con nghe về cuộc đời của bà.

Phần hai: Hoàng thái hậu Ý Lan

VII

Mới đầu mùa hạ mà trời nắng nóng như giữa tháng sáu. Bầu trời trong xanh không một gợn mây. Những vì sao như đua nhau trườn xuống mặt đất. Không một ngọn gió. Lá cờ trên đỉnh Báo Thiên kỳ rũ rượi, ảo não.

Lý Thánh Tông bước ra hỏi điện Thiên An. Người chậm chạp bước về phía điện Thụy Hoa, ở đó đang có mười hai cung nhân từ khắp mọi miền được tuyển về, hy vọng sẽ sinh cho nhà Lý một Hoàng tử để kế vị sau này. Nhưng cả mười hai nàng vẫn cứ mơn mớn như những bông hoa mới nở, chưa chịu khép lại đơm quả ngọt lành.

Năm ấy Lý Thánh Tông đã bốn mươi mốt tuổi. Dù đức Vua còn rất khỏe mạnh, cường tráng. Nhưng biết đâu mà nói trước. Đời người như ngọn đèn trước gió. Từ kẻ hành khất quanh năm đói cơm rách áo đến vị Hoàng đế thừa mứa sơn hào hải vị, rồi cũng phải trở về khởi điểm. Ai ăn ở có nhân có đức sẽ được đức Phật từ bi đón nhận, bằng không đức Phật sẽ trả lại cho lũ quỷ sa tăng, sẽ bị dẫn sâu xuống mười tám tầng địa ngục.

Đối với Lý Thánh Tông, ông không sợ đức Phật không đón nhận, không sợ phải xuống địa ngục, bởi ông sống bằng cái tâm, cả đời vì dân, vì nước, cả đời tìm đến Chân tông, tìm cách giải thoát cho con người, cho đất nước. Ông thấm nhuần lời Phật tổ: "Nước trong biển chỉ có một vị: Mặn. Đạo làm người chỉ có một vị: Giải thoát". Ông muốn tìm con đường giải thoát cho dân tộc. Đất nước Đại Việt của ông đẹp giàu lắm, con người nhân hậu thông minh hiền lành lắm, nhưng lại nằm cạnh nước đại Tổng đất rộng, người đông gấp mấy chục lần, chuyên lấy thịt đè người, lòng tham không đáy. Ông phải đưa đất nước ông hùng mạnh, giàu có để bảo đảm cho con cháu không rơi trở lại hơn ngàn năm Bắc thuộc. Mặt khác ông phải tìm cho đất nước ông con đường chính đạo, con đường bảo đảm cho mỗi thần dân sau khi rời thế giới này sẽ được siêu thoát, sẽ được lên cõi niết bàn.

Điều ông băn khoăn lo lắng là ông vẫn chưa có Thái tử. Thượng Dương hiền hậu chỉ mới sinh cho ông ba nàng công chúa. Ông yêu con như yêu tất cả thần dân, như thần dân yêu con họ. Tự ông thấy mình đã làm được nhiều việc tốt. Ngay cả với kẻ thù ông cũng có lòng thương xót mà dung tha. Thế thì tại sao, tại sao trời phạt vẫn chưa ban cho ông Thái tử? Nếu chẳng may ông về cõi hư vô thì vương triều này sẽ phải truyền lại cho ai?

Mãi nghĩ ngợi đức Vua đã tới cửa Thụy Hoa. Người định đến với nàng Sen. Nàng Sen quê vùng Thổ Lỗi có nét đẹp rất riêng của con gái trồng dâu nuôi tằm, quanh năm bụng bát cơm "ăn đứng". Hôm đầu ông bảo nàng hãy đổi tên là Liên Hoa - Liên Hoa cũng là hoa Sen, nhưng nàng lắc đầu. Nàng bảo "Thiếp dâu xứng đáng là hoa sen, thiếp chỉ mong được là cái ngó". Ông hỏi: "Ngó là cái gì?". Nàng tủm tỉm cười, hôm sau ra hồ Long Thủy lặn ngụp đem về dâng ông một bó ngó sen. Ôi, những chiếc ống non tơ, cần nhẹ nghe sần sật, vị ngọt thần tiên thấm mãi vào gan ruột. Ông hiểu rằng người nhà quê sống với nhau nghĩa tình lắm lắm. Càng gần nàng Sen, ông càng cảm phục, càng thấy nàng thông hiểu sự đời, vượt xa cái tuổi mười tám đôi mươi, vượt xa cánh đồng dâu và những nong tằm ăn rồi. Nhưng ngay cả nàng Sen phổng phao là thế, đam mê là thế cũng vẫn không cho ông một đứa con, chưa kể là trai hay gái.

Nàng Sen không ra đón ông. Những người khác ủa ra tíu tít những mong được ông đoái nhìn. Ông chợt thấy mình vô lý quá. Vì sao ông đã có Hoàng hậu Thượng Dương, lại bắt cả mười hai người con gái suốt đời héo úa. Khi mới lên ngôi, ông đã cho thả tất cả các cung phi ở điện Thụy Hoa, vì sao sau đó ông lại cho tuyển những người này?

Ông buồn bực ra về, cho gọi riêng nàng Sen. Nàng Sen âu yếm bảo:

- Đêm qua thiếp nằm mơ. Thiếp mơ Hoàng thượng về quê thiếp trẩy hội, gặp một người con gái đẹp lắm. Nhưng mà người con gái ấy lại chọc cho Hoàng thượng nổi giận. Nổi giận mà Hoàng thượng không trách mắng lại còn hết lời khen ngợi.

- Thật thế ư? Thế quê nàng bao giờ có hội?

- Ôi. Quân vương của thiếp! Hoàng thượng quên rằng quê thiếp là hương Thổ Lỗi có chùa Pháp Vân, có Phật tổ Man Nương, nơi xưa kia người Hán vẫn lấy làm trị sở.

- à. Ta quên mất. Quê nàng thờ Tứ Pháp: Mây, mưa, sấm, chớp. Hội đúng vào ngày Phật đàn. Đêm nay đã là đêm mồng năm, còn ba ngày nữa. Ta và nàng sẽ về Thổ Lỗi, nàng sẽ dẫn ta đi xem hội. Ta muốn nàng và ta chỉ như một cặp vợ chồng, một cặp tình nhân. Nàng hãy cố giấu đừng để ai biết ta là vua nhé. Sau chuyến đi này ta tin là nàng sẽ sinh cho ta Thái tử.

Nhưng than ôi, mộng đẹp không thành. Đêm hôm sau nhà Vua nằm mơ thấy nàng Sen rũ rượi, mặt tái nhợt, bảo với nhà Vua rằng:

- Thiếp không được cùng Hoàng thượng trẩy hội chùa Dâu. Hoàng thượng đừng vì thiếp mà bỏ lỡ chuyến đi. Người con gái ấy vẫn đợi Hoàng thượng và sẽ giúp Hoàng thượng hoàn thành tâm nguyện.

Sáng hôm sau cận vệ hốt hoảng vào báo với nhà Vua. Đêm qua nàng Sen ra hồ Long Thủy đào ngó sen, đã bị ngó sen quấn chân chết đuối. Lý Thánh Tông để nguyên quần áo ngủ chạy ra. Nàng Sen nằm đó, khuôn mặt tái nhợt bỗng hồng lên, miệng ứa ra những giọt máu tươi mà như đang mỉm cười vĩnh biệt nhà Vua. Thánh Tông chết lặng. Không lẽ đêm trước nàng Sen được ta sủng ái lại mang đến nỗi đau tận cùng này sao? Ôi. Đức Phật từ bi, ta có tội tình gì? Nàng Sen đã chết hay đang giải thoát? Ôi, nàng Sen yêu dấu của ta. Rồi cảm thán đọc bài kệ rằng:

Thân như tường vách đổ siêu rồi

Thiên hạ bôn chồn xót dạ thôi

Nếu rõ tâm không, không sắc tướng

Sắc không ẩn hiện, mặc xoay đời.

Đêm ấy nhà Vua lại nằm mơ. Nàng Sen lại đến bên long sàng mờ mờ tỏ tỏ, chiều chuộng nhà Vua và lại nói những lời như đêm qua đã nói. Nằm cạnh nhà Vua là Hoàng hậu Thượng Dương. Hoàng hậu bỗng giật mình ôm chầm lấy vua, ú ớ:

- Hoàng thượng! Hoàng thượng! Có ma! Có ma!

- Khanh mơ gì mà nhảm nhí thế? Đây là hoàng cung, ma nào?

Hoàng hậu tỉnh hẳn:

- Bẩm Hoàng thượng. Thiếp mơ thấy nàng Sen về bóp cổ thiếp, bảo thiếp muốn giải hạn phải đưa Hoàng thượng về thỉnh cầu Tứ Pháp chùa Dâu, quê của nàng Sen.

Vua suy nghĩ về giấc mơ của mình và Hoàng hậu. Không lẽ Hoàng hậu xưa nay vốn nhân từ, yếu đuối vậy, mà lại... vua không dám nghĩ thêm, đành ậm ừ:

- Được. Ngày mai ta sẽ cùng Hậu về trẩy hội chùa Dâu. Không cần Ngự long quân, chỉ đem theo vài ba thị tỳ, thái giám.

*

Đường về chùa Dầu người chen người, áo quần sắc sỡ, cờ quạt phấp phới. Hai bên đường ngan ngát dâu xanh. Đồng lúa mênh mông đang kỳ vào mẩy, bông nặng trĩu, la đà. Trời nắng, gió mát. Bầu trời trong xanh, lác đác vài đám mây lững thững. Cỗ xe hai ngựa kéo không chen nổi phải dừng lại. Viên thái giám định cất tiếng bảo mọi người dẹp lối, nhưng nhà Vua đã ngăn lại xuống xe, đi bộ.

Một ông lão đầu tóc bạc phơ ngược nhìn lên, vội quỳ sụp giữa đường, tung hô: "Đức Vua vạn tuế, vạn vạn tuế". Hàng nghìn con mắt ngơ ngác, rồi bỗng ào lên vang động như sấm dậy.

- Đức Vua vạn tuế! Vạn tuế! Vạn vạn tuế!

Tiếng tung hô như sóng lan dài, lan dài đến tận cửa Pháp Vân tự. Đám trai đẹp đường rước kiệu Phật Pháp Điện bỗng dừng đường cơn náo loạn, chững lại. Rồi như bừng tỉnh hồng cơn, bạch trượng lại vù vù lấp lánh trong nắng hè vàng chói. Phật Pháp Điện như bay lơ lửng lướt loang loáng trên đường.

Đức Vua xòe bàn tay nâng thần dân của mình đứng dậy, dặt tay ông lão mời lên kiệu. Ông lão cảm động chối từ, chúc Hoàng thượng, Hoàng hậu thượng lộ bình an.

Đức Vua vui lắm. Mọi mệt mỏi, buồn phiền tiêu tan. Người hoà vào dòng người trẩy hội. Người tới đâu dân trên đường dẹp sang bên chúc tụng, chào mời. Lễ Phật xong Người muốn thanh thoi du ngoạn. Người bảo Hoàng hậu cùng mình cải trang như dân thường làm cuộc vi hành. Người đi khắp năm ngôi chùa: Chùa Tổ thờ Phật mẫu Man Nương, chùa Pháp Vân thờ Phật Pháp Vân, chùa Hành Đạo thờ Phật Pháp Vũ, chùa Phi Tướng thờ Phật Pháp Lô và chùa Trí Quả thờ Phật Pháp Điện. Buổi trưa thị tỳ, thái giám tìm gặp người để dâng cơm rượu. Người xua tay bảo:

- Ta muốn được thưởng thức hương vị đồng quê. Các người chớ để lộ tung tích. Mà các người cũng nên nếm thử những món ăn dân dã.

Người vào một quán nhỏ. Quán chật ních, ồn ào. Cô chủ quán vẫn trần, hai vạt áo tứ thân buộc quạt phía sau để hờ chiếc váy sồi màu chàm, lưng lẳng chùm xà tích bạc. Cô liếc nhìn Người, tươi cười:

- Quý khách dùng gì ạ?

- Ta không biết. Người có gì cho ta ăn uống cũng được.

Cô nghiêng vạt áo cười khanh khách:

- Chắc quý khách từ xa tới. Em chưa thấy ai phong mạo cao sang tuyệt vời như quý khách mà lại dễ tính đến thế. Chỉ hiềm có bà chị đi cùng, nếu không em xin biếu không quý khách.

Hoàng hậu trừng mắt:

- Người...

Đức Vua vội xua tay ra điều xí xỏ. Cô chủ quán lại đùa:

- Đấy. Em nói có sai đâu nào. Mới thế mà bà chị đã...

- Thôi. Đừng đùa nữa. Người cho ta ăn cái gì nào?

- Đấy. Ông anh lại ta ta người người. Chả lẽ ông anh sợ chị em đến nỗi không dám xưng anh gọi em nữa à? Còn ông anh bà chị muốn ăn gì quán em cũng có: Đây là rượu làng Vân, nấu bằng nếp tím, hạ thổ ba năm. Kia là rượu Mạ Vong nấu bằng ngô bao tử, uống vào suốt đời không quên hương vị. Còn trên cao là Ngự tửu trong veo, sủi tăm, men làm bằng một trăm linh tám vị thuốc

quý; thơm thì có nhưng đâu để lại hương vị suốt đời. Các món nhắm thì có: nem chua, chả quế, chả cày, giò lụa, cá trình, tôm rảo... Nhưng thông dụng nhất vẫn là lạc rang xín mần vừa béo vừa ngọt lại quên hết nỗi buồn, quên cả cái nghèo suốt đời đeo bám. Có thể thiên hạ mới bảo "Tứ lạc vong bần". Hàng ngọc thực thì có cơm gạo tám nấu niêu đất Quảng Hà, bánh cuốn làng Chạ, bún Kê Thúi chan canh cua có rau muống chẻ chấm mắm cà cuống, chỉ mới nghĩ thôi đã tứa hai hàng nước bọt... Rồi các loại bánh tráng miệng...

- Thôi, thôi. Ta, à quên anh đang đói chết đi được. Em cứ cho anh mỗi thứ một tý ăn thử.

- Vâng. Em xin có ngay, có ngay. Anh Hai ơi, xếp cho em mỗi thứ hai xèng. Có hai người thôi mà. Anh mau tay lên nhé.

Chưa bao giờ đức Vua và Hoàng hậu lại có một bữa ăn ngon, lạ miệng đến thế. Vừa ăn đức Vua vừa bảo Hoàng hậu:

- Chuyển này phải cho mấy vị hậu thực về quê học cách nấu nướng, các món ăn của họ cứ lặp đi lặp lại, nhạt thếch.

Hoàng hậu tuy tức giận vì cô chủ quán xinh đẹp, vừa lắm mồm vừa đa tình, lại vô lễ nhưng cũng phải nức nở khen ngon.

Xong bữa đức Vua và Hoàng hậu còn được thưởng thức bánh phu thê, chè bột lọc, uống bát nước vối sóng sánh mát rượi. Cô chủ quán quay vào phía trong gọi to:

- Sen ơi, em ra dọn mâm rồi pha trà cho khách.

Nghe tên Sen, đức Vua bần thần nhớ tới người cung nữ xấu số. Đức Vua buồn lắm. Đức Vua biết rằng quê nàng Sen có đầm sen bát ngát, tuổi thơ của nàng đắm chìm trong làn nước trong xanh. Những cánh sen áp vào đôi môi đỏ mọng, ngó sen thơm mát cho các nàng làn da trắng mịn, cho tâm hồn họ thanh cao, không bùn nào vấy đục. Làm sao nàng Sen có thể vì mấy cái ngó sen chưa bẻ đã đứt kia quẩn chân làm cho chết đuối? Bất giác nhà Vua nhìn sang Hoàng hậu. Giấc mơ của Hoàng hậu đã mách bảo điều gì? Nhưng không lẽ...

Đức Vua lại càng buồn. Nỗi buồn ấy không sao giấu kín trong lòng khiến cô chủ quán có phần ái ngại. Người nhà quê vốn thương nhau, chia sẻ cho nhau từng niềm vui, từng nỗi buồn nên họ cảm nhận nhanh lắm. Và họ sẵn sàng vì người khác mà chịu thiệt thòi. Cô chủ quán hiểu đức Vua theo một khía cạnh khác, thực tế hơn. Cô bảo:

- Sao anh bỗng dưng buồn thế? Hay chẳng may bị bọn đạo chích vét cho nhẵn túi? Nếu vậy anh cũng đừng băn khoăn, quán em vẫn đây, khi nào quay lại đem trả, có gì đáng ngại mà phải buồn phiền cho đời ngắn lại.

- Không. Ta đâu có buồn vì điều đó.

Nói rồi đức Vua thò tay vào túi lấy tiền. Nhưng xưa nay nhà Vua đi đâu mà chả có kẻ hầu người hạ, có bao giờ lại phải mang tiền. Hoàng hậu thì từ khi nhập cung, có bao giờ ra chốn nhân gian. Nhà Vua chợt nhớ ra điều đó. Một chút băn khoăn. Rồi nhà Vua kiên quyết tháo miếng ngọc bội trao cho cô chủ quán. Nhà Vua bảo: Nàng nói đúng. Ta không mang tiền. Ta đưa miếng ngọc này vừa là trả bữa, vừa là cảm ơn nàng đã cho ta biết mùi vị nhân gian.

Cô chủ quán sững người. Cô không tin mắt mình. Hồi nhỏ cô đã được cha kể cho nghe về sự tích những miếng ngọc bội. Quý lắm, đắt lắm. Chỉ những nhà quyền quý, những vua chúa mới đủ tiền mua. Sáng nay cô đã biết tin đức Vua về trấn hội, sau đó còn biết đức Vua và Hoàng hậu cải trang vi hành. Thôi, đúng rồi. Đây chính là đức Vua tôn kính. Chỉ có đức Vua mới có phong độ rạng ngời uy vũ và sự bạo dung. Chỉ có Hoàng hậu mới xinh đẹp diễm kiều đến thế, mới luôn luôn chứng tỏ bề trên uy quyền đến thế. Cô chủ quán vội vàng quỳ sụp xuống:

- Dân nữ có mắt như mù, xin đức Vua tha tội. Dân nữ kính chúc đức Vua vạn tuế. Kính chúc Hoàng hậu thiên tuế.

Đức Vua không ngờ cô chủ quán lại tinh ý, lại hiểu lệ luật, lễ nghi đến thế. Biết không giấu nổi, nhà Vua bảo:

- Ta miễn lễ. Nhưng nàng nhất định phải cầm miếng ngọc bội này. Ta ban cho nàng đấy.

Lúc này chồng cô chủ quán - cái người mà cô gọi là anh Hai và hai đứa con mới chạy ra, quỳ rạp xuống tung hô. Khách ăn quán cũng buông đũa bát quỳ xuống hô lớn. Đức Vua vui vẻ:

- Ta miễn lễ. Ta áy náy quá. Vì ta mà các người mất vui.

Một người đứng tuổi thay mặt bà con thưa:

- Không. Không ạ. Thưa bệ hạ. Cả đời người được thấy mặt Rồng một lần là hồng phúc bảy đời của tất cả thảo dân. Xin kính chúc Hoàng thượng, kính chúc Hoàng hậu phúc lộc an khang.

*

Chiều hôm ấy. Đức Vua phải trở lại Hoàng cung để sớm mai dự buổi thiết triều. Dừng dằng nửa ở, nửa về. Chiếc xe song mã chán nản quay những vòng tròn uest oải. Dọc đường từng đoàn trai thanh gái lịch tụ tập dưới những lùm cây hát đúm. Lời hát thật dịu dàng, êm ái, khi trách móc giận hờn, khi đắm say dịu ngọt. Trẻ nhỏ nô đùa nghịch ngợm, cụ già trầm mặc, hướng thiện.

Đức Vua bỗng cảm thấy không gian tỏa mùi hương man mác. Người quay lại nhìn theo hướng gió. Một lùm cây xa khuất xanh tốt nổi lên giữa cánh đồng dâu bát ngát. Đức Vua bảo dừng xe. Mùi thơm như đọng lại ngọt ngào. Đức Vua bước xuống bồi hồi, xao xuyến. Lại một âm thanh trào tới. Không phải tiếng va chạm binh khí, không phải tiếng quân reo, không phải sóng Nam Hải, cũng không chắc là tiếng nhạc cung đình. Đức Vua hăm hở dẫn bước. Những ngọn lau già cản lối, những chùm cỏ may bám khắp ống quần, những mô đất nhấp nhô đập vào mũi giày tung bụi. Đức Vua càng phấn chấn như khi Người đã nhảy lên lưng con tuấn mã, chĩa mũi giáo về phía kẻ thù. Bỗng người dừng hẳn lại. Một giọng hát nửa vời, xa xăm, chèo leo: "Tay cầm... xênh xang... thức cỏ... tay ta". Tiếng hát dứt quãng. Đức Vua chăm chăm tiến lên. Tiếng hát bỗng cất cao, lạnh lốt. Lần này nghe rõ từng câu:

Tay cầm bán nguyệt xênh xang

Một trăm thức cỏ lai hàng tay ta

Tiếng hát của một cô gái trẻ, trẻ lắm. Đức Vua vô cùng kinh ngạc... Sao ngoài kia hội hè vui vẻ thế mà lại có người con gái chui vào giữa cánh đồng dâu cô quanh để hát một mình? Nhất định ta phải xem người này là ai, vì sao lại không thấy hội? Tiếng hát bỗng dừng hẳn. Đức Vua vạch những khóm dâu.

Kia rồi. Một cô gái ngồi tựa gốc cây ngọc lan cành lá sum suê che kín những chiếc hoa trắng hồng, cuốn như chiếc sâu kền. Từ những lùm ngọc lan ấy tỏa mùi thơm thoang thoảng, đầy quyến rũ. Có lẽ đây là nơi nghỉ ngơi sau những buổi cấy cày gặt lúa, hái dâu. Những cây như thế này được trồng từ bao giờ đã trở thành cổ thụ tỏa bóng mát cho đời.

Đức Vua từ phía sau tiến lại. Cô gái giật mình quay lại, bắt gặp cái nhìn kinh ngạc của đức Vua. Cô khẽ cúi chào rồi e lệ quay đi, cầm chiếc liềm cong như mảnh trăng đầu tháng, quơ vòng xoèn xoẹt. Đám cỏ trước mặt quang dần. Những cây dâu reo reo, cọng lá non lên vành nón quai thao tròn như vầng trăng ngày vọng.

Đức Vua mãi mê ngắm nhìn cô gái, bỗng nhớ tới nàng Sen, nhớ giấc mơ của nàng, nhớ lời trời trăng trong mộng. Đức Vua tiến đến trước mặt cô gái, dăm thắm hỏi:

- Nàng tên gì?

- Người hỏi để làm gì? - Cô gái trả lời bằng một câu hỏi lại.

- Mọi người đều đi dự hội. Vì sao nàng lại không đi?

- Phận gái nhà nghèo phải lo làm ăn trước đã. Hội vui một khắc, sao vui cả đời.

Vừa lúc đó chiếc xe ngựa cũng rẽ lối đưa Hoàng hậu, các thị tỳ, thái giám tới nơi.

Cô gái gật đầu chào mọi người, lại tiếp tục cắt cỏ. Hoàng hậu tức giận quát lên:

- Cô gái kia, ngươi không biết trước mặt ngươi là đức Vua sao?

- Dạ. Bây giờ nghe bà nói thì tôi mới biết. Nhưng không lẽ vì có đức Vua mà tôi quên đi công việc?

- Hồn láo. Ngươi phải dừng tay chào hỏi đức Vua, chào hỏi ta và nghe ta sai bảo.

- Bà hãy hỏi xem tôi đã chào đức Vua chưa? Bà cũng quên là tôi đã chào khi bà mới tới. Còn bà là ai tôi đâu có biết mà nghe bà sai bảo. Vả lại khi bà chưa sai bảo gì thì tôi phải làm việc theo lời dì tôi đã dặn.

- Hồn láo - Hoàng hậu quay về phía nhà Vua - Vì sao nó lại dám hồn láo thế, thưa Hoàng thượng?

- Hậu cho là người ta hồn láo, nhưng ta lại cho là người ta đã làm đúng những điều Phật dạy.

Quay về phía cô gái đức Vua dịu dàng:

- Nàng có thể nghỉ tay cùng ta trò chuyện. Ta muốn hiểu hoàn cảnh của nàng.

- Nếu đức Vua ra lệnh thảo dân xin tuân chỉ. Nhưng nếu đức Vua cho tùy ý lựa chọn thì thảo dân phải làm việc, nếu không sẽ trái lời dì.

Vừa lúc đó có ông lão bán dầu quả gánh đi qua. Ông sụp lạy nhà Vua mà thưa rằng:

- Thảo dân là người chuyên đổ dầu cho các chùa chiền, tự viện. Sáng nay đi ngoài đường thảo dân thấy một đám mây vàng trù lên bãi dâu này. Thấy sự lạ thảo dân mới tới xem thì chỉ thấy cô gái này đang làm cỏ, hái dâu. Đổ hết dầu thảo dân cố ý quay lại đây xem còn có gì lạ thì gặp đức Vua. Xin kính chúc đức Vua và Hoàng hậu vạn tuế.

- Ta miễn lễ. Ông lão có biết cô gái này là ai không?

- Bẩm đức Vua. Dân ta có câu "Sống dầu đèn, chết kèn trống". Nghề của thảo dân tuy là hèn mọn nhưng được cái ai ai cũng yêu quý, cũng cần đến, nên cả vùng này thảo dân biết tận chân tơ kẽ tóc.

- Vậy thì lão hãy cho ta biết: Cô gái này là ai, ở đâu? Khéo tuổi lão gần gấp đôi tuổi ta nên ta cho phép không phải câu nệ giữ đạo quân thần.

- Xin đội ơn đức Vua. Cô gái này là Lê Thị Yến Loan. Khi mới sinh cha mẹ đặt tên là Khiết, nên dân làng thường gọi là Khiết Nương. Ngôi làng trước mặt kia chính là làng cô ấy, từ xưa vẫn quen gọi là Thổ Lỗi trang.

- Lão có thể cho ta biết cha mẹ cô ấy là ai, làm nghề gì?

- Bẩm. Cô ấy là con ông Lê Công Thiết, khi còn sống làm quan trên Thăng Long. Mẹ là Vũ Thị

Tình mất năm ất Mùi lúc Khiết Nương mới mười hai tuổi. Nhà neo, con bé nên khi hết tang vợ ông Thiết phải tục huyền với bà Chu Thị Yên. Ba năm sau ông Thiết cáo quan về quê chẳng may bị cảm hàn qua đời. Chu Thị còn trẻ thủ tiết nuôi con chồng. Hai người thương nhau như mẹ con ruột, cả trang Thổ Lỗi đều quý trọng, kính phục.

- Thế Khiết Nương không được học hành à?

- Bẩm đức Vua. Nhà nghèo, một mẹ một con, làm gì có tiền mà ăn học. Vả lại phận đàn bà con gái, chỉ có con quan, con các phú gia mới có tiền đón thầy làm gia sư, may ra được học. ở vùng này chẳng có thầy đồ nào lại nhận học trò gái. Nhưng lão cũng thấy là lạ, tuy không đi học nhưng Khiết Nương lại thông lầu kinh sử còn biết làm thơ, đọc sách thánh hiền. Chính mắt lão đã thấy Khiết Nương đọc sách, còn Khiết Nương có viết được không thì lão không biết.

- Ồ, có chuyện đó thật sao? Không học mà biết chữ thì lạ thật. Ta phải hỏi nàng xem hư thực thế nào.

Mãi nói chuyện cùng ông lão bán dầu, bây giờ đức Vua mới nhìn về phía Khiết Nương thì không thấy nàng đâu nữa. Hoàng hậu và thái giám thị tỳ đều bảo nàng Khiết đã cúi chào đức Vua rồi gánh cỏ ra về. Chiều đã muộn xin Hoàng thượng hồi cung.

Đức Vua bảo ông lão bán dầu lên xe đưa cả đoàn về trang Thổ Lỗi.

Trang Thổ Lỗi bao bọc xung quanh bằng lũy đất cao trên đó dày sít những bụi tre tay núa tay, một con chim khó có thể lọt qua. Con đường đất đỏ thẳng tắp bắt đầu từ đường Thiên Lý qua cổng Tiền xuyên làng sang cổ Hậu, chạy tít tắp ra cánh đồng lúa dập dềnh, nối các làng trong phủ. Cổng Tiền cao lồng lộng xây gạch, lợp ngói Hương Canh. Trên cổng đắp nổi ba chữ đại "Thổ Lỗi trang". Hai bên trụ có đôi câu đối:

Xuất nhập tương hữu, thủ vọng tương trợ

Nhật nguyệt vi kỳ, lễ nghĩa vi cương.

Đức Vua rất hài lòng về đôi câu đối. Con người sống với nhau cần phải giúp đỡ nhau, coi nhau như bạn bè. Trời đất quy định ngày tháng có thời khắc như cái khuôn cố định, còn con người phải lấy lễ nghĩa làm mẫu mực, làm thước đo nhân cách.

Được lão hàng dầu thông báo, cả trang Thổ Lỗi ủa ra đón đức Vua và Hoàng hậu. Đức Vua để ý không thấy Khiết Nương. Lão hàng dầu dẫn đức Vua vào tận nhà nàng.

Nhà Khiết Nương nghèo thật. Ba gian nhà tre lợp rạ, một cái chum sành đựng nước cũ kỹ, một khoảng sân đất rêu phong, một hàng cau cao vút và một mảnh vườn xanh mướt một loại rau nhà Vua chưa nhìn thấy bao giờ.

Trong nhà: Chính giữa là bàn thờ gia tiên, gian phải là bàn thờ Phật, gian trái kê một chiếc giường tre. Bà Chu Thị vắng nhà, chỉ có Khiết Nương đang chấp tay khấn Phật.

Thấy vậy đức Vua lên tiếng:

- Nàng khấn gì vậy?

- Thưa đức Vua, thảo dân đang khấn Phật.

- Nàng hiểu thế nào là Phật?

- Thưa. Phật ở khắp mọi nơi.

Đức Vua lại hỏi:

- Thờ Phật lấy gì làm cốt yếu?

- Thưa. Phải thành tâm. Tâm nhân như tâm Phật.

- Thế nào là tâm Phật?

- Thưa. Chẳng từng che giấu.

Đức Vua thấy Khiết Nương trả lời như người đã từng xuất gia, am hiểu Thiền pháp mới bán tín bán nghi lời lão hàng đầu, bèn hỏi:

- Chẳng hay nàng có bao giờ đọc sách thánh hiền?

- Phận nghèo hèn, thảo dân lấy đâu ra sách.

Nhân thế nhà Vua đọc một câu thơ, cũng là một vế đối:

"Cổ nhân đô hướng thư trung kiến".

Nghĩa là: Người xưa tìm kiến thức trong sách. ý vua muốn nói: Nàng không đọc sách thì lấy đâu ra kiến thức? Không ngờ Khiết Nương tiếp ngay.

"Nam tử đương vi thiên hạ kỳ".

Nghĩa là: Tài trai làm việc lạ trong thiên hạ. ý cũng muốn khuyên vua hãy làm những việc mới, việc tốt giúp trăm họ (thiên hạ).

Đức Vua vô cùng ngạc nhiên, nhưng vẫn bán tín bán nghi, nhìn ra mảnh sân nhà liền đọc tiếp:

"Bất đại địa phương, khả gia, khả quốc, khả thiên hạ".

(Mảnh sân không rộng, đầy nhà, đầy nước, đầy thiên hạ).

Khiết Nương quay lại khẽ xin phép đối:

"Bình thường nhân vật, vi phụ, vi mẫu, vi minh quân".

(Nhân vật bình thường, là vợ, là mẹ, là vua hiền).

Thánh Tông kinh ngạc, vừa kính phục, vừa say đắm. Khiết Nương rất đẹp nhưng không thể sánh nổi với Thượng Dương. Đã ba con mà Hoàng hậu vẫn lung ong óng nuốt như con gái chưa chồng. Có điều cái đẹp của Hoàng hậu là cái đẹp thường tình của một trang thiên kim kiều diễm, còn cái đẹp của Khiết Nương bao hàm một nền văn hoá, vừa dân dã, khỏe khoắn, vừa tự tin trí tuệ. Mà quả thật Lý Thánh Tông chinh phạt muôn nơi, chín năm ngồi trên ngai báu chưa bao giờ thấy người phụ nữ nào lại sắc sảo, thông minh, lại có tấm lòng từ bi như vậy. Năm hai mươi hai tuổi, vua cha đi chinh phạt Chiêm Thành, giao Thái tử làm Lưu thủ kinh sư. Khi về Lý Thái Tông kể cho Thái tử nghe chuyện nàng Mị Ê vợ Sạ Đẩu (vua Chiêm) xinh đẹp, thông minh, giữ gìn thủ tiết. Khi Lý Thái Tông cho vờ nàng sang thuyền Rồng hầu hạ, nàng đã quần chân quanh mình rồi nhảy xuống sông tự tử. Dù chưa biết mặt, Thái tử vẫn vô cùng cảm động, viết hai câu thơ:

"Tiết nghĩa mảnh chiêm trời ấm lạnh

Cương thường giọt lệ nước đầy vơi".

Và nghĩ rằng trên đời này khó tìm thêm một người con gái như thế. Giờ đây nhà Vua thấy nàng Khiết chập chờn như bóng Mị Ê, đắm say như nàng Sen tội nghiệp, lại như tỏa vầng hào quang của đức Quan Âm Nam Hải. Nhà Vua thấy nàng như đôi mắt, như cánh tay, như ý nghĩ của

mình. Nhà Vua bỗng cảm thấy không thể thiếu nàng.

Đức Vua cho người đi tìm Chu Thị. Người nói rõ ý mình, xin được rước Khiết Nương về cung, xin được rước cả bà Chu Thị về chốn kinh kỳ để mẹ con thường xuyên gặp nhau, để Chu Thị đỡ đơn côi mà nàng Khiết cũng đỡ phần áy náy.

Chu Thị chối từ. Bà bảo:

- Tôi mừng cho duyên phận con gái tôi. Tôi đã làm tròn lời hứa với ông ấy, đã xoá đi cái câu ca "Mấy đời bánh đúc có xương. Mấy đời dì ghẻ có thương con chồng". Tôi chỉ xin đức Vua hãy thư thư cho qua ngày rằm, để Khiết Nương từ biệt họ hàng, làng xóm. Vả lại chị Tỉnh mơ nuốt mặt trăng mà sinh quý tử, nên tôi muốn con tôi được ngắm vầng trăng tròn trịa đêm rằm ở quê cha đất tổ lần cuối trước khi vào cung cấm.

*

Sáng 16 tháng 4 năm Quý Mão niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh, đoàn xa giá hoàng cung về hương Thổ Lỗi rước Khiết Nương về làm phi Lý Thánh Tông.

Sau hôm đi hội chùa Dâu, Lý Thánh Tông cho gấp rút sửa chữa Tây cung đặt tên là ỷ Lan cung. Vua nói: "Ta gặp nàng đang tựa gốc cây ngọc lan, hình như đang suy nghĩ điều gì. Ta sẽ đặt tên nàng là ỷ Lan, nơi nàng ở sẽ là ỷ Lan cung, để luôn nhớ ngày đầu gặp gỡ, cũng là để nhắc ta nhớ tới thần dân trăm họ".

Mười một cô gái cung Thúy Hoa ừa ra đón ỷ Lan, kẻ khen người chê, thì thảo, lấp lửng. Thị Hoan nguyền dài bảo: "Chắc gì đã bằng nàng Sen. Hừ, đợi đấy". Hoàng hậu Thượng Dương cũng có mặt giáo huấn cho ỷ Lan về những quy tắc, luật lệ khắt khe của nội cung. Bà không quên nhấn mạnh:

- Quốc có quốc pháp, gia có gia quy. Đây là nơi vừa phải chấp hành quốc pháp vừa phải thực hiện gia quy, không phải cứ nói bừa như khi hái dâu, cắt cỏ. Nên nhớ ở đây lệnh vua, quyền ta...

ỷ Lan đa tạ những lời chỉ dẫn, xin mỗi ngày được vào hầu Hoàng hậu một lần. Hoàng hậu đẹp lòng nở nụ cười mãn nguyện.

Hôm ấy đức Vua phải tới điện Thiên Khánh nghe vụ quốc kiện. Phạm nhân là một thanh niên trai tráng, hỏi điều gì cũng không biết, nhà Vua chỉ vào công chúa Động Thiên con gái lớn Thượng Dương nói với viên quan coi hình ngục rằng: "Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào vòng hình pháp, trẫm rất thương xót. Từ nay về sau, không cứ tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm".

Tối ấy nhà Vua thuật lại chuyện xử án cho ỷ Lan nghe. ỷ Lan cảm động bảo:

- Hoàng thượng nhân từ như đức Phật hoá thân. Dầu sự đời dâu bể thì đức sáng của Hoàng thượng vẫn vững vạc như Khuê, Tảo.

Đức Vua vui chuyện, thuận miệng kể cho ỷ Lan nghe chuyện nàng Sen. ỷ Lan đầm đìa nước mắt, chờ cho Thánh Tông yên giấc nàng trở dậy lấy giấy bút viết một bài thơ cảm thán:

"Thế số nhất tức mặc

Thời tình lưỡng hải ngân

Ma cung hồn quảng thậm

Phật quốc bất thăng xuân".

(Số đời một hơi thở

Tình đời hai biển trắng

Cung ma đâu xá kể

Nước Phật một trời xuân).

Còn đang ngậm ngùi đọc lại thì Lý Thánh Tông tỉnh giấc. Cầm bài thơ trong tay, nhà Vua ân hận lắm:

- Ta thật vô tình, vô ý. Đêm tân hôn đã làm nàng mất vui. Ta tự thấy ta là người chồng sẽ đem bất hạnh tới cho bao nhiêu người vợ.

- Không. Chỉ tại thiếp đa cảm, đa sầu. Thiếp có tội đã làm Hoàng thượng tỉnh giấc Nam Kha.

- Thôi. Nếu nàng nói vậy là hòa. Ta vui lắm. Có điều ta không hiểu nàng không đi học sao lại biết làm thơ? Không xuất gia sao tinh thông Phật pháp?

ỷ lan kể cho vua nghe rằng: Vùng Thổ Lỗi có một gia đình đã năm đời dạy học lại tinh thông tướng số, học trò theo học rất đông. Năm ấy mất mùa dâu, người nuôi tằm phải tìm mua từng nắm lá dâu về cứu những nong tằm đang ăn rồi. Ông lão bán dẫu - người đã dẫn nhà Vua tới trang Thổ Lỗi, mách với Khiết Nương là ngõ nhà cụ đồ có rất nhiều dẫu nhưng không bán cho ai, có lẽ chỉ Khiết Nương tới cụ đồ sẽ bán. Lão còn nói đùa:

- Nếu mua được dẫu lão chỉ xin cút rượu. Nếu mai sau lên xe xuống kiệu, lão phải xin một chiếc võng đỏ theo hầu.

Khiết Nương tới ngõ nhà cụ đồ. Không những cụ chấp thuận bán lá dẫu mà còn cung kính bảo:

- Đấy, dẫu nhà ta năm ngày lại xanh tốt. Cô nương chịu khó tới mà hái. Nếu chịu khó đi sớm về trưa, ta sẽ chỉ cho ít chữ thánh hiền. Sẽ có ngày cô nương cần đến để giúp dân, giúp nước.

Hái dẫu xong Khiết Nương đi đường tắt về nhà. Qua chùa Thiện Linh, nàng nghe nhà sư đọc bài kệ:

"Chân như đạo Phật rất màu

Tâm trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân

Hiếu là độ được đáng thân

Nhân là cứu vớt trăm luân muôn loài".

Đó là những câu mở đầu chuyện về Quan Âm Diệu Thiện. Khiết Nương thấy những lời Phật dạy đúng với những gì nàng đã nghĩ, đã làm, thế là mỗi lần đi mua lá dẫu nàng lại được cụ đồ dạy chữ, lại được nhà sư truyền cho Thiền đạo. Nàng nói với nhà Vua:

- Trong đời thiếp ngoài Hoàng thượng, bố mẹ và dì, thiếp còn phải mang ơn ba người: Trước hết là ông lão bán dẫu, rồi đến cụ đồ và sư cụ chùa Thiện Linh.

Nhà Vua bảo nàng:

- Nàng chớ bao giờ quên ơn họ, nhất là ông lão bán dẫu. Mai sau chúng ta qua đời, nếu được thiên hạ nhớ đến mà lập đền thờ cúng, thì hãy dành cho ông lão chiếc võng đỏ theo hầu như ý nguyện của ân nhân.

ỷ Lan tạ ơn vua, tin cẩn nép vào cánh tay đang rộng.

VIII

Tháng 3 năm Kỷ Dậu niên hiệu Thần Vũ, Lý Thánh Tông quyết định thân chinh cầm quân đi đánh dẹp Chiêm Thành.

Chiêm Thành ngày xưa thuộc đất Âu Lạc. Âu Lạc bị Triệu Đà dùng kế mỹ nhân thôn tính. Sau đó nhà Hán cướp lại Âu Lạc từ tay nhà Triệu, rồi chia thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Nhà Hán chỉ quản lý được hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân, còn Nhật Nam xa xôi cách trở chỉ cử quan đô hộ, mỗi năm thu ít cống phẩm không mấy khi dòm ngó tới.

Năm Canh Tuất (190) đời Đông Hán nhân dân huyện Tượng Lâm, một huyện phía nam của quận Nhật Nam dưới sự chỉ huy của thủ lĩnh người Chăm tên là Khu Liên đã nổi dậy đánh chiếm huyện lỵ rồi tiến ra Bắc đánh chiếm quận Nhật Nam. Hai năm sau (năm Nhâm Tý) cuộc khởi nghĩa thắng lợi, Khu Liên lập vương quốc Tượng Lâm ấp, sau bỏ chữ Tượng thành nước Lâm ấp, thoát khỏi sự thống trị của phong kiến phương Bắc.

Năm Quý Mùi (323) nhà Tấn cho Đào Khản sang làm thứ sử Giao Châu. Đào Khản là người cực kỳ tham bạo nên nhân dân Giao Châu luôn nổi lên chống đối dữ dội. Lợi dụng tình hình

rối ren quân Lâm ấp liên tục tiến đánh Giao Châu, đến năm Đinh Mùi (347) tiến tới Hoành Sơn. Khoảng giữa đời Đường, Lâm ấp được đổi thành Hoàn Vương, sau đó lại đổi thành Chiêm Thành.

Từ khi trở thành quốc gia độc lập, dựa vào địa giới hiểm trở, giàu tài nguyên nhất là có nghề thuần hoá voi rừng, lập đội tượng binh hùng mạnh; Chiêm Thành không ngừng đòi phương Bắc trao trả quyền quản lý toàn bộ Giao Châu theo địa giới nước Âu Lạc xưa kia. Đến khi Giao Châu giành được quyền tự chủ trở thành quốc gia độc lập, Chiêm Thành vẫn không ngừng đem quân đánh phá vùng Hoan, ái gây bao thảm cảnh.

Đến đời Chế Củ, Chiêm Thành liên tục được mùa, quân hùng tướng mạnh lại càng uy hiếp biên giới phía Nam nhà Lý. Lý Thánh Tông đã cử nhiều tướng giỏi đi đánh dẹp, nhưng lần nào cũng thất bại. Không thể để thần dân khốn khổ, biên giới mất ổn định, Lý Thánh Tông quyết định chọn ngày Canh Tuất làm lễ tế cờ xuất binh Nam phạt.

Càng gần đến ngày xuất quân, đức Vua càng lo âu, trăn trở.

Không phải Người lo quân giặc có tượng binh mạnh. Người đã nghiên ngẫm cách đánh của Lưu Phương đời nhà Tùy, đã có rất nhiều cách để tiêu diệt đội tượng binh. Cũng không phải Người lo đường xá xa xôi, không kịp tiếp ứng quân lương, bởi Người đã bố trí những kho trạm dọc đường và nắm chắc nguồn hậu cần tại chỗ. Người tin là quân Đại Việt sẽ nhanh chóng giành thắng lợi, bởi Người tin vào Người, tin vào tướng quân Lý Thường Kiệt, tin vào tài trí những người lính Đại Việt. Điều Người lo lắng nhất là chọn ai nhiếp chính thay Người những lúc đi xa.

Thái sư Lý Đạo Thành là người cương trực, học rộng, hiểu nhiều nhưng quá khuôn phép, quá trung thành với những quy tắc Nho giáo, chậm ứng biến.

Thái úy Quách Kim Nhật già yếu, lấy binh làm gốc chứ không lấy dân làm gốc.

Bùi Hựu khép mình trong thư phòng, lấy chữ thánh hiền làm chuẩn mực. Ông hiền lành như bụt nhưng không mấy xuất đầu lộ diện mang lại quyền lợi thiết thực cho nước, cho dân.

Hoàng hậu Thượng Dương an phận bậc chính cung, coi chính sự là điều vô nghĩa.

Chỉ còn Nguyên phi Ỗ Lan.

Nghĩ tới ý Lan Thánh Tông bỗng tươi tỉnh mặt mày. Đúng như nàng Sen báo mộng ý Lan đã sinh cho đức Vua Thái tử. Năm Thái tử ra đời cả nước được mùa, người Trảo Oa dâng ngọc dạ minh châu, nhà Vua đổi niên hiệu Long Chương Thiên tự, đại xá thiên hạ, phong ý lan là Thần phi.

Năm ngoái ý lan sinh Nhân Minh Vương. Nhà Vua vui mừng đổi niên hiệu là Thiên Huống bảo tượng, các nơi nô nức đem voi trắng dâng cống. Vua đền ơn vợ bằng cách phong cho nàng là Nguyên phi, đổi hương Thổ Lỗi quê nàng thành hương Siêu Loại.

Ngay từ khi mới gặp, Lý Thánh Tông đã nhận ngay ra nàng Khiết trí lực khác người, thông tuệ Phật Nho, thông minh ứng biến. Từ xưa đến nay Lý Thánh Tông vẫn cho rằng đàn bà chân yếu tay mềm, dù tài ba đến mấy cũng khó thoát khỏi tam tông, tứ đức quấn quanh với thiên chức làm vợ, làm mẹ.

Một hôm du thuyền trên hồ Dâm Đàm, Lý Thánh Tông hỏi đùa:

- Nàng thông lâu kinh sử, liệu nàng có thể góp cho ta vài ba kế trị quốc?

ý lan liền tâu:

- Muốn nước giàu dân mạnh, điều hệ trọng thứ nhất là biết nghe lời can gián của đấng trung thần. Dân gian có câu "Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng". Nhưng sự thật lại có lợi cho dân, cho nước. Thứ hai: Phải coi quyền hành là một thứ đáng sợ. Quyền lực và danh vọng thường làm thay đổi con người. Tự mình tu đức để giáo hoá dân thì sâu hơn mệnh lệnh. Dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật. Nước muốn mạnh thì Hoàng đế phải nhân từ với muôn dân. Phàm xoay thế thiên hạ ở nhân chứ không phải ở bạo. Thứ ba: Đã là quốc gia phải có quốc dân. Đã có quốc dân phải có quốc đạo. Quốc đạo chính thì dân tin, nước mạnh. Quốc đạo tà thì dân loạn, nước tan. Hội đủ ba thứ ấy Đại Việt sẽ vô địch.

Lý Thánh Tông vừa ngạc nhiên vừa khâm phục. Giờ đây, Người cho rằng chỉ có ý Lan mới đủ tài đức để thay mình nhiếp chính.

Nhưng... Hoàng hậu còn đấy, các đại thần còn kia, làm sao vượt qua những quy tắc khắt khe từ đời các tiên đế. Thực ra các tiên đế cũng không tự đặt ra những luật lệ ấy mà chỉ làm theo đức Khổng Tử, Mạnh Tử, làm theo các triều đại bên Trung Nguyên từ mấy ngàn năm trước.

Vận mệnh quốc gia như con thuyền ngược dòng sông lạ. Người đứng đầu là người cầm lái. Người cầm lái thông hiểu thiên thời, địa lợi, nắm chắc lòng dân, có quyết sách đúng đắn, kịp thời thì con thuyền sẽ vững vàng vượt qua ghềnh thác tiến lên phía trước. Bằng không, chỉ một sơ suất nhỏ con thuyền sẽ đập vào thác đá vỡ tan, chìm ngấm. Lý Thánh Tông coi trọng vận mệnh quốc gia chứ không vì những quy định tầm thường mà quên điều cốt lõi. Có điều phải làm sao cho bá quan văn võ, thần dân trăm họ đồng tình, tâm phục khẩu phục thì người đi cũng an lòng mà người ở nhà thay vua cũng đỡ phần lo toan, vất vả.

Hôm sau nhà Vua đem chuyện nhiếp chính ra hỏi quần thần. Đa số các quan văn cho rằng Lý Đạo Thành là xứng đáng. Các quan trong nội cung thì lại cho rằng vua đi xa thay quyền nếu Thái tử còn ít tuổi quá thì nhất định phải là Hoàng hậu. Các quan võ tuy mang tiếng là hữu dũng vô mưu nhưng lại cho rằng không nên lệ thuộc vào các quy định cũ mà phải nhìn vào thực tế, phải chọn người có tài, có đức. Lý Thường Kiệt mạnh dạn đứng lên tâu rằng:

- Thần cho rằng nhiếp chính phải là người biết cương biết nhu, biết gần biết xa, biết lùi biết tiến, vì thần dân mà ra quyết sách. Theo thần Nguyên phi ý Lan có đủ những điều đó. Dám xin Hoàng thượng giao quyền nhiếp chính cho Người.

Đa số các quan võ đồng tình với ý kiến của Lý Thường Kiệt.

Thái sư Lý Đạo Thành bước ra:

- Bẩm Hoàng thượng. Thần không có ý gì phản đối ý kiến của Lý tướng quân, nhưng Hoàng hậu còn đó sao dám qua Người mà giao Nguyên phi nhiếp chính? Đặt phi trên hậu từ cổ chí kim, từ ta sang Tàu ít thấy. Mong Hoàng thượng nghĩ lại để được an dân.

Lý Thánh Tông cho gọi Hoàng hậu và Nguyên phi vào triều. Người hỏi:

- Chế Củ cậy binh mạnh, lương nhiều, liên tiếp đánh phá phía Nam, ta phải thân chinh dẹp giặc. Năm nay nắng hạn kéo dài, lúa má chết khô, đói kém đang bày ra trước mắt. Hậu và Phi hãy nghĩ xem làm thế nào mà dân an, quốc thịnh?

Hoàng hậu Thượng Dương thưa rằng:

- Thiếp phận đàn bà, cai quản nội cung. Ai làm tốt thiếp thưởng, ai làm sai thiếp phạt. Việc quốc gia đại sự nên để các đại thần.

Nguyên phi ỷ lan dẫn đo suy nghĩ, rồi thưa rằng:

- Muốn thắng giặc trước hết phải yên lòng quân. Muốn yên lòng quân hậu phương phải an lạc. Năm nay nắng hạn kéo dài, mất mùa là khó tránh. Nhưng Đại Việt ta có lương dự trữ phong phú do các quan địa phương tích trữ bao năm. Phải mạnh dạn mở kho phát chẩn, giữ cho đủ giống má, nghiêm trị nạn giết trâu cày, nghiêm trị những kẻ hà thu lạm phát. Có như vậy dân mới an, quốc mới hùng. Thần thiếp tin Hoàng thượng sẽ chiến thắng khải hoàn, trăm họ sẽ vui mừng đón rước.

- Hay! Hay lắm! ý Nguyên phi rất hợp ý ta. Nguyên phi xứng đáng để ta giao cho nhiếp chính. Văn võ bá quan hãy vì giang sơn xã tắc, vì trăm họ mà phò giúp Nguyên phi. Ta cũng sẽ vì giang sơn, trăm họ quyết bắt Chế Củ...

*

Năm ấy hạn hán kéo dài, chân ruộng trũng nứt nẻ lốt cả bàn chân, chân ruộng cao đất bờ như vôi, đồng lúa khô quắt, chỉ một mối lửa có thể thiêu trụi cả cánh đồng. Người các xứ dắt nhau về kinh đô ăn xin nhiều như trẩy hội. Một số nơi dân còn nổi loạn cướp các nhà giàu, thậm chí đánh phá cả công đường, cướp kho lương thực của triều đình. Đặc biệt là phủ Phú Lương giặc cỏ nổi lên như trấu, người chết đói đầy đường, tiếng than khóc âm vang làng xóm.

ỷ Lan đóng giả lái buôn vi hành một vòng quanh các xứ Siêu Loại, Phú Lương, Vũ Ninh rồi về triệu các quan văn võ và cả các quan châu, quan phủ, quan huyện trong cả nước.

Nguyên phi nhiếp chính đồng dạc nói:

- Hoàng thượng đã tiến vào đất Chiêm, thế mạnh như chẻ tre, thu nhiều thắng lợi. Thế mà ở hậu phương chưa bao giờ Đại Việt lại gặp hạn hán kéo dài như năm nay. Mất mùa, dân đói. Dân đói thì sinh loạn, ta không nên trách cứ trăm họ. Bá quan văn võ hãy cho cao kiến làm sao dân an, nước vững để yên lòng quân sĩ để Đại Việt qua cơn sóng gió.

Một võ quan bước ra tâu:

- Bẩm Nguyên phi. Theo thần, có loạn phải dẹp. Thần xin đem binh mã tiêu diệt những kẻ phản loạn, giữ yên đất nước. Còn dân đói, các quan địa phương phải chịu trách nhiệm. Thần biết nơi dân quê nhà thì giàu nứt đổ đổ vách, nhà thì miếng cơm không có mà ăn. Các quan địa phương phải lấy bớt của nhà giàu chia cho nhà nghèo.

Một vị quan văn đứng lên:

- Bẩm Nguyên phi nhiếp chính. Xin Nguyên phi hãy cho các châu, các phủ tấu trình về tình hình vùng mình cai quản. Các địa phương đã làm gì để ổn định tình hình. Hiện nay hạn hán vẫn kéo dài xin Nguyên phi cho về Siêu Loại rước đức Phật Pháp Vân ra kinh đô cầu đảo.

Các tri châu, tri phủ, tri huyện lần lượt dâng bản tấu. Nguyên phi xếp vào một chỗ rồi bảo:

- Ta muốn tri phủ Phú Lương trình bày tình hình trước bá quan văn võ.

Tri phủ Phú Lương là Dương Văn Tý, cháu gọi Hoàng hậu Thượng Dương bằng cô. Năm Nhâm Dần vì có công khai thác mỏ bạc ở Hạ Liêu, lại được cô tiến cử, Dương Văn Tý được phong một chức võ quan gọi là Chư vệ tướng quân. Mấy năm sau Tý được chuyển ngạch Văn quan do có công phát giác tri phủ Phú Lương nhận hối lộ nên được triều đình phong tước, rồi leo lên tới chức tri phủ Phú Lương.

Được Nguyên phi hỏi, Tý bình thản đứng lên đồng dặc:

- Dạ. Muôn tâu Nguyên phi. Phủ của bản quan vẫn mọi bề yên ổn. Mỏ bạc Hạ Liêu tìm thấy bạc lộ thiên. Việc này bản phủ đã tấu trình bộ công. Còn một vài tên cướp thỉnh thoảng cướp bóc dọc đường Thiên Lý, trên đèo Khế Lang, bản phủ đã cử quan Đô tướng đi đánh dẹp, chém được trên bốn trăm tên thảo khấu.

- Trời Phật! - Nguyên phi kinh ngạc kêu lên - Người nói chỉ có một vài tên cướp mà một lúc chém được hơn bốn trăm tên thảo khấu thì ghê gớm quá. Nếu thế thì địa phận của người quản lý đang xảy ra một cuộc chiến tranh đẫm máu rồi còn gì.

Dương Văn Tý tái mặt vội tâu:

- Dạ. Đó là thần mới nghe nói thế. Thần xin về điều tra lại. Chả là bọn võ quan hay báo cáo để tăng công.

Mấy võ quan trừng mắt. Nguyên phi vội xua tay dàn hoà. Triều đình tiếp tục bàn bạc sôi nổi, nhiều cao kiến rất đặc dụng.

Cuối cùng Nguyên phi phán bảo:

- Trước mắt văn võ bá quan phải cùng ta làm tốt mấy việc:

Thứ nhất: Cứu dân khỏi chết đói. Bộ lễ cho dán ngay yết thị khắp thiên hạ kêu gọi dân ly tán trở lại cố hương, triều đình sẽ mở kho phát chẩn. Các châu, phủ, huyện cũng phải mở kho của địa phương cấp cho dân nghèo. Nơi nào để dân đói triều đình sẽ xử tội theo hình luật. Nhà giàu cho nhà nghèo vay không được lãi quá năm phân trong một vụ. Các quan địa phương phải đứng ra bảo lãnh.

Thứ hai: Trai gái vì nghèo khó không vợ, không chồng triều đình cho phép lấy nhau không phải lệ luật. Các quan địa phương không được sách nhiễu. Phải cấp cho họ thổ cư, công điền. Nếu phát hiện trường hợp nào ngăn cấm, sách nhiễu sẽ bị trừng trị theo hình luật.

Thứ ba: Sẽ cho rước đức Phật Pháp Vân về Vạn Tuế tự cầu đảo. Các địa phương phải khơi thông mương máng dẫn thủy nhập điền, kêu gọi người dân trồng các loại rau ngắn ngày như khoai lang, khoai sọ, rau muống, rau củ để cứu đói. Khuyến khích trồng dâu nuôi tằm. Khuyến khích các làng nghề. Nếu lập được các làng nghề mới sẽ được triều đình trọng thưởng. Ai nghĩ ra được một nghề mới hoặc cách làm mới cũng sẽ được triều đình ban thưởng và trọng dụng.

Còn những việc khác ta sẽ cùng các quan đại thần định liệu.

*

Sau buổi thiết triều Nguyên phi cho mời một số quan đại thần về phòng cơ mật. Nguyên phi đưa ra tập đơn tố cáo tên Dương Văn Tý dùng quyền lực, mảnh khoé bóc lột người dân tận xương tận tủy như tổ chức buôn bán nô tỳ, cho vay nặng lãi, mua hết lúa non và còn tiếp tay cho bọn cướp hoành hành. Dinh cơ của Tý không thua kém gì hoàng cung, lại có hàng trăm người phục dịch, hàng trăm kỹ nữ suốt ngày dệt vải thêu thùa, lúc cần là đồ giải trí.

Quan Thiệu sư xin đem binh vây bắt. Lý Đạo Thành xin dùng cách rung chà cá nhảy để có cơ trị tội. Nguyên phi lắc đầu:

- Việc như lửa cháy, nước lụt, không thể đợi chờ. Cũng không thể tùy tiện ghép tội. Ta phải tìm ra chứng cứ. Vẫn có câu "Vào hang mới bắt được cọp". Ta sẽ thân chinh đi một chuyến. Việc ở nhà giao cho Thái sư. Điều cốt yếu là phải giữ kín, coi như ta vẫn ở nhà.

Nguyên phi đem theo ba cung nữ cải trang làm một đoàn chị em đi buôn thóc.

Trở lại cô thôn nữ ngày nào Nguyên phi dễ dàng lọt vào tư dinh Dương Văn Tý.

Chưa bao giờ Dương Văn Tý lại thấy có đoàn buôn gồm toàn những cô gái trẻ đẹp đến thế. Thoạt nhìn Tý cũng hơi chột dạ. Hình như dáng vẻ cao sang, óng ả của cô gái đi đầu, hẳn đã gặp ở đâu? Hắn chợt nghĩ tới tin đồn Nhiếp chính rất hay cải trang vi hành. Nhưng hắn yên tâm ngay vì lúc này ở Thăng Long Nhiếp chính còn phải tổ chức đăng đàn cầu đảo. Hắn không lạ gì đức Vua và Nguyên phi rất tin sùng đạo Phật. Không một chùa tháp nào, không ngày vọng ngày sóc nào mà Nguyên phi vắng mặt. Lại còn Sùng hiến hầu chưa đầy một tuổi, làm sao Nguyên phi có thể đến nơi thâm sơn cùng cốc này. Quen thói dâm dăng, Dương Văn Tý tùm tùm liếc mắt đưa tình. Cô gái đi đầu e then liếc trộm hắn một cái sắc lẹm khiến lồng ngực hắn rung lên sung sướng. Nhưng vốn là tên cáo già, Dương Văn Tý làm mặt nghiêm:

- Này. Các người đừng bỡn cợt ta. Ta thừa biết các người là ai rồi.

- Thế quan lớn bảo chúng em là ai? Cô thứ hai vừa hỏi vừa khúc khích cười.

Dương Văn Tý thấy lòng dạ xốn xang, nhưng vẫn tỏ ra nghiêm nghị:

- Các người là thám tử của triều đình. Ta biết gần đây Nguyên phi nhiếp chính nghi ngờ ta. Ta biết nhiều kẻ ghen ghét đã vu cáo ta. Nhưng ta quang minh chính đại, ta là cháu ruột Hoàng hậu, chả lẽ ta lại để tiếng xấu cho cô ta.

- Quan lớn quá đa nghi. Vì năm nay miền xuôi mất mùa, hai tiền chưa đong nổi một thưng gạo. Nghe nói trên này vẫn một tiền sáu thưng. Chúng em muốn lấy công làm lãi, kiếm chút ít về nuôi dưỡng mẹ già.

- Nuôi chồng, nuôi con nữa chứ - Hắn tình tứ thêm vào rồi cười khanh khách.

- Quan lớn vui tính, lại hào hoa phong độ quá. Trong số bốn chị em em đây, mới chỉ có chị cả có người bỏ ngõ, chứ chúng em nhà nghèo, lại xấu xí thế này. Ai thèm.

- Quan thèm. Thế quan thèm các em có ưng ở lại đây không?

- Còn tùy quan có đủ nuôi chúng em và bố mẹ chúng em không. Làm quan lương ba cọc ba đồng, chắc gì?

Chuyện trò hồi lâu, Dương Văn Tý say lắm, lệnh cho gia nhân làm cơm thết đãi, không quên rí tai cho vào bát canh xương hầm tay gấu gói thuốc mê, rồi dẫn các cô đi xem kho tàng, nhất là những kho thóc gạo. Nguyên phi không khỏi kinh ngạc về những của cải của viên tri phủ. Thóc gạo của hắn có lẽ nuôi nổi cả phủ Phú Lương qua mùa giáp hạt. Nguyên phi khéo léo gợi chuyện, biết rõ mọi mảnh lới làm ăn, biết rõ những tên tòng đảng.

Đi hết một vòng trời đã đứng bóng, Dương Văn Tý mời các cô về phòng dùng bữa. Đáng lẽ hẳn để cho xong bữa, để các cô uống nước canh ngấm thuốc mê nhưng người hẳn đã nóng rực. Hẳn nuốt nước bọt hau háu nhìn vào bộ ngực nở nang phập phồng dưới tà áo tứ thân bằng loại tơ tằm mỏng dính. Hẳn liền buông chén nước sẵn số quờ tay ôm lấy Nguyên phi. Nguyên phi né sang bên, nghiêm mặt:

- Dương Văn Tý. Người làm quan mà tham bạo, không lo cho dân, cho nước, dùng mọi thủ đoạn xấu xa bức người vô tội, làm giàu bất chính. Người biết tội gì không?

- Ta biết. Ta biết tội ta yêu nàng quá. Ai bảo nàng đẹp, nàng duyên dáng đa tình, mắt nàng như dao cau làm tim ta chảy máu. Ta sẽ giúp nàng trả hết trầu cau, sẽ phong nàng là đệ nhất phu nhân. Đến như Hoàng hậu cô ta, đến như Nguyên phi quyền nghiêng thiên hạ cũng chả sướng bằng.

- Câm mồm! - Một cô gái quắc mắt quát to - Người mở mắt nhìn cho kỹ xem ai đây. Đó chính là Nguyên phi nhiếp chính.

Từ cổng lớn, từ các nóc nhà lính Ngự long quân nhảy xuống, gươm tuốt sáng lòà. Dương Văn Tý ngơ ngác, mặt không còn giọt máu, vội lao vào buồng thoát theo con đường bí mật. Nhanh như chớp cô gái đứng gần Nguyên phi đã lao tới gạt hẳn ngã kênh, điểm trúng huyệt á môn khiến hẳn không thể kêu cứu.

Ngay lập tức Nguyên phi cho triệu viên tri phủ cũ bị Dương Văn Tý vu cho tội nhận hối lộ, bị cách chức đuổi về. Người nói:

- Ta biết người bị hàm oan. Nay ta trao cho người tạm thời thay thế Dương Văn Tý, bố cáo tội trạng của y, kêu gọi dân trở lại làm ăn lương thiện. Ta quyết định tịch thu toàn bộ gia sản của hẳn, sung vào công quỹ. Riêng lương thực, vải vóc người đem chia cho dân nghèo, dân khai hoang và những cặp vợ chồng nghèo mới cưới. Người chớ giẫm vào vết chân dơ bẩn của hẳn. Xong việc người về triều tấu trình lại ta nghe.

Trở lại kinh thành Nguyên phi thở phào nhẹ nhõm, nghĩ xem có cách nào báo tin vui tới đức Vua, biết đâu chả góp thêm một phần sức mạnh để quân ta mau chóng chiến thắng khải hoàn.

*

Lại nói về Lý Thánh Tông đem mười vạn tinh binh theo đường biển tiến thẳng vào đất Chiêm. Chế Củ nghe tin vua Đại Việt đích thân cầm quân chinh phạt thì lo sợ vội đem đại binh chạy vào miền Tây Nam sát biên giới Chân Lạp. Quân Đại Việt tiến vào thành Phật Thệ như vào chỗ không người. Vốn có lòng khoan dung độ lượng, Lý Thánh Tông lệnh cho binh lính Đại Việt không được cướp phá, giết hại dân Chiêm. Nhà Vua còn mở kho phát chẩn cho người nghèo, bảo vệ tông miếu họ Chế, vỗ yên trăm họ. Dân Chiêm gọi quân nhà Lý là thiên binh, hết lòng kính trọng, giúp đỡ. Có điều rất buồn là tìm mãi không thấy quân Chế Củ, mà chiếm mãi đất người ta thì không tiện. Vả lại nhà Tống vẫn đang tăng cường binh lực, chưa biết lúc nào sẽ xâm chiếm Đại Việt. Lý Thánh Tông quyết định ra bố cáo, răn đe Chế Củ rồi gấp rút lui quân về nước.

Tháng 6, đại quân về tới Cư Liên. Ngày vọng tháng quý hạ vua cải trang lên bờ nghe ngóng tình hình đất nước trong thời gian Người đi vắng. Người vô cùng ngạc nhiên thấy đồng lúa đã xanh um, người đi lại trên đường tấp nập. Người thông thả đi theo họ đến một ngôi chùa mới xây có cái tên rất lạ là "Quan Âm nữ tự". Qua cửa tiền đường bước vào thượng điện nhà Vua giật mình khi thấy một pho tượng mới tinh mà dáng hình y hệt Nguyên phi ỷ lan. Nhà Vua hỏi một cụ già chống chiếc gậy tre dắt theo một đôi nam nữ:

- Thưa cụ. Cụ cho tôi hỏi bức tượng Phật kia là Phật gì mà tôi thấy lạ quá.

Cụ cười ha hả, nhìn nhà Vua từ đầu đến chân, rồi bảo:

- Chắc ông người nước khác. Chứ dân Đại Việt ai chả biết đó là tượng Nguyên phi nhiếp chính. Chả là vua nước tôi đem quân đi chinh phạt Chiêm Thành, giao quyền nhiếp chính cho Nguyên phi. Nguyên phi đã mở kho phát chẩn, trừng trị bọn tham quan ô lại, cứu dân thoát chết, đã cho đào mương dẫn thủy nhập điền, cầu đảo để trời mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt. Nguyên phi còn cho trai gái vì nghèo khổ không vợ, không chồng được tự do lấy nhau không phải theo luật lệ, lại cấp cho thổ cư công điền. Cả Đại Việt ai ai cũng biết ơn, tôn Người lên là Quan Âm nữ. Công đức của Người đến cả bọn lục lâm thảo khấu cũng phải kính nể, cảm phục. Chính ngôi chùa này là của tướng cướp Lâm Thành Quân danh tiếng một thời, nay hoàn lương, cùng những cặp vợ chồng mới cưới và phật tử Cư Liên hưng công xây dựng. Ông chưa biết Quan Âm nữ của chúng tôi nên thấy lạ cũng là phải thôi.

Nghe cụ già nói. Lý Thánh Tông giật mình. Không ngờ Nguyên phi ở Lan lại có tài trị quốc đến thế. Đức Vua không thể ngờ tướng cướp Lâm Thành Quân, mối lo canh cánh của triều đình lại dễ dàng trở lại hoàn lương. Vua trầm ngâm nghĩ ngợi, tự nói với mình: "Chả lẽ Nguyên phi là đàn bà còn trị quốc giỏi giang như thế, ta đường đường một đấng nam nhi lại không thắng giặc đã trở về". Bất giác nhà Vua nhớ tới lần đầu gặp gỡ, Khiết Nương đã có một vẻ đối tuyệt vời "Nam tử đô vi thiên hạ kỳ". Giờ đây chính là nàng "đương vi thiên hạ kỳ" chứ đâu phải là ta. Còn nữa, khi ta ngẫu hứng nhìn thấy mảnh sân chật hẹp, ra về đối an ủi tượng trưng, không ngờ nàng lại đối một điều thật hệ trọng, kỳ vĩ: "Bình thường nhân vật, vi phụ, vi mẫu, vi minh quân". Lúc đó vì quá say mê nên ta đã bỏ qua, chỉ buồn cười cho ai quê mùa dám ước mơ trở thành minh quân trị quốc. Giờ đây không những nàng đã là người vợ xứng đáng, người mẹ mẫu mực mà còn là vị nhiếp chính tài ba, không thua kém gì những bậc minh quân kim cổ.

Lý Thánh Tông còn hỏi thêm nhiều người, còn tận mắt thấy cảnh làng quê đầm ấm, quan lại khiêm tốn, yêu dân. Người bỗng quay người về phía kinh thành lẩm bẩm: "Ta thề với nàng rằng: Nếu không phá được giặc Chiêm, không bắt được Chế Củ ta quyết không trở lại gặp nàng. Nếu ta không về xin nàng hãy giữ gìn ngôi báu, sau này sẽ trao cho Càn Đức con ta.

Ngay đêm ấy, nhà Vua lệnh cho chiến thuyền quay mũi. Vì bị bất ngờ Chế Củ không kịp chạy. Năm vạn quân Chiêm. Đại tướng quân Bồ Bi Đà La và vua Chiêm là Chế Củ đều bị bắt.

Với lòng nhân hậu, nhà Vua đã tha chết cho Chế Củ và tướng sĩ Chiêm Thành.

Đức Vua cùng đoàn quân chiến thắng trở về Thăng Long trong tiếng pháo vang trời, cờ hoa rực rỡ.

Nhà Vua ân cần cầm tay người vợ trẻ, nói một câu rất thật lòng rằng:

- Chiến thắng của ta quá nửa là của nàng. Vòng nguyệt quế kia đúng ra phải đội trên đầu nàng, cái đầu vừa từ bi lại vừa thông tuệ.

Nhà Vua cùng Nguyên phi rảo bước về ở Lan cung. Bà vú bé Sùng hiền hậu, dắt Càn Đức tíu tít chạy ủa ra. Mỗi người đón lấy một cậu con trai. Buổi chiều tháng tám ấy trời xanh biêng biếc; hai con người vĩ đại bỗng cảm thấy hạnh phúc đến tột cùng. Họ chỉ muốn mãi mãi bên nhau, mãi mãi được là một gia đình bình dân ấm êm hạnh phúc.

IX

Tin Lý Thánh Tông đột ngột qua đời làm Nguyên phi rưng rờ, đau đớn. Mới tối hôm qua Người còn âu yếm chơi đùa với Sùng hiên hầu, còn bảo Nguyên phi chuẩn bị rượu ngon để Người nghỉ lại. Gần hết canh hai. Nguyên phi lựa lời tâu rằng:

- Thiếp là phận phi, được Hoàng thượng yêu quý, thế là mãn nguyện lắm rồi. Hoàng thượng nên nâng tới phủ Thượng Dương. Thiếp thấy Hoàng hậu độ này buồn lắm.

Nghe lời ý Lan, Lý Thánh Tông đã tới qua đêm ở phủ Thượng Dương. Sáng nay Người vẫn ra sân Giảng Võ đi hết bài thái cực kiếm, rồi mới về điện Hội Tiên. Nào ngờ...

Thi thể nhà Vua vẫn hồng hào như Người chỉ nghỉ ngơi sau những ngày trận mạc, như đã được giải thoát theo lời chỉ dạy của đức Thích Ca Mâu Ni. Nhưng làm sao Người có thể giải thoát khi phía Bắc nhà Tống đang thi hành Tân pháp mà mấu chốt lại là tham vọng bá quyền. Chỉ ngày một ngày hai chúng sẽ ồ ạt kéo quân qua biên ải, sẽ xúi giục bọn Chế Củ quấy rối phía Nam? Giải thoát sao được khi Thái tử mới bảy tuổi đầu? Hai mẹ Dương Thị, ý Lan bề ngoài là chị em mà bên trong lại chứa đầy thù hận. Nhà Vua đột ngột qua đời, không kịp nói lời trăng trối. Thái tử Càn Đức sẽ lên thay Người trị vì đất nước; nhưng ai trong hai mẹ sẽ là người buông rèm chấp chính?

Buổi chiều ngày mùng 8 tháng 8 năm Nhâm Tý niên hiệu Thần Vũ, bầu trời Thăng Long xám xịt, mây đen cuộn cuộn, mưa rơi tầm tã, sấm chớp loé trời, chuông chùa bạt hơi khắc khoải. Những lá cờ buông thõng ủ rũ như đang nhỏ máu từ những tròng mắt đỏ hoe.

Bá quan văn võ khập khiễng bước về phòng cơ mật theo lệnh của Thái sư Lý Đạo Thành. Thái sư ghen ngào nói:

- Đức Vua đột ngột băng hà. Người đã đi theo Tiên đế, để lại cho thần dân muôn nỗi đau thương. Nhưng không thể vì đau thương mà quên việc nước. Nước không thể một ngày không có vua. Thái tử Càn Đức sáng sớm mai sẽ làm lễ đăng quang. Điều ta băn khoăn là ai sẽ buông rèm nhiếp chính. Xin bá quan văn võ hãy vì quốc gia đại sự mà cho cao kiến.

Cũng như lần Lý Thánh Tông đi chinh phạt Chiêm Thành, triều đình lại chia làm hai phe tranh biện quyết liệt. Phái văn quan và những người có tuổi thì nhất nhất phải tuân thủ tôn ti trật tự. Chính thất, tức là Hoàng hậu Thượng Dương phải là Hoàng Thái Hậu giữ quyền nhiếp chính. Phái võ quan và những người trẻ tuổi thì lại cho rằng Nguyên phi đã từng thay đức Vua nhiếp chính, có những quyết sách đúng đắn, táo bạo, loạn lạc được dẹp yên, dân đói được cứu sống, việc nông tang phát triển, dân dã cũng no ấm, thanh bình. Dân đã tôn bà là Quan Âm nữ, nhiều nơi thờ cúng như Phật như thần, phải là người giúp vua con chấp chính.

Phái văn quan cũng thừa nhận công lao và tài năng của Nguyên phi. Nhưng họ bảo rằng "Linh tại ngã, bất linh tại ngã" hòn đất để không chỉ là hòn đất nếu nặn thành bụt sẽ trở nên linh thiêng, tôn kính. Có chức sẽ có quyền, có quyền sẽ nảy tài năng. Nguyên phi nhiếp chính được thì Hoàng hậu cũng nhiếp chính được. Như thế sẽ thuận đạo trời, hợp lẽ đời. Thế là phái văn quan đứng đầu là Lý Đạo Thành đã thắng.

Ngày hôm sau Thái tử Càn Đức lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Ninh, tôn mẹ đích là Hoàng hậu Dương Thị làm Thượng Dương Hoàng Thái Hậu, buông rèm nghe chính sự, mẹ đẻ Nguyên phi ý Lan làm Hoàng Thái phi.

Hoàng Thái phi buồn lắm. Bà biết quá rõ về Thái hậu Thượng Dương. Con người đẹp như tiên sa ấy chỉ quần quanh lo toan chuyện làm sao để được con trai, lo cho bản thân lúc nào cũng trẻ đẹp để chiếm đoạt đức Vua cho riêng mình, lo cho họ hàng có nhiều bổng lộc. Con người ấy đâu biết đến thần dân, đâu biết đến sơn hà xã tắc đang đứng trước những hậu họa khôn lường. Còn

con bà mới bảy tuổi, đến bữa ăn còn phải dỗ dành thì làm sao có thể quyết định những điều quốc gia hệ trọng. Thái sư Lý Đạo Thành luôn là con người mầu mực. Ông quá trung thành với giáo lý Khổng, Mạnh, quá uyên thâm kinh sử nên cũng quá cố chấp, giáo điều, quá tốt bụng nên cũng quá chủ quan, tin tưởng. Thái uý Lý Thường Kiệt phải lo phòng thủ đất nước, ít có điều kiện tìm hiểu nội tình.

Không! Không thể đặt đất nước này vào bàn tay thiên càn, ngu dốt của con mù đàn bà. Không thể để con ta trở thành một hôn quân khờ khạo. Bà phải ra tay dù cho có độc ác với một vài người nhưng sẽ mang lại sự sống cho muôn người khác. Tuy nhiên bà không thể quay lại vụ án tráo con năm Bính Ngọ. Năm ấy bà đã tha thứ cho Hoàng hậu, bà đã sớm muốn là một Quan Âm. Giờ đây chỉ cần bà kể lại vụ án ấy con bà sẽ tức giận mà phế truất hoặc giết hại Thượng Dương. Nhưng như thế bà đã tự đẩy bà, đẩy con bà vào vòng bất nhân, bất nghĩa, tự tước bỏ danh hiệu Quan Âm nữ thiên hạ sùng kính tặng bà. Bà sẽ có cách khác. Bà không thể yếu đuối như một nô tỳ, không thể an phận như một kẻ tu hành. Rồi hậu thế sẽ hiểu bà. Lịch sử sẽ công bằng phán xét. Bà tin là mình sẽ làm đúng lời đức Phật răn dạy bởi Phật không chỉ cứu người. Phật còn ra tay trừng trị cái ác.

Nghĩ vậy, bà cáo ốm cho mời Lý Nhân Tông vào hầu.

Lý Nhân Tông thấy mẹ xanh xao hốc hác thì quỳ xuống khóc mà nói rằng: "Con thật có lỗi, để Mẫu hậu ốm đau thế này, bây giờ mới tới thăm" và truyền chỉ cho gọi ngự y. Nhưng Hoàng Thái phi đã ngăn lại, bảo:

- Bệnh của ta ngự y nào chữa được. Chỉ có Hoàng thượng mới chữa nổi.

Lý Nhân Tông lại dập đầu quỳ lạy, mếu máo:

- Con phải làm gì? Nếu như phải nhảy vào lửa mà Mẫu hậu khoẻ mạnh, con cũng xin làm.

Lúc ấy Hoàng Thái phi mới cầm tay Hoàng thượng mà nói rằng:

- Ta biết con là đưa con có hiếu. Con ơi, mẹ già chịu bao khó nhọc mới có ngày nay, mà bây giờ phú quý người khác hưởng. Vậy con để mẹ già vào đâu?

- Nhưng. Thưa Mẫu hậu, con phải làm gì?

- Con ơi, mẹ lo buồn lắm. Lo cho cơ nghiệp các tiên đế khó nhọc đổ máu xương mới có. Con thì còn thơ dại, mọi việc sẽ phải trông cậy vào nhiếp chính. Bà Thượng Dương thì có tài cán gì? Cai quản mấy đứa thị tỳ không xong, làm sao giải quyết được những chuyện quốc gia đại sự? Vả lại vừa mới nhiếp chính đã kéo tên Dương Văn Tỷ, cháu gọi bà ta là cô ruột, năm Kỷ Dậu đã bị mẹ cách chức đáng lẽ tội phải chém đầu, mẹ đã lượng tình mà tha cho, nay lại đưa vào nội cung làm việc. Con có biết việc đó không?

- Thưa Mẫu hậu, Hoàng Thái Hậu chưa nói việc đó với con.

- Việc như vậy mà Hoàng thượng không biết, há chẳng phải bà ta đang muốn tiếm quyền. Còn nữa: Năm xưa, cha con có một phi tần trẻ đẹp tài ba tên là Biện Thị Sen. Vì ghen ghét nàng được cha con sủng ái, nên Hoàng hậu đã đang tâm giết hại. Khi đó cha con đã rất nghi ngờ nhưng không có bằng chứng. Nay bằng cứ đã rõ. Hoàng thượng định bỏ qua hay là truy cứu?

- Thưa. Mẫu hậu vẫn dạy con "Sát nhân giả tử". Nếu chứng cứ đầy đủ, nhất định con sẽ nghiêm trị.

- Được. Thế thì ta vui lắm con hãy giao cho bộ hình xem xét vụ Dương Văn Tỷ. Ta sẽ giúp con làm rõ vụ án nàng Sen.

*

Thực ra ý Lan mới biết chuyện Hoàng Thái Hậu tái dụng Dương Văn Tỷ, còn chuyện nàng Sen thì chưa hề hay biết. Nhưng bà biết chắc mười một cô gái được tuyển vào hậu cung năm Tân Sửu sẽ có những lời khai có lợi cho mình. Trước hết Hoàng Thái phi nhanh chóng tổ chức cho người tâm phúc đi gặp mười cung nữ năm xưa, còn mình thân chinh về phủ Phú Lương gặp ả Thị Hoan. Thị Hoan là chân tay đắc lực của Dương Hoàng hậu. Ý Lan tin rằng vụ án nàng Sen nhất định sẽ được bắt đầu từ ả. Khi ý Lan mới nhập cung, chính ả đã dè bủ, tung ra những lời đe dọa. Ý Lan vô cùng căm ghét ả, nhưng vẫn bỏ qua. Đến năm Kỷ Dậu ý Lan cho ả về quê, lại mới lái để viên Lộ quan Phú Lương đón ả về làm kế thất. Nghe nói ả đã đẻ sinh đôi một trai, một gái đẹp như tranh vẽ. Điều đó sẽ càng có lợi cho Hoàng Thái phi. Thị Hoan thừa hiểu rằng số phận của mình, của gia đình mình đang nằm trong bàn tay người khác.

Viên Lộ quan thì mừng vui khôn tả, khi được Hoàng Thái phi hạ cố đến chơi. Còn Thị Hoan mặt mũi tái xanh, dù biết rằng ý Lan đã được dân gian tôn làm Quan Âm nữ. ả đã từng nghe Hoàng Thái phi nói rằng: "Phật không chỉ cứu người, Phật còn trừng trị cái ác".

Hoàng Thái phi ân cần thăm hỏi, hai tay bế hai đứa trẻ, giống như Kim Đồng Ngọc Nữ đang đậu trên tay đức Phật bà từ bi hỉ xả.

Đêm ấy Hoàng Thái phi cho gọi riêng Thị Hoan:

- Người còn nhớ nàng Sen không?

Thị Hoan mặt không còn giọt máu, ấp úng:

- Bẩm Hoàng Thái phi. Con nhớ ạ.

- Thế thì tốt. Mong một vừa rồi, ta nằm mơ thấy nàng. Nàng quỳ dưới chân ta nhờ ta giải nỗi oan tình. Nàng bảo nàng bị người ta sát hại, chứ con gái đồng chiêm lặn ngụp như rái cá làm sao lại bị mấy cái ngó sen kia quần chết. Nàng còn chỉ cho ta ai là thủ phạm. Như người đã biết đấy, ta đâu muốn làm to chuyện, nhưng đã đến nước này cũng phải trừng trị một vài kẻ chủ mưu lạm sát.

Thị Hoan gục xuống dưới chân Hoàng Thái phi:

- Con không biết. Quả thật là con không biết gì về cái chết của nàng Sen. Con chỉ nghe nói hôm ấy nước hồ về đầy, nàng Sen lại vui quá chén, nên hình như bị chuột rút. Xin Hoàng Thái phi đền giời soi xét.

- Ta biết, người sợ ai. Nhưng người há lại không biết con ruột ta đang là Hoàng thượng, nhất nhất đều nghe lời ta răn dạy. Người há không biết xảo quyết như Dương Văn Tỷ còn bị ta lôi ra ánh sáng, kiêu dũng như tướng cướp Lâm Thành Quân còn bị ta thuyết phục hoàn lương. Bây giờ ta hỏi thật: Người sợ ta hay sợ người ấy?

Nhà trong, hai đứa trẻ u ơ, rồi khóc ré lên đòi mẹ. Thị Hoan hiểu rằng tiếng khóc ấy sẽ vĩnh viễn tan biến vào cõi hư vô cùng với cả cái gia đình đang ấm êm hạnh phúc này, nếu như ả cố tình...

Sáng hôm sau Hoàng Thái phi hồi triều. Trong ngực bà có tờ khai tử mỹ về vụ án nàng Sen. Thị Hoan một đêm mất ngủ. Nhưng bù lại ả còn tất cả những gì ả đang có lại được thêm bao nhiêu bạc vàng, lụa là, gấm vóc.

Cũng sáng hôm ấy, mười người khác do Hoàng Thái phi cử đi đã có chín người trở về với chín tờ cung khai y hệt những gì Thị Hoan đã viết. Sấm tối người cuối cùng cũng trở về. Ông ta nói cái ả Phạm Thị nghèo rớt mùng tơi cứ ương bướng khăng khăng bảo là không biết gì, nhất định không viết, còn dọa sẽ uống thuốc độc tự tử nếu như cứ cố tình cưỡng ép. Hoàng Thái phi khẽ thở dài, cho triệu Thái uý Lý Thường Kiệt. Hoàng Thái phi hỏi:

- Thái úy có đoán được ta cho mời ông là có việc gì không?

Lý Thường Kiệt hiểu ngay rằng Hoàng Thái phi sẽ tiến hành một cuộc đảo chính không gươm giáo, rằng Hoàng Thái phi đang cần sự ủng hộ của mình, cũng như của toàn giới võ quan, của tất cả quân đội. Lý Thường Kiệt trước sau vẫn đứng về phía các võ quan và phái trẻ. Ông cho rằng chỉ có Hoàng Thái phi mới đủ tài năng đức độ, đưa đất nước vượt qua thời khắc đau thương sóng gió này. Nhưng Thái sư là quan đầu triều, ý của Thái sư lúc này khác gì ý chỉ của đức Vua. Lý Thường Kiệt biết rằng Hoàng Thái phi sẽ không bao giờ cam chịu, nhưng sự việc xảy ra sớm thế này thì Thái úy cũng chưa lường đến.

Không để Thái úy trả lời, Hoàng Thái phi hỏi tiếp.

- Ông thấy Thái sư thế nào?

- Bẩm. Thần thấy Thái sư là người thông lâu kinh sử, có tài kinh bang tế thế, trung thực và tận tâm.

- Thông lâu kinh sử, có tài kinh bang tế thế thì đã đành rồi, vì không thế làm sao Tiên đế lại chọn ông ta làm Thái sư. Còn trung thực và tận tâm ư? Thái úy thử nói xem: Ông ấy trung thực với ai, tận tâm với ai?

- Bẩm...

- Chắc ông muốn nói Thái sư trung thành và tận tâm với sơn hà xã tắc và Hoàng thượng chứ gì? Nhưng ta hỏi ông: Nếu trung thành với sơn hà xã tắc sao ông ấy dám mang giang sơn này trao vào tay người đàn bà mà ông ta thừa biết là không có tài cán gì? Nếu trung thành với Hoàng thượng vì sao một chuyện động đình như tái dụng một tên tham quan ô lại như tên Dương Văn Tý mà ông ta không báo cho Hoàng thượng? Đây là chưa kể năm Quý Mão, người cung phi mà đức Tiên đế vô cùng sủng ái tên là Biện Thị Sen sinh ra nơi thôn dã, bơi lội lặn ngụp giỏi như rái cá lại chết đuối vì vướng mấy cái ngó sen. Đến nay ta đã có trong tay đầy đủ chứng cứ đó là một vụ mưu sát. Trung thành với Hoàng thượng vì sao Thái sư lại làm ngơ?

Thái úy Lý Thường Kiệt giật mình ngơ ngác. Hoàng Thái phi biết Lý Thường Kiệt chưa tin bèn đem mười bản tự thú của mười cung nữ đặt trước mặt ông. Lý Thường Kiệt đọc kỹ từng bản, kinh ngạc vì những lời khai hết sức giống nhau, nhưng rõ ràng là chữ của mười người con gái khác nhau. Để Thái úy xem thật kỹ, Thái phi mới nói:

- Kẻ chủ mưu sát hại nàng Sen là ai Thái úy đã rõ. Dương Văn Tý dây mơ rễ má thế nào, Thái úy cũng đã rõ. Hành động đó theo Thái úy đã coi là tiếm quyền được chưa?

Lý Thường Kiệt lại giật thót mình. Nếu đã là tiếm quyền thì tránh sao tội chết? Dương Thái hậu đã đành, còn Thái sư, một nhân tài đất nước, một con người trung thực, thẳng thắn. Không lẽ...

Thấy Thái úy có vẻ chần chừ, Hoàng Thái phi hạ giọng:

- Ai cũng ca ngợi Thái sư là trung thực, kể cả ông. Nhưng Thái úy có thể ngờ rằng Thái sư lại là người rất coi thường ông. Ông ta tự hào về tài học rộng, thông lâu kinh sử của mình khinh thường các quan thái giám mà ông ta cho là những kẻ cầu vinh chỉ bằng cách cận kề, nịnh hót đức Vua.

Lý Thường Kiệt ngồi im suy nghĩ. Đúng là có khá nhiều các quan thái giám chuyên cận kề, nịnh hót nhà Vua để vinh thân phì gia. Nhưng với ông lại hoàn toàn khác. Ông đã hy sinh hạnh phúc của mình để phục vụ đức Vua, đã lập bao võ công hiển hách. Không ai có thể đồng lòng với những thái giám khác. Ông tin là quan Thái sư không thế. Khi cần đạt được mục đích, người ta đâu có bỏ qua thủ đoạn gì. Bằng mọi cách ông phải cứu bằng được Thái sư, kể cả vì thế mà ông không còn được tin dùng như cũ.

Hình như đọc được ý nghĩ của Thái úy, Hoàng Thái phi dầm thắm nói:

- Chỗ ta với ông, ta không giấu điều gì. Tội của họ trời đất không thể dung tha. Nhưng Thái úy biết đấy, ta đâu phải người vô tâm. Ta biết Thái sư có nhiều công lao xây đắp vương triều, ta có ý định sẽ biếm ông ta ra khỏi kinh thành, còn Hoàng Thái Hậu thì không thể. Ông có ủng hộ ta không?

Lý Thường Kiệt thở phào. Chỉ cần cứu được Thái sư, còn mọi việc sẽ từ từ định liệu, Thái úy khẳng khái trả lời:

- Thần lúc nào cũng đứng về phía Hoàng thượng và Hoàng Thái phi. Nhưng việc gì cũng phải công minh chính đại, danh có chính thì ngôn mới thuận. Nếu không thần e nội bộ Đại Việt ta sẽ bị chia rẽ và đó chính là điều kẻ thù đang mong đợi.

- Thái úy yên tâm. Miễn là Thái úy ủng hộ ta. Ta đã có kế sách vẹn toàn. Dân nhất định sẽ giàu, nước nhất định sẽ mạnh, giặc Tống liều lĩnh xâm phạm Đại Việt nhất định sẽ bị đánh tơi bời.

*

Một mùa hè oi bức sắp đến. Các quan uể oải bước những bước chậm chạp về điện Thiên An. Trời như sắp có bão dông. Tâm trạng mỗi người cũng đang âm ỷ những cơn dông bão.

Lý Nhân Tông đến sớm, ngồi sẵn trên ngai vàng, mặt cúi gằm như đang ngủ gật. Lý Đạo Thành im lặng nhìn nhà Vua, nhìn bức màn ngũ hổ đang chấp chờn bóng người đàn bà khi ẩn khi hiện như thể bóng ma. Lý Thường Kiệt cúi xuống quỳ võ kinh dày cộm, đôi mắt lơ đãng nhìn mãi vào trang sách.

Chờ cho đông đủ, các quan mới quỳ xuống tung hô:

- Hoàng thượng vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

- Hoàng Thái Hậu thiên tuế, thiên tuế, thiên thiên tuế!

Lý Nhân Tông vẫn ngồi im. Trong rèm Hoàng Thái Hậu nhắc:

- Các quan đã thi lễ, Hoàng thượng mau cho các quan bình thân.

Lúc đó Lý Nhân Tông mới uể oải ngẩng đầu lên:

- Các khanh hãy bình thân. Cho mời Hoàng Thái phi.

Hoàng Thái phi vào điện. Các quan tung hô. Hoàng Thái phi đi thẳng lên ngai vàng, ngồi xuống bên cạnh nhà Vua. Các quan kinh ngạc đưa mắt nhìn nhau. Lý Nhân Tông lên tiếng:

- Buổi thiết triều hôm nay, trẫm sẽ cho bá quan văn võ rõ hai tin quan trọng:

Một là: Vụ án sát hại cung nữ Biện Thị Sen năm Quý Mão đã tìm ra thủ phạm.

Hai là: Việc tên Dương Văn Tý được tái dụng đưa vào nội cung làm việc đã khiến bá quan văn võ bất bình, thần dân phẫn uất. Việc này cũng chứng tỏ đã có một số người coi khinh trẫm trẻ con, âm mưu tiếm quyền nhiếp chính. Các khanh hãy nghe bộ hình trình bày kỹ lưỡng.

Quan Thượng thư phụ trách bộ hình đưa ra những nhân chứng, vật chứng đầy đủ chính xác khiến Hoàng Thái Hậu và Thái sư không còn điều gì biện hộ và kết luận:

- Hoàng Thái Hậu Dương Thị khi còn là Hoàng hậu chỉ vì ghen tuông, coi mạng người như cỏ rác, đã chủ mưu cùng bảy mươi hai thị tỳ giết hại cung nữ Biện Thị Sen. "Sát nhân giả tử", tội ác

này không thể dung tha. Khi lĩnh trách nhiệm là Hoàng Thái Hậu buông rèm nhiếp chính lại vì lợi riêng, bất chấp hình luật đưa cháu ruột là tên Dương Văn Tỷ tham tàn, độc ác, bất nhân bất nghĩa vào nội cung tăng thêm vây cánh, coi thường Hoàng thượng, cố ý tiếm quyền. Tội khi quân đáng phải chu di tam tộc.

Nay bộ hình chiếu theo hình thư xử Dương Thị phải chém đầu. Nhưng xét chữ tình và tấm lòng của bà công chúa Hoàng thượng gia ân tha cho tội chết, đẩy vào lãnh cung vĩnh viễn. Bảy mươi hai thị tỳ phải tuần tiết xuống hầu hạ Đức Thánh Tông. Tên Dương Văn Tỷ dõng trên lừa dưới, cây thế làm càn, gây bao phần nộ phải chịu tội Thượng mộc lư.

Thái sư Lý Đạo Thành đứng đầu bá quan văn võ, đã không làm tròn chức trách, đáng ra phải chịu chung án như Dương Thị, nhưng vì tuổi đã cao, lại có nhiều công trạng phò giúp Lý triều nên chỉ giáng xuống làm dân thường, cho về quê an trí. Khởi bẩm Hoàng thượng chuẩn tấu.

Lý Nhân Tông đứng dậy, mấy lần hỏi văn võ bá quan. Mọi người đều đứng im không nhúc nhích. Lúc sau Thái uý Lý Thường Kiệt bước ra tâu rằng:

- Thái sư Lý Đạo Thành là người thông lâu kinh sử, có tài kinh bang tế thế, lại trung thực, tận tâm, chỉ vì quá tin người, công việc lại bề bộn không để mắt hết mọi việc nên có sai sót. Nhưng đất nước đang thiếu hiền tài, thần dân cũng có lòng kính yêu. Dám xin Hoàng thượng chỉ giáng chức biếm Thái sư ra khỏi kinh thành, lấy công chuộc tội, như thế trọn vẹn cả mọi đường. Mong Hoàng thượng minh xét.

Lý Nhân Tông gật đầu, rồi phán:

- Trẫm chuẩn tấu lời Thái uý: Giáng Thái sư xuống Gián nghị đại phu, đưa vào Nghệ An làm Tri phủ, gắng sức lấy công mà chuộc tội. Trẫm chuẩn tấu bản nghị án của bộ hình.

Lập tức Dương Thị bị lôi ra khỏi cung. Khi đi ngang qua Hoàng Thái phi, bà đã cắn đầu lưỡi nhổ một bãi máu đỏ lôm vào giữa mặt ý Lan. Lý Nhân Tông đứng phắt dậy định hô đao phủ hành quyết, nhưng ý Lan đã kéo vua ngồi xuống, khẽ hát hàm ra hiệu cho Ngự long quân đưa phạm nhân đi.

Lý Đạo Thành quỳ xuống tạ ơn vua, tạ ơn Hoàng Thái phi định xin phép ra về, nhưng Hoàng thượng đã ngăn lại:

- Khoan. Trẫm còn nhỏ dại, phải có người đức độ tài ba phụ chính. Nay trẫm tôn Hoàng Thái phi lên làm Hoàng Thái Hậu buông rèm nghe chính sự, Thái uý Lý Thường Kiệt sẽ giúp trẫm phụ chính.

*

Thế là cuộc tranh đoạt quyền lực giữa hai người đàn bà, phần thắng đã ngã về phía ý Lan. Nhưng bà không vui. Ban ngày bận bịu trăm công ngàn việc, bà dốc sức lo cho dân giàu, nước mạnh, lo xây dựng quân đội sẵn sàng bước vào cuộc chiến tranh chống Tống mà bà cho rằng sẽ không còn cách nào tránh khỏi. Ban đêm, chìm trong u tịch, bà lại tự vấn lòng mình. Bà gơ tay vuốt mặt. Vết máu Dương Thái hậu nhổ vào như vẫn đỏ lôm cả đôi bàn tay búp măng trắng trẻo. Liệu ta xử Dương Thị thế có quá đáng không? Cái chết của nàng Sen quả thật gây ra nhiều điều ngò vức, ngay Đức Thánh Tông khi còn sống cũng đã hết sức nghi ngờ. Nhưng nếu nàng Sen bị cảm mạo bất thường hay gặp điều gì bất khả kháng mà chết đuối thật thì sao? Thiếu gì những chuyện mọi chứng cứ như đã rõ ràng rành rành mà sự thật phải đâu như thế. Những vụ phá án của Bao Thanh Thiên bên Tống quốc chả là những bằng chứng cụ thể hay sao? Còn chuyện thăng cháu ruột bà ta, có phải bà ta đưa lên hay là người khác? ời, đau đầu quá. Ai bảo bà ta không biết lượng sức mình. Dầu có chỗ nào oan uổng thì bà ta cũng phải cắn răng mà chịu. Bởi có như thế ta mới giành được vị trí giúp con ta, mới giữ được cơ đồ nhà Lý. Việc ta làm dầu có trái với những điều Phật răn dạy thì cũng là vì sự an bình của thần dân Đại Việt.

Hoàng Thái Hậu không dứt khỏi những day dứt, giằng xé. Nhiều đêm Người mất ngủ. Rồi một hôm Hoàng Thái Hậu quyết định tới lãnh cung thăm người đàn bà thù địch.

Lãnh cung bây giờ âm u như một dãy nhà mồ không như cái lãnh cung của bảy năm về trước. Bước chân dù khẽ khàng đến mấy cũng âm vang như bước chân quỷ sứ. Một toà nhà hình ốc mốc mác, thấp tẹt, nửa nổi nửa chìm khiến ta liên tưởng đến những ngôi mộ ngoài bãi tha ma. Ngôi nhà chỉ có một cửa duy nhất vào ra. Khi người lính gác mở cánh cửa bằng sắt, mùi uế khí nồng nặc sặc ra, phải bản lĩnh lắm Hoàng Thái Hậu mới không bị ộc ra oé mửa. Một lối đi ngoằn ngoèo hun hút dẫn vào căn phòng nhỏ hẹp kín mít, leo lét đĩa đèn dầu lạc sắp tàn, bốc khói nghi ngút. Dương Thị nằm co quắp trên nền đá lạnh. Đôi mắt bà ta nhắm nghiền, đôi môi cắn chặt nứt nẻ. Nếu trút bỏ những mảnh vải tả tơi bám vào thân thể, người ta sẽ ngỡ đó là bộ xương một con thú lạ.

Hoàng Thái Hậu kinh hoàng, quay người chạy ra khỏi toà nhà. Cánh cửa sắt nặng nề không kịp mở khiến Hoàng Thái Hậu đâm sầm vào, mặt mày xây xẩm. Hoàng Thái Hậu cho gọi viên quan cai quản lãnh cung, hỏi:

- Sao các người lại để bà ta như thế?

- Dạ. Bẩm Hoàng Thái Hậu. Đó là chúng con làm theo lệnh của bộ hình. Vả lại đã là lãnh cung thì ở đâu cũng đều như thế.

Hoàng Thái Hậu vô cùng thương xót Dương Thị. Thật ra bà đâu có ghét bỏ gì con người ấy. Bà ghét là ghét cái việc Dương Thị dám ngang nhiên chiếm đoạt vị trí của bà. Giờ đây vị trí ấy đã vững vàng bà còn chấp làm gì. Bà đâu muốn sát hại ai. Bà chỉ gạt ra rìa những ngáng trở trên con đường công danh sự nghiệp. Bây giờ những ngáng trở ấy đã hết, đối thủ của bà đã thất bại thảm hại, bà phải cứu bằng được Dương Thị. Bà không chỉ là Hoàng Thái Hậu, bà còn là một tín đồ trung thành của đức Phật tổ từ bi.

Hoàng Thái Hậu lệnh cho bộ hình đưa Dương Thị về cung Thúy Hoa phục thuốc, cho phép ba công chúa đến túc trực ngày đêm. Nhưng than ôi, người ta có thể chữa được bệnh chứ làm sao thay được mệnh; có thể chữa được bệnh trên cơ thể, nhưng làm sao chữa được bệnh âm ỉ trong tâm. Dẫu sao những ngày nằm ở điện Thúy Hoa, Dương Thị cũng dần dần trở lại thành người. Phút Dương Thị lâm chung, Hoàng Thái Hậu đặt tay lên trán người sắp chết, nói những lời gan ruột:

- Chị. Em biết em có lỗi với chị. Nhưng không phải em ghen tuông ghét bỏ mà em cũng vì xã tắc sơn hà, vì cơ nghiệp muôn đời nhà Lý. Chị hãy tha lỗi cho em.

Dương Thị bừng tỉnh, hất mạnh tay ỷ lan. Nhưng rồi từ khoé mắt trũng sâu, chảy ròng ròng đôi hàng huyết lệ. Bà lần mò tìm tay Hoàng Thái Hậu, cố mỉm một nụ cười, rồi khe khẽ thốt lên:

- Em!

Đầu bà ngoẹo sang một bên. Bà trút hơi thở cuối cùng. Hoàng Thái Hậu nấc lên, quỳ xuống, nâng bàn tay bà đặt vào nơi trái tim đang thổn thức, rồi đọc một bài kệ rằng:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

(Thân như bóng chớp có rồi không

Cây cỏ xuân tươi, thu héo hon

Theo vận thịnh suy không sợ hãi

Thịnh suy đầu cỏ tựa phơi sương).

Đó là ngày Canh Dần, tháng sáu năm Quý Sửu. Hoàng Thái Hậu ra lệnh để quốc tang, an táng theo nghi lễ Hoàng tộc.

X

Bước sang năm Giáp Dần niên hiệu Thái Ninh, tình hình biên giới Đại Việt vô cùng phức tạp. Phía Nam quân Chiêm Thành nghe theo lời xúi giục của nhà Tống liên tục đem quân đánh phá ba châu Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý. Quân Chân Lạp cũng theo đuôi cho chiến thuyền xâm nhập vùng Châu Hoan, Châu Ái, cướp của giết người. Phía Bắc, triều đình nhà Tống giao cho Thẩm Khởi, Lưu Di chiêu tập thổ binh đóng thuyền bè, dạy thủy trận, lại cấm không cho buôn bán với người Đại Việt. Mưu đồ xâm lược đã quá rõ ràng.

Trong nước, nhờ những biện pháp đúng đắn, tảo bạo của Hoàng Thái Hậu mà dân an cư lạc nghiệp, đất nước yên ổn thanh bình. Quân đội tuyển dụng được nhiều tướng tài, tăng cường quân số và trang bị thêm nhiều các loại binh khí mới lạ. Ngoài năm loại quân chính quy, triều đình còn cho phép các phủ, các châu, các hương tổ chức các loại thổ binh, dân binh. Có thể nói mỗi người dân Đại Việt đã trở thành những người lính sẵn sàng chiến đấu tới cùng vì sự tồn vong của giang sơn xã tắc. Nhưng Đại Việt vẫn thiếu những người thật sự tài năng để thực thi quốc sách.

Đứng trước tình hình ấy, cả Hoàng Thái Hậu và Thái uý Lý Thường Kiệt đều nghĩ tới một con người. Đó là Giám nghị đại phu Lý Đạo Thành. Đối với Lý Đạo Thành, Thái uý vẫn rất khâm phục cả về tài năng, đức độ. Nhưng cái tin ông ta khinh thường các quan thái giám, trong đó có cả Lý Thường Kiệt là thực hay hư? Vả lại khi ông ta bị huyền chức, biếm ra khỏi kinh thành, Lý Thường Kiệt lại là người thay thế đứng đầu triều chính, làm sao tránh khỏi sự hiểu lầm? Nhưng ngoài ông ta thì ai là người có khả năng điều hành nội quốc để ông rảnh tay đối phó với giặc ngoại xâm? Ông điểm lại tất cả bá quan văn võ, ngồi cả đêm viết tên từng người, liệt kê những cái hay cái dở của họ mà không tài nào có thể chọn ra một người ưng ý. Ông rút ra kết luận: Trừ Lý Đạo Thành, ông không thể yên tâm bỏ mặc bên trong mà đối phó với bên ngoài. Ông quyết định sẽ tâu với Hoàng thượng, Hoàng Thái Hậu xin được khởi dụng Lý Đạo Thành. Ông chỉ lo Hoàng Thái Hậu chưa nguôi mối hận thù năm xưa; khó mà chấp nhận.

Còn Hoàng Thái Hậu. Trong Hoàng tộc thì Lý Đạo Thành là Hoàng thúc. Hoàng Thái Hậu không những rất tôn kính ông mà còn hết sức khâm phục một con người có nhân cách lớn, sống vị tha như thần Phật, văn tài thì độc nhất vô nhị. Hoàng Thái Hậu biết rõ ở bản phủ trong cái xứ Nghệ An xa xôi ông đã lập viện Đại tạng, đặt thần vị Lý Thánh Tông, đêm ngày thờ cúng. Hoàng Thái Hậu không bao giờ nghi ngờ lòng trung thành và tính trung thực của ông. Bà rất hối hận khi nói những điều không đúng về ông với Thái uý Lý Thường Kiệt. Đó chẳng qua chỉ là một thủ đoạn, thủ đoạn của những ai muốn giành quyền bính. Bà cũng thừa biết ông không tin tưởng, ngưỡng mộ gì Hoàng hậu Thượng Dương và cũng không có ý định lợi dụng sự ngu dốt của bà ta để đoạt lấy chức quyền. Nhưng ông không thoát ra khỏi những lề luật ràng buộc từ xưa. Bà hy vọng thực tế hơn một năm qua đã làm ông tỉnh ngộ.

Cũng như Lý Thường Kiệt. Hoàng Thái Hậu biết rằng cuộc chiến tranh Tống - Việt sẽ không có cách gì tránh khỏi. Lý Thường Kiệt nhất định phải được rảnh tay lo đối phó với nguy cơ quyết định sự sống còn của vương triều, của quốc gia Đại Việt. Muốn vậy nhất thiết phải có một người tài ba thao lược, đức cao vọng trọng lo nội quốc, lo cung cấp hậu cần để quân đội yên tâm đánh giặc. Người ấy chỉ có thể là Lý Đạo Thành. Ngày mai bà sẽ bàn với Hoàng thượng quyết đáp vấn đề này.

Nhưng... Bà nghĩ lại. Việc này không thể đưa ra trước văn võ bá quan, bởi bà thừa biết có ai dám tự nhận mình yếu kém? Có ai lại từ bỏ danh vọng, ngôi cao dù rằng họ tự biết mình không thể đảm đương công việc? Bà lo ngại nhất là những người trong Hoàng tộc, những kẻ con ông cháu cha bất tài thiếu đức nhưng đa quyền, lắm kim ngân, nhiều mảnh lới. Cũng như lần lật đổ Thượng Dương, trước hết bà cần sự ủng hộ của quan Thái uý. Liệu cái ông thái giám này có còn nhớ những lời bà nói năm xưa? Liệu ông ấy có hiểu lòng bà mà trọng dụng một nhân tài kiệt xuất?

Ngày hôm sau Hoàng Thái Hậu cho mời Thái úy tới phòng cơ mật. Sau khi nhận định tình hình đất nước và sự cấp thiết phải tìm cho được một người có tài kinh bang tế thế, bà nói:

- Thôi. Ta với khanh đã hao tâm tổn lực mà vẫn không tìm được người xứng đáng. Ta biết khanh đang nghĩ tới một người, nhưng e ta chưa chịu nghe. Ngược lại, ta cũng đang nghĩ tới một người nhưng cũng sợ khanh phản đối. Vậy, tốt nhất là ta và khanh cùng viết tên người cùng đề cử ra giấy. Nếu hợp nhau thì coi như việc trọng sự đã được giải quyết. Nếu không ta sẽ đưa ra triều đình đề cử.

Lý Thường Kiệt thầm cảm phục cách giải quyết sáng suốt tế nhị của Hoàng Thái Hậu. Ông nắn nét viết năm chữ "Thái Sư Lý Đạo Thành". Còn Hoàng Thái Hậu cũng nghiêm trang viết ba chữ: "Lý Đạo Thành". Khi so hai tờ giấy Lý Thường Kiệt phấn chấn cười lên ha hả, còn Hoàng Thái Hậu thì khen rằng:

- Ta mới biết khanh là vị tướng tài, bách chiến, bách thắng, hết lòng vì dân vì nước. Hôm nay ta lại biết thêm khanh còn là người có tấm lòng độ lượng, nhân từ. Nhưng... Hoàng Thái Hậu nghiêm nghị - Khởi dụng Lý Đạo Thành là ý của cả ta và khanh. Nhưng không thể giao cho ông ta chức Thái sư như cũ mà chỉ có thể giao cho ông ta chức Thái phó bình chương quân quốc trọng sự. Khanh vẫn phải là người đứng mũi chịu sào, đứng đầu bá quan văn võ.

Lý Thường Kiệt cảm động lắm. Ông im lặng tuân chỉ.

Sau đó Lý Đạo Thành được điều về triều. Ông quỳ xuống tạ ơn vua, tạ ơn Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu mỉm cười dắt tay ông đến trước mặt Lý Thường Kiệt, nói:

- Đây mới là người khanh phải tạ ơn! - Và vui vẻ kể cho bá quan văn võ nghe chuyện viết tên đề cử, rồi trao cho quan Thái phó cả hai tờ giấy có bút tích của hai người. Sau đó Hoàng Thái Hậu thân mật hỏi Thái phó - Thái úy đề cử khanh giữ chức Thái sư, nhưng ta lại chỉ để khanh giữ chức Thái phó. Khanh thấy có hợp tình hợp lý không?

Lý Đạo Thành cảm phục về sự thẳng thắn của Hoàng Thái Hậu. Ông quỳ xuống:

- Nếu Hoàng thượng cứ quyết hỏi chức Thái sư cho thần, thần cũng không bao giờ dám nhận. Bởi hơn một năm qua thần đã nhìn thấy cái chưa phải, cái thiếu cần, kém cỏi của mình. Vả lại Thái úy là người đức cao như núi, tài rộng như biển, xứng đáng ở ngôi Tế tướng hơn nhiều. Xin Hoàng Thái Hậu chớ băn khoăn.

Hoàng Thái Hậu thở phào.

Năm sau Thái phó đã cùng triều đình mở khoa thi Minh Kinh bác học chọn được mười hai người thực tài đứng đầu là Lê Văn Thịnh. Tiếp đó lại mở cuộc thi võ học kén chọn cho triều đình hàng trăm tướng tài, hàng ngàn chiến binh ưu tú. Hoàng Thái Hậu lại khéo léo mời được thầy Ngô ẩn, người mà được thiên hạ coi như Phụng Long, Phượng Sồ thời Tam Quốc.

Thế là Đại Việt không những có được hai trụ cột vững vàng, đứng đầu văn võ mà còn có bao nhiêu nhân tài kiệt xuất đầu lộ diện, quyết chí đem hết tài năng, sức lực vì sự tồn vong của đất nước.

Hoàng Thái Hậu tin rằng dù giặc Tống có gian ngoan xảo quyết, có lực lượng quân đội đông gấp mấy chục lần quân đội Đại Việt với những tên tướng khét tiếng tàn bạo, dạn dày trận mạc, nếu cố tình xua quân sang xâm lược, nhất định sẽ bị quân dân ta đánh cho tơi tả, nhớ đời.

*

Quả đúng như nhận định của bá quan văn võ, quân Tống đã tập trung một lực lượng quân đội hùng mạnh ở ba châu Ung, Khâm, Liêm để chuẩn bị tiến hành cuộc xâm lăng Đại Việt. Thực

hiện chiến lược "Tiên phát chế nhân", quân ta dưới sự chỉ huy kiệt xuất của tướng quân Lý Thường Kiệt đã chủ động tiến quân tiêu diệt toàn bộ căn cứ tập kết của địch. Tổng Thần Tông, Vương An Thạch và triều đình nhà Tống cay cú rút tên nguyên soái Quách Quỳ ở mặt trận phía Bắc về làm Bình Nam Đại nguyên soái quyết xâm chiếm bằng được Đại Việt. Ý đồ đó đều nằm trong nhận định của ta.

Quân Đại Việt khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt trên tất cả các mặt trận, sẵn sàng chờ đón quân địch. Một loạt tuyến phòng thủ dựa vào những dãy núi, những dòng sông chạy theo vòng cung từ tây sang đông, được nhanh chóng thiết lập. Đặc biệt quan trọng là phòng tuyến trên sông Nguyệt Đức, Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh được giao nhiệm vụ tổ chức tuyến phòng ngự này.

Đúng như nhận định của Thái úy, sông Nguyệt Đức tuy dài, nhưng phía hạ lưu có dãy Nham Biền hiểm trở án ngữ, phòng tuyến chính chỉ kéo dài trên đoạn sông Như Nguyệt từ chân núi Đuối đến bến đò Chúc Tay. Ở đoạn sông này, phía bờ nam Thị lang cho coi đê lên cao, bên trong đắp đất trồng cỏ thoai thoải, tiến thoái đều tiện, bên ngoài kè đá dựng đứng. Từ đê tới bờ sông được trồng dày đặc những bụi tre gai. Trên sông, chỗ sâu thì thả rồng tre, chỗ nông thì cắm cọc lim, cọc tre đều bịt sắt nhọn. Thủy binh do hai hoàng tử Hoàng Chân và Chiêu Văn lập căn cứ ở bến Vạn Xuân, có thể xuôi chiến thuyền đánh ra biển, chặn viện binh địch, cũng có thể ngược sông Thiên Đức, Nguyệt Đức, Nhật Đức, Minh Đức đánh quân bộ trong đất liền. Trên các mỏm cao Thị lang cho đào hầm lớn chứa binh khí, quân lương và đặt liên hoàn nổ, máy bắn đá. Các đội nữ binh, bạch đầu quân và các cháu thiếu nhi cũng lập các đội quân tý hon có cái tên rất dân dã mà đầy ý nghĩa. Đó là những đội măng non được trang bị cung tên, mã tấu. Nhiệm vụ chính của các cháu là truyền tin, phát cờ hiệu và nổi trống mõ uy hiếp kẻ địch.

Hoàng Thái Hậu rất hài lòng về công việc của Thị lang, nhưng bà vẫn thấy không yên tâm. Bà muốn tận mắt nhìn thấy sự chuẩn bị đầy đủ, chu đáo của thần dân và cũng muốn có dịp được cùng mọi người trò chuyện, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của tướng sĩ, của dân hai bờ Nguyệt Đức.

Cuối tháng mười năm ấy bà quyết định cùng Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh và nữ tướng Quách Kim Nguyệt làm một cuộc tổng kiểm tra phòng tuyến trên sông Như Nguyệt.

Trước tiên bà cho vượt sông sang bờ bắc. Nhìn những căn nhà trơ trọi, sạch bách, không đồ vật, không của cải, làng xóm không một bóng người, cánh đồng trơ gốc rạ, Hoàng Thái Hậu biết nhân dân bờ bắc đã triệt để thực hiện vườn không nhà trống, diệt mọi nguồn lương thảo, không để rơi vào tay địch. Hoàng Thái Hậu đã tận mắt thấy những căn cứ của những đội du binh có thể dễ dàng tiến đánh mà cũng có thể thuận lợi rút lui bảo toàn lực lượng.

Tới chân núi Đuối, Hoàng Thái Hậu gặp một đội thổ binh cầm trên tay những chiếc gậy tre khúc đen khúc vàng rất đẹp. Bà hỏi:

- Sao các ngươi không dùng kiếm cung giáo mác, mà lại dùng thứ gậy tre này? Gậy tre thì đấu làm sao được với kiếm sắc, thương nhọn của giặc Tống?

Một người có vẻ là đội trưởng bước ra tâu:

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Đây là những cây gậy ở đất Xuân Lai bên Gia Định. Dân ở đấy có nghề uốn gậy. Họ đã chọn những cây tre đực lâu năm, rắn chắc như gỗ lim, dùng lửa hơi nóng uốn cho thẳng bằng như kẻ chỉ, lại dùng khói hun đốt để chống mối mọt, hai đầu bịt sắt nhọn. Tuy là tre nhưng có thể chống với bất kỳ loại binh khí nào của địch.

- Ta không tin. Nghe nói kiếm của giặc Tống chém sắt như chém bùn, làm sao chiếc gậy tre chỉ bằng cổ tay chọi nổi?

- Bẩm Hoàng Thái Hậu. Nếu không tin, chúng con xin biểu diễn Người xem.

Lập tức một chiếc trống lớn được khiêng ra. Hai thổ binh một người mang gậy, một người mang thanh kiếm sáng loáng bước ra. Tiếng trống giục đồ hồi, chuyển ba tiếng một, rồi bỗng gõ vào tang "cắc, cắc, cắc". Hai thổ binh cúi chào Hoàng Thái Hậu rồi múa kiếm, múa gậy bài tổ. Bốn mắt nhìn nhau đang định xông vào giao đấu. Hoàng Thái Hậu giơ tay ra hiệu dừng lại.

- Khoan. Dao kiếm vô tình. Các người giao đấu thế này nguy hiểm lắm. Lúc này khi trận chiến chưa xảy ra, không ai được phép sơ suất. Chẳng may một chiến binh, một người dân Đại Việt có hề hấn gì, không tham gia chiến đấu chống quân xâm lược là chúng ta sẽ mang tội với tổ tông, với non sông đất nước.

Nói rồi Hoàng Thái Hậu bảo hai người lính Ngự long quân cởi giáp trụ đưa cho hai thổ binh. Mọi người đều cảm động, càng thêm yêu quý, kính trọng vị Quan Âm nữ tại thế của mình.

Mọi thủ tục được làm lại từ đầu. Sau ba tiếng cắc, hai thổ binh lao vào. Đường kiếm sáng loáng khi gạt ngang, chém xuống, khi đâm tới nhanh như những tia chớp. Cây gậy Xuân Lai réo ù ù tạo một vòng tròn kín mít, bao bọc người chiến binh. Những cú bổ thương lún đất, những đòn quét chọt tung từng mảng đất bay rào rào, đã áp đảo đối phương. Hai đối thủ xoắn lấy nhau, ăn miếng trả miếng, dũng mãnh như hổ báo, mưu trí, liều lĩnh như hai địch thủ thực sự. Bỗng cây gậy Xuân Lai dừng lại kéo lê trên mặt đất. Thanh kiếm thừa cơ lao tới, chém xuống. Bất ngờ người thổ binh tung chân đá mạnh vào đầu gậy, cây gậy quay tròn xoè ra như chiếc quạt sáng loáng quạt ngang thanh kiếm, đánh bật thanh kiếm khỏi tay người thổ binh kia. Cả hai rút chân về thủ thế, nghiêm trang cúi chào Hoàng Thái Hậu.

Hoàng Thái Hậu vô cùng kinh ngạc nhưng vẫn chưa thật tin. Bà sợ họ đã quá hiểu nhau, giao đấu theo kịch bản, nên khẽ bảo Quách Kim Nguyệt "Con ra đấu thử với họ xem sao. Nhớ là phải thật nường tay". Quách Kim Nguyệt vâng lời bước ra:

- Ai là người giỏi côn quyền nhất ở đây hãy ra giao đấu cùng ta.

Một chàng trai ăn mặc theo kiểu người Nùng, từ tốn bước ra:

- Xin nữ tướng chỉ giáo.

Một cô gái xinh đẹp giống chàng trai như đúc, đôi má bầu bệu ửng hồng, vội chạy ra, kéo tay chàng trai:

- Anh. Anh nhường em chị ấy đi. Em không để cha và anh mất mặt đâu mà sợ.

Chàng trai chần chừ. Quách Kim Nguyệt nghĩ bụng: "Thì ra là hai anh em ruột. Chắc là con nhà nòi", rồi hỏi to "Ai nào?". Cô gái đẩy anh vào, nhanh nhẹn phi thân đến trước mặt Quách Kim Nguyệt, thân pháp hết sức nhẹ nhàng, uyển chuyển.

Quách Kim Nguyệt không rút kiếm khỏi vỏ mà vẫn cầm ngang bao kiếm nhảy tới đánh thử một đốc vào mỏ ác cô gái. Cô gái cong người bật ngược trở lại. Mũi đôi giày vải thổ cắm đá ngang thanh kiếm với một sức mạnh không ngờ, suýt nữa thanh kiếm bật khỏi tay Quách Kim Nguyệt. Quách Kim Nguyệt vội vận nội công, chuyển kiếm qua tay trái. Lúc ấy cô gái hai chân đã chạm đất, vun vút ra đòn bằng cây gậy Xuân Lai. Quách Kim Nguyệt vừa chống đỡ, vừa tấm tắc khen "Giỏi thật! Giỏi thật!". Khi bị cây gậy Xuân Lai áp đảo quá mức. Quách Kim Nguyệt bắt buộc phải rút kiếm. Vừa lúc cây gậy giáng một đòn bổ thương. Quách Kim Nguyệt giơ kiếm lên đỡ. Lưỡi trúc kiếm chém sắt như chém bùn chỉ lún vào nửa cây gậy. Hoàng Thái Hậu ra hiệu dừng trận đấu. Hai cô gái cúi rạp vái chào nhau, rồi không ai bảo ai đều xô lại ôm lấy nhau, khen nhau rồi rít. Quách Kim Nguyệt tâu với Hoàng Thái Hậu: "Quả thật cây gậy Xuân Lai cực kỳ lợi hại, cực kỳ rắn chắc. Trúc kiếm của con mà cũng không chém đứt thì quả là thần diệu". Cô gái cũng không ngờ người đi theo Hoàng Thái Hậu đẹp như tiên sa, mảnh mai như thân liễu mà lại tài giỏi đến thế. Cô thừa biết chị ấy vừa đánh vừa nhường chứ đường kiếm ấy đến anh cô, cha cô chắc cũng không phải là đối thủ. Hoàng Thái Hậu mừng lắm. Với những con người

như thế này thì Đại Việt ta lo gì không đánh tan giặc Tống. Hoàng Thái Hậu trao quà cho đội thổ binh, rồi thân mật nói với họ rằng: "Các người sẽ là những mũi dao từ phía sau thọc vào vết hầu kẻ thù. Muốn là mũi dao, nhất là muốn đâm trúng phải thật sự bí mật, bất ngờ, xuất quỷ nhập thần, chơi mà đánh, đánh mà chơi, đúng như cái tên "du binh" thiên hạ ban tặng. Ta mong chờ chiến công của các người".

Đêm ấy, Hoàng Thái Hậu nghỉ lại ở một ngôi chùa dưới chân núi Đuổm. Bà suy nghĩ miên man. Giá như Đức Thánh Tông còn sống thì giặc Tống đâu dám ngang nhiên phát động chiến tranh, bà đâu phải vất vả lo toan suy nghĩ. Bà mong sao cho Càn Đức mau chóng trưởng thành. Càng nghĩ bà càng thương con. Mới chục tuổi đầu, đang tuổi ăn tuổi chơi mà đã phải lo toan những việc quốc gia đại sự, bị Tống Thần Tông đe dọa, đòi bắt về Tống quốc trị tội. Tội gì? Phải chăng là tội dám đặt Đại Việt ngang hàng cùng Tống quốc? Tội không chịu để vua quan nhà Tống áp đặt những điều chúng muốn? Tội năm ngoái dám đưa binh hùng tướng mạnh sang tận đất "Thiên triều" đánh cho quân "Thiên triều" thất điên bát đảo, phá tan ý đồ xâm lăng Đại Việt. Bà mở mắt nhìn lên tượng đức Phật tổ, thấy những luồng ánh sáng loang loáng lia qua lia lại. Ngoài trời trăng hạ tuần đã mọc, cái luồng ánh sáng kỳ lạ ấy là gì? Hoàng Thái Hậu ngồi dậy nhìn ra phía Tam quan. Ôi, thân hình một người đàn ông lực lưỡng. Những bước chân uyển chuyển, cánh tay rắn chắc đảo qua đảo lại vừa nhanh vừa mạnh, vừa cứng vừa mềm. Hoàng Thái Hậu rón rén bước ra khỏi tòa Tam bảo. Bà đã nhận ra người đàn ông ấy chính là quan Thị lang Bộ binh. Thị lang Bộ binh đã kết thúc bài Mai Hoa kiếm. Chàng dừng lại chốc lát như để tĩnh tâm, như để thưởng ngoạn ánh trăng mờ tỏ trong làn sương đầu mùa gió rét, rồi lại bất ngờ bay lên, đi bài Đảo Sơn đầy kinh lực. Lúc này tất cả sức mạnh của người đàn ông, của một võ sĩ tài ba được Lê Văn Thịnh chuyển vào đường kiếm. Dưới ánh trăng mờ tỏ Hoàng Thái Hậu nhìn rõ những thớ cơ rắn chắc và hình như bà còn ngửi thấy cả mùi mồ hôi quyến rũ, đầy giới tính. Bà bỗng nhớ da diết chồng bà - đức Vua Lý Thánh Tông. Những đêm trăng sáng, cả mùa hè lẫn mùa đông, hề không ngủ được là Người lại dậy đi những bài quyền cước. Bà nhớ những lời nói dịu dàng thấm thiết, những phút giây ái ân cuồng nhiệt. Người bà nóng ran lên. Bà đang ở độ tuổi ngoài ba mươi, cái tuổi đàn bà nhất trong người đàn bà, vừa say mê, đắm thắm, vừa đòi hỏi, hoàn thiện. Đã gần năm năm từ cái đêm bà khuyên đức Vua hãy đến với Hoàng hậu, có ngờ đâu đó lại là phút giây vĩnh viễn bà mất chồng, vĩnh viễn cô đơn chán gối. Giờ đây cái thân thể đàn ông rực lửa, đang vô tình lộ lộ trước mắt bà, bà không thể kìm nén nổi lòng mình. Một thứ ma lực khủng khiếp đang thúc giục bà lao ra ôm lấy cái thân hình ấy. Bà trở lại là người đàn bà như tất cả những người đàn bà trẻ goá bụa. Trái tim bà - không, cái gì đó còn hơn cả trái tim đang nổi loạn, đang đòi hỏi được thỏa mãn như bất cứ một sinh vật nào tạo hoá đã sinh ra.

Hoàng Thái Hậu giơ hai tay bấu víu vào cánh cửa chùa. Bà thấy người mình như đang nở ra, căng cứng. Những tiếng thở dài từ lồng ngực thập thình cứ đua nhau nhả ra, nhả ra những đám sương bằng bạc. Bà lại thấy mình mềm nhũn ra, suýt nữa thì gục ngã. Bà vội vàng quay lại ngược đôi mắt long lanh nhìn lên tượng ông ác, lầm rầm đọc một bài kệ, lầm rầm đọc những câu kinh lộn xộn...

Cùng lúc ấy, bà không ngờ Quách Kim Nguyệt thấy Hoàng Thái Hậu ngồi dậy cũng lập tức bật dậy, tay đặt vào đốc kiếm. Khi thấy Hoàng Thái Hậu bước ra, nàng cũng bước theo, êm nhẹ như một chú mèo. Và những gì Hoàng Thái Hậu chứng kiến không lọt qua đôi mắt đen láy tinh anh của nàng. Ngay từ lúc giao đấu với Lê Văn Thịnh trái tim cô gái mười sáu tuổi đã đập rộn lên. Thanh trúc kiếm mỗi lần chạm vào ống Địch trúc toé lửa, nàng cảm thấy ngọn lửa ấy truyền qua lưỡi kiếm, chạy rần rật trong cơ thể mình. Khi vào trong cung cấm, nàng cảm thấy Hoàng Thái Hậu đang coi nàng như một trái cây đang ương. Bà kín đáo dăm trái cây ấy chờ cho chín sẽ đem dâng tặng một người nào đấy. Nhưng trái tim của nàng đã thuộc về Thị lang. Khi biết Thị lang đã có vợ nàng bàng hoàng đau khổ và bỗng thấy căm ghét. Nhưng lạ thay, nàng càng căm ghét thì tình yêu trong nàng càng lớn hơn, đến mức trái tim nàng không sao chứa nổi...

Bài kiếm Đảo Sơn kết thúc. Thị lang ngồi tư lự trên hòn đá mép hồ. Rồi tiếng Địch bỗng réo rắt cất lên. Hai người đàn bà khi ngẩng mặt nhìn những ngôi sao khuya lấp lánh, nhìn ánh trăng đùa giỡn mặt hồ, khi cúi xuống nhỏ những dòng nước mắt mặn chát, thấy cõi lòng nát tan, đau

đón và thất vọng. Tiếng Địch bỗng chìm như hất tung, xua đuổi hai người đàn bà, lại như vuốt ve, đầm thấm, khiến cả hai rơi vào trạng thái u mê, giãy giụa.

Cũng may vị Yết ma xuất hiện và đằng đông trời đã ứng hồng.

Sáng hôm ấy Hoàng Thái Hậu trở lại bờ nam, lên Thất Diệu sơn - nơi đặt đại bản doanh của tướng quân Lý Thường Kiệt. Hoàng Thái Hậu leo lên đài quan sát nhìn ra bốn phía. Bà bỗng giật mình thấy chiến tuyến chẳng cách xa sơn lăng cấm địa và Cổ Pháp điện là bao. Bà lo rằng nếu không giữ nổi chiến tuyến thì lăng tẩm cố hậu, lăng tẩm các tiên đế làm sao giữ được.

Đứng trước các tướng sĩ trong đại bản doanh, Hoàng Thái Hậu chân thành nói những lời gan ruột:

- Hỡi các tướng sĩ Đại Việt! Hàng ngàn năm trước Đại Việt ta chỉ là những khu rừng mênh mông, những đầm lầy đầy lau sậy, những dòng sông hùng dữ, là nơi trú ngụ của thú dữ, rắn rết, cá sấu, côn trùng. Tổ tiên ta đã đổ bao mồ hôi, nước mắt, máu xương mới có được non sông gấm vóc như ngày nay.

Bọn người phương Bắc tham bạo, cậy thế đông người đã cướp đất nước ta, bắt dân ta phải chịu mấy ngàn năm Bắc thuộc. Nhưng dân ta không chịu khuất phục. Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục và bao nhiêu người con yêu dấu của đất nước đã nổi dậy, đòi quyền tự chủ. Ngô Vương Quyền, Lê Đại Hành... đã đánh cho giặc phương Bắc tơi bời, khiếp đảm. Đến Đức Thái Tổ ta, được thần dân đưa lên thay nhà Lê, đã dời đô từ chỗ tối tăm, chật hẹp, ra nơi "địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng", là nơi "trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi". Đức Thái Tổ khi về hương Cổ Pháp yết lăng Thái hậu đã lập ra khu cấm địa sơn lăng gọi là thọ lăng Thiên Đức, để các tiên đế khi trăm tuổi về an nghỉ. Đến Đức Thái Tông lại cho lập Cổ Pháp điện để thờ cúng Đức Thái Tổ và những vị tiên đế sau này. Đó là những nơi linh thiêng, phát tích triều Lý ta. Cả hai nơi ấy đều ở sát phòng tuyến này. Nếu các tướng sĩ không hết lòng giữ vững phòng tuyến, để giặc Tống tràn qua, là các tướng sĩ đã giao nộp Thái miếu, giao nộp Thăng Long, giao nộp Đại Việt ta cho giặc. Mất Thái miếu, mất kinh thành, mất nước thì cha mẹ, vợ con, người thân của tất cả mọi người, cả ta, cả các tướng sĩ sẽ là những nô tỳ. Các người liệu có cam lòng không?

Hàng ngàn cánh tay giơ cao, hô vang "không. Không để mất phòng tuyến, không để mất nước". Một vị tướng già thay mặt anh em tướng sĩ lên hứa:

- Thà chúng thần chết hết, chứ còn một người cũng quyết bảo vệ phòng tuyến đến cùng. Xin Hoàng Thái Hậu yên lòng.

*

Rời đại bản doanh Hoàng Thái Hậu về hương Cổ Pháp. Dân Cổ Pháp đứng chật ních hai bên đường Thiên Lý đón bà, rước bà về Cổ Pháp điện. Đúng giờ Ngọ hôm ấy, bà khấu đầu trước các vị tiên đế mà khẩn to lên rằng:

- Giặc phương Bắc đang tiến về phương Nam xâm chiếm nước ta, khí thế vô cùng hung bạo. Đại Việt đang đứng trước nguy cơ, Tông miếu nhà Lý đang từng ngày bị uy hiếp. Thần dân Đại Việt quyết đem tất cả tính mạng, của cải, tinh thần, trí tuệ để giữ gìn Tông miếu, giữ gìn non sông gấm vóc. Cúi xin các vị tiên đế linh phù để cháu con có thêm sức mạnh tiêu diệt kẻ thù, để công nghiệp Lý triều, để nước non Đại Việt mãi mãi trường tồn.

Dứt lời, bầu trời bỗng ứng hồng. Trên trời xuất hiện ba đám mây ngũ sắc hình ba con chim lạc quần tụ trên đỉnh điện. Một luồng gió từ phương Nam thoang thoảng mùi trầm ào tới xô dạt những cơn gió bắc đầu mùa. Hàng ngàn người dân phủ Thiên Đức chứng kiến hiện tượng kỳ lạ, linh thiêng, vội quỳ sụp xuống lẩm bẩm những lời thỉnh cầu tha thiết. Hoàng Thái Hậu đốt thêm một bó hương, rồi nói với mọi người rằng:

- Tổ tiên đã linh ứng. Giặc Tống nhất định sẽ bị đánh tơi bời. Hề đã là con dân Đại Việt ai không hết lòng đánh giặc cứu nước, kẻ đó sẽ bị thần linh tru diệt, kẻ đó không phải là con Lạc cháu Hồng.

Hoàng Thái Hậu cùng hàng ngàn người dân làm lễ ăn thề, rồi kéo ra Thọ lăng Thiên Đức thắp những nén hương thành kính. Cả một vùng như chìm vào miền cực lạc, khói sương mờ ảo, ngào ngạt hương thơm.

XI

Giặc Tống bị chặn lại bên kia dòng Như Nguyệt rồi phải lui thủ kéo quân về nước. Hai năm sau đất Quảng Nguyên giàu có được thu hồi. Năm Giáp Tý tại hội nghị Vĩnh Bình Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh đã buộc nhà Tống phải trả lại sáu động ba huyện. Đất đai tổ tiên để lại dù chưa trở về đủ đầy cho con cháu, nhưng Tổ quốc đã hiện rõ hình hài vĩnh cửu. Cùng với năm tháng, lại được Thái úy, Thái phó và nhất là người thầy đệ nhất Minh Kinh dạy dỗ, Lý Nhân Tông đã sớm tỏ ra là một vị vua anh minh, nhân hậu.

Ngày mồng 7 tháng 3 năm Bính Dần, Lý Nhân Tông cùng Tây phi tới điện Vĩnh Thọ chúc mừng nhân sinh nhật lần thứ bốn mươi ba của Hoàng Thái hậu. Hoàng Thái Hậu cầm tay Lý Nhân Tông rơm rớm nước mắt:

- Con ta đã lớn thật rồi, sẽ là một Hoàng thượng anh minh, nhân hậu nhất trên đời. Từ nay ta có thể kê cao gối ngủ mà không phải lo toan, không phải giật mình mỗi khi nghe vó ngựa lưu tinh gấp gáp.

Rồi quay về phía Tây phi, bà bảo: "Con hãy sinh cho Hoàng thượng một Thái tử, để nghiệp đế nhà Lý ngàn năm bền vững". Quay nhìn sau lưng không thấy Hoàng hậu đâu, bà buồn rầu hỏi Hoàng thượng:

- Hoàng thượng tới thăm ta, có sao không tuyên triệu Hoàng hậu đi cùng?

Lý Nhân Tông lúng túng thưa rằng:

- Đêm qua Tây phi khó ở, con phải ở đó với nàng. Sáng nay không kịp hồi cung nên không tiện triệu Hoàng hậu. Mong Hoàng Thái Hậu tha lỗi.

- Ta không trách gì Hoàng thượng. Nhưng Hoàng thượng có nhớ những điều ta nói năm ngoái không?

Lý Nhân Tông cúi đầu im lặng. Lúc đó Hoàng hậu Quách Kim Nguyệt cùng gia nhân đem đồ mừng dâng Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu vui hẳn lên. Người như trẻ ra đến vài tuổi. Người âu yếm cầm tay Hoàng hậu đặt vào tay Lý Nhân Tông, cười lớn:

- Ta giao Hoàng hậu sinh cho Hoàng thượng một Thái tử. Dẫu con Hoàng hậu có sinh sau theo luật nó vẫn sẽ là người sau này kế nghiệp.

Nhìn thấy Tây phi, Hoàng Thái Hậu biết mình lỡ lời, nhưng vẫn hỏi: "Có phải thế không Tây phi?". Ngô An Thủy cúi đầu khẽ "Vâng" một tiếng trầm buồn.

Các quan trong triều cũng lục tục kéo tới chúc mừng Hoàng Thái Hậu. Thấy Thái sư Lê Văn Thịnh, Hoàng Thái Hậu bỗng nhớ lại cái đêm đầu đông cách đây đã mười năm. Sau đêm ấy Hoàng Thái Hậu còn nhiều lần rung động trước một con người tài hoa, rất mực đàn ông. Nhưng ý chí, tình yêu với đức Vua quá cố, trách nhiệm với non sông Đại Việt đã giúp bà kìm nén, giúp bà thoát khỏi ma lực ghê gớm của dục thú đời thường. Hoàng Thái Hậu càng thêm yêu quý, nể trọng vị Thái sư trẻ tuổi, thủy chung sau trước với người vợ quê mùa. Hoàng Thái Hậu cũng biết tình cảm của Quách Kim Nguyệt với Lê Văn Thịnh. Bà không lấy đó làm điều bức tức, xa lánh. Ngược lại bà coi đó là lẽ đương nhiên. Trai anh hùng, gái thuyền quyên, có gì đâu mà lạ. Bà càng khâm phục ý chí của cả hai người. Khi trai đã có vợ, gái đã có chồng, họ đã nén chặt những tình cảm hùng hực của tuổi trẻ để đi vào khuôn phép, làm tròn chức phận. Bà cũng là đàn bà, bà hiểu rõ tâm sự mỗi con người, nhất là những người phụ nữ...

Buổi tiệc diễn ra hết sức vui vẻ, đầm ấm. Tiệc sắp tan, Hoàng Thái Hậu đứng dậy nói với Hoàng thượng, với bá quan văn võ:

- Hơn mười năm qua ta giúp Hoàng thượng buông rèm chấp chính. Nay Hoàng thượng đã trưởng thành, quần thần nhiều người tài giỏi, ta cũng đã già, mong được thăm thú non sông đất nước, được rảnh rang đọc sách ngâm thơ, ngày sóc vọng lên chùa lễ Phật. Hoàng thượng và các khanh nghĩ thế nào?

Các quan đều tâu rằng Hoàng Thái Hậu anh minh là trụ cột, là phúc lớn cho thiên hạ. Xin Hoàng Thái Hậu để mắt đến mọi việc của triều đình. Lý Nhân Tông thì lại nói rằng:

- Hoàng Thái Hậu đã già. Người cứ yên lòng an hưởng, mọi việc đã có con, có quần thần lo liệu.

- Hoàng Thái Hậu thoáng buồn. "Ta đã già thật ư? Hay con ta đã đủ lông đủ cánh không cần đến người mẹ quê mùa này?" Hoàng Thái Hậu tin vào lời các quan. Bà tin họ không nịnh bà, tin là từ cõi lòng họ mong bà trẻ khỏe, đứng vững để tiếp tục cầm cân nảy mực. Các quan triều nghĩ vậy, tại sao Hoàng thượng lại không một lời can ngăn ta, lại mong ta chỉ như một người mẹ già nua, dành cho sự an hưởng vô vi? Ta đâu có quá quắt như Lữ Hậu, như Võ Tắc Thiên, ta đâu muốn khư khư ôm lấy quyền hành, ta chỉ muốn giúp con ta thành vị vua mà sử sách sẽ mãi mãi không quên, dân tộc này mãi mãi không quên.

Hình như mọi suy nghĩ của Hoàng Thái Hậu không qua khỏi đôi mắt tinh tế của hai người đàn bà là Hoàng hậu Quách Kim Nguyệt và Tây phi Ngô An Thủy. Tây phi khế trách Hoàng thượng: "Hoàng Thái Hậu tuy có tuổi, nhưng Người vẫn khỏe. Hoàng thượng vẫn còn quá trẻ, làm sao đã để Hoàng Thái Hậu nghỉ ngơi, phụ lòng ngưỡng mộ, tin cậy của thần dân trăm họ". Lời Ngô An Thủy có lý, có tình nhưng Hoàng Thái Hậu lại cảm thấy cay đắng, nghi ngờ và như có thần linh mách bảo: bà không được tin những lời kia là thật. Còn Hoàng hậu lại nhìn Hoàng Thái Hậu với ánh mắt cảm thông, tin cậy và luyến tiếc.

Hoàng Thái Hậu đưa mắt nhìn Hoàng thượng. Hoàng thượng quay mặt đi tránh cái nhìn trách móc. Bà buột miệng:

- Thôi được. Ta theo ý Hoàng thượng. Từ nay ta sẽ không tham gia luận bàn chính sự. Ta sẽ làm theo ý thích của ta.

Bấy giờ Lý Nhân Tông mới quay lại thanh minh:

- Mẫu hậu đã hiểu sai ý con. Bao nhiêu năm Mẫu hậu đã vì con mà mất ăn mất ngủ, công ơn của Mẫu hậu con không bao giờ dám quên. Con không nỡ để Mẫu hậu già rồi vẫn phải lao tâm khổ tứ vì con. Mong Mẫu hậu hiểu cho lòng con.

Hoàng Thái Hậu miễn cưỡng gật đầu.

Từ đó bà cùng thị nữ, có khi mời cả Hoàng hậu Quách Kim Nguyệt đi ngao du sơn thủy, thăm thú các danh lam thắng cảnh. Bà tới các châu Lôi Hỏa, Trệ Nguyên, Thường Tân, Lộng Thạch; vào trấn Bà Hoà, Châu Hoan, Hoành Sơn, ra phủ Đại Hoàng, Vĩnh An. dong buồm tới những hòn đảo hoang vu ngoài Đông Hải.

*

Một sáng tháng 3 năm Đinh Mão, ở Vĩnh An về, Hoàng Thái Hậu đứng trên điện Vĩnh Thọ nhìn ra hồ Dâm Đàm trong xanh phẳng lặng. Bỗng bà thấy khói sương mù mịt. Sương bốc lên từ mặt hồ, mây trắng đục từ trên trời sà xuống. Cả vùng hồ mênh mông trắng toát, dày đặc khói sương, không còn phân biệt đâu trời, đâu nước.

Hoàng Thái Hậu chợt nhớ câu chuyện dân gian lưu truyền ở vùng Siêu Loại. Chuyện rằng: Ngày xưa có hai vợ chồng người thuyền chài, suốt ngày buông câu thả lưới mà vẫn đói rách, lam lũ. Một hôm, hai vợ chồng quần quật từ sớm tinh mơ đến mặt trời đứng bóng mà chẳng được một con

sắt xí, người vợ vừa buồn rầu vừa uất ức, ngửa mặt lên trời mà than rằng: "Trời kia ở trên cao có ức vạn con mắt mà như vẫn mù loà, sao nỡ để kẻ dong chơi lại giàu sang phú quý, còn chúng ta quanh năm vất vả lại đói rách cả đời?". Dứt lời những đám mây trắng như bông đang lơ lửng trên cao bỗng sà cả xuống che kín mặt sông, con thuyền bay vùn vụt giữa dòng sông mây cuộn chảy. Rồi con thuyền cập vào một bến đất vàng, bước lên chút nữa là những vĩa đá hoa cương. Hai vợ chồng ngỡ ngác bước đi giữa bạt ngàn vàng bạc châu báu, gấm vóc lụa là, đồ ăn thức uống, hoa thơm cỏ lạ. Những tiên nữ trẻ đẹp đưa đôi vợ chồng khốn khó vào những cung điện nguy nga, muốn gì có nấy. Đôi vợ chồng bằng hoàng tử ông đó là một giấc mơ. Họ sống hạnh phúc với nhau trong giàu sang tốt bậc. Nhưng rồi mùi sông nước quê nhà, mùi tanh tanh của cá, hăng hăng của những vạt cải ngồng và nhất là cái ồn ã phiên chợ chiều dưới gốc đa nghìn tuổi, đã khiến họ ngồi đứng không yên. Rồi họ đau khổ, giằng xé, thấy vàng bạc như đất thối, lụa là như rắn độc, sơn hào hải vị tanh tươi tởm lợm. Họ cầu khẩn để được đói rách, được lam lũ, được vất vả, để có được những gì xưa kia họ có. Lời cầu khẩn đó thấu tới Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng lắc đầu than rằng: "Ta tạo ra con người mà ta đâu có hiểu con người. Thì ra tình nghĩa con người không có gì thay thế được", rồi ra lệnh trả đôi vợ chồng kia trở về dòng sông của họ. Con thuyền lại vùn vụt trôi. Khi mây tan, trời bỗng cao xanh ngắt, đôi vợ chồng thấy chân tay nặng trĩu, không sao nhấc nổi mái chèo. Vẫn con sông xưa, vẫn cây đa trùm bóng lên phiên chợ quê ồn ã, nhưng đôi bờ sông xa lắc lạnh lùng. May sao mấy chiếc thuyền đang chài lưới trên sông xô lại. Họ kính cẩn vái chào. Người vợ kinh ngạc kêu lên "Ôi, sao râu ông dài đến thế?". Người chồng cũng không tin vào mắt mình: "Trông bà dễ chừng đến hàng trăm tuổi". Rồi họ nghe những người bạn chài kể câu chuyện ngày xưa ngày xưa...

Hoàng Thái Hậu mỉm cười nghĩ bụng: Biết đâu ở Dâm Đàm lúc này đang có một con đường lên trời. Rồi bà tự hỏi: Ai là người may mắn đi trên con đường ấy? Nhưng mà con đường ấy, đang đưa người lên hay đang trả lại trần gian những con người già nua, khốn khổ? Bà nghĩ mãi về con người, về tình người, về câu chuyện dân gian huyền thoại. Như bà đây trước khi gặp Lý Thánh Tông cuộc sống có hơn gì đôi vợ chồng người thuyền chài. Nhiều lúc bà cũng có ước mơ như họ. Thế rồi ước mơ của bà thành sự thật. Từ một cô gái quê mùa, bà trở thành vợ vua, thành Thần phi, Nguyên phi, thành người chấp chính như một nữ hoàng. Bao năm bà đứng trên thiên hạ, chỉ dưới trời. Nhưng nhiều đêm bà trần trọc, bà không bằng một cô gái quê ấm êm tình nghĩa vợ chồng trong chiếc ổ rơm ngập tràn hạnh phúc. Giờ đây quyền hành đã hết. Mà bà có tham gì chức tước quyền hành. Bà vẫn coi quyền hành là một thứ đáng sợ. Bà trở lại đời thường. Nhưng cũng như đôi vợ chồng kia, bà đã là bông hoa cuối vụ, vẫn khát thèm chút nắng xuân sang. Bà muốn trở lại cái thời cô bé Yến Loan, bà muốn được gần gũi những người dân cần cù chất phác. Bà muốn có tất cả những gì ngày xưa và cả những gì bây giờ bà có. Bà không thể như đôi vợ chồng kia.

Hồ Dâm Đàm vẫn ngùn ngụt bốc hơi, những đụn sương vẫn sà xuống lan tỏa mặt hồ. Hoàng Thái Hậu nghe văng vẳng tiếng Sâm Cầm lạc bầy táo tác, đàn thiên nga vỗ cánh bì bạch và cả tiếng hồ gầm. Lòng đầy cảm hứng, Hoàng Thái Hậu gọi thị nữ, báo Ngự long quân đưa bà ra hành cung. Bà muốn du thuyền trong khói sương hoang dã.

Chiếc thuyền rồng rẽ mây, rẽ sương lướt trên mặt hồ mênh mang không biết đâu là bờ bến. Vừa sợ hãi vừa tò mò thích thú, cái khung cảnh nửa thực nửa mơ đã đưa Hoàng Thái Hậu vào chốn mộng du, khát khao tìm tới những điều kỳ lạ, mới mẻ. Cứ thế, con thuyền lướt đi, ước mơ được như đôi vợ chồng người thuyền chài lớn mãi, lớn mãi. Rồi con thuyền đâm sầm vào vách đá. Vách đá được bao phủ bằng những sợi dây đung đưa như bức rèm khổng lồ buông từ rất cao xuống tận đáy hồ. Con thuyền khựng lại rập rình. Dây leo quấn lấy đầu rồng, Ngự long quân phải vung gươm chém mãi con thuyền mới thoát ra khỏi những sợi dây vươn dài như cánh tay trăm ngàn con bạch tuộc. Cùng lúc những tia nắng rực rỡ xuyên thủng màn sương chiếu vào mắt Hoàng Thái Hậu. Sương loãng ra nghi ngút bốc lên cao, trả cho mặt hồ màu xanh biêng biếc, lẫn lẫn những con sóng rồi rãi chơi trò đuổi bắt. Lúc ấy cả Hoàng Thái Hậu, cả thị tỳ, cung nữ, cả những chàng lính Ngự long quân đều kinh ngạc nhìn rõ sau những bức rèm dây leo là con sông trong vắt chui sâu vào một hang đá khổng lồ. Khung cảnh thần tiên của dòng sông kỳ bí càng kích thích sự hiếu kỳ của Hoàng Thái Hậu. Bà ra lệnh tiến con thuyền vào sâu trong

đồng. Từng đàn dơi bay rào rào, nháo nhác. Tiếng bơi chèo ộp oạp âm âm như dội ra từ lòng đất. Mọi người hồi hộp, lo lắng. Hoàng Thái Hậu vẫn mơ màng nhìn về phía trước. Càng vào sâu càng lạnh lẽo, u tịch. Bỗng từ trên cao le lói rọi xuống những luồng ánh sáng. Con sông nhỏ dần thành con suối, rồi đột nhiên đọng lại thành mặt hồ tròn xoe như chiếc gương soi. Mặt nước phẳng lặng, trong xanh, rực sáng in khoảng trời tròn vành vạnh như vầng trăng trung thu. Quanh hồ là những bậc đá ngoằn ngoèo chạy mãi lên cao. Hoàng Thái Hậu bước ra khỏi du thuyền, lần từng bậc đá bước lên. Trên lưng chừng động có một hang đá xinh xắn như một ngôi chùa đủ chuông, khánh, mõ, tượng đều bằng đá, không biết tạo hoá tạo ra hay do con người đẽo gọt mà thành. Một đạo sĩ tóc dài xoa kín lưng đang tọa thiền, thoát nhìn y hết bức tượng đồng đen bóng nhẫy.

Hoàng Thái Hậu khẽ giơ tay ra hiệu dừng ai kinh động, rồi nhẹ nhàng đi thăm thú khắp hang.

Hang đá có hai ô cửa hình tròn như đôi mắt thần linh. Từ đây có thể nhìn rõ điện Thiên An, lầu Chính Dương, tháp Báo Thiên, nhìn rõ cả kinh thành Thăng Long tráng lệ.

Đã quá Ngọ sang mùi mà vị đạo sĩ kia vẫn như hoá đá. Bấy giờ Hoàng Thái Hậu mới chấp tay nói rằng:

- Dẫu người có là thần tiên hay ma quỷ, ta đã tới đây sao không nghênh đón lại để ta phải đợi chờ?

Vị đạo sĩ bèn mở đôi mắt xéch ngược kỳ dị. Hang động bỗng như rực sáng. Người ấy vẫn ngồi mà thưa rằng:

- Bần đạo đang lúc nhập thiền, khí vận đang rối loạn, sợ tẩu hỏa nhập ma xâm hại long thể Hoàng Thái Hậu, nên chịu thất lễ, xin Hoàng Thái Hậu lượng thứ.

- Chẳng hay đạo trưởng tên gì, luyện thuật gì, tại sao biết ta là Hoàng Thái Hậu?

- Bẩm. Bần đạo cũng là con dân Đại Việt, đang luyện Nhất nguyên sinh linh, mong có ngày báo đền sơn hà xã tắc, báo đền đức Vua và Hoàng Thái Hậu. Đã là con dân Đại Việt thì ai chả đợi ơn Hoàng Thái Hậu, nên nghe tiếng mái chèo bần đạo đã biết Người là ai rồi.

Hoàng Thái Hậu nghe nói thì đẹp lòng lắm. Hai người đàm đạo rất lâu về Nhất nguyên sinh linh, về Càn khôn, Mệnh hệ. Hoàng Thái Hậu chợt nhớ ra câu trả lời của đạo sĩ liền hỏi:

- Ban nầy đạo trưởng bảo luyện Nhất nguyên sinh linh là để có ngày báo đền sơn hà xã tắc, báo đền đức Vua, báo đền ta. Đạo trưởng định báo đền thế nào?

- Bẩm. Thiên cơ bất khả lộ.

- Chả lẽ với cả ta, đạo trưởng cũng phải giữ gìn ư?

- Nếu Hoàng Thái Hậu bắt bần đạo tiết lộ xin cho mọi người lui xuống dưới hồ, bần đạo xin được tấu trình.

Hoàng Thái Hậu cho tất cả thị tỳ, cung nữ, Ngự long quân lui xuống thuyền.

Đạo sĩ rút từ trong hộp gỗ ra ba viên tiên đan, bảo Hoàng Thái Hậu nuốt vào sẽ thông hiểu những thiên cơ huyền bí. Hoàng Thái Hậu chần chừ. Nhưng khung cảnh sáng nay, cả câu chuyện cổ tích dân gian, cả cái hang này đã quyến rũ bà. Bà mạnh mẽ ngửa cổ nuốt trôi ba viên tiên đan vào bụng. Những viên tiên đan tan ra lan tỏa khắp cơ thể bà. Trước tiên, bà thấy mình như trẻ lại, đôi mắt rực sáng, toàn thân khí huyết chạy rần rật, nóng bừng. Bà nhìn thấy hồ Dâm Đàm xanh biếc, thấy Sâm Cầm từng đôi, từng đôi chấp chới bay, thấy bầu trời xanh cao vời vời và cái hang đá lúc như phình ra, lúc như hẹp lại đè ập lên người bà ngọt ngào. Rồi bà thấy đức Vua Thánh Tông uy nghi tiến lại ghé tai bà nói những lời âu yếm nghe như những lời bùa chú.

Bà vừa cảm động, vừa sung sướng ôm chặt lấy đức Vua, mê đi trong niềm khoái cảm...

Không biết đã bao lâu. Hoàng Thái Hậu nghe văng vẳng tiếng chuông chùa ngân nga, lảng đãng. Bà bừng tỉnh, không thấy đạo sĩ đâu chỉ thấy tờ giấy ghi mấy chữ: "Bần đạo xin cáo biệt. Tiên đan của bần đạo chắc đã giúp Hoàng Thái Hậu gặp được Đức Tiên Hoàng. Sẽ có ngày bần đạo đền đáp công ơn của Hoàng Thái Hậu".

Mặt trời tím ngắt đang lặn nhanh về phía Tây. Hoàng Thái Hậu thở dài nặng nhọc, thả từng bước chân xuống các bậc đá trở về thuyền.

Đêm ấy Hoàng Thái Hậu lại mơ thấy đức Lý Thánh Tông đang dắt tay Hoàng hậu Thượng Dương đi ra bờ Long Trì cúi xuống ngắt những bông hoa sen đỏ rực, ngát ngào. Bà vội vàng quý xuống chúc Hoàng thượng và Hoàng hậu vạn tuế, vạn vạn tuế. Lý Thánh Tông liền quay mặt đi, kéo Hoàng hậu đi theo. Bà đau khổ kêu lên:

- Hoàng thượng, hãy tha tội cho thần thiếp.

Lý Thánh Tông bỗng nhoè đi biến mất, mặt trời đỏ rực vùn vụt bay đi, còn trơ lại Hoàng hậu Thượng Dương. Bà vội vàng chạy lại bám lấy vạt áo Hoàng hậu:

- Chị! Em có lỗi. Em đáng chết ngàn lần.

Thượng Dương từ tốn bảo:

- Không. Ta mới là người đáng chết. Ta biết khi cướp Càn Đức của em, dù ta không cố ý tráo Ly miêu để em phải cực khổ trong lãnh cung, ta cũng đã là người trăm lần đáng chết. Em đã nhân hậu tha cho ta. Ta cảm ơn em đã cho ta được hạnh phúc bên Người. Nhưng ta vẫn hận em vì oan hồn bảy mươi hai cung nữ không lúc nào buông tha ta. Ta sẽ trả lại cho em những oan hồn ấy.

Nói rồi Thượng Dương dắt tay ý Lan đi tới một vùng quê ngựa xe tấp nập, con người cảnh vật trông rất quen. Thượng Dương bảo:

- Em có nhận ra đây là đâu không? Đây là cửa xuống chợ âm dương, trước cửa Pháp Vân tự quê em. Ta sẽ dẫn em đi gặp những người cung nữ năm xưa.

ý Lan hốt hoảng van xin. Thượng Dương cũng dễ mũi lòng:

- Thôi được. Em không muốn gặp họ thì thôi. Nhưng đã tới đây em cũng nên đi thăm chốn âm cung một lần cho biết, cũng là để biết cách xử sự sau này.

Chợ âm dương mỗi tháng hai phiên vào đêm ngày mồng một, ngày rằm. Ngày ấy người sống, người chết tới chợ sẽ được gặp nhau, chuyện trò, bán mua, xin cho thoải mái. Nhưng khi ánh dương bừng lên mà người âm không trở về âm phủ thì vĩnh viễn sẽ không được siêu thoát, người dương không trở về trần thế thì coi như trúng gió đột ngột qua đời. Thượng Dương dắt ý Lan đi qua chiếc cổng lớn ghi ba chữ "âm Dương thị". Trong chợ đủ các thứ ngọc ngà châu báu, lụa là gấm vóc, các quán ăn, các tiệm cầm đồ. ý Lan thích lắm, nhưng Thượng Dương lại kéo bà lướt vèo vèo qua các quán, tới con đường đen quánh dẫn đến một bến sông nước cũng đen quánh như mực tàu, phẳng lặng như một dòng sông chết.

Hai người bay vù vù qua dòng sông chết ấy. Những con thuyền luồng đầu đen trĩu ngóc lên như những cây cau rượt theo họ, có lúc ý Lan đã nghe thấy luồng hơi lạnh buốt và cái lưỡi đỏ lòm của thuyền luồng liếm vào sát gáy. Nhưng rồi họ cũng qua được khoảng mệnh mông của dòng sông chết. Thượng Dương dẫn ý lan tới khu hình ngục. ở rất xa đã nghe những tiếng gào thét ghê rợn. Khi bước qua cánh cổng đen sì nặng trĩu có bốn tên quỷ sứ đầu chó canh giữ, cái đầu tiên đập vào mắt ý Lan là những hình cụ. Những chiếc búa to nhỏ đủ loại dùng để đập vào các

đốt xương, ống xương. Những chiếc kim để kẹp các đầu ngón chân, ngón tay, nhổ răng, kéo lưỡi, rút móng. Những chiếc kim sáng long lanh chọc vào mọi chỗ trong cơ thể. Những sợi dây nhỏ xíu, dai nhách để thít cuống họng, thít vào những nơi nhạy cảm. Lại còn có những cái cọc nhọn hoắt, trơn nhẵn có thể đóng qua hậu môn, qua miệng, luồn khắp cơ thể gây đớn đau khủng khiếp. Những con giun, con rắn, có thể chui luồn qua chín lỗ thông cơ thể với bên ngoài... Rồi những chảo vạc dầu sôi ừng ực, những chiếc cầu vòng bơi mỡ nhẵn thín chạm tay vào buốt lên tận óc, những chú chó ngao sẵn sàng cắn xé nhay đứt từng miếng thịt sống, những con ngựa, con voi...

Thượng Dương kéo ỷ Lan lướt qua những dãy nhà giam. Mỗi dãy có một miệng cống đen ngòm bốc mùi uế khí. Đây là những cửa địa ngục. Ai bị quăng xuống đó sẽ suốt đời bị hành hạ không bao giờ được siêu thoát. Tất cả những người trong dãy nhà ấy đều bị lột trần truồng, treo ngược lên tận xà nhà đầy rắn rết. Ngay trên cửa địa ngục là một bàn hỏi cung có đủ các hình cụ. Một người đàn bà đang quỳ trên một bàn chông nung đỏ, hai tay tự vả vào miệng kêu đom đốp. Bọn quỷ sứ bảo mu ta trên trần chuyên lừa đảo, ăn gian nói dối, làm bao người lương thiện phải khuynh gia bại sản, cơ cực trăm chiều.

Dãy nhà thứ hai bọn phạm nhân bị nhốt trong những bể nước lạnh buốt, thối khắm. Trong bể đủ các loại côn trùng, rắn rết, thường luồng rĩa rói từng miếng thịt đỏ lôm. Đó là những kẻ chuyên lấy thịt đè người, làm hại tất cả sinh linh trên mặt đất.

Dãy thứ ba toàn những người béo tốt ngồi trên những chiếc cọc nhọn hoắt đang bị quỷ sứ cầm những chiếc kim, đưa kéo lưỡi, đưa bẻ răng. Đây là những kẻ cậy chức quyền tham ô, hối lộ, cướp vợ người, hại dân, hại nước...

ỷ Lan sợ quá mắt nhắm nghiền lại, mặc cho Thượng Dương kéo qua hết buồng nọ đến buồng kia. Hai tay bà bịt chặt hai lỗ tai để khỏi nghe những lời kêu gào thảm thiết. Nhưng những lời kêu gào ấy vẫn cứ xoáy vào tai khiến đầu bà như có hàng ngàn con ong đang vo ve cắn xé. Đến khi không còn nghe thấy gì nữa, bà mới từ từ mở mắt. Trước mắt bà là những căn buồng tối đen, im lặng đến rùng rợn. Mỗi căn buồng chỉ chứa một người, không hình cụ, không quỷ sứ, không sự sống... Thượng Dương bảo đó là nơi giam vĩnh viễn những kẻ mà tội ác không bút mực nào kể hết, không hình phạt nào xứng đáng. Sau một thời gian suy tính Diêm Vương quyết định trừng trị họ bằng cách không cho họ chết, mà cũng không cho họ sống. Giữa hai ranh giới ấy là sự hoảng loạn, không biết mình là gì, đang ở đâu. Căn buồng ấy đâu là dưới đâu là trên, rộng hẹp bao nhiêu. Họ giống như người trên trần gian bị nhốt vào quan tài chôn sâu trong lòng đất.

ỷ Lan choáng váng, van xin Thượng Dương được trở về dương thế. Hai người trở lại khu chợ âm dương. Trước khi chia tay, ỷ Lan quỳ xuống thưa với Thượng Dương rằng:

- Thưa chị! Em biết tội của em. Mong chị rộng lòng tha thứ.

Thượng Dương nghiêm sắc mặt:

- Ta không trách em tranh đoạt ngôi vị Hoàng Thái Hậu với ta, vì nếu ta là em thì ta cũng thế. Nhưng ta làm ta chịu, sao em nỡ giết hại bảy mươi hai cung nữ hiền lành. Dù họ có làm gì thì cũng là do ta sai bảo. Phận nô tỳ họ đâu dám trái lệnh. May mà ngày xưa em đã nhân hậu tha ta, lại có nhiều công lao xây đắp vương triều, giữ vững nền độc lập cho quốc gia Đại Việt, nếu không một trong những buồng kín kia sẽ là của em. Nhưng mà từ nay em phải thực lòng tu nhân tích đức.

Nói rồi Thượng Dương giơ chân đạp mạnh vào lưng ỷ Lan. Bà bắn ra khỏi chợ âm dương, cũng là lúc bà bừng tỉnh.

Mồ hôi đầm đìa. Hoàng Thái Hậu kinh hoàng nhớ lại giấc mơ, thảng thốt ngồi tụng kinh tới sáng.

Hôm sau bà đem chuyện giấc mơ đến Vạn Tuế tự hỏi sư Khô Đầu. Khô Đầu đáp:

Bất thân huỷ bàn kinh mẫn xứ

Nhất tao sa diệt hối hà chi?

(Nước đầy bình vạc, chân vô ý

Vấp ngã một lần, hối kịp sao?).

Hoàng Thái Hậu tái mặt hỏi: "Làm thế nào để chuộc lại tội lỗi?". Khô Đầu đáp gọn lỏn: "Nhất nhân nhất tự". Hoàng Thái Hậu thở phào, mặt dần dần hồng hào trở lại.

Từ đó Hoàng Thái Hậu không màng tới chính sự, cũng không ham thăm thú danh lam thắng cảnh mà bỏ tiền riêng đi khắp nơi xây cất chùa chiền, cầu phúc cho bảy mươi hai cung nữ thác oan trong vụ tranh đoạt ngôi Hoàng Thái Hậu.

Cụ già ngừng kể, đôi mắt bỗng tối sầm già nua đến tội nghiệp. Hình như cụ đang tiếc cho một thiên tài, tiếc cho số phận những người đàn bà, ngán ngấm cho nhân tình thế thái.

Tôi dè dặt hỏi:

- Thế sao người đời sau bảo Càn Đức là người con chí hiếu, là ông vua sáng suốt không ham hố gì quyền lực?

Cụ cười, hai hàm răng nghiêng lại mai mỉa:

- Con đã bao giờ thấy hổ đói cho lợn bú chưa? Quyền lực như những chiếc nanh hổ đói, từ cổ chí kim, ai chê? Ngay Hoàng Thái Hậu khi còn là Nguyên phi đã biết "quyền lực là một thứ đáng sợ", thế sao vẫn cố tranh đoạt từ tay Thương Dương? Mọi lý do đều là một thứ chiêu bài. Càn Đức chỉ sáng suốt khi đã có thực quyền. Điều đó hoàn toàn đúng. Nếu còn là dân cày mà nói: "Dân vi quý, Xã tắc thứ chi, Quân vi khinh" thì người ta ồ lên cười nhạo báng. Nhưng câu đó lại từ đức Khổng Tử thì lập tức trở thành Thánh ngôn, muôn đời tung hô. Càn Đức chỉ có hiếu với mẹ, chứ không thể có hiếu với Hoàng Thái Hậu. Con đừng cười. Dù rằng Hoàng Thái Hậu chính là mẹ đẻ của Càn Đức, điều đó cũng không hề thay đổi.

Ta sẽ kể cho con những gì ta biết về ông vua trị vì lâu nhất trong lịch sử nước Nam, gã Mục Thân và câu chuyện bi thương xảy ra trên hồ Dâm Đàm năm Bính Tý. Con có mệt mỏi lắm không?

- Không ạ! Con rất muốn và con sẵn sàng ngồi nghe cụ kể hết toàn bộ câu chuyện. Nhưng con xin được tò mò hỏi cụ: Người đời sau nghe chuyện Nguyễn Bông lên vào buồng tắm của ý lan, bị tội chém đầu, sau đó đã đầu thai thành Càn Đức thì ngờ rằng Càn Đức chính là con đẻ của Nguyễn Bông. Điều đó có đúng không ạ?

- Bậy, bậy quá! Những chuyện như vậy mà người đời cũng đem lòng ngờ vực thì Lê Văn Thịnh chết là phải. Tự Đức thì biết cái gì? Tào Mạt thì biết cái gì mà phán xét đệ nhất Minh Kinh? Nhưng họ không đáng trách vì họ sống trong vòng vây những ngờ vực, bịa đặt.

Nguyễn Bông là quan hoạn, quan hoạn thật sự chứ đâu như cái gã Lao ái thời Tần Thủy Hoàng. Nguyễn Bông chết vì thói tham, sân, si, muốn một bước giữ bùn từ dân đen trở thành Hoàng đế. Còn những kẻ vụ lợi buôn bán quyền lực lại biến "ba độc" ấy thành thủ đoạn thâm độc. Rất may cái chết ngu dại của Nguyễn Bông không đủ tạo nên sự đổ vỡ. Lý Thánh Tông là minh quân. Minh quân và minh phu.

Càn Đức là đứa con đích thực của mối diễm tình xuyên thời đại giữa Lý Thánh Tông và ý Lan phu nhân. Đó là những con người vĩ đại.

Phần ba: Lý Nhân Tông

XII

Tết Bính Ngọ là cái tết vừa vui, vừa lo. Niềm vui và nỗi lo không chỉ ở trong hoàng cung mà lan ra khắp kinh thành. Cái tin ỷ Lan phu nhân mang thai từ tháng giêng năm trước khắp kinh thành ai cũng biết, ai cũng mong nhà Vua anh minh nhân hậu có Thái tử kế vị ngôi báu kéo dài sự nghiệp Lý triều. Thế nhưng đã một năm mà ỷ Lan vẫn chưa sinh. Đúng giao thừa nằng bắt đầu đau bụng: Ngự y vui mừng báo với nhà Vua rằng nằng sắp sinh và cam đoan sẽ sinh hoàng tử. Nhà Vua và mọi người mừng lắm. Nhưng nỗi vui mừng cứ nhỏ dần, nhỏ dần, thay vào đó là nỗi lo lắng, bồn chồn. Con đau càng ngày càng gia tăng, qua ba ngày tết, qua tiết lập xuân, qua ngày mồng chín tốt nhất trong năm... rồi tết Nguyên tiêu... ỷ Lan da xanh mét, đôi môi nứt nẻ, đôi mắt thâm quầng, không ăn không ngủ, cũng không kêu la rên rĩ. Nằng chỉ ôm bụng quằn quai, thỉnh thoảng cúi xuống vỗ vỗ vào bụng, mỉm cười mếu máo. Nằng kiên quyết không để đức Vua vào, bắt các cung nữ phải nói dối rằng nằng vẫn đang ăn, đang ngủ, đang nghỉ ngơi để đón đứa con yêu quý mà nằng tin sẽ là một bé trai kháu khỉnh sắp sửa ra đời.

Ngày thứ hai mươi năm. Gió bắc ào ạt tràn về, kéo theo những trận mưa dai dẳng. Buổi trưa, trời bỗng hửng nắng. Buổi chiều mây đen kéo về rầm rĩ. Mới tháng giêng đã có trận mưa rào xối xả, kéo dài tới mấy canh giờ. Chưa bao giờ ỷ Lan phu nhân lại phải chịu đựng những cơn đau khủng khiếp như thế. Cái thai trong bụng đang như đứa trẻ sắp được đi xem hội tung tăng vui sướng nhảy nhao nhảy sồn khiến ỷ Lan khi thì ngã lăn giãy giụa, khi thì ôm chặt lấy bụng, hai hàm răng nghiến kèn kẹt, khi lại nôn ọe ra cả mật xanh mật vàng. Con khát kéo đến khiến cổ họng nằng như muốn bốc lửa. Bao nhiêu nước sâm nhung, nước hoa quả cũng không dập tắt được ngọn lửa khủng khiếp ấy. Càng uống cơn đau càng dữ dội. Toàn thân nằng rã rời như bị tháo tung từng đốt xương, bóc ra từng mảng thịt. Vùng ngực như có người vô hình ấn chiếc đầu gối khổng lồ, để người ta lấy kim rút từng miếng thịt, từng khúc ruột, bóc từng bộ phận trong cơ thể. Trời lạnh vậy mà mồ hôi nằng chảy đầm đìa, đôi mắt trợn lên trắng dã. Ba bà đỡ được coi là mát tay nhất kinh thành cũng rã rời vì những đêm mất ngủ, cũng quằn quai theo những cơn quằn quai của nằng.

Chiếc đồng hồ bằng nước chậm chạp báo sang giờ Dậu. Trời bắt đầu sập tối. Mưa càng lúc càng to. Bỗng một tia chớp sáng loà, tiếp theo là tiếng sét khủng khiếp lao thẳng từ đám mây màu ngũ sắc xuống ỷ Lan cung. Nằng thét lên một tiếng rồi ngất đi, cũng là lúc tiếng oa oa lạnh lạnh cất lên, át cả tiếng mưa rơi sầm sầm trên mái ngói.

Đó là tiếng khóc chào đời của bé trai trắng nõn nà, đầu không sợi tóc, cổ quấn chín vòng tràng hoa như giao long quấn quanh thiên trụ. Cậu bé chào đời giữa giờ Dậu, gà đang lục tục tìm về ổ ấm. Đó là ngày thứ hai mươi năm của những cơn đau khủng khiếp, cũng chính là ngày 25 tháng giêng năm Bính Ngọ niên hiệu Chương Thánh Gia Khánh đời vua Lý Thánh Tông anh minh, nhân hậu. Tiếng khóc ấy làm cả vương triều rung động, sung sướng, mãn nguyện, làm cả kinh thành bừng sáng. Nhưng tiếng khóc của cậu bé bỗng dừng im bặt. Hai bóng người đã lên vào phòng sản nhanh như cắt, nhắc cậu bé vào chiếc nôi lót nhung, rồi biến ngay ra phía sau, trong lúc cả ba bà đỡ đều khiếp hãi vì tiếng sét bất ngờ đã ngã lăn chông ra sàn nhà nửa mớ, nửa tỉnh.

Khi họ đã hoàn hồn, không ai nhìn thấy đứa bé đâu. Chỉ thấy một chú mèo con đen tuyền chưa mở mắt ngầu ngào lẩn lóc giữa hai háng đỏ máu của ỷ Lan. Hai bà đỡ kinh hãi ngã bật ngựa, ngất lịm. Còn bà thứ ba sững sờ như người mất trí, co chân đạp tung cánh cửa chạy ra ngoài kêu la thảm thiết:

- ối trời ơi! Phu nhân đẻ ra Ly miêu. Phu nhân đẻ ra mèo.

- Phu nhân đẻ ra Ly miêu. Phu nhân đẻ ra mèo.

Tiếng kêu như sóng nước lan nhanh khắp cung ỷ Lan, khắp hoàng cung, rồi khắp kinh thành.

Tiếng kêu ấy khi lan tới cung Thượng Dương thì lập tức bị sững lại. Những cung nữ cung Thượng Dương đang nhảy múa reo vui vì Hoàng hậu cũng vừa sinh Thái tử.

*

Buổi thiết triều đã tan từ lâu, nhưng Lý Thánh Tông chưa muốn rời điện. Tết năm nay quả là cái tết kỳ lạ. Cả Thượng Dương và ỷ Lan đều trở dạ từ đêm giao thừa. Cả hai người cứ đau quần quai cả thảng trời mà vẫn chưa sinh. Lý Thánh Tông khi vui, khi buồn, lo âu, thấp thỏm. Nếu một trong hai nàng sinh hoàng tử thì nghiệp đế nhà Lý sẽ không lo gì người kế nghiệp. Nhưng nếu cả hai nàng đều sinh hoàng tử thì không biết sẽ là phúc hay là họa. Lý Thánh Tông đã từng đọc nhiều sách, nghe nhiều lời răn dạy của các bậc thánh nhân, vả lại trong dân gian cũng vậy. Những đứa con cùng cha khác mẹ lại cùng sinh thường sẽ là đối thủ muôn kiếp muôn đời. ở dân thường sẽ là sự tranh đoạt tài sản, điền địa, nhiều khi đâm chém nhau thảm khốc. Nó sẽ làm một gia đình, thậm chí một dòng họ nát tan, đau khổ. ở một vương triều sẽ là sự tranh đoạt ngôi cao dẫn đến binh đao khói lửa, huynh đệ tương tàn, ức vạn người phải thịt nát xương tan, mở cổng cho ngoại bang đục nước béo cò, nguy cơ mất nước đã rành rành trước mắt.

Nhưng đó là chuyện sau này. Dẫu sao lúc này nhà Vua đang được gặm nhấm niềm vui, tràn đầy hy vọng. Nỗi lo trước mắt là nỗi lo cả hai nàng đều sinh công chúa. Thực lòng Lý Thánh Tông rất yêu quý con mình, ít khi nghĩ đó là trai hay gái. Nhưng còn vương triều? Còn người kế nghiệp? Bất giác đức Vua buông một tiếng thở dài.

Đúng lúc đó một người lính Ngự long quân bước vào. Mặt tươi như hoa, người lính ấy hớn hớn thưa:

- Bẩm, bẩm, bẩm. Đức... đức... Vua. Hoàng hậu đã sinh... sinh Thái tử.

Lý Thánh Tông phấn chấn vỗ hai tay vào đùi đứng phắt dậy hỏi:

- Người nói có thật không?

- Dạ. Bẩm. Con đâu dám nói bừa.

Vừa lúc đó một đoàn người do quan nội thị dẫn đầu bước vào trong điện. Tất cả quỳ rạp xuống:

- Chúng thần xin chúc mừng Hoàng thượng. Chúc Hoàng thượng vạn tuế, vạn vạn tuế.

Lý Thánh Tông không kịp cho bọn họ bình thân, hỏi dồn dập:

- Thế còn phu nhân ỷ Lan? Sinh chưa?

- Dạ. Bẩm. Dạ... Sinh rồi... Dạ...

- Tại sao các người ấp úng thế? Chắc phu nhân sinh công chúa chứ gì? Có sao đâu nào. Các người không nghe dân gian bảo "Ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng" à? Ta sẽ mừng cho phu nhân.

Rồi đức Vua không lên kiệu mà đi rất nhanh về phía cung Thượng Dương. Thượng Dương tươi tỉnh nằm nghiêng, nét mặt hồng hào, thoả mãn. Đức Vua bế hoàng tử vạch xem là trai hay gái. Người ngắm nghía hoàng tử lúc đó đang mở mắt nhìn thẳng vào mắt đức Vua. Người chợt nghĩ: "Quái, đứa bé này mặt chữ điền, trán cao mũi dọc dừa thì đúng là con ta. Nhưng mắt ta thì xệch, mắt Hoàng hậu lá dăm, làm sao lại có đôi mắt bồ câu y như mắt ỷ Lan thế này? Lại còn cái miệng xinh xinh chúm chím. Cái miệng này đích thị là miệng ỷ Lan". Nhưng rồi nhà Vua lại nghĩ: "Trẻ nhỏ mặt sữa thay đổi xoành xoạch. Lớn lên mới rõ giống ai". Người đưa con cho Hoàng hậu âu yếm bảo:

- Trẫm cảm ơn Hoàng hậu. Mong hậu chăm sóc con mình thật tốt. Ngày mai trẫm sẽ làm lễ tước phong Thái tử. Trẫm đặt lên con là Càn Đức để sau này làm vua lấy cái đức của trời mà răn dạy thiên hạ, giữ vững quốc gia. ý hậu thế nào?

- Thiếp đàn bà, Hoàng thượng bảo gì thiếp cũng xin vâng. Vả lại cái tên Càn Đức nghe rất hay, đầy trí dũng.

Lý Thánh Tông rời cung Thượng Dương, đi thẳng sang cung ý Lan. Từ xa đức Vua đã nghe tiếng kêu thất thanh: "Phu nhân đẻ ra Ly miêu. Phu nhân đẻ ra mèo". Đức Vua tái mặt gọi nội quan hỏi sự tình. Nội quan ấp úng rồi thưa thật:

- Bẩm đức Vua. Không hiểu sao phu nhân sinh ra một con mèo con thật ạ.

Chưa nghe hết câu đức Vua chạy vội vào phòng ý Lan. ý Lan vừa tỉnh dậy, nhìn thấy con mèo lại ngất lịm đi. Ngực y đang chầm cứu, xoa thuốc vào hai lòng bàn chân.

Đức Vua đứng lặng nhìn mọi người. Chưa đầy tháng trời ý Lan top đi, hốc hác, đức Vua cũng còn khó mới nhận ra. Người đau đớn, thương nàng đến quặn thắt. Người cảm thấy vô cùng hoang mang. Tại sao một người tốt như nàng, sùng đạo như nàng, hiểu biết như nàng, nhân hậu, thật thà như nàng mà lại bị quả báo thế này? ở đời lắm cái bất công, vô lý đã đành, ở chốn siêu phàm, ở đức tin cũng bất công, vô lý thế này sao? Người chán nản quay ra khế bảo mọi người: "Không đem con Ly miêu đi còn để đấy làm gì?".

*

Đêm ấy đức Vua không sao ngủ được. Có lúc niềm vui có Thái tử bùng lên, nhà Vua mơ màng thấy ngai vàng rực sáng, vững chãi. Nhưng rồi, cái con mèo nhỏ xíu, gầy nhom, nhếch nhác lại phồng lên phát ra những tiếng kêu kinh dị, xoá sạch mọi ánh hào quang,

Ngày mai. Ngày mai ta sẽ phong cho Càn Đức là Thái tử. Ngày mai ta sẽ xử lý ý lan thế nào? Theo tiền nhân để lại thì ai sinh ra quái vật kẻ đó cũng chính là quái vật, là hồ ly tinh hiện hình làm hại dân lành, phá hoại cuộc sống bình yên trên mặt đất, kẻ đó phải bị xử như những tội đồ ghê tởm nhất. Nếu chiếu theo luật này thì nàng nhẹ nhất cũng phải vào lãnh cung suốt đời. Nhưng ba năm sống cùng nàng ta thấy rõ nàng là người con gái dịu hiền, hay lam hay làm, nét na thùy mị. Nàng còn rất thông minh, thông lầu kinh sử, thơ phú và có những ý kiến xuất sắc bất ngờ. Không lẽ một con người như thế...

Đức Vua mệt mỏi gục đầu xuống án thư. Bóng một cô gái lướt qua trước mặt người. Trông cô gái quen quá. Cô gái lại gần quỳ lạy, nhìn nhà Vua âu yếm rồi thưa rằng:

- Hoàng thượng quên thiếp rồi ư? Thiếp là nàng Sen bé nhỏ của Hoàng thượng đây. Thiếp xin chúc mừng Hoàng thượng, chúc mừng phu nhân ý Lan đã sinh cho Hoàng thượng Thái tử.

Đức Vua vui mừng được gặp lại nàng Sen, nhưng lại càng buồn vì lời chúc của nàng. Đức Vua bảo:

- Nàng thật không biết gì sao hay là nàng trêu ta, nàng nhạo báng ta? ý Lan đã sinh ra quái vật. Ta đang không biết ngày mai phải xử lý thế nào.

Nàng Sen vẫn tươi như hoa, cất tiếng cười khanh khách:

- Thiếp đâu dám trêu, dám nhạo báng Hoàng thượng. Người ta lừa Hoàng thượng đấy. Rồi Người xem, mọi chuyện sẽ được rõ ràng. Lý tướng quân là người mà Hoàng thượng có thể tin cậy. Người cứ hỏi Lý tướng quân mà xem.

Nói rồi nàng Sen lại cười khanh khách, nhao tới ôm lấy đức Vua thơm lấy thơm để. Đức Vua chẳng còn bụng dạ nào mà vui thú, bèn đẩy nàng Sen ra. Một tiếng "choang" khô khốc. Đức Vua

giật mình tỉnh dậy. Thì ra đó chỉ là một giấc mơ, nghiên mực đã bị đẩy rơi xuống sàn vỡ tan tành. Thoang thoang đâu đây vẫn còn mùi phấn son con gái. Đức Vua ngẩn ra tiếc rẻ. Giá ta không đẩy nàng Sen, biết đâu nàng đã cho ta biết những gì là sự thật. Nàng không phải là ma, nàng là tiên nữ, là ân nhân của ta mà. Đức Vua đi tới long sàng nằm xuống hy vọng nàng sẽ trở lại. Nhưng giấc mơ không tới nữa, giấc ngủ cũng không tới mà những kỷ niệm lần đầu gặp gỡ với ý Lan cứ ào ạt xô về. ý Lan, ôi phu nhân yêu mến của trẫm!

Thao thức mãi tới canh ba. Đức Vua buồn bực rời khỏi long sàng. Bước chân tự nhiên đưa Người trở lại cung ý Lan. ý Lan đã tỉnh chong đèn ngồi một mình. Lý Thánh Tông không đọc được những suy nghĩ của nàng. Nàng như pho tượng Tuyết Sơn gầy gò, khắc khổ và cam chịu. Chỉ trong đôi mắt là vẫn tràn đầy dũng khí, vừa thông tuệ, vừa nhân hậu. Lý Thánh Tông nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh nàng. Nàng cất tiếng âu sầu:

- Thiếp biết là Hoàng thượng sẽ đến.

Lý Thánh Tông vút đầu nàng ngả vào vai mình, hỏi nàng mà cũng là hỏi mình:

- Làm sao lại như thế? Tại sao lại có chuyện như thế?

Bấy giờ nàng mới bật khóc.

- Không. Thiếp không hiểu. Không thể như thế. Lúc ngất đi thiếp đã mơ thấy con mình không phải là mèo mà là một bé trai đẹp lắm. Nó còn giơ hai bàn chân cho thiếp xem. Mỗi bàn chân có bảy ngôi sao.

Trời sáng. Đức Vua tới thẳng cung Thượng Dương nhìn vào đôi chân tí xíu, đỏ hỏn của Càn Đức kinh ngạc kêu lên "Thất tinh. Ôi. Quả là có thất tinh!". Hoàng hậu ngơ ngác ngạc nhiên hỏi: "Hoàng thượng bảo thất tinh nào? Cái gì là thất tinh?". Đức Vua lạnh lùng nhìn Hoàng hậu, buông một tiếng thở dài.

Ngày hôm ấy là một ngày khó khăn nhất trong cuộc đời làm vua của Lý Thánh Tông. Mặc dù nàng Sen báo mộng vậy nhưng không đủ chứng cứ, Người vẫn phải quyết định đưa ý lan vào lãnh cung. Người không dám làm trái những điều tiên nhân đã dạy. Người không có gan làm một cuộc đổi đời!

*

Lúc bấy giờ tướng quân Lý Thường Kiệt đang thị sát vùng đất Vĩnh An. Một hôm ông nghe bọn trẻ chăn trâu hát rằng:

Chùng cheng, chùng cheng

Phèng phèng bố cáo

Câu chuyện ảo não

Của bà ý Lan

Hăm năm tháng giêng

Đùng đùng sấm chớp

Bà sinh ra một

Chú mèo khoang đen

Chẳng qua là sự ghét ghen

Tráo mèo để bắt mất con lạ gì

Cung đình bao chuyện thị phi

Phèng phèng bố cáo biết thì tránh xa...

Lý Thường Kiệt giật mình, vội thu xếp trở về kinh thành. Để nghe rõ mọi chuyện, ông cải trang làm dân đi khắp nơi nghe ngóng. Ông nghĩ: Chuyện sinh đẻ chỉ những bà đỡ là rành hơn cả. Nghĩ vậy ông tìm tới những bà đỡ nổi tiếng ở kinh thành. Nhưng đã mấy ngày ông không nghe được chuyện gì.

Hôm ấy nghe tin phu nhân ỷ Lan bị nhốt trong lãnh cung, ông buồn rầu lủi ra cái quán heo hút mãi mép nước phía đông hồ Dâm Đàm uống mấy chén rượu giải sầu. Chủ quán là một người đàn bà ngót nghét lục tuần, có những ngón tay rất dài, thon nhỏ. Thấy ông khách ăn mặc lịch sự, dáng khoẻ mạnh, nho nhã, cứ nhìn chăm chăm vào đôi tay bà vẻ náo nức, suy nghĩ, bà liền liến thoắng:

- Chả giấu gì ông. Ngày trước tôi làm nghề mụ nổi tiếng khắp kinh thành vì tôi mát tay, vì ngón tay tôi vừa thon, vừa dài.

Lý Thường Kiệt bưng tỉnh. Ông hỏi:

- Thế sao bây giờ bà không đi làm bà đỡ? Nghề ấy phúc để chín đời.

Người đàn bà nhìn trước, nhìn sau rồi nói nhỏ:

- Tôi biết. Tôi biết. Nhưng nghề ấy có khi cũng thất đức lắm.

- Bà nói sao? Nghề ấy làm phúc, cứu người, sinh người, sao có thể là thất đức?

Người đàn bà lại ngó trước nhìn sau, giơ tay vuốt quét râu rồi thông thả kể:

- Ông không biết đấy thôi. Đỡ cho dân thường thì là thế, nhưng đỡ cho vua quan thì nhiều chuyện lắm. Chắc ông từ xa tới nên không biết chuyện phu nhân ỷ Lan sinh ra Ly miêu.

- Có chuyện đó thật à?

- Không. Đó chỉ là chuyện bịa.

- Sao bà biết là chuyện bịa?

- Thì chính tôi là một trong ba bà đỡ cho phu nhân. Khiếp, cái ông vua con này gan lỳ và ghê gớm quá. Suốt cả tháng trời phu nhân quần quai, đến khi có sấm lệnh nhà trời ông vua con mới chịu chui ra. Ngay lúc đó có hai người dáng vẻ như cung nữ xông vào cướp đi, đặt vào giữa háng phu nhân một con mèo con mới đẻ, sắp chết.

- Bà nói láo. Ai dám làm cái việc tày trời ấy?

- Nam mô a di đà Phật. Tôi mà nói sai nửa câu thì trời tru đất diệt. Tôi đã ngất đi khi nhìn thấy cảnh tượng ấy. Sau đó người ta còn định giết chúng tôi. May mà tôi đã nhanh chân trốn thoát, bỏ nghề đỡ ra đây bán quán. Còn hai bà bạn thì chưa biết thế nào.

- Ai là người định giết các bà?

- Ông hỏi tôi thì tôi biết hỏi ai. Nhưng đúng là họ định giết chúng tôi.

- Thế tôi đi tố cáo bà thì sao?

- "Nhìn mặt mà bắt hình dong". Tôi thấy ông nhân đức nên vui mồm mà kể. Vả tôi cũng già sắp chết. Đã bao đêm cứ nghĩ tới phu nhân oan trái, tôi không sao nhắm được mắt. Tôi đang định vào cung tố cáo giải oan cho phu nhân, tìm ra kẻ bắt cóc con Người, nhưng lại sợ chưa tới nơi đã chết mà phu nhân tội vẫn hoàn tội.

Lý Thường Kiệt mừng rỡ bảo:

- Thế thì tôi sẽ giúp bà. Bà cứ đi theo tôi.
- Nhưng mà ông là ai?
- Là tướng quân Lý Thường Kiệt. Bà yên tâm chưa?

*

Vua Lý Thánh Tông đau buồn về chuyện ỷ Lan sinh ra ốm nặng. Ngự y thuốc thang mấy ngày mà bệnh tình không thuyên giảm. Viên thái giám lưỡng lự quay ra quay vào. Đức Vua nhìn thấy hỏi:

- Nhà ngươi làm sao vậy?
- Bẩm. Tướng quân Lý Thường Kiệt có việc bẩm báo. Nhưng Hoàng thượng đang lâm bệnh.

Nhớ tới giấc mơ gặp nàng Sen, nhà Vua nhồm dậy cuống quýt:

- Lý Thường Kiệt à? Mau tuyên gọi.

Lý Thường Kiệt cùng bà đỡ bán quán có tên là Thị Lại bước vào. Lý Thường Kiệt kể rõ câu chuyện từ khi nghe bài đồng dao của trẻ chăn trâu đến khi tìm ra Thị Lại.

Thị Lại dập đầu kể rõ những gì đã mắt thấy tai nghe. Đức Vua cúi xuống đánh rơi một giọt nước mắt. Lập tức người cho mời thượng thư bộ hình. Thị Lại kể lại tỷ mỉ đầu đuôi câu chuyện. Thượng thư bộ hình tâu:

- Muôn tâu Hoàng thượng. Thần bạo gan suy luận, nhưng không dám thưa với Hoàng thượng.
- Trẫm cho phép khanh nói. Nói gì cũng được, miễn là mau chóng tìm ra kẻ đã đánh tráo Thái tử.

- Dạ. Muôn tâu. Thần nghe nói Thái tử bàn chân đạp thất tinh? (Đức Vua gật đầu). Thần lại nghe nói phu nhân ỷ Lan nằm mơ thấy con mình cũng có thất tinh? (Đức Vua lại gật đầu). Thần xin phép được giả định Thái tử chính là hoàng tử của phu nhân ỷ Lan (Lúc này đức Vua đứng bật dậy). Thần nghĩ phi Hoàng hậu và các phi tần không ai dám làm việc này, cũng không ai có mục đích gì trong việc này. Nhưng các phi tần không ai có thể làm được việc đó.

- Nhưng Hoàng hậu cũng mang thai, cũng trở dạ đau đớn lắm cơ mà. Chả lẽ Hoàng hậu rút con mình để đón con người?

- Bẩm Hoàng thượng. Mấy lần thần đã tới cung Thượng Dương. Thần đã có chín đứa con. Thần thấy Hoàng hậu không phải là người ở cũ. Nghĩa là...

- Nghĩa là Hoàng hậu chỉ mang thai giả. Hoàng hậu đã có chủ định từ trước.

- Bẩm Hoàng thượng thần nghi là như thế.

Lý Thánh Tông thấy quá bất ngờ. Thuyết lý của vị thượng thư bộ hình không ai có thể phản bác. Hình ảnh Càn Đức hiện rõ trong ký ức Hoàng thượng nhất là đôi mắt và cái miệng chum

chím hoa đào. Đức Vua càng thấy xót xa cho ý Lan, xót xa cho mình, xót xa cho những gì gọi là quyền lực.

Thấy đức Vua bần thần, vị thượng thư bèn quỳ xuống tâu tiếp:

- Muôn tâu Hoàng thượng. Thần thật to gan, thần chỉ nghĩ sao nói vậy. Khi được tin ý Lan phụ nhân sinh ra cầm thú thần đã bán tín bán nghi. Thần đã tìm tới các bà đỡ để hỏi cho ra nhẽ. Nhưng tới nhà thì họ đã cao chạy xa bay. Thần bèn cho truy tìm. Rất may là chiều qua đã tìm được hai bà, nhưng họ cứ nhất định nói là không biết gì. Họ không phạm tội nên không thể dùng hình. Nay Thị Lại đã khai, thần tin là cả hai người kia sẽ biết.

Thị Lại vui mừng vì biết hai bà bạn còn sống, liền quỳ xuống tâu với đức Vua là sẽ khuyên những bà kia khai ra sự thật...

*

Vua Lý Thánh Tông cùng với Lý Thường Kiệt và vị thượng thư bộ hình đích thân tới lãnh cung để đón ý Lan. Đức Vua bùi ngùi thương xót:

- Thật khổ cho nàng quá. Nhưng thôi. Trời đất âm u cuối cùng đã bừng sáng. Trẫm sẽ phong cho nàng là Thần phi. Trẫm vui mừng vì có Càn Đức, còn vui hơn là lại có nàng. Trẫm sẽ trừng trị Hoàng hậu và bọn dối vua, lừa chúa thật nặng để bổ những ngày nàng chịu ấm ức ở chốn lãnh cung.

Nghe đức Vua nói vậy, ý Lan vội vàng quỳ xuống:

- Bẩm Hoàng thượng. Thiếp nghĩ Hoàng hậu cũng mong muốn có người kế nghiệp nên mới can suy mà làm vậy. Hoàng hậu vẫn yêu quý, chăm bẵm Thái tử là cái phúc cho giang sơn xã tắc. Xin Hoàng thượng gia ân.

Lý Thánh Tông ngạc nhiên tròn tròn đôi mắt, đôi lông mày lười mác dựng ngược. Người tức giận:

- Không được. Tội dối vua là tội khi quân phạm thượng. Tội gieo vạ cho người khác là tội bất nhân, bất nghĩa. Nếu không trừng phạt thì ai còn coi vương pháp ra gì.

- Bẩm Hoàng thượng. Cứu một người, giết mấy người. Thà rằng một mình thiếp chịu khổ. Tuy thần thiếp đêm ngày thương nhớ con thơ, nhưng nếu Hoàng thượng nhất định không tha cho Hoàng hậu thì thiếp xin xác nhận là mình đã sinh ra Ly miêu, mãi mãi xin ở lại lãnh cung.

- Nàng... Sao nàng lại làm khó dễ cho trẫm? Sao nàng lại bênh vực cho kẻ đã rắp tâm hại mình?

- Bẩm Hoàng thượng. Đức Phật dạy:

"Bất diệt, bất sinh, Bối diệt, Bảo hoa không thị sắc.

Vô biên, vô lượng, thiện nhân phúc quả mãn chi viên".

(Không mất, không sinh, kinh Bối diệt, kinh Bảo hoa không là có

Không giới hạn, không cùng, theo việc thiện thì phúc quả tràn đầy).

Oan oan tương báo, biết bao giờ thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn. Vả lại chuyện không hay nếu im đi sẽ kín, nếu làm to chuyện, cả thiên hạ sẽ biết, hoàng cung còn gì tốt đẹp. Mong Hoàng thượng minh xét.

- Nhưng... Trẫm không thể...

Lúc ấy vị thượng thư bộ hình mới tâu rằng:

- Lòng nhân hậu của phu nhân sáng soi như vầng nhật nguyệt, trời đất, cỏ cây cũng cảm động. Nhưng hình luật là do Tiên đế định ra, không ai được trái mệnh. Theo thần thì nhất định có kẻ bày đặt mưu gian kế hiểm cho Hoàng hậu. Thần sẽ tìm ra kẻ đó, sẽ nghiêm khắc trừng trị. Như thế phu nhân vẫn có được sự khai ân mà Hoàng hậu vẫn không mang tiếng là kẻ lừa trên dối dưới.

Lý Thường Kiệt gật đầu. Đức Vua chần chừ rồi cũng gật đầu. Ỗ Lan trầm ngâm nghĩ ngợi. Chẳng qua cái chết sẽ lại giáng xuống đầu những kẻ bề tôi. Nhưng để giữ trên ấm dưới êm Ỗ Lan đành im lặng, rồi cùng nhà Vua đi thẳng về cung Thượng Dương.

Không hiểu do đâu mà Hoàng hậu đã chờ sẵn ở cửa, bệ Càn Đức trao cho Ỗ Lan, quỳ xuống mong đức Vua tha tội. Đức Vua ghé tẩm quay mặt đi, chỉ tay về phía Ỗ Lan, bảo:

- Hậu hãy quỳ xuống mà tạ tội với Thần phi.

Ỗ Lan vội nâng Hoàng hậu dậy.

- Mong sao chị em ta nuôi dạy Thái tử nên người, trở thành minh quân lưu danh sử sách. Mọi chuyện trong nhà hãy đóng cửa bảo nhau.

Ỗ Lan đã tha thứ cho Hoàng hậu. Nhưng bảy năm sau, ông vua hai bàn chân đạp thất tình đã không tha bà. Kết cục cuộc đời một Hoàng hậu lá ngọc cành vàng, đứng đầu tam cung lục viện thật thê thảm. Âu cũng là luật trời có nhân, có quả. Trách ai?

XIII

Thái tử Càn Đức lớn nhanh như thổi, thông minh lanh lợi khác thường. Chỉ buồn là cái đầu cứ trọc lốc, ngứa y bôi bao nhiêu thuốc kích thích tóc cũng không mọc. Vì lẽ đó có người bảo Càn Đức là thác sinh của Nguyễn Bông, một viên quan hoạn cạo đầu thờ Phật.

Mới bảy tuổi Càn Đức đã phải thay cha kế vị ngai vàng, thẳng tay trừng trị Hoàng Thái Hậu Thượng Dương giành quyền buông rèm nhiếp chính cho mẹ đẻ là Hoàng Thái Hậu ý Lan.

Mười tuổi nhà Vua đã không chần chừ chuẩn tấu cho Thái úy Lý Thường Kiệt toàn quyền kéo đại binh "Tiên phát chế nhân" Bắc phạt, san bằng thành Ung Châu, tiêu diệt hoàn toàn đội quân chuẩn bị kéo sang xâm lăng Đại Việt.

Mười hai tuổi Lý Nhân Tông đã cùng Hoàng Thái Hậu lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống, lập chiến công hiển hách trên chiến tuyến Như Nguyệt.

Mười bốn tuổi, Lý Nhân Tông đã cao lớn đầy đà như chàng trai mười tám tuổi, duy trên đầu vẫn không sợi tóc. Hoàng Thái Hậu ép nhà Vua phải thành thân, lập Quách Kim Nguyệt làm Hoàng hậu.

Quách Kim Nguyệt là con gái Thái úy tiên triều Quách Kim Nhật. Từ bé nàng đã ham luyện rèn võ nghệ. Mùa hè năm ất Mão đã trốn nhà giả dạng nam nhi tham gia cuộc thi võ học. Lý Nhân Tông quý nàng lắm, luôn coi nàng như người chị gái. Khi bị ép lấy Quách Kim Nguyệt, Lý Nhân Tông đã bảo mẹ:

- Con coi ả như chị ruột. Sao Mẫu hậu lại có thể ép con?

ý Lan cúi đầu để rơi giọt nước mắt. Lý Nhân Tông thấy thế vội vàng quỳ lạy:

- Con xin nghe lời Mẫu hậu. Lấy vợ là chuyện nhỏ, sao Mẫu hậu phải buồn?

ý Lan chỉ lên bài vị Lý Thánh Tông:

- Chuyện nhỏ ư? Thế lo người kế vị là chuyện lớn hay nhỏ? Nếu đức Tiên đế cha con ngày xưa không gặp mẹ thì bây giờ ngai vàng sẽ vào tay ai? Công nghiệp nhà Lý sẽ thế nào?

Nghe lời mẹ nhưng Lý Nhân Tông vẫn coi Quách Kim Nguyệt là người chị đáng kính. Nhà Vua vẫn nhờ Hoàng hậu chỉ bảo thêm kiểm pháp và đêm đêm rúc đầu vào ngực Hoàng hậu ngủ rất ngon lành.

Mùa thu năm Quý Hợi, người động Ma Sa làm phản, nhà Vua quyết định thân chinh cầm quân đánh dẹp. Đêm chia tay Hoàng hậu bật khóc mà thưa rằng:

- Mẫu hậu cho thần thiếp thành thân cùng Hoàng thượng là mong sớm có Thái tử, bớt nỗi lo không người kế vị. Sao Hoàng thượng vẫn lạnh nhạt với thần thiếp?

Lý Nhân Tông bàng hoàng. Người nói rất chân thành:

- Trẫm rất yêu quý nàng. Nàng xinh đẹp, nét na, văn tài võ giỏi, khắp thiên hạ không tìm đâu được người như nàng. Nhưng trong lòng trẫm nàng lại như một người chị, có lúc trẫm có cảm tưởng nàng như một người mẹ hiền. Trẫm chỉ biết kính trọng và yêu mến nàng. Nhiều lúc trẫm cố tạo ra tình cảm vợ chồng vì trẫm biết nỗi khổ của nàng, nhưng tình cảm ấy không đến. Trẫm cố cầu xin, nó cũng không đến.

Quách Kim Nguyệt thở dài. Năm ấy nàng đã hai mươi bốn tuổi. Thực ra nàng cũng không yêu

đức Vua, nàng chỉ coi đức Vua như một cậu em trai. Trong trái tim nàng hình ảnh Thị lang Bộ binh Lê Văn Thịnh đã lấp đầy. Nhưng nàng là con nhà tướng thông lâu nho học, là dòng dõi trâm anh thế phiệt, nàng phải tự nén mình để làm tròn phận sự. Nàng đội ơn Hoàng Thái Hậu, mong sớm thoả mãn ước vọng của Người. Hoàng thượng không có tình cảm với nàng, nàng phải tạo ra tình cảm ấy. Đã đến lúc nàng cần có một đứa con.

Quách Kim Nguyệt ngồi dậy. Nàng giơ tay vặn nhỏ ngọn đèn rồi lần lượt cởi hết xiêm y. Nàng lặng lẽ khêu ngọn đèn sáng lại. Lúc này trước mặt Lý Nhân Tông không phải là người chị Quách Kim Nguyệt, không phải là Hoàng hậu Quách Kim Nguyệt mà là một tiên nữ giáng trần lỏa lồ giữa dòng suối tiên lung linh mờ ảo. Nhà Vua kinh ngạc đắm đuối nhìn nàng. Chưa bao giờ nhà Vua được thưởng thức vẻ đẹp kiều diễm của một người con gái trinh nguyên. Thấy Hoàng hậu lâu không có con, Hoàng Thái Hậu đã cho kén trong thiên hạ bao nhiêu là gái đẹp, nhưng nhà Vua cứ đứng đưng, chỉ coi họ là những ả đào hát hay múa dẻo. Vì thế đã mười tám tuổi nhà Vua vẫn chưa biết thân thể người con gái.

Lý Nhân Tông mê man đứng dậy, tiến lại gần Hoàng hậu. Toàn thân đức Vua như thỏi sắt bị nung đỏ rực mà Hoàng hậu lại như thỏi nam châm mát lạnh có sức hút ghê gớm, lạ kỳ. Nhà Vua giơ hai tay chơi với và chỉ trông nháy mắt cái pho tượng trắng ngần tuyết hảo kia sẽ nằm gọn trong vòng tay của Người. Nhưng... hình ảnh bao năm chỉ em quần quýt bên nhau, những đêm nhà Vua khoanh tròn trong lòng chỉ mãi nguyện trong giấc ngủ thần tiên, những thời khắc Kim Nguyệt nâng niu bón từng thìa sẫm, thìa cháo cho nhà Vua khi đau ốm... đã khiến nhà Vua như chạm tay vào lửa. Người rút vội tay lại rồi tiện tay quơ chiếc áo choàng phủ lên người Hoàng hậu, Hoàng hậu hết sức ngỡ ngàng. Nàng bấm chặt môi mặc lại quần áo, rút thanh trúc kiếm nháy ra sân vun vút chém ánh trăng. Cả một vùng sáng tan tác trong nỗi cuồng điên khát thèm hạnh phúc.

Chuyện ấy tới tai Hoàng Thái Hậu. Sau khi dẹp yên động Ma Sa, nhà Vua tới thỉnh an Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu buồn rầu nhìn nhà Vua, bảo:

- Hoàng thượng vất vả mà làm gì. Cả non sông chả tiếc, tiếc gì cái động Ma Sa nhỏ bé, heo hút, nghèo nàn.

Nhà Vua hiểu ý, cúi đầu im lặng.

Hoàng Thái Hậu lại càng buồn, không nói không rằng. Lý Nhân Tông vội quỳ xuống:

- Con đã sai. Từ nay con sẽ đối xử tốt với Hoàng hậu. Xin Mẫu hậu hiểu cho, chỉ vì con quá ngưỡng mộ nàng, quá yêu quý nàng.

*

Không biết quan hệ vợ chồng của Lý Nhân Tông với Quách Kim Nguyệt có xuôi chèo mát mái hay không mà mãi mấy năm sau Hoàng hậu vẫn óng ả mượt mà, tươi trẻ như gái chưa chồng. Nhà Vua và Hoàng hậu vẫn quần quýt bên nhau, Lý Nhân Tông vẫn thờ ơ với bao cung tần mỹ nữ.

Nhưng rồi một buổi tối sau khi tới phủ Thái sư chúc mừng Lê Văn Thịnh, Lý Nhân Tông tất tả tới cung Vĩnh Thọ gặp Hoàng Thái Hậu. Nhà Vua say sưa kể về một cô gái có tên là Ngô An Thủy. Kết thúc câu chuyện, Người bảo:

- Khi nhìn thấy nàng, con không tin ở mắt mình. Con nghĩ người trần không ai lại đẹp đến thế.

Hoàng Thái Hậu ngắt lời:

- Thế Hoàng Hậu thì sao?

Nhà Vua lắng chuyện, rồi lại vui vẻ kể tiếp:

- Nàng tuổi mùi, sinh ra trong một gia đình quyền quý. Cả nhà nàng bị bọn nổi loạn Ma Sa giết hại, suýt nữa cả nàng cũng bị hại. May mà gặp được nhà sư Khô Đầu.

Nhà Vua lặp đi, lặp lại ríu rít như con trẻ. Hoàng Thái Hậu vô cùng ngạc nhiên. Bà bảo:

- Để ta xem cô bé Ngô An Thủy thế nào...

Bà nghĩ: Cô bé tuổi mùi, Hoàng thượng tuổi ngo, hợp nhau lắm. Có lẽ cũng là số trời, chỉ thương cho con bé Quách Kim Nguyệt đẹp người đẹp nết, đoan hậu giỏi giang.

Hôm sau Hoàng Thái Hậu tới chùa Vạn Tuế. Hoàng Thái Hậu rất đổi ngạc nhiên. Cô bé Ngô An Thủy bì sao được với Hoàng hậu? Vả lại con gái mà động tác đi đứng mạnh mẽ dứt khoát quá thì đâu còn là con gái. Thế sao Hoàng thượng lại say mê, lại ca tụng cô bé đến thế? Nhưng rồi Hoàng Thái Hậu chợt nhận ra, cô bé có đôi mắt quyến rũ đến lạ kỳ. Nhìn càng lâu những cái xấu xa thô kệch biến dần, thay vào đó là những đường nét tuyệt hảo, các động tác cũng khéo léo dịu dàng, đúng là một tiểu thư khuê các. Hoàng Thái Hậu mê mải ngắm nhìn cô gái không khỏi nghĩ ngợi mông lung.

Bảy ngày sau Ngô An Thủy được phong Tây phi.

Năm sau sinh công chúa Lý Tự Sinh.

Hai năm sau nữa lại sinh công chúa Nguyệt Anh.

Nguyệt Anh đầy tôi thì quân Tổng do tướng Triệu Mãng chỉ huy xâm phạm đất Thạch Tề. Lý Nhân Tông tức giận thân cầm quân đi đánh dẹp. Hoàng hậu Quách Kim Nguyệt và Tây phi Ngô An Thủy đều xin đi theo. Nhà Vua ân cần bảo:

- Trẫm chuẩn tấu để Hoàng hậu cùng đi, còn Tây phi phải ở nhà với công chúa. Vả lại Hoàng hậu giỏi binh pháp, giỏi võ công còn giúp được trẫm, chứ Tây phi không biết võ công lại chưa từng học binh pháp thì đi để làm gì? Thôi, trẫm sẽ mau chóng mã đáo thành công. Tây phi hãy chuẩn bị rượu mừng cho trẫm.

Hoàng thượng và Hoàng hậu lên ngựa. Tây phi cau mặt, bậm môi vung tay đánh vào cây dương liễu ở đầu cầu Phụng Hoàng. Cây dương liễu rung lên rùn rẩy, lá rụng ào ào, chim chóc xung quanh táo tác bay vút lên trời. Tây phi tái mặt, lén lút quay người nhìn khắp chung quanh. Rất may lúc đó văn võ bá quan, quân cấm vệ đều ra cửa Đại Hưng tiễn đưa Hoàng thượng và Hoàng hậu.

Nhưng, đêm ấy có một võ tướng đã lén vào phủ Thái sư kể rõ những gì tai nghe mắt thấy. Ông nói:

- Hạ quan đã luyện võ hơn hai chục năm trời, nhưng làm sao có thể chỉ bằng một cái vung tay lại làm cây dương liễu to cả người ôm rung lên đến thế. Rõ ràng Tây phi phải là người có nội công thâm hậu, phải luyện tập từ bé, sư phụ cũng phải là bậc võ học kỳ tài.

Thái sư hỏi đi hỏi lại, sau cùng ghé tai nói nhỏ với viên võ tướng rất lâu. Khi tiễn viên võ tướng ra về, ông còn căn dặn:

- Phải nhớ là chỉ có ta và ông biết chuyện này. Và phải nhớ đừng có làm gì để đánh răn động cỏ.

*

Viên võ tướng đi rồi, Lê Văn Thịnh ngồi trầm ngâm suy nghĩ, sau đó cho gọi Địch Quốc Trung - người nô bộc già, cũng là người anh, người bạn sống chết bên nhau. Ngay đêm ấy Địch Quốc

Trung bí mật lên đường.

Lê Văn Thịnh bỗng buồn rầu nhớ tới Hoàng hậu Quách Kim Nguyệt. Ông biết quá rõ tình cảm của nàng. Nhưng ông đã có vợ, có con. Tình yêu với nàng Đặng đã giúp ông quên đi hình bóng của nàng. Khi nàng trở thành Hoàng hậu, ông cư xử theo phép quân thần, hết sức giữ gìn để tránh tội khi quân và còn để khỏi phật lòng Hoàng Thái Hậu. Ông biết nàng vẫn yêu ông, ông biết nàng đã gồng mình vượt qua ngọn lửa ngùn ngụt của tình yêu đôi lứa. Giá như lúc này có nàng ở nhà có lẽ ông sẽ kể chuyện Tây phi và với thân thủ của nàng, ông sẽ nhờ nàng lọt vào Tây cung xác minh hư thực. Ngoài Địch Quốc Trung ông chưa có thêm ai có đủ tài năng, đủ độ tin cậy để giao nhiệm vụ quá khó khăn này.

Suy nghĩ hồi lâu, cuối cùng ông quyết định phải tự mình đi tìm sự thật.

Ông thay đổi trang phục, giắt cây sáo trúc lẫn nhanh vào đêm tối. Với những gì viên võ tướng chứng kiến, ông tin là Tây phi phải thường xuyên luyện tập và để khỏi lộ chắc cô ta sẽ chọn thời khắc canh ba, canh tư những đêm trời tối. Đêm nay sẽ là một đêm như thế.

Tới Tây cung Lê Văn Thịnh chọn một cây cao um tùm, nhẹ nhàng ẩn thân chờ đợi.

Nhưng đã bảy đêm như thế, cung Tây phi vẫn im lìm đắm mình trong giấc ngủ.

Đêm thứ tám Lê Văn Thịnh quyết định rời lùm cây, ém mình trên nóc Tây cung. Nhẹ nhàng gõ những viên ngói mũi hài xinh xắn, Lê Văn Thịnh giật mình thấy Tây phi gần như ở trần ngồi giữa giường thất bảo tọa thiền. Là người am hiểu nhiều môn võ học, Lê Văn Thịnh cảm nhận rõ rệt hai luồng chân khí đang vận chuyển ngược chiều trên mạch nhâm, mạch đốc hội tụ vào huyết đan điền trong người Tây phi. Cách luyện công này kết hợp hai trường phái võ thuật ưu tú vùng Trung Nguyên là Thiếu Lâm và Võ Đang. Đây là hai trường phái hết sức lợi hại và có nhiều thành quả. Như vậy Ngô An Thủy quả thật là người có võ công thâm hậu, những gì viên võ tướng nhìn thấy là hoàn toàn chính xác. Vậy Ngô An Thủy là ai? Vì sao cô ta phải giấu võ công? Vì sao cô ta lại trở thành Tây phi?

Sáng hôm sau Địch Quốc Trung từ Ma Sa trở về mang theo bằng chứng chứng minh động Ma Sa không có nhà phú hộ bị quân nổi loạn giết chết. Cả vùng chỉ có hai gia đình họ Ngô thì cả hai đều nghèo khó, không có người con gái nào tên là Ngô An Thủy. Các quan địa phương còn cho biết: Trước ngày động Ma Sa làm phản có một bọn lái buôn nước Tống đi thu lượm cây thuốc, mật gấu và xương hổ đã đến ở nhờ nhà tên Triệu Mìn Thào. Bọn này nói tiếng Kinh, tiếng Mán đều thạo. Họ bảo Mìn Thào là chỗ bà con, đời cụ sống ở vùng Lưỡng Quảng.

Lê Văn Thịnh kể lại những gì đã quan sát được ở cung Tây phi. Tối hôm ấy Địch Quốc Trung xin được tận mắt chứng kiến cảnh tọa thiền của Tây phi.

Sau đêm ấy Địch Quốc Trung khẳng định:

- Đúng như Thái sư nói tôi cũng cảm nhận hai luồng chân khí. Người Trung Nguyên đã theo môn phái võ học nào là trung thành tuyệt đối với môn phái ấy. Đó là điều rất không hay nhưng lại là biểu tượng chân chính của võ học Trung Nguyên. Phàm những kẻ tu luyện kết hợp nhiều trường phái thường là tà đạo, ác bá, có tà tâm trả hận. Cách luyện công này tôi nghe nói của phái Vân Phong, tạo nên sức mạnh như gió lốc, nhưng cũng nhẹ nhàng uyển chuyển êm ái như mây trôi. Người luyện Vân Phong phải uống máu tươi, luyện tập vô cùng khắc khổ. Khi thành tài sẽ có nội công vô cùng thâm hậu, kiếm pháp, roi pháp, quyền pháp đạt đến độ vô thường. Không biết Tây phi luyện từ bao giờ mà đã đạt tới độ phi phàm này?

Nghe Địch Quốc Trung nói, Lê Văn Thịnh sức nhớ tới chuyện năm Quý Tỵ Tống Địch Thanh vây khốn Nùng Trí Cao trên Lãnh Ma Đầu. Lương thảo hết, bọn Nùng Trí Cao phải ăn thịt con ngựa cuối cùng. May sao có ông già tự xưng là Vân Phong Đại pháp dùng chiêu Lộ Quang Đoạt Mệnh đưa Nùng Trí Cao trốn thoát. Nhưng họ Nùng gây bao tang tóc cho quốc dân Tống, Việt, lại bội

nghĩa, bội tình nên bị người Đại Lý lừa mọo chặt đầu dâng Tống Nhân Tông. Nói về sự kiện này dân gian còn lưu truyền câu thơ:

Vân Phong ai biết chính hay tà

Giúp kẻ bắt nhân thoát lưới sa

Đạo tặc chạy trời không lối thoát

Đầu lìa khỏi cổ hoá thân ma.

Nếu đúng Tây phi là người của phái Vân Phong, lại đủ bản lĩnh giấu kín từng ấy năm thì không thể khinh xuất. An Thủy lọt vào cung cấm với mục đích gì Thái sư còn chưa biết rõ, điều có thể khẳng định đây là một âm mưu vô cùng nguy hiểm có quan hệ đến sự tồn vong của quốc gia Đại Việt.

Sự việc này Thái sư nhất định phải trình tấu lên Hoàng Thái Hậu, Hoàng thượng.

Nhưng Tây phi đang được Hoàng thượng sủng ái, còn Hoàng Thái Hậu dù không mấy cảm tình nhưng Tây phi đã có công sinh cho bà hai cháu nội, điều đó đã an ủi và gây cho bà nhiều thiện cảm. Vả lại Hoàng Thái Hậu đã từ lâu thôi không chấp chính, suốt ngày tụng kinh niệm Phật, thăm thú thắng cảnh danh lam, tự tay Hoàng thượng nắm mọi quyền hành. Vì vậy muốn Hoàng thượng tin nhất định phải có đầy đủ nhân chứng, vật chứng.

Lê Văn Thịnh suy nghĩ lung lăm, cuối cùng lại cho gọi Địch Quốc Trung dặn dò kỹ lưỡng. Đêm ấy Địch Quốc Trung mở cổng thành bí mật ra đi, quyết tìm ra sự thật.

*

Năm Canh Ngọ, Lý Nhân Tông đại thắng Thạch Tề. Vua Tống có thư xin lỗi và cách chức Triệu Mãng. Mùa thu, Địch Quốc Trung trở về đem theo những tin tức bí mật về nhà Tống và Tây phi.

Thì ra vua tôi nhà Tống chưa bao giờ từ bỏ dã tâm xâm lăng Đại Việt. Triệu Mãng đem quân xâm phạm đất Thạch Tề là theo lệnh của Tống Thần Tông. Quân Triệu Mãng bị Lý Nhân Tông đánh cho tan tác, Tống Thần Tông đành nuốt hận có lời xin lỗi và cách chức Triệu Mãng. Nhưng lại đòi bắt tội Hoàng hậu vì "đã có những lời lẽ xúc phạm Tống Thần Tông, tổn hại đến mối bang giao Tống - Việt", ngầm thực thi một kế sách lâu dài có liên quan đến Tây phi Ngô An Thủy.

Ngô An Thủy họ Triệu tên Thủy An, là con gái thứ chín Triệu Tiết. Mẹ Thủy An là người Việt dòng dõi vua Đinh. Sau cuộc loạn trào năm Kỷ Mão và năm sau Thái hậu Dương Vân Nga trao ngôi vua cho Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, một trong những người con của Đinh Tiên Hoàng đã mang gia quyến, thân binh theo đường biển chạy sang Trung Nguyên cư trú với tham vọng nhờ lực lượng quân sự nhà Tống đoạt lại ngai vàng. Suốt trăm năm nhà Tống tìm mọi cách xâm lăng Đại Việt, nhưng đều thất bại thảm hại. Đến đời Đinh Yển Ngọc đã là đời thứ bảy dòng họ Đinh cư trú dưới chân núi Vân Phong, đã phát triển thành rất nhiều làng mạc trù phú. Con gái, con trai các làng Vân Phong nghe cha ông kể về dòng họ đều náo nức muốn có ngày được về Tổ quốc giành lại ngôi báu đã mất vào tay nhà Lê. Họ đua nhau lên núi xin làm đệ tử phái Vân Phong. Họ vẫn nói tiếng Việt, vẫn giữ những nghi thức tổ tiên và không hiểu từ đời nào họ đã dựng lên một ngôi miếu thờ bảy gian đồ sộ, sau này người Việt gọi đó là những ngôi đình. Yển Ngọc đẹp rực rỡ, võ công siêu phàm khiến sư phụ môn phái là Ngô Đại Minh đem lòng yêu mến. Nhưng Yển Ngọc lại say mê viên tướng trẻ đẹp như Lã Bố, oai dũng như Mã Siêu, khi viên tướng này đi thị sát vùng biên giới phía Nam. Viên tướng đó chính là Triệu Tiết. Triệu Tiết là viên tướng mang dòng tôn thất, văn hay võ giỏi, khôn ngoan lọc lõi, có tài thuyết pháp, ong bướm lá lơi. Yển Ngọc si mê cái mê bề ngoài, đắm say những lời ngon ngọt đã trao thân cho hắn. Khi biết hắn đã có bốn vợ và tám đứa con, Yển Ngọc nổi giận định giết hắn trả thù. Nhưng

hắn đã để lại trong người nàng một sinh linh bé nhỏ. Nàng cầm uất đuổi hắn đi. Hắn cười thoải mái bảo rằng nàng không đuổi thì hắn cũng đi vì đã xong công việc, đã đến lúc phải trở lại triều đình. Giữa lúc đó Ngô Đại Minh xuống núi cầu hôn. Yến Ngọc đã kể lại tất cả xin sự phụ cứu xử vả, trừng trị và xa lánh. Nhưng Đại Minh vẫn yêu nàng, sẵn sàng chấp nhận đũa con. Và thế là Đinh Yến Ngọc thành vợ của Ngô Đại Minh. Sáu tháng sau cô bé Ngô Thủy An ra đời. Ngô Thủy An không đẹp bằng mẹ nhưng thông minh, nhanh nhẹn khác thường. Ngô Đại Minh đã truyền hết những bí kíp võ công, thuật thôi miên của môn phái cho nàng, hy vọng sau này nàng có thể thay mình đứng đầu môn phái.

Năm Thủy An mười tuổi mẹ nàng sinh một em trai. Có lẽ Ngô Đại Minh lại hướng sự nghiệp môn phái về phía đứa con trai bé bỏng của mình. Cuối năm ấy Triệu Tiết bất ngờ trở lại Vân Phong đem tin dòng họ Đinh bên Đại Việt đã bị vua Lý làm cho tuyệt diệt và xin nhận lại Thủy An. Sau nhiều ngày bị thuyết phục, Thủy An lấy lại họ cha đẻ, theo Triệu Tiết về Biện Kinh. ở Biện Kinh Triệu Thủy An được giao chức đội trưởng phụ trách mười một cô gái nói tiếng Việt thành thạo, được tham gia một lớp huấn luyện đặc biệt, rồi được tung vào Đại Việt với những nhiệm vụ đặc biệt khác nhau...

Thế là rõ. Ngô An Thủy chính là Triệu Thủy An và việc bị bọn thảo khấu định hãm hiếp chỉ là trò hề che mắt nhà sư Khô Đầu. Sư Khô Đầu - con người thông lâu kinh sử, ứng biến như nước chảy mây trôi, có thể biết rõ tiền vận hậu vận mỗi người, có thể nhìn mặt mà biết rõ ngay gian đã bị An Thủy đánh lừa hay còn có mối quan hệ bí mật nào giữa hai người? Nếu An Thủy - người đàn bà tài sắc, một Tây phi được Hoàng thượng sủng ái hơn cả Hoàng hậu mà kết hợp với Khô Đầu, một Quốc sư - linh hồn của quốc dân Đại Việt thì sự nghiệp Lý triều sẽ vô cùng nguy ngập, sơn hà xã tắc sẽ như con thuyền mất lái lênh đênh trên dòng nước đang âm ỷ những đợt sóng ngầm.

Chưa bao giờ vị Thái sư trẻ tuổi tài ba lại cảm thấy cô đơn và bế tắc như lúc này. Ông quyết định ngày mai sẽ xin gặp riêng Hoàng thượng, sẽ trình bày tất cả những gì ông nắm được cũng như những vấn đề còn chờ thời gian giải đáp.

XIV

Sau thất bại thảm hại trên phòng tuyến Như Nguyệt mùa xuân năm Đinh Ty, vua quan nhà Tống đứng đầu là Tống Thần Tông và hai tên bại tướng Quách Quỳ, Triệu Tiết tìm đủ cách để báo thù. Nhân tên tri châu Thạch Tề vì ham mê con gái Triệu Mãng là Triệu Liên Hoa đã đem dâng đất Thạch Tề cho Tống, Tống Thần Tông bèn phong Triệu Mãng là Bình Nam Đại tướng quân, điều còn cả Triệu Mãng đang chỉ huy cấm vệ quân về làm phó tướng đem quân bản bộ và ba vạn quân Lương Quảng, tổng cộng là năm vạn kéo sang chiếm đóng đất Thạch Tề.

Năm mười tám tuổi vua Lý Nhân Tông lần đầu cầm quân đánh dẹp bọn phản loạn Ma Sa, chưa đánh giặc đã tan, thủ lĩnh Mường chạy vào núi bị thổ binh bắt giao nộp. Nhà Vua đại thắng trở về.

Lần này, mặc cho các quan can gián, nhà Vua bảo: Năm Ty giặc Tống thấy trăm còn trẻ con, Hoàng Thái Hậu đàn bà chấp chính chúng kéo sang tận Như Nguyệt đã bị Thái úy Lý Thường Kiệt đánh cho tan tác. Năm nay chúng thấy Thái úy đã già lại xa xôi tận Hoan, ắt có ý coi thường. Trẫm quyết cho Tống Thần Tông biết thế nào là vua nước Nam, thế nào là người Đại Việt.

Lý Nhân Tông chọn ngay Hoàng hậu làm phó tướng, Thị lang Bộ binh làm tướng tiên phong dẫn năm vạn bộ binh gồm một trăm thớt voi, năm nghìn ngựa chiến tiến thẳng theo Lộ Bắc hướng phía Thạch Tề. Nhà Vua còn lệnh cho thủy quân chuẩn bị sẵn hai ngàn chiến thuyền sẵn sàng đổ bộ lên Khâm, Liêm đánh sâu vào đất Tống.

Tới Thạch Tề Quách Kim Nguyệt đề nghị hạ trại, cho triệu những viên tri phủ, tri châu tới bàn kế sách.

Ngay hôm ấy Quách Kim Nguyệt dẫn đội kỵ binh gồm ba ngàn người ngựa vòng qua Đại Lý vây bọc Thạch Tề. Đội kỵ binh hành quân thần tốc đến ngày thứ ba đã tới con đường sạn đạo từ Biện Kinh qua Vĩnh Bình sang đất Quảng Nguyên. Kỵ binh Lý phi như bay cuốn bụi mù trời. Ngày thứ năm thì gặp toán quân do phó tướng Triệu Văn Hàn con trai cả của Triệu Mãng đích thân về triều đình cấp báo. Trong nháy mắt cả toán quân hai trăm kỵ binh Tống bị bắt sống. Quách Kim Nguyệt tha chết cho Văn Hàn, bắt Văn Hàn viết cho Triệu Mãng một lá thư xin hàng và đem thư cảnh cáo của Quách phó tướng gửi cho Tống Thần Tông. Trong thư có đoạn: "... Ta tưởng gần chục vạn xác quân Tống lấp đầy dòng Nguyệt Đức mùi tanh vẫn bao trùm Biện Kinh, tưởng hơn chục vạn hồn oan những người dân vô tội trong đội hậu binh vẫn lớn vồn khắp Trung Nguyên thê thảm, tưởng cái bệnh bán thân bất toại của nhà ngươi là do những hồn oan đòi trả hận. Hay là vàng Quảng Nguyên, Thạch Tề đã làm loá mắt triều đình Tống quốc; voi trắng, lụa tơ tằm, ngọc trai Đại Việt làm u mê những cái đầu đội mũ ô sa; phong cảnh nước Nam, nhạc du dương phương Nam, gái đẹp xứ Nam khiến các ngươi thêm khát đến nỗi quên cả vợ con, quên cả gia đình, quên cả tính mạng liều lĩnh dẫn thân vào xứ ta.

Ta bảo: Khôn ngoan thì cho ngựa lưu tinh bảo lão già Triệu Mãng quay về, trói bắt tên Thân Công Sung để bộ hình ta định tội.

Ta bảo: Từ nay thấy trái ngọt hãy hỏi xem của ai chớ quá thềm mà sinh họa lớn.

Tiện đây ta cũng nhắc lại lời Đức Thánh Tam Giang phán dạy mùa xuân năm Đinh Ty:

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư..."

Tháng bảy mưa như trút nước. Ngày vọng trời bỗng bùng nắng, cũng là lúc quân ta đã hợp quân bốn phía vây chặt Triệu Mãng. Quách Kim Nguyệt cho đọc to thư xin hàng của phó tướng con trai Triệu Mãng. Quân Mãng rối loạn. Năm vạn quân Tống bị đánh tan tác, quá nửa xin hàng, số còn lại kẻ chết, kẻ lạc rừng, chỉ rất ít may mắn chạy thoát về bên kia biên giới. Sầm tối ngày thứ ba Mãng bị quân cấm vệ trời gô giải tới trước mặt Lý Nhân Tông. Lý Nhân Tông ra lệnh nhốt Mãng vào cũi sắt chờ bắt được tên bán nước Thân Công Sung sẽ cùng xử.

Thân Công Sung năm xưa theo phò mã Thân Cảnh Phúc đứng đầu một toán du binh, chiến đấu rất dũng cảm nhiều phen làm quân Tống bat vía kinh hồn. Sau chiến thắng, Sung được bổ chức chư lộ trấn, rồi phó tri châu và cuối cùng là tri châu đứng đầu đất Thạch Tề. Sung có người vợ đẹp người châu Thăng Do là Nùng A Tần, chỉ sinh toàn con gái, nên y chán lắm. Một hôm rồi rồi buồn chán y cưỡi ngựa sang chợ biên giới, nhìn thấy chiếc kiệu phủ toàn hoa sen đỏ rực thì lấy làm lạ, bèn cho ngựa đi theo. Đến tòa lầu đài đồ sộ cổ kính chiếc xe dừng lại. Từ trong xe một người con gái đẹp mê hồn, đẹp gấp trăm, gấp nghìn A Tần bước ra. Sung mê mẩn, ngây ngơ đứng ngắm. Lúc đó có viên nha lại tiến về phía Sung lễ phép:

- Tướng công tôi có lời mời quý khách quá bộ vào dinh xơi nước.

Thế là Thân Công Sung được gặp Triệu Mãng, được trò chuyện với mỹ nhân Triệu Liên Hoa - con gái út Triệu Mãng. Sung mê mẩn trước sắc đẹp và sức quyến rũ của nàng, mà xem chừng nàng Liên Hoa đối với y cũng tâm đầu ý hợp. Vài hôm sau Sung liêu lĩnh ngỏ lời cầu hôn. Triệu Mãng làm mặt giận, đập tay xuống sập:

- Người quen là cả vùng Ung, Khâm, Liêm đã bị bọn An Nam giày xéo, máu người Tống đã chảy đỏ cả dòng Như Nguyệt. Mối thù ấy ta chưa trả lại đem con gái yêu gả cho người Đại Việt. Người coi ta là hạng người gì?

Liên Hoa từ trong rèm bước ra nũng nịu:

- Cha! Đây là mối thù của nhà Tống với Lý Thường Kiệt, Lý Nhân Tông chứ Thân Công Sung chẳng qua là tiểu tướng phải thi hành quân lệnh. Vả lại đất Thạch Tề của chàng đã từng là đất Tống chúng ta, nếu cần thì chàng sẽ trả lại chứ lo gì. Phải thế không chàng Sung?

Thân Công Sung ấp úng. Cuối cùng vì ham mê sắc dục đã cam tâm rước Triệu Mãng về chiếm đóng đất Thạch Tề.

Ngày xưa, hai tên Nùng Tôn Đản và Nùng Trí Hội đưa vì thù riêng, đưa ham sống sợ chết đã dâng hai châu Vật ác, Vật Dương cho nhà Tống đến nay vẫn chưa đòi được, nay lại đến tên Thân Công Sung chỉ vì một mảnh quần thoa dâng cả mồ mả tổ tiên, ăn trộm đất nhà Vua mà dâng cho ngoại bang. Tội này quyết không thể dung tha, quyết trừng trị để làm gương cho bao kẻ khác. Lý Nhân Tông giận lắm, lệnh cho các đạo quân khép chặt biên giới, lùng sục mọi nơi quyết bắt tên Sung xử trước mặt Triệu Mãng.

Nhưng cả tháng đã trôi qua vẫn chưa có tin tức gì. Lý Nhân Tông ruột gan như lửa đốt, yêu cầu Hoàng hậu phó tướng phải đích thân chỉ huy cuộc vây bắt.

Một buổi sáng nhà Vua nhận được tin khẩn cấp: tên Thân Công Sung đang lẩn trốn trên ngọn

núi Luông Cắc. Lúc này các tướng giỏi đều đã đi tham gia cuộc vây bắt. Nhà Vua quyết định đích thân dẫn năm trăm quân kỵ tiến đánh Luông Cắc. Không ngờ bằng kinh nghiệm những năm chống Tống, Thân Công Sung đã liêu lĩnh đặt kế diệu hổ ly sơn, quyết bắt sống nhà Vua để đổi trao mạng sống. Năm trăm quân kỵ của Lý Nhân Tông lọt vào trận địa phục kích dày đặc những hố chông lớn, những bẫy đá và trong tầm ngắm của những tay cung nỏ thiện xạ sử dụng những mũi tên tẩm độc. Chưa đầy nửa canh giờ cả đội kỵ binh đã bị tiêu diệt. Ngựa của Lý

Nhân Tông cũng sa xuống hố. Một mũi chông nhọn hoắt xuyên qua cái ức có miếng vá trắng tinh của con ô mã. Con ngựa chiến hý lên một tiếng rùng rợn hất nhà Vua ngã lộn xuống hố. Lúc đó từ trên các mỏm núi bọn tàn quân của Thân Công Sung lao xuống. Người mắc kẹt dưới hố bị chúng bồi thêm cho chết hẳn. Một vài người thoát lên khỏi miệng hố đang bị bọn chúng bu lại đâm chém. Một toán lao tới phía hố của Lý Nhân Tông. Lúc này nhà Vua đã nhảy lên khỏi miệng hố nhưng lại trúng ngay một mũi tên tẩm độc vào bả vai trái. Toán người ấy hình như đã phát hiện ra người cưỡi con ô mã là đức Vua liền đồng thanh hú những tiếng dài rồi lăm lăm giáo nhọn, kiếm sắc lao tới. Trong cơn tuyệt vọng nhà Vua gào lên vùng thanh trúc kiếm mà Hoàng hậu trước lúc ra trận đã trao cho nhà Vua. Thanh trúc kiếm rít lên chém xả tất cả những ngọn giáo, những lưỡi kiếm và cả những cái đầu bù xù lem luốc. Nhà Vua chém hết lớp này, lớp khác lại bu đến cho đến khi hai cánh tay rã rời, thanh trúc kiếm nặng trĩu mấy lần đã xuýt tuột khỏi bàn tay tê dại của nhà Vua. Đúng cái thời khắc tuyệt vọng nhất thì một vệt trắng vun vút từ trên núi lao xuống. Vệt trắng ấy đi tới đâu đám tàn quân ràn rạt ngã xuống. Khi cái vệt trắng ấy tới sát Lý Nhân Tông cũng là lúc nhà Vua ngã vật ra mê man bất tỉnh.

Tỉnh dậy, nhà Vua thấy mình nằm trong một hang đá trên cái đệm được thêu thùa rất đẹp. Cái chăn đang đắp ngang ngực nhà Vua tỏa mùi thơm dịu, óng ánh những đường thêu kim tuyến. Bên cạnh nhà Vua có một cô gái đẹp như tiên nữ, đôi mắt buồn thẳm và hình như lúc nào cũng có thể đánh rơi những giọt nước mắt.

Thấy nhà Vua mở mắt, cô gái cũng không vui hơn, chỉ nói một câu gọn lỏn:

- Sống rồi!

Lý Nhân Tông ngờ ngác, lập tức nhận ra hoàn cảnh của mình. Toàn thân đau ê ẩm nhất là bên bả vai trái, nhà Vua cố chống tay ngồi dậy. Cô gái vội kêu lên:

- A lố! Không được đâu. Người bị tên độc nếu cử động mạnh chất độc phát tác, không cứu được đâu lố.

Rồi cô gái bung đến cho nhà Vua một bát thuốc đắng nghét, sau lại bung đến bát nước sòng sánh màu hổ phách. Đó là bát mật ong rừng pha loãng với các loại nước ép hoa quả, uống vào thấy rất dễ chịu, khỏe khoắn. Ngày thứ hai bụng bắt đầu sôi ùng ục vì đói, nhà Vua đòi ăn nhưng cô gái lắc đầu bắt nhà Vua uống thêm nhiều bát thuốc đắng, nhiều bát mật ong pha loãng. Quá trưa nàng bung cho nhà Vua một bát sữa tươi. Chiều tối nhà Vua được húp hai bát cháo nóng. Đêm ấy nhà Vua ngủ một giấc ngon lành.

Sáng hôm sau tỉnh táo hoàn toàn, người cũng đỡ đau hơn, chỗ bả vai không còn nhức nhối, nhà Vua chợt nhớ tới thanh trúc kiếm liền đưa mắt nhìn khắp hang động. Cô gái bước vào, hiểu ý, bảo nhà Vua:

- Thanh bảo kiếm hả? Mình đã trao nó cho chủ cũ rồi.

Nhà Vua kinh ngạc:

- Nàng biết ai là chủ cũ mà trao?

- A lố! Một cô gái đẹp, đẹp lắm. Nó cưỡi con bạch mã có đôi mắt như mắt sư tử. Thấy mình đeo trúc kiếm, nó tưởng mình đã giết Hoàng thượng của nó nên chẳng nói chẳng rằng đánh mình tới tấp. A lố! Nó đánh giỏi quá. Nếu mình không có bốn chị em thì chắc đã bị nó chém chết hoặc trói vào đuôi ngựa. Mãi sau nó mới chịu nghe mình kể lại sự tình. Nó khóc đòi mình dẫn đến gặp Hoàng thượng. Mình có biết ai là Hoàng thượng đâu nên mình chối. Nó bảo Hoàng thượng là người có thanh trúc kiếm mà mình đang đeo. Mình bực quá quẳng trả nó thanh trúc kiếm rồi luôn rừng chạy về nhà. Nó đuổi theo nhưng mình chạy nhanh hơn. Mình sợ nó tìm thấy nên mình đem nhà người giấu vào hang này để phục thuốc. Nhà người không biết đó thôi chứ thuốc độc này để hai canh giờ thì đến hố, báo, sư tử cũng chết, huống chi là người. A lố! Thế

nhà người có phải là Hoàng thượng không?

Lý Nhân Tông nghe cô gái kể rất thật thà, biết là người tốt bèn gật đầu.

- A lố! Thế mình có phải hô vạn tuế, vạn tuế không? Hồi nhỏ nghe cha kể chuyện hoàng thượng, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, mình đã mơ lớn lên được làm hoàng hậu. Cha bảo: Làm hoàng hậu thì sướng gì? Ngày nào thấy mặt vua cũng phải tung hô ba lần vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế. Có đúng thế hay không Hoàng thượng?

Lý Nhân Tông vô cùng ngạc nhiên. Sao lúc mình tỉnh dậy người con gái này vừa buồn vừa ít nói mà đến bây giờ lại vui vẻ nói cười tự nhiên đến thế? Ngắm cái miệng khi nàng cười nhà Vua liên tưởng đến những bông hồng nhung trong vườn Thượng Uyển. Nhìn đôi mắt sáng long lanh Lý Nhân Tông nhớ tới mặt nước Long Thủy những sáng mùa thu. Nghe nàng nói tâm can nhà Vua xao động và không hiểu sao nhà Vua bỗng nhớ tới Tây phi, bỗng cảm thấy Tây phi có cái gì hư hư thực thực. Cái đẹp của Tây phi cứ như vay mượn nơi đâu, tiếng nói của Tây phi cũng âm âm như từ cõi hư vô vọng lại. Nhà Vua vô cùng kinh ngạc không hiểu từ đâu mà ý nghĩ ấy bỗng xuất hiện trong đầu. Đột nhiên nhà Vua nghe tiếng bẩm bê của hai công chúa. Hình bóng Tây phi cũng tròn trĩnh dịu dàng trở lại.

Thấy nhà Vua cứ thần ra nhìn mình, cô gái e lệ hỏi:

- Hoàng thượng nhớ vợ à? Cái cô gái đẹp ấy có phải là vợ Hoàng thượng không?

Lý Nhân Tông gật đầu rồi hỏi lại cô gái:

- Cha nàng bảo làm Hoàng hậu không sướng. Thế cha nàng đã gặp Hoàng thượng chưa? Mà cha nàng là ai mới được chú?

Cô gái đang tươi cười bỗng xịu xuống, những giọt nước mắt bỗng rơi ra lăn tăn.

- Mình cũng chẳng giấu gì Hoàng thượng. Cha mình chính là tên Thân Công Sung. Ông ta mê gái Tống đã hắt hủi đánh đập mẹ mình. Mẹ mình tức giận dắt bốn chị em bỏ nhà về bên ông ngoại. Khi nghe ông ta bị vây khốn khắp nơi mẹ mình định đến gặp khuyên ông ta ra đầu thú, lấy công chuộc tội. Khi tới Luông Cốc mấy mẹ con phát hiện ra đội quân triều đình trúng kế hiểm, lại nhìn thấy một viên tướng còn trẻ quá, đẹp trai quá nên mẹ cử mình xuống cứu. Ai ngờ viên tướng đó lại chính là Hoàng thượng.

- Ta cảm ơn nàng, cảm ơn mẹ nàng. Thế bây giờ cha nàng ra sao?

- Đã chết rồi. Khi mình cứu được Hoàng thượng vào trong núi thì cô gái trẻ mà hôm sau mình gặp đã cầm đầu đội kỵ binh dũng mãnh tiêu diệt hết bọn tàn quân kể cả cha mình. Mình đau buồn lắm nhưng vì cha mình sai quá rồi nên chẳng thể thương tiếc. Là vợ, là con, mẹ con mình chỉ còn biết bí mật đem thi hài ông ấy đi chôn cất. Thôi thì bắt tội người sống chứ ai nỡ bắt tội người chết. Ngày hôm sau cô gái ấy đã cho quân đi lật từng cái xác để tìm ông ấy. Lúc mình gặp cô ta là lúc cô ta tức giận không tìm thấy xác cha mình. Sau này Hoàng thượng có thể vì mẹ con mình mà thôi không làm tội cái ma ông ấy không?

Lý Nhân Tông lại gật đầu. Cô gái lại tươi tỉnh như không có câu chuyện đau đớn vừa rồi. Lý Nhân Tông hỏi:

- Thế còn mẹ và các chị của nàng?

- Họ đã về Thăng Do với ông bà ngoại. Họ bảo: Ngày xưa mày vẫn mơ làm Hoàng hậu thì ở đó mà chăm sóc người này, may ra nó sẽ dẫn mày đến với đức Vua.

Đêm ấy, nàng Thân Lâm Hoa đã dâng đóa hoa rừng trinh trắng nhất cho nhà Vua. Sáng hôm sau nàng dẫn nhà Vua ra khỏi hang. Có hai con một ô mã, một bạch mã đang chờ sẵn. Cả hai lên

ngựa. Nàng Thân Lâm Hoa chỉ ra con đường lớn, mặc cho hai hàng nước mắt thì nhau rơi lã chã, nói với nhà Vua rằng:

- Hoàng thượng đi đi. Hết con đường này rẽ trái. ở đó có một đồn lính trú. Cô gái đẹp cũng đang ở đó.

Lý Nhân Tông xuống ngựa đến bên nàng:

- Thân Lâm Hoa! Trẫm sẽ xóa tội cho cả nhà nàng. Trẫm sẽ phong nàng là Đông phi. Nàng sẽ sinh cho trẫm Thái tử. Nàng sẽ là Hoàng Thái Hậu...

Thân Lâm Hoa lắc đầu:

- Không. Con gái có hiếu không ai lấy kẻ đã giết cha mình cho dù cha là người thế nào. Ông trời đã cho mình thỏa nguyện làm Hoàng hậu một đêm. Thế là quá đủ rồi. Thôi, Hoàng thượng đi đi. A lố! Đừng quên mình đấy nhé.

Nói rồi nàng giật cương. Con bạch mã lồng lên phi thẳng lên Luông Cốc. Những tia nắng sớm cố níu kéo nàng, tạo thành vệt sáng nhấp nhôáng vun vút lên cao, đưa nàng biến mất giữa bầu trời thăm thẳm.

Nghe nói sau cái đêm làm Hoàng hậu trong hang đá, nàng Thân Lâm Hoa đã sinh một bé trai giống Lý Nhân Tông như hai giọt nước.

Ông ngoại đặt tên con nàng là Lý Càn Khôn, nhưng nàng lại gọi con là Thân Lợi. Năm mươi năm sau Thân Lợi lên tiếng đòi lại ngai vàng từ tay Thiên Tộ tức Lý Anh Tông. Vì sự an bình của xã tắc Thái phó Tô Hiến Thành đã ra tay bắt sống Thân Lợi. Ông không nỡ hại người con trai duy nhất của đức Tiên vương nên đã giao cho Thái úy Đỗ Anh Vũ tùy tâm xử lý. Đỗ Anh Vũ đã coi cái đầu của Thân Lợi như một nấc thang để bước lên đỉnh đài của quyền lực, để lại bao nỗi oán hờn mà lịch sử khó lòng ghi chép hết.

Đó là chuyện sau này. Còn lúc đó Lý Nhân Tông vội vã lên ngựa đuổi theo cầu xin nàng quay lại. Nhưng Lâm Hoa đã như một tia chớp, tia chớp vút lên đỉnh núi, vút qua cuộc đời của ông vua trẻ để lại bao nhiêu huyền thoại, bao nhiêu điều muốn nói cùng hậu thế.

*

Tây phi đem hai công chúa sang tận phủ Thiên Đức đón Hoàng thượng, Hoàng hậu và đoàn quân chiến thắng.

Hoàng thượng vào Cổ Pháp điện rồi ra Sơn Lăng làm lễ báo công. Sau đó cùng đội khinh kỵ về võ trường duyệt quân. Hôm sau mở tiệc lớn ở điện Trường Xuân.

Nhà Vua ân cần rót rượu dâng lên Hoàng Thái Hậu, nâng chén chúc mừng đoàn quân chiến thắng. Trong hơi men nhà Vua nhớ lại những thời khắc sống bên nàng Thân Lâm Hoa. Rồi nhà Vua nhớ lại những lời ngọt ngào êm ái của Tây phi. Đêm qua Tây phi không tiếc lời mắng nhiếc tên Tống Thần Tông bán thân bắt toại mà còn tham lam, còn dám đua tranh. Nàng ví Tống Thần Tông như con chó già đã rụng hết lông đuôi và hàm răng chỉ còn trơ lợi, còn Lý Nhân Tông như sư tử đang thời sung sức chế ngự sơn lâm. Nàng tiếc là Hoàng thượng không nhân thắng lợi tràn sang châu Khâm, Ung, Liêm như thời Lý Thường Kiệt, thậm chí tràn lên tới Biện Kinh, bắt Tống Thần Tông phải bò lê ra mà xin lỗi. Nàng bảo: "Hoàng thượng chân đạp thất tinh, đầu đội hùng dương mới xứng là Thiên tử, chứ cái lão già bán thân bắt toại Tống Thần Tông sao lại dám tự xưng là Thiên tử? Sao lại dám cùng Hoàng thượng vất chéo chân mà luận anh hùng?".

Nhà Vua an ủi:

- Tây phi chó nóng giận. Sau trận Thạch Tề bọn quan quân nhà Tống đã bạt vĩa kinh hồn, từ nay vĩnh viễn không dám phạm vào một tấc đất của quốc gia Đại Việt.

Tây phi nũng nịu:

- Nhưng liệu từ nay chúng ta đã có thể kê cao gối mà ngủ cho ngon giấc, đã dám thung thăng ngang dọc mà thưởng ngoạn thắng cảnh danh lam, đã dám tìm chơi chim hay thú quý... hay vẫn phải gươm đao rền đục, tích trữ quân lương, nơm nớp lo bọn giặc Tống ngông cuồng, bọn nhược quốc phương Nam rình mò, trộm cắp. Nhiều lúc thần thiếp chỉ muốn mình lấy một người chồng nhà quê cày ruộng, nghèo khó mà suốt đời bên nhau, chẳng lo gì việc quốc gia đại sự.

- ái khanh! Trẫm là vua một nước, ngoài việc lo cho mình còn phải lo cho nước, cho dân. Nay thiên hạ thái bình, nước to nề sợ, nước nhỏ khiếp hãi quy phục, trẫm nhất định sẽ chiều ý ái khanh. ái khanh muốn gì, cứ nói.

Tây phi nhoẻn một nụ cười. ôi, nụ cười! Chả trách người xưa nói: Nhất tiểu khuynh thành, tái tiểu khuynh quốc. Nhớ tới nụ cười của Tây phi lòng dạ Lý Nhân Tông bỗng nhiên bồn chồn, thấp thỏm. Nhà Vua nói với văn võ bá quan:

- Từ nay trẫm và bá quan văn võ có thể kê cao gối mà ngủ cho yên giấc. Các khanh hãy lo chuyện chăn dân, chăm sóc nghề nông nghề phụ, phát triển ngành nghề, lo làm lo ăn cho dân giàu, nước mạnh. Đại Việt ta có nền văn hiến từ lâu, nay các khanh phải chú ý xây dựng đền đài miếu mạo, bảo tháp chùa chiền, nhà cao cửa rộng, cho đẹp nước đẹp làng. Phải sưu tầm những bài hát hay, những điệu múa dẻo. Phải tìm những của ngon vật lạ, phát hiện những thắng cảnh danh lam. Ai có công tìm ra của quý, của lạ trẫm sẽ thăng quan tiến chức, sẽ có thưởng thật hậu. ý các khanh thế nào?

Thái sư Lê Văn Thịnh bước ra:

- Muôn tâu. Thần nghĩ trận Thạch Tề đã dạy cho vua quan nhà Tống thêm một bài học. Đã là bài học thì vừa có đắng cay, đau đớn, vừa cho họ khá nhiều ích lợi. Thần nghĩ: Bọn vua quan nhà Tống ỷ thế lớn, quân đông, lương lắm sẽ không bao giờ từ bỏ dã tâm xâm lược. Vì thế bên cạnh niềm vui chiến thắng chúng ta vẫn phải cảnh giác đề phòng.

Hàn lâm viện học sĩ Mạc Hiến Tích cũng có lời tâu như vậy.

Quốc sư Khô Đầu lăm bắm niệm kinh, rồi thốt lên: "Oan oan tương báo. Cứ như ý Thái sư biết đến bao giờ cho hết can qua. Thiện tai, thiện tai!".

Thấy không khí kém phần vui vẻ, nhà Vua lại hô hào nâng cốc. Những chén rượu nếp cái hoa vàng sóng sánh, rượu hổ cốt đen sậm, rượu mật ong vàng ánh, ngự tửu sủi tăm, mận vong nức mũi... đã làm điện Trường Xuân như trướng phình ra, chao đảo, ngất ngây trong vị men chiến thắng, trong niềm tự hào đứng trên thiên hạ, là trung tâm của cả vũ trụ bao la, càn khôn liền thành một khối.

*

Từ đó Lý Nhân Tông thường cùng Tây phi, đôi khi cũng đi cùng Hoàng hậu thăm thú các danh lam thắng cảnh. Theo bố cáo của bộ lễ, dân trong thiên hạ đổ xô đi tìm các của quý, vật lạ.

Tháng 6 năm Tân Mùi sứ giả Chiêm Thành sang triều cống, dâng nhà Vua một đôi ngựa trắng có cựa.

Tháng 3 năm Nhâm Thân giữa Thăng Long nổi lên cơn gió xoáy màu vàng. Trong luồng gió mạnh người ta thấy đôi giao long vờn quấy. Nhân đó nhà Vua cho đổi niên hiệu là Hội Phong.

Năm ấy cả nước được mùa to. Cuối năm dân Vĩnh An dâng đôi lừa ngũ sắc trên mu có hai hàng chữ triện, dưới bụng có tới sáu cái chân.

Năm sau, năm Quý Dậu dân Châu ái dâng ba hươu trắng, sừng vàng, trong như hổ phách.

Các châu phía Bắc đua nhau dâng chim trắng, rắn trắng, châu Ma Linh dâng tới sáu con voi trắng ngà dài như chiếc đòn càn. Kinh đô cũ Trường An báo về có chín cây sung nở hoa vàng thắm, lại có năm gốc cau mỗi gốc có tới chín thân cây... Các đại thần và nhất là các tri châu cai quản vùng biên giới đua nhau bắt nhân dân phải lên rừng, xuống biển tìm những sản vật vừa quý vừa lạ. Vì thế không ngày nào điện Thiên An không có người vào ra dâng phẩm vật và trình tấu những chuyện lạ.

Nhà Vua vui lắm, bảo với quần thần: "Đại Việt ta chưa bao giờ mạnh giàu như ngày nay, chưa bao giờ thấy lắm điềm lành xuất hiện. Ấu là trời đã khoan hồng riêng một cõi mà ưu ái trăm vậ!".

*

Đã mấy lần Thái sư xin yết kiến nhà Vua mà vẫn không được gặp. Giáp tết Tân Mùi, được biết cả Hoàng thượng và Hoàng Thái Hậu đã về Cổ Pháp điện làm lễ dâng hương. Lê Văn Thịnh tức tốc ra roi phi thẳng về phủ Thiên Đức.

Lê Văn Thịnh xin được yết kiến nhà Vua. Lý Nhân Tông vui vẻ nhận lời. Sau khi nghe Lê Văn Thịnh trình tấu tất cả những gì đã biết về Tây phi, nhà Vua cười lớn:

- Trẫm biết là Thái sư lo cho sơn hà xã tắc. Trẫm còn biết một số bá quan văn võ không ưa Tây phi vì Tây phi hay khởi xướng những cuộc du ngoạn khiến trẫm có phần sao nhãng việc triều chính. Nhưng Thái sư biết đấy: Đại Việt giờ đây vững như bàn thạch, chả lẽ trẫm là vua một nước mà không được quyền thăm thú giang sơn gấm vóc của mình? Việc trong triều trẫm tin một tay Thái sư giải quyết, trẫm còn gì mà phải bận tâm? Còn Thái sư nghi ngờ Tây phi là gian tế. Cho dù đúng vậy thì đã sao? Thao lược như Tể tướng họ Vương, dùng mãnh như nguyên soái Quách Quỳ, mưu mẹo như gã Hùng Bản còn chẳng làm nên cơm cháo gì, huống hồ một ả đàn bà, võ giỏi lắm cũng chỉ như Hoàng hậu, mưu sâu mấy cũng không ngoài chuyện vun vén cho quyền lợi chồng con. Thái sư há sợ bọn họ hay sao?

Thái sư vừa ngạc nhiên, vừa thất vọng. Ông khẳng khái tâu rằng:

- Xin cho phép thần nói thẳng. Đàn bà như Lữ Hậu đời Hán, như Võ Tắc Thiên đời Đường há chẳng đáng sợ lắm sao? Như nước Nam ta Hai Bà Trưng một tháng cướp gọn sáu mươi lăm thành quách, đuổi bọn Tô Định chạy dài, Bà Triệu đã thượng đầu voi là quân Ngô tán loạn. Ngay như Hoàng hậu cũng làm quân Tống mất hồn mỗi khi nhớ tới thanh trúc kiếm. Và bao đội nữ binh mùa xuân Đinh Tỵ đã góp phần làm nên chiến thắng. Xin Hoàng thượng chớ coi thường.

Lý Nhân Tông xua tay:

- Trẫm sẽ lưu tâm những điều Thái sư trình tấu là được chứ gì, mong Thái sư chớ quá lo phiền. Thôi, Thái sư hãy cùng trẫm vào dâng hương và báo công với các tiên vương.

Sáng hôm sau Lê Văn Thịnh xin gặp Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu chăm chú lắng nghe, rồi thở dài mà hỏi rằng:

- Chẳng hay Thái sư còn nhớ buổi chúc thọ thầy Ngô ẩn? Ta nhớ ngày ấy có một học trò đã đối câu đối của thầy "Sắc bất ba đào di nịch nhân". Lúc đó ta cho hắn là một gã si tình, sau này nhất định sẽ bị sóng tình chìm cho thê thảm. Nhưng nay ta lại thấy vẻ đối ấy đúng quá, sâu sắc quá. Anh hùng không qua ải mỹ nhân. Thôi, Thái sư cứ yên tâm, ta sẽ khuyên can Hoàng thượng bớt chơi bời, chăm việc nước, chú ý tới Tây phi. Nhưng ta hỏi Thái sư: Vì sao đến bây giờ Hoàng

hậu vẫn không sinh nở? Câu hỏi bất ngờ của Hoàng Thái Hậu khiến Lê Văn Thịnh ngây người, ú ớ:

- Cái đó... Cái đó... Thần đâu được biết.

*

Quả là Hoàng Thái Hậu đã khuyên can Lý Nhân Tông. Là người con có hiếu, Lý Nhân Tông luôn nghe lời mẹ. Nhà Vua ít ra khỏi Thăng Long trừ khi công việc.

Nhưng nhà Vua lại có niềm say mê khác. Đó là những cuộc du thuyền trên hồ Dâm Đàm và những bữa tiệc kéo dài vô tận tại Hành cung trên bờ hồ thơ mộng huyền bí này.

Hồ Dâm Đàm không biết có tự bao giờ. Hồ có hình một con cáo bị hất ngã ngửa về phía Tây, đầu đập vào dãy núi Phụng Hoàng chạy ngược lên phía Bắc, bốn chân và chín cái đuôi tuyệt vọng quẫy đập gãy chết. Vì thế dân quanh vùng gọi Dâm Đàm là hồ Xác Cáo. Hồ rộng mênh mông không bến bờ chỉ thấy xa xa phía chân trời những đường viền xanh đậm. Đó là những rừng lim bạt ngàn bao quanh hồ. Những khi gió lớn hoặc bất thành linh hồ nổi sóng, những ngọn sóng bạc đầu sừng sững trắng xóa đổ xuống tạo nên vạn ngàn ánh bạc lấp lánh đuổi nhau trườn lên những rặng lim già xanh thẫm. Vì thế người ta còn gọi Dâm Đàm là hồ Lãng Bạc. Lãng Bạc khi thì nổi sóng, khi lại yên ả tạo nên mặt nước phẳng lý. Buổi sáng mặt trời thường hăm hở đến sớm và buổi chiều thường luyến tiếc rút lại những tia nắng tím ngắt. Những lúc ấy rừng lim xạc xào soi bóng, từng đàn Sâm Cầm chao chát phủ kín bầu trời, thú rừng dò dẫm ra ven hồ hóng mát, uống no nê dòng nước mát ngọt như nước chứa trong những trái dừa xiêm. Hồ có bao nhiêu cá là bấy nhiêu con nhao lên mặt nước để ngắm khoảng trời mênh mông bằng phẳng những đám mây như những chú cá khổng lồ tung tăng dạo chơi trên cái biển màu xanh úp ngược. Lúc ấy hồ y hệt một cô gái đa tình xòa tóc muốn khóa lấp nổi buồn bằng điệu múa Sli ngoạn mục. Hồ đẹp đến mê hồn.

Một buổi chiều sau khi thưởng thức những nhạc khúc bổng trầm say đắm và nhịp trống khi nhất khoan khi thúc giục của những vũ khúc xứ Chiêm Thành, vua Lý Nhân Tông lòng đầy hứng khởi phi ngựa ra mép hồ. Ông bàng hoàng bởi vẻ đẹp hoang sơ, kỳ vĩ của Dâm Đàm bèn vẩy tay gọi quan thượng thư bộ lễ.

- Khanh thấy thế nào?

- Muôn tâu Thánh thượng, đẹp lắm ạ.

- Thôi. Bây giờ ở đây làm gì có ai là vua mà tâu với chử trình. Bây giờ ở đây chỉ có ta và Khanh, hai con người, hai thi sĩ. Khanh có biết làm thơ không?

- Dạ. Thần từ bé chưa từng làm.

- Sao lại có thể như thế? Thế Khanh sẽ làm gì trước cảnh tiên cỏi Phật này?

- Thần sẽ giữ lại mãi mãi cảnh này.

- Bằng cách nào?

- Bằng cách dựng ngay nơi Hoàng thượng và thần đang đứng một lầu đài nhìn ra hồ, để có thể thích lúc nào là ra đây thưởng ngoạn lúc ấy.

- Hay, hay. Thế mà Khanh bảo Khanh không biết làm thơ. Lầu đài đó sẽ là bài thơ tứ tuyệt tuyệt vời nhất mà trẫm được nghe.

Rồi cao hứng nhà Vua đọc:

Họa kiều đảo ảnh trám khê hoành

Nhất mặt tà dương thủy ngoại minh

Tịch tịch thiên sơn, hồng diệp lạc

Thấp vân hòa lộ tổng chung thanh.

(Bóng cầu đảo ngược lòng khe suối

Một ánh tà dương gọn nước hồ

Núi lặng nghe rơi tờ lá đỏ

Khói sương dàu dặt tiếng chuông đưa).

- Đó. Khanh hãy viết lại thật nhanh bài thơ

đó đi.

- Dạ. Thần xin tuân chỉ.

Tết Tân Sửu, Hành cung Dâm Đàm gồm bảy tòa nhà, mỗi tòa bốn tầng được khánh thành. Đường xuống hồ cao chín bậc lát đá hoa cương nối với bảy tòa nhà nổi bằng bốn chiếc cầu có lan can mạ vàng bạc lấp lánh như những dải cầu vồng...

Lý Nhân Tông cho đóng một chiếc Du đỉnh bốn tầng chứa được vài trăm người, có thể múa hát thâu đêm, đi vòng quanh hồ mà không sợ sóng to gió lớn. Ngoài ra còn một chiếc Lâu thuyền, hai chiếc Tẩu kha chạy nhanh như gió và hàng chục thuyền con vừa chơi vừa câu cá.

Một hôm nhà Vua cùng Tây phi ngự trên đỉnh Du đỉnh chăm chú theo dõi cảnh hoàng hôn, mặt trời khuất dần sau rặng núi xa xa, những tia nắng tím đỏ loé lên như chiếc quạt lửa khổng lồ thì nhìn thấy một chiếc thuyền đánh cá nhỏ xíu. Một người lao từ trên thuyền xuống hồ rồi mất hút. Lý Nhân Tông vội vàng gọi viên Đô tướng Ngự long quân:

- ở kia có người tự tử. Người mau đưa thuyền ra cứu người ta.

Khoảng nửa giờ sau, viên Đô tướng về tâu:

- Không phải là người tự tử mà ông ta thấy trời nóng bức quá liền nhảy xuống đáy hồ ngủ cho yên giấc.

- Người nói sao. Ngủ ở đáy hồ à? Người không sợ mất đầu đấy chứ?

- Dạ. Thần đã hỏi kỹ ông ta. Ông ta nói vậy ạ.

- Người hãy bảo ông ta gặp trẫm. Nếu đúng vậy ta sẽ có thưởng. Nếu lỡm ta là mắc tội khi quân. Chém!

Một lát sau viên Đô tướng dẫn một người đàn ông đầu tóc xõa sợi, đen như bức tượng đồng, có đôi mắt xếch ngược kỳ dị.

Người đàn ông ấy tên là Mục Thận.

Phần bốn: Mục Thận

XV

Làng Công Thụy phía tây hồ Dâm Đàm có con đường đá rộng chia làng thành hai xóm: xóm Sơn Tràng và xóm Chài. Xóm Sơn Tràng gọi tắt là xóm Sơn chuyên vào rừng khai thác gỗ và săn bắt thú, đánh bẫy chim muông. Xóm Chài chuyên nghề đánh bắt cá trên hồ Dâm Đàm. Mùa cá bột người ta đua nhau ra sông Nhĩ Hà hót cá bột đổ vào hồ, coi việc đó là việc làm sinh phúc. Mùa cá vật mình dân xóm Chài không bao giờ bắt những con cá đang mang trứng. Ai làm chết những con cá như thế là mắc tội với thần linh, nếu không làm lễ tạ sẽ mắc bệnh vô sinh, hoặc con cái lớn lên sẽ gây ra họa lớn.

Đầu xóm Chài có đôi vợ chồng già họ Mục vừa hiền lành vừa ít nói. Mùa bột nào ông bà cũng hót được rất nhiều cá bột đem đổ vào hồ và không biết có lần nào vô tình làm chết những con cá chưa không mà ông bà rất hiếm hoi, năm mươi tuổi vẫn chưa một lần sinh nở. Ông bà buồn bã thường ngẩng mặt lên trời mà than thân trách phận.

Một hôm đi đánh cá về ông bà Mục bắt gặp một con cáo con sắp chết đói. Ông bà bèn đưa cáo về nhà nướng cá cho ăn. Đến khi cáo khoẻ, đuối thế nào nó cũng nhất định không đi. Cứ thế, cáo lớn lên tinh khôn, khỏe mạnh. Cuối năm làng Công Thụy bỗng nhiên ầm lên chuyện những con gà béo nục bên xóm Sơn bỗng nhiên biến mất. Họ nghi có kẻ đã chủ tâm bắt trộm. Họ bèn tổ chức lùng sục. Khi tới vườn nhà vợ chồng ông lão Mục họ phát hiện ra rất nhiều lông gà. Vợ chồng ông lão mới ngã ngửa, biết là chỉ có cáo đã làm việc ấy, nhưng không nỡ để dân làng giết chết nó bèn nhận tất cả. Từ đó hai vợ chồng già bị dân làng ghét bỏ, sống thui thủi một mình. Cáo biết lỗi nên ân hận lắm, buồn bã bỏ ăn mà chết.

Năm ấy bà lão bỗng thấy chuyển mình. Cái bụng cứ mỗi ngày mỗi phình to. Mùa thu năm Canh Dần bà lão sinh một cậu con trai đen trũi, có đôi mắt xếch ngược, luôn đảo qua đảo lại gian giảo như mắt cáo trông hết sức kỳ dị. Ông bà mừng lắm, đặt tên con là Mục Thận. Mục Thận lớn nhanh như thổi, thông minh, khỏe mạnh. Cậu ghét cay ghét đắng dân xóm Sơn và chẳng bao giờ thèm làm bạn với trẻ con trong xóm. Thường ngày cậu đi lang thang khắp làng Công Thụy, sang cả các làng bên cạnh. Cậu ngăm so sánh những ngôi nhà cậu nhìn thấy với nhà mình và thề rằng nhất định nhà cậu phải giàu có hơn những nhà ấy hoặc những nhà ấy phải lụn bại mà nghèo hơn nhà cậu.

Năm cậu lên mười, cả hai ông bà lần lượt qua đời. Cậu tiếp tục theo nghề cha mẹ chài lưới, buông câu quanh hồ. Cậu rất sát cá, lại học được nghề bẫy Sâm Cầm nên chả mấy cậu đã có khá nhiều tiền.

Sâm Cầm là loài chim di cư, lông màu đen, chân ba ngón có màng như chân vịt, vì thế chúng có thể vừa bay trên không vừa bơi lội rất giỏi trên mặt nước. Hàng năm Sâm Cầm bay từ phương Bắc về tránh rét làm xáo động khắp vùng hồ. Mùa xuân chúng lại rủ nhau bay về phương Bắc. Nơi ấy là nơi chúng tìm được những củ sâm hàng nghìn năm tuổi. Chuyên ăn sâm và những cây thuốc quý nên thịt Sâm Cầm vừa ngon vừa bổ, có thể chữa được rất nhiều chứng bệnh nan y, là loại đặc sản rất quý hiếm. Sâm Cầm thường bay từng đàn đông hàng ngàn con, khi sà xuống mặt nước tạo một vùng sóng đen nhấp nhô kỳ ảo. Sâm Cầm rất tinh khôn nên bắt chúng không phải là chuyện dễ. Chúng bay rất cao, đột ngột lao xuống bất kỳ chỗ nào trên mặt hồ nên khó tìm nơi săn bắn và đặt bẫy. Những người săn Sâm Cầm thường rất giỏi lặn ngụp. Họ có thể từ xa lặn vào giữa bầy Sâm Cầm nhẹ nhàng bắt từng con nhét vào túi, rồi lại lặn ra để cho chúng thở, nếu không chúng sẽ chết ngạt. Người ta chỉ mua những con Sâm Cầm sống vì cho rằng khi chết để lâu mặt Sâm Cầm sẽ tan ra, tiêu huỷ mất nhiều chất bổ.

Mục Thận là người lặn ngụp rất giỏi. Một ông lão thuyền chài thấy cậu có quý tướng lại mồ côi cha mẹ từ sớm nên đã truyền cho bí quyết lặn ngụp. Cậu có thể ở dưới nước cả ngày, có thể lặn

lâu cả canh giờ, lặn sâu xuống tận những vùng đáy hồ tối sẫm.

Một hôm cậu dùng lưới đánh cá rải trên mặt nước bắt được mấy chục con Sâm Cầm. Có người mách đem Sâm Cầm vào kinh thành Thăng Long bán sẽ được giá gấp mười lần. Cậu liền mò mẫm vào Thăng Long. Quả thật cậu bán được rất nhiều tiền, đến nỗi tất cả các túi áo đều nhét đầy mà vẫn không hết. Cậu liền thuê một chiếc xe ngựa đi thăm thú khắp kinh thành. Cậu đi tới một ngôi chùa, thấy rất nhiều người đang chen chúc nghe một pháp sư rao giảng về pháp thuật. Ông ta nói rằng ở nước Đại Lý có những người biết phép biến mình thành hổ, thành sư tử, có thể hô phong hoán vũ, đi mây về gió. Ông ta bảo cũng có thể biến mình thành hổ nhưng chỉ trong nháy mắt vì đạo pháp của ông chưa thật cao siêu.

Mục Thận nghĩ: Người Đại Lý và cả cái ông thầy này biết phép biến hoá thì tại sao mình lại không? Mục Thận trở về hỏi ông lão thuyền chài, ông bảo những điều pháp sư nói là có thật và kể cho cậu nghe rất nhiều chuyện về người hóa hổ, người cầm tinh hổ. Một trong những chuyện Mục Thận thích thú nhất là chuyện về hai cha con họ Tiết đời Đường, một người cầm tinh Bạch hổ, một người cầm tinh Hắc hổ.

Giấc mơ biết phép thuật cứ lớn dần theo tuổi tác. Năm mười sáu tuổi cậu lại vào kinh thành tìm tới người pháp sư năm xưa để xin học đạo, nhưng không tìm thấy. Người ta bảo ông đã hóa hổ, làm chúa sơn lâm ở một khu rừng.

Mười chín tuổi. Một lần đi vào rừng tìm cây thuốc chữa bệnh cho ông lão thuyền chài, Mục Thận nhìn thấy một con hổ trắng to lớn từ dưới dốc Vọng Thị đi lên. Thận sợ quá vội vàng leo tót lên ngọn cây lim già thu mình giữa chạc ba chờ cho hổ đi qua. Phần vì rét, phần vì sợ hãi Mục Thận run lên cầm cập, tưởng như cây lim già sắp sửa bật tung cả gốc. Lúc sau Thận thấy một bóng người đang cầm cúi, vội vã từ phía xứ Đoài tiến lại chân dốc. Thận càng lo sợ. Chắc người ấy sẽ phải nộp mạng cho Bạch hổ. Thận muốn tìm mọi cách ra hiệu cho người ấy dừng lại, quay gót. Nhưng rồi Thận lại nghĩ: Cứ để người ấy đến, nếu không có khi mình sẽ phải nộp mạng. Nghĩ thế Thận thấy vui vui, chăm chú theo dõi từng bước chân của người đi đường. Người ấy tiến lại rất nhanh. Thận đã nhận ra đó là một chàng trai có lẽ cũng trạc tuổi mình, có đôi mắt sáng quắc, hai mái tai xệ xuống như tai Phật và đôi tay dài quá gối.

Chàng trai đã phát hiện ra Bạch hổ. Thận hồi hộp chờ đợi cái thời khắc chàng trai sẽ hốt hoảng quay gót, ù té bỏ chạy hoặc run bắn lên rồi ngã vật ra ngất lịm. Dù thế nào thì chỉ chút nữa thôi Thận sẽ phải chứng kiến một cái chết đơng đau kinh khủng, nhưng lại vô cùng cần thiết để Thận thoát thân.

Nhưng không. Chàng trai tiếp tục tiến lên. Khi cách Bạch hổ chừng mười thước, chàng trai đứng khựng lại, đôi mắt sáng quắc đầy uy lực chiếu thẳng vào mắt Bạch hổ.

Cứ thế, thời khắc chậm chạp trôi qua. Mắt Mục Thận bỗng hoa lên sau một cái rung mình Thận bỗng thấy chàng trai biến thành Bạch hổ, đang gầm gừ như chuẩn bị lao lên quyết chiến cùng hổ thật. Trên tảng đá hổ trắng bỗng gầm lên một tiếng kinh thiên động địa, rồi quay người quật mạnh đuôi vào gốc lim già, nhẩy vọt vào rừng xanh. Chàng trai bình thản leo lên dốc, rồi cứ thẳng đường đi như bay về xứ Bắc. Mục Thận bừng tỉnh, vội vàng tụt xuống gốc cây chạy theo chàng trai xin được nhận làm đệ tử. Nhưng chàng trai như có phép thông công đã mất hút trong đại ngàn trùng điệp. Mục Thận buồn lắm, vô cớ căm giận chàng trai, vung rìu chém mạnh vào gốc cây lim già mà thề rằng: "Ta quyết đi tìm đạo sĩ. Không học được phép thuật ta quyết không về. Rồi xem ai sẽ hơn ai".

*

Ngay hôm sau Mục Thận trở lại dốc Vọng Thị, cứ theo đường mòn đi ngược về xứ Đoài. Thận tin là người trai trẻ cũng vừa học đạo từ xứ ấy trở về. Ba ngày sau đi tới Trúc Sơn, Thận gặp một toán cướp. Toán cướp lấy hết tiền bạc, trói gô Thận dẫn về đại bản doanh. Đó là đại bản doanh của tướng cướp khét tiếng Lâm Thành Quân.

Lâm Thành Quân người Lô Khoái, sinh ra đã dị tướng, lớn lên có sức khỏe phi thường. Năm tám tuổi, cha mẹ vì nghèo không có tiền nộp tô, bị tên Đô tướng Lô Khoái đánh đập, về nhà thì chết. Quân căm uất theo thầy học võ. Năm mười bốn tuổi, Quân đột nhập phủ Khoái giết chết tên Đô tướng, rủ bạn bè bỏ xứ lên vùng Đoài làm nghề thảo khấu. Quân án ngữ vùng ngã tư Trúc Sơn - nơi hai con đường nối xứ Đoài với xứ Đông, xứ Bắc giao nhau. Quân cướp của nhà giàu giữ lại một phần còn đem chia hết cho dân nghèo, nên được nhiều người tin theo, có lúc bản doanh lên tới mấy nghìn người. Triều đình cho quân đi đánh dẹp, nhưng Quân như đám bèo tan rồi lại hợp, không làm sao mà trừ tận gốc. Vả lại Quân vẫn tôn trọng triều đình, hàng năm vẫn cho người đem về kinh nộp những khoản tiền lớn, những của ngon vật lạ và hứa không bao giờ xâm phạm đến những người làm quan liêm chính, thương dân. Quân cho rằng vua vẫn là Thiên tử yêu nước thương dân; các quan trong triều đều là những người quân tử. Chỉ có bọn quan lại địa phương cậy thế cậy quyền, hà hiếp dân lành nên phải thẳng tay trừng trị.

Lâm Thành Quân thấy Mục Thận có quý tướng thì yêu lắm bèn giữ lại dạy cho các bí kíp võ công. Năm sau lại gả con gái út là Lâm Tuyết Nhi cho Thận. Khi bà Nguyên phi ỷ Lan đích thân xa giá tới đại bản doanh Trúc Sơn, Lâm Thành Quân đã vô cùng khâm phục, xin hoàn lương, đem tiền bạc hưng công xây dựng chùa Cư Liên và dựng tượng Quan Âm nữ.

Bỏ nghề thảo khấu, vợ chồng Mục Thận trở về Dâm Đàm cất một ngôi nhà to. Năm sau vợ Thận đẻ một bọc hai cậu con trai rất khôi ngô, có quý tướng.

Hai con chập chững biết đi, Mục Thận lại nhớ chí lớn của mình bèn khăn gói lên đường đi vào xứ trong vùng Hoan, ái. Thận gặp một đạo sĩ khi đi qua núi Thanh Tĩnh. Một năm làm đệ tử của Thanh Tĩnh đạo trưởng Mục Thận học được khá nhiều phép thuật, nhưng thuật hóa hổ thì Thanh Tĩnh không truyền. Thận bèn bỏ Thanh Tĩnh đi tới núi An Hoạch, bái An Hoạch Thần Tôn làm sư phụ. Mục Thận lại học được khá nhiều phép thuật nhưng vẫn không học được phép hóa hổ.

Trung thu năm ất Mão thầy trò đang thưởng trăng thì An Hoạch Thần Tôn giơ tay bảo học trò:

- Các con có nhìn thấy kiếm tinh xuất hiện ở phía Bắc kia không? Đất nước sắp có binh đao, các con hãy đem tài sức của mình ra cứu quốc.

Hôm sau các học trò rời An Hoạch Sơn xuống núi. Mục Thận về thăm vợ con rồi ngược lên phía Bắc nhập đạo quân thủy đánh thành Ung Châu. Với võ công và những phép thuật lạ. Mục Thận đã lập nhiều công lớn. Khi những tên lính Tống cuối cùng rời khỏi bờ bắc sông Như Nguyệt thì Mục Thận cũng bỏ quân ngũ trở về hồ Dâm Đàm, sau đó tìm về An Hoạch Sơn tu đạo. Tới An Hoạch Sơn, Mục Thận và các học trò mới hay khi các học trò vừa đi hết thì An Hoạch Thần Tôn cũng đột ngột qua đời để lại ba bảo bối trong hang Xích Quỷ.

Hang Xích Quỷ chênh vênh trên vách đá, chỉ có một lối nhỏ lọt vào. Cả đám học trò ai cũng muốn đoạt được bảo bối nên tranh cướp nhau vào trong hang Xích Quỷ. Bao nhiêu người trượt chân rơi xuống núi bỏ mạng, còn lại dùng hết phép thuật đã học được để tiêu diệt lẫn nhau, mong bảo bối lọt vào tay mình. Dĩ nhiên Mục Thận tài trí hơn người, võ thuật cao siêu, lại tinh luyện các môn của Thanh Tĩnh đạo trưởng nên đã chiến thắng. Mục Thận hồi hộp mở khóa chiếc hòm sắt nặng trĩu trên đề bốn chữ "An Hoạch bảo bối" hy vọng tìm thấy bí quyết hóa hổ. Nhưng than ôi, hòm sắt rỗng tuếch, phát phơ ba tờ giấy hồng điều mỗi tờ ghi một chữ "Thiên", "Địa", "Nhân". Mục Thận cho là thầy đã lừa, nên vừa căm tức, vừa buồn chán bỏ ra về.

Nàng Lâm Tuyết Nhi mừng lắm. Từ đó hai vợ chồng ban ngày chăm chỉ chài lưới săn bắt Sâm Cầm, ban đêm cùng nhau tọa thiền, luyện võ công vui đùa cùng con cái. Nhưng cuộc sống êm ả đó không kéo dài được lâu. Những lúc nghe tiếng hổ gầm trong rừng già, Mục Thận lại nhớ tới chàng trai trên dốc Vọng Thị năm xưa, nhớ vị pháp sư, nhớ tới những ông thầy và ước mơ học được phép hóa hổ lại bùng cháy dữ dội. Những đêm trăng sáng, Thận lơ đãng bơi con thuyền nhỏ du ngoạn quanh hồ.

Hôm ấy là một ngày đầu tháng, trăng thượng tuần chênh chếch rơi vào vách đá, Thận chợt thấy một luồng hào quang và linh khí bốc lên từ một khe đá. Ông bèn lách con thuyền nhỏ vào sát những vách núi, và ông đã phát hiện ra một cửa hang bị che lấp bởi rất nhiều những sợi dây leo lỏng thông từ trên cao rủ xuống. Không ngần ngại ông cho con thuyền lách qua những chùm dây leo chằng chịt đi mãi vào trong hang. Càng đi ông càng kinh ngạc không hiểu từ đâu lại có cái động kỳ bí tuyệt đẹp này. Theo những bậc thang đá, ông lại càng ngạc nhiên vì lưng chừng núi trong cái hang có hai ô cửa sổ như hai con mắt có thể nhìn rất rõ kinh thành lại có cả một ngôi chùa mà tất cả mọi thứ đều làm bằng đá. Những pho tượng uy nghi, chiếc mõ tròn nổi sọc tiếng kêu rất giòn, những chuông khánh lạnh lạnh âm vang. Cả những nải chuối, quả cau, những lá trầu, cả những tập sách kinh, những bức họa và rất nhiều đồ thờ... cứ như nơi đây đã bị quỷ thần trừng phạt biến tất cả thành đá chứ không phải những hòn đá tự nhiên hay do con người gia công đẽo gọt. Ông cho đó là sự xếp đặt của trời đất. Trời đã tạo cho ông một nơi tu luyện. Trời đã cho ông cuộc sống của một đạo nhân xa cõi đời nhưng vẫn gắn với gia đình, gắn với niềm vui sông nước. Thế là ông lại từ già vợ con dọn vào cái động mà ông tự đặt cho cái tên là động Già La và ngôi chùa đá ông gọi là Thạch Sơn Tự để tu luyện đạo pháp.

Một buổi sáng mù sương, buổi tọa thiền đang đưa ông vào vô thức bỗng thấy trời bừng sáng, sương tan rất nhanh và ông nghe có tiếng boi chèo, tiếng người lao xao, tiếng chân bước vào Thạch Sơn Tự cùng với mùi thơm ngọt ngào quý phái. Ông im lặng, không nhúc nhích. Bằng cảm giác và sự am hiểu ông biết rằng những bước chân nhẹ nhàng kia, mùi thơm quyến rũ kia nhất định phải là của những ông hoàng, bà chúa.

Ông hé đôi mắt xéch kỳ dị đảo nhanh những người đang ở trong tự. Ông đã nhận ra người đàn bà đang mê mải ngắm Thạch Sơn Tự chính là Hoàng Thái Hậu ý Lan. ôi, thiên hạ đồn đại đâu có sai, ý Lan quả là người đàn bà phi phàm, đẹp như Phật Quan Âm, khí thái anh minh như một vị nữ hoàng. Cả đời Mục Thận chưa bao giờ được ngắm nhìn người đàn bà nào đẹp thế, quyền sang đến thế. Giấc mơ hóa hổ của ông bỗng tiêu tan. Ông mơ đến những chuyện bình dị hơn, dung tục hơn. Ông cứ ngồi như thế cho những ước mơ, những ham muốn lớn dần. Và lạ thay những gì diễn ra sau đó lại đúng như những gì ông tưởng tượng, ông ước mơ.

Sau cái buổi chiều lịch sử và kỳ lạ ấy, ông bỗng ngộ ra rằng: Không có cái gì cao sang hơn cuộc sống, rằng con người không nên thoát khỏi hiện tại. Người ta sống không thể thiếu những ước mơ nhưng chớ nên chạy theo những điều hoang tưởng. Từ đó Mục Thận vẫn tọa thiền, vẫn luyện võ công nhưng tham vọng biến được mình thành hổ đã vơi đi rất nhiều. Ông xuống núi trở về với vợ con, chăm chỉ chài lưới, say sưa săn bắt những chú Sâm Cầm và những buổi chiều lơ đãng ngóng về động Già La, mơ giấc mơ huyền thoại.

*

Đang thông thả buông câu, Mục Thận ngược đôi mắt xéch nhìn về phía chiếc Du đỉnh uy nghi cắm bốn lông vàng, chớp lóng lánh trong ánh chiều tà. Mục Thận biết ngay đức Vua đang ở đó. Ông lại mơ có dịp được gần gũi đức Vua và như thế sẽ có cơ gặp được Hoàng Thái Hậu. Ông bèn cho thuyền quay tít, rồi gõ rất mạnh vào mạn thuyền đuổi cá. Khi thấy hai bóng người trên đỉnh Du đỉnh đứng dậy hướng mặt về phía mình, ông bèn lao xuống nước, lặn vào thân thuyền quan sát.

Và cũng thật kỳ lạ, những gì ông ước muốn đã diễn ra đúng y như thế. Ông được nhà Vua và Tây phi mời đến. Khổ công tu luyện gần ba mươi năm của ông đã khiến nhà Vua vô cùng ngưỡng mộ. Nhà Vua phán:

- Kỳ tài. Ngươi quả là kỳ tài. Trẫm muốn từ nay ngươi sẽ luôn ở bên trẫm, bảo vệ trẫm. Nhưng trẫm còn băn khoăn: Liệu ngươi có biết võ công không?

- Dạ, muôn tâu. Thảo dân không những luyện đạo pháp, phép thuật mà còn luyện võ công vì thảo dân hiểu rằng muốn bảo toàn đất nước, phải giỏi võ công, phải noi theo tấm gương Thái úy. Còn thuật phép chỉ nên dùng để an dân.

- Hay, hay lắm. Vậy người hãy cùng viên Đô tướng tỏ chút ít bản lĩnh để trẫm và Tây phi coi thử.

Viên Đô tướng vâng mệnh ra đòn. Mục Thận đứng trơ như đá. Khi quả đấm nặng trịch của viên Đô tướng giáng vào mặt, Mục Thận mới khẽ lắc đầu, vung tay trái bắt gọn cổ tay Đô tướng, dứt khẽ một cái. Cả người viên Đô tướng tung lên lao vút qua rèm cửa, nếu Mục Thận không nhanh đưa tay phải túm lấy cổ chân thì cả người viên Đô tướng đã lao từ đỉnh Du đình bốn tầng xuống đáy hồ, chắc sẽ làm mồi cho cá.

Cả Hoàng thượng và Tây phi đều ồ lên tán thưởng, không ngớt lời khen ngợi. Nhà Vua bảo:

- Trẫm phong người chức Đô úy hàng thất phẩm. Hàng ngày người và Đô tướng sẽ luôn ở bên cạnh trẫm. Cố người trẫm yên tâm lắm.

Mục Thận quỳ xuống:

- Xin đa tạ Hoàng thượng. Thần xin kính chúc Hoàng thượng, kính chúc Tây phi vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế.

Hôm đó là buổi chiều tháng quý hạ năm Hội Phong thứ ba đời vua Lý Nhân Tông.

Từ đó những lúc thiết triều, những khi tiếp sứ thần, làm việc với các đại thần, Lý Nhân Tông và Tây phi luôn triệu Mục Thận vào cung biểu diễn những phép thuật kỳ lạ. Mục Thận lại ước ao mình biết phép hóa hổ để được nhà Vua phong tặng danh hiệu "Đệ nhất kỳ tài", bèn ngầm cho người đi dò hỏi tung tích chàng trai trẻ năm xưa, còn cho cả người sang Đại Lý tìm thầy quyết học bằng được phép "người hóa hổ".

XVI

Để tỏ lòng biết ơn vua Lý đã cử Hàn lâm học sĩ Mạc Hiến Tích sang sứ, Chiêm Thành đã cử Chế Cương một đại thần trọng yếu, cũng là người rất giỏi đạo Lão, mọi thần phù bảo ẩn đều tinh thông, sang đáp lễ.

Tháng 9 năm Giáp Tuất Chế Cương tới Thăng Long. Lúc bấy giờ Vua bận chuẩn bị tiếp sứ nên Mục Thận được ra ngoài, đến cửa Đại Hưng chờ xem sứ giả. Chế Cương đi qua, giờ tay bắt quyết rồi bảo:

- Đại quốc có người kỳ tài tinh thông pháp thuật, sao lại rảnh rỗi nhõn nhõn dong chơi ngoài phố xá?

Mọi người hỏi là ai thì Chế Cương chỉ tay về phía Mục Thận: "Phi người tướng mạo như hồ tinh hiện hình thì còn ai nữa?". Viên quan gác chính môn báo lại cho quan nội giám. Quan nội giám tâu lên đức Vua. Đức Vua cả mừng cho đòi Mục Thận vào chầu.

Chưa bao giờ Mục Thận được giáp mặt đông đủ văn võ bá quan nên sợ lắm. Đến khi được nhà Vua cho phép, Mục Thận mới ngược đôi mắt xếch kỳ dị lên nhìn trộm từng người. Mục Thận giật mình khi nhìn thấy vị quan nhất phẩm đôi mũ cánh chuồn ngồi hàng ghế đầu. Trông vị quan rất quen. Đôi mắt sáng quắc, dáng ngồi đường bệ như dáng hổ, hai dải tai xệ dài như tai Phật... nhất định là Mục Thận đã gặp ở đâu rồi. Mục Thận lục tìm trí nhớ, lục tìm các ký ức. Cái buổi sáng mùa đông lất phất mưa phùn bỗng hiện lên. Đúng rồi, vị quan đầu triều kia đúng là chàng trai năm xưa trên dốc Vọng Thị. Thì ra chàng trai ấy chính là Thái sư Lê Văn Thịnh - Người đỗ đầu khoa thi ất Mão, người đã dùng ba tấc lưỡi đòi lại cả một vùng đất đai rộng lớn trù phú phía Bắc biên cương, người mới vào chốn quan trường có mười một năm đã nhảy lên hàng nhất phẩm dưới một người mà trên ức vạn người. Mục Thận chăm chăm ngắm nhìn vị Thái sư, vừa khâm phục sợ hãi, vừa thêm khát ghen tỵ. Có lẽ Lê Văn Thịnh cũng trạc tuổi mình, mọi thứ trên cơ thể cũng chỉ như mình nhưng vì sao ông ta lại làm quan to thế, vì sao ông ta trở thành một người đứng đầu bá quan văn võ? Ông ta có tài gì nhỉ? Văn chắc là giỏi hơn mình, còn võ thì sao? Liệu Lê Văn Thịnh có nhiều phép thuật như mình không? Mục Thận chợt nhớ ra cái dáng gằm gù của Bạch hổ và bỗng giật mình. Đúng rồi. Chỉ vì ông ta học được phép hóa hổ. Phép hóa hổ đã hù dọa mọi người. Những ông giám khảo, những sứ thần nhà Tống và cả đức Vua. Tất cả là nhờ phép hóa hổ. Mục Thận bỗng thấy người nóng ran, tai ù đi. Cảm giác vừa sợ vừa căm lại bùng lên dữ dội.

Sau mấy trò biểu diễn của sứ Chiêm Thành, Lý Nhân Tông cho gọi Mục Thận ra trở tài đáp lễ. Mục Thận vô cùng lúng túng. Mọi thao tác ngày thường bỗng nhiên quên bật. Mục Thận đứng trờ ra, ngơ ngác.

Thấy thế Thái sư đi tới nói nhỏ với Mục Thận: "Bản lĩnh ngày thường của Đô úy vụt đi đâu? Chẳng lẽ Đô úy sợ hãi sứ Chiêm đến thế sao?". Vừa nói ông vừa chiếu ánh mắt nghiêm nghị, nhân từ vào đôi mắt xếch của Mục Thận. Mục Thận bừng tỉnh. Chưa bao giờ Thận có buổi biểu diễn nào lại hay và điêu luyện đến thế. Chế Cương vô cùng thán phục. Nhà Vua rất hài lòng. Mục Thận thầm tấm tắc khen đạo hạnh của Thái sư cao tay đã trấn yểm bùa mê của sứ Chiêm, giải cho ông bùa mê thuốc lú.

*

Buổi tiếp sứ Chiêm kết thúc. Mục Thận được Quốc sư Khô Đầu hết sức khen ngợi.

Khi còn ở Trúc Sơn, một lần Mục Thận đi ngang qua ngôi chùa dưới chân núi Đuổm thấy một hòa thượng ngồi chênh vênh trên đỉnh một tảng đá nhọn hoắt tọa thiền, Thận cho là người biết phép thuật bèn lân la tới gần. Đợi mãi không thấy hòa thượng mở mắt, Mục Thận đánh bạo hỏi:

- Thừa hòa thượng. Thầy có thể nhận con làm đồ đệ không? Con muốn thầy dạy cho thuật hóa hổ.

Miệng hòa thượng bèn lầm rầm "Thiện tai, thiện tai". Trời sắp tối mà hòa thượng vẫn không mở mắt, vẫn luôn miệng "Thiện tai, thiện tai". Mục Thận thất vọng quá trở về Trúc Sơn, vừa đi vừa nguyền rủa.

Khi vào núi An Hoạch. Một hôm thấy hòa thượng năm xưa ngồi đàm đạo với An Hoạch Thần Tôn. Mục Thận liền đi lướt qua. Hòa thượng nói ngay:

- Thế ra ngươi đã tìm được thầy. Hóa hổ chẳng bằng hóa cáo.

Hòa thượng đứng dậy ra về. Mục Thận hỏi, thầy bảo đó là nhà sư Khô Đầu trụ trì chùa Vạn Tuế.

Gần đây Mục Thận mấy lần đi theo đức Vua và Tây phi tới chùa, lần nào cũng được Quốc sư hỏi tỹ mỹ về thuật pháp, nhất là thuật hóa hổ. Vì thế Mục Thận cố đi gần Quốc sư ra cửa Quảng Phúc, vừa đi vừa dò hỏi tìm hiểu về Thái sư. Quốc sư bảo: Thái sư là người văn tài, võ giỏi, mưu lược, biện luận hơn người, là trụ cột của Đại Việt. Nhưng Thái sư không ưa Đạo giáo, không cùng đường với đạo Phật.

- Vâng. Quốc sư nói mọi cái đều đúng, nhưng bảo Thái sư không ưa Đạo giáo là không đúng vì Thái sư là người rất giỏi bùa chú, Thái sư còn biết thuật hóa hổ.

Quốc sư cười. Mục Thận liền kể lại câu chuyện trên dốc Vọng Thị năm xưa. Quốc sư trầm ngâm suy nghĩ rồi bảo:

- Vậy thì Đô úy hãy tìm cách học cho được thuật đó, hoặc là bắt Thái sư để lộ cho mọi người biết là mình đã học được thuật hóa hổ. Công ấy không nhỏ đâu Đô úy ạ.

*

Ba ngày sau Mục Thận đem lễ vật xin yết kiến Thái sư. Vừa nhìn thấy Lê Văn Thịnh, Mục Thận đã vội vàng quỳ sụp xuống lạy ba lạy:

- Tiểu nhân đa tạ Thái sư, đa tạ sư phụ. Tiểu nhân có chút lễ mọn gọi là một chút tri ân.

Lê Văn Thịnh hết sức ngạc nhiên, đỡ Mục Thận đứng dậy, hỏi:

- Ta không có công gì với ông, sao ông lại đa tạ ta, lại biếu quà ta? Ta với ông có lẽ tuổi tác tương đương, sao ông lại gọi ta là sư phụ?

- Bẩm Thái sư. Thái sư không thấy là hôm tiếp sứ thần Chiêm tiểu nhân bỗng nhiên mất hết quyền pháp, nếu không có Thái sư cao tay trấn yểm chắc tiểu nhân đã làm bể mặt triều đình, Đại Việt sẽ bị sỉ nhục. Tội đó tiểu nhân làm sao giữ nổi cái đầu? Dẫu có chết tiểu nhân còn chưa trả được công ơn của Thái sư hướng chi là một chút quà mọn, một lời đa tạ. Tiểu nhân đã mang nguyện ước hai mươi sáu năm là mong được bái Thái sư làm sư phụ. Mong Thái sư bớt chút thời gian, chiếu cố tấm lòng ngưỡng mộ của tiểu nhân mà nhận cho. Tiểu nhân xin bái Thái sư chín lạy.

Dứt lời Mục Thận quỳ sụp xuống vái lấy vái để. Lê Văn Thịnh phải giữ tay Thận lại, hỏi:

- Thế ông muốn học cái gì ở ta?

- Dạ. Bẩm sư phụ. Con muốn học tất cả: Văn, võ, pháp thuật. Nhưng biết sư phụ là quan đầu triều bận trăm công ngàn việc nên chỉ dám xin sư phụ dạy cho một thuật.

- Là thuật gì?

- Dạ. Chỉ xin sư phụ dạy cho con thuật hóa hổ.

- Hoá hổ?

- Dạ. Vâng ạ.

- Ta làm sao biết thuật hóa hổ. Mà làm gì có chuyện người hóa thành hổ mà ông xin học. Ông chớ có nghe bọn đạo gia bịa chuyện, chớ tin vào những điều nhảm nhí.

- Bẩm sư phụ. Con không hề nghe ai mà là chính con đã trông thấy sư phụ hóa thành Bạch hổ. Vâng. Chính mắt con.

- Chính mắt ông thấy ta hóa hổ. Ông có nhầm không đấy? Cách đây ba ngày ta mới gặp ông lần đầu, làm sao ông lại nhìn thấy ta hóa hổ. Mà ta làm sao có thể hóa được thành hổ để ông trông thấy. Ông hãy nói rõ ta nghe xem nào.

Bấy giờ Mục Thận mới thông thả kể lại câu chuyện xảy ra trên dốc Vọng Thị giáp tết năm Kỷ Dậu cách đây đã ngót hai mươi sáu năm.

Thật không ngờ. Lê Văn Thịnh tìm mọi cách giải thích, thanh minh nhưng Mục Thận quyết không nghe, cứ khẳng khẳng bảo thầy Lê Văn Thịnh biết thuật hóa hổ.

Lê Văn Thịnh nghĩ: Con người này quá cố chấp, lại mê muội bởi những chuyện viễn vông. Nhưng xem ra ông ta cũng là người có tài, biết khá nhiều những thuật phép lạ và theo viên Đô tướng hầu cận nhà Vua thì võ công cũng khá. Lê Văn Thịnh chợt nghĩ tới Tây phi. Đó là điều ông lo lắng nhất, bởi sự an nguy của xã tắc, an nguy của đức Vua đang nằm trong tay ả. Ông tin là ả không hoạt động một mình, ả phải chịu sự chỉ huy từ bên đất Tống. Vì thế ông đã bố trí mạng lưới dày đặc để có thể bắt quả tang những hành vi phản loạn, thuyết phục nhà Vua. Nhưng mọi nỗ lực của ông đều chưa mang lại kết quả. Mục Thận là người luôn được Hoàng thượng và Tây phi tin dùng, luôn ở bên họ những lúc ngao du, rồi rãi. Ông tin là bọn thám báo sẽ lợi dụng những thời khắc ấy để liên lạc với Tây phi. Ông chợt nảy ra ý định sử dụng viên Đô úy này vào việc lớn. Ông giả bộ lúng túng, bảo:

- Ta không ngờ ông lại biết được bí mật này. Thôi được. Ta hứa sẽ nhận ông làm đồ đệ, nhưng với một điều kiện...

- Xin sư phụ cứ nói. Dù phải lên trời xuống biển con cũng quyết hoàn thành, miễn là sư phụ nhận lời dạy con thuật biến mình thành hổ.

- Được...

Thái sư ghé sát tai Mục Thận nói rất lâu rồi dặn: "Cứ thế, cứ thế... Ta nhất định sẽ truyền cho ông cái thuật hóa hổ".

*

Một hôm nhà Vua và Tây phi ngự trên chiếc Lâu thuyền trôi lững lờ giữa hồ Dâm Đàm, Mục Thận trông thấy một chiếc thuyền đánh cá đang giăng lưới. Nhưng... Mục Thận chăm chú lắng nghe. Dân chài lưới Dâm Đàm không có nhịp gõ này. Nhịp gõ nghe giống như người đang cắc trống đùa giỡn với một ả đào xinh đẹp, nhịp gõ lạc lõng giữa một vùng mênh mang sóng nước. Trong lòng nghi hoặc, ông bèn trao đổi với viên Đô tướng, rồi thay trang phục, lấy một chiếc thuyền nhỏ áp sát chiếc thuyền đánh cá. Đôi mắt xéch nhanh như mắt cáo của ông sục sạo khắp khoang thuyền của người đánh cá. Ông vô cùng ngạc nhiên vì trong thuyền không hề có cá. Chả lẽ cả buổi sáng giăng lưới lại không được một con cá nào? Ông cho thuyền lướt một vòng, khua bơi chèo sâu xuống đáy hồ. Bơi chèo vẫn rề nước nhịp nhàng lên xuống, không có gì vướng mắc. Bây giờ ông có thể khẳng định chiếc thuyền kia không đánh cá, chủ nhân của nó

cũng không có ý định đánh cá. Vậy hai người một chèo thuyền, một đang vung dùi gỗ nhíp mạn thuyền kia đang làm gì?

Mục Thân khôn khéo lảng thuyền ra xa, tìm một nơi thuận tiện quan sát. Lúc sau ông không nghe tiếng gỗ, nhìn kỹ chỉ còn một người đang cầm lái. Ông phóng đôi mắt tinh nhanh sạo khắp vùng hồ. Một bóng người nhô lên gần hòn Độc Nhĩ, mon men lên đảo rồi trong nháy mắt đã lại lùn xuống nước, lúc sau thì leo lên thuyền, gõ thêm vài ba nhíp rồi lao vun vút về phía bờ nam. Chờ cho chiếc thuyền đi khuất, Mục Thân cho thuyền tiến về hòn Độc Nhĩ. Ông cẩn thận giấu thuyền rồi lặn lên đảo lục soát. Lúc sau ông thấy một chiếc Tẩu kha phóng vun vút về phía đảo. Chiếc Tẩu kha cập sát bờ đảo phía tây. Một người lính Ngự long quân nhảy lên bờ. Người lính đi tới gốc cây lim già, đảo mắt nhìn quanh, rút từ trong gốc cây ra chiếc hộp màu nâu, mở nắp lấy ra một phong thư, rồi đặt vào đó một phong thư mới. Nhanh như cắt Mục Thân lao tới, bằng thể Phượng Hoàng đoạt ngọc ông đoạt được phong thư, đặt mũi kiếm vào yết hầu người lính, người lính hoảng sợ xin tha mạng. Ông quắc đôi mắt xéch ngược hỏi:

- Thư của ai? Gửi cho ai?

- Dạ. Dạ. Thưa. Con không biết.

Ông gí mũi kiếm sâu hơn. Đã có một dòng máu chảy loang xuống ngực áo người lính. Người lính run lấy bầy, lắp bắp:

- Dạ. Dạ. Xin đại nhân tha mạng. Quả thật con không biết là thư của ai, nhưng người nhận là... là... là...

- Là ai? Nói mau.

- Là... Là... Tây...

Một ánh chớp loé lên, đầu người lính Ngự long quân rơi bịch xuống đất, đôi mắt vẫn trợn tròn ngơ ngác. Tia chớp ấy lại nhằm phía Mục Thân lao tới. Mục Thân vội vung kiếm chém ngang. Tiếng kim khí va nhau chói óc. Cuộc đấu sinh tử diễn ra giữa Mục Thân và người bịt mặt mặc quân phục Ngự long quân diễn ra mỗi lúc thêm quyết liệt. Mục Thân là người có võ công thâm hậu, kiếm pháp sắc sảo nhưng do tuổi đã cao lại quá thiên về phép thuật nên có phần kém linh hoạt, biến hoá, bị đối thủ tiến đánh dồn dập. Đường kiếm của Mục Thân mất dần uy lực, dần dần rối loạn phải lùi vào thế phòng thủ. Mục Thân cố kéo đối thủ ra sát mép nước, tạo cơ hội thoát xuống lòng hồ là sở trường mà ông tin rằng sẽ hơn hẳn đối thủ. Hình như người bịt mặt đã phát hiện ra điều đó nên ra đòn càng quyết liệt. Đường kiếm loang loáng dọc ngang, thể kiếm biến hoá kỳ ảo dồn Mục Thân vào giữa đảo. Biết nếu không thoát nhanh tình trạng này, sớm muộn ông cũng bị đối thủ hạ gục, ông quyết định giở chiêu Vân Nguyệt giao duyên hiểm hóc, chiêu bảo bối cuối cùng. Tung người lên cao, ép sát kiếm ông đưa mũi kiếm trườn quanh người, rồi bất thành linh nhằm mằng lưng đối thủ xả xuống. Bằng thể kiếm hiểm hóc này ông đã từng hạ bao nhiêu đối thủ sừng sỏ trong giới giang hồ. Giờ đây ông đang đặt mình vào thế nằm ăn nằm thua, một là đối thủ sẽ bị chặt làm hai mảnh, hai là thanh kiếm của ông sẽ bị đánh văng ra xa, nếu như đối thủ đã luyện thành công Thần đạo kiếm pháp. Người bịt mặt khẽ cười gằn, ngả người sát mặt đất, lia một đường kiếm ngang cực mạnh. Một tia chớp sáng loé, một tiếng kêu khô khốc, tay Mục Thân tê dại, thanh kiếm văng lên cao, bay vút ra xa cắm phập xuống đáy hồ. Mục Thân hốt hoảng toan bỏ chạy, nhưng mũi kiếm của người bịt mặt đã gí sát yết hầu. Mục Thân nhắm nghiền mắt, đọc một câu thần chú, chờ đón cái chết.

Nhưng mũi kiếm của người bịt mặt chưa kịp ấn sâu vào yết hầu Mục Thân, đã bị đánh văng ra. Viên Đô tướng bất ngờ xuất hiện. Bằng những đường kiếm điêu luyện Đô tướng đánh bật kiếm của người bịt mặt, đưa mũi kiếm hất tung chiếc khăn. Thì ra đó là tên lính dưới quyền Đô tướng được giao bảo vệ khu vực Tây cung. Tên lính cúi xuống căn võ chiếc cúc áo cổ. Viên Đô tướng phi tới chẹn ngang yết hầu, móc ra viên thuốc độc màu vàng, rồi điểm huyết cho hắn đứng yên bất động.

Nghe tiếng binh khí va chạm, Mục Thân mới mở mắt ra, kinh ngạc chứng kiến kiếm pháp tuyệt vời của viên Đô tướng. Mục Thân hiểu rằng cuộc so tài buổi chiều mùa hạ mấy tháng trước, viên Đô tướng đã không thềm ra tay, đã nhường ông tới mấy chiêu. Vui mừng vì được cứu sống, nhưng Mục Thân cảm thấy hổ thẹn, thấy mình bị xúc phạm, sỉ nhục, bị hót tay trên. Mục Thân đứng dậy bỏ đi. Viên Đô tướng giữ lại bảo:

- Đô úy. Ông bỏ đi đâu? Công đầu trong vụ này vẫn thuộc Đô úy cơ mà.

Viên Đô tướng cùng Mục Thân dẫn tên lính tới gốc cây lim già, thò tay vào hốc cây lấy ra một phong thư. Bức thư ấy được viết bằng những từ lóng, nhưng có thể dịch ra rằng:

"Con Triệu Thủy An gửi cha là Triệu Tiết:

Hiện nay Đại Việt thái bình, ổn định, mùa màng tươi tốt, nhưng ung nhọt mọc ngay giữa triều đình. Hoàng Thái Hậu y lan già yếu, lại mắc cảm bởi lỗi lầm giết chết Hoàng Thái Hậu Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ, sợ bị báo oán kiếp sau nên chỉ chăm tụng kinh niệm Phật, lấy không ít ngân khố để xây chùa chiền, bảo

tháp. Vua Lý Nhân Tông tuy rất thông minh, chính trực nhưng sau chiến thắng Thạch Tề thì tự coi mình là Thiên tử, là vô địch, ham mê chơi bời, mọi việc phó mặc cho Thái sư. Thái sư Đại Việt là người thông tuệ khác thường, có bản lĩnh, hết lòng vì dân vì nước nhưng nóng lòng muốn cải cách đưa Nho học trị vì, hạn chế quyền lợi Phật giáo, bị giới sư sãi phản đối quyết liệt, bị bọn nhà giàu (kể cả trong Hoàng tộc) căm ghét vì đã thi hành chế độ canh điền, chế độ quan lộc, tước bỏ của họ quá nhiều mỗi lợi. Lê Văn Thịnh đang bị cô lập. Mâu thuẫn giữa giới nho học mạnh nham, nhỏ bé đứng đầu là Thái sư Lê Văn Thịnh với giới Phật giáo đã ăn sâu bén rễ hàng ngàn năm mà đại diện là Quốc sư Khô Đầu đã trở nên gay gắt, quyết liệt. Những trung thần tài ba như Mạc Hiến Tích, Đỗ Bảo An, Quách Lương, Lý Khánh Tài... đã bị con và Quốc sư khéo léo tìm mọi cách đưa đi sứ hoặc về nhận chức những phủ, châu xa kinh thành. Đại tướng quân Lý Thường Kiệt cũng bị Lý Nhân Tông đưa vào mãi vùng Hoan, áy để tự mình có thể nắm chắc quyền lực. Cái gai đáng sợ nhất của đại Tổng bây giờ là Thái sư Lê Văn Thịnh. Hình như ông ta đã đánh hơi biết thân phận của con. Nhưng cha đừng lo vì Lý Nhân Tông yêu con lắm. Con không muốn làm Đắc Kỷ nhưng sẽ quyết biến Lý Nhân Tông thành một Trụ Vương, sẽ ly gián Lý Nhân Tông với Lê Văn Thịnh. Số phận của Lê Văn Thịnh trước sau cũng sẽ như lão già Tỳ Can cho dù vẫn sáng lung linh trái tim thất khiếu.

Về phía cha xin nhanh chóng xúi giục các nước phía Nam, xúi giục bọn mọi rợ phía Bắc làm phản. Khi nào có thời cơ con sẽ kịp thời cấp báo cho cha. Xin cha yên lòng. Lý Nhân Tông tuy là chồng con nhưng là thù địch của cha, khi cần con sẽ không nương tay. Kính chúc cha vạn sự như ý. Con gái phương xa xin bái vọng".

Còn bức thư của Triệu Tiết gửi cho Triệu Thủy An dịch ra như sau:

"Ta rất vui vì những tin tức của con. Con chớ băn khoăn, nếu phúc lớn cho con sinh được Thái tử thì đại Tổng sẽ không phải tốn một mũi tên cũng sẽ được không Đại Việt. Cha tiếp tục gửi cho con các loại thuốc diệt sinh, con phải tìm mọi cách cho các cung phi, nhất là cho Hoàng Hậu uống để họ tuyệt diệt sinh nở. Nếu con không sinh được Thái tử thì Đại Việt cũng sẽ vì thế mà ôm họa loạn vương".

Với hai bức thư trên đây nhất là bức thư ký tên Triệu Thủy An do chính tay Tây phi Ngô An Thủy viết và ba tên gian tế là tên lính Ngự long quân và hai tên Tổng đóng giả người đánh cá trên hồ Dâm Đàm, Tây phi Ngô An Thủy đã phải cúi đầu nhận tội. Ngô An Thủy dập đầu trước Hoàng Thái Hậu và Hoàng thượng, khóc rằng:

- Con phận đàn bà, trót nghe lời cha làm điều không phải. Con chịu tội chết không gì oan uổng. Chỉ xin Hoàng Thái Hậu, Hoàng thượng gia ân thương Thái tử còn nằm trong bụng con. Sau khi sinh nở mẹ tròn con vuông, con xin lãnh án. Mong Hoàng Thái Hậu, Hoàng thượng nghĩ tới cốt

nhục, nghĩ tới sự nghiệp lâu dài của Lý triều mà cho con kéo dài sự sống.

Thái sư gật đầu, thượng thư bộ hình gật đầu. Hoàng thượng tươi tỉnh hẳn lên.

Hoàng Thái Hậu bảo:

- Thôi được. Ta chấp nhận.

Ngô An Thủy bị đưa vào đại lao nhốt riêng ở phòng kín. Ba ngày sau nhà Vua tới thăm. An Thủy khóc lóc xin Hoàng thượng cho được gặp hai công chúa. Nhà Vua ưng thuận. Lý Tự Sinh thấy mẹ chân bị cùm, tay đeo xích thì khóc lóc thảm thiết xin Hoàng thượng gia ân tháo cùm, tháo xích để mẹ được thoải mái, lại xin đưa mẹ sang phòng khác rộng rãi thoáng mát hơn. Lý Tự Sinh bảo:

- Mẫu hậu có tội phải chịu tội, chứ em con có tội gì mà cũng phải giam trong ngục tối?

Nhà Vua bèn ra lệnh cho bộ hình đưa Ngô An Thủy lên phòng khách, cắt hai thị nữ, hai võ sĩ ngày đêm canh giữ, hầu hạ.

Chuyện ấy tới tai Thái sư. Thái sư tới khuyên ngăn, nhưng Hoàng thượng không nghe còn làm mặt giận. Thái sư đành cắt thêm một võ sĩ và một thị nữ tới chăm sóc và lệnh cho bộ hình tăng cường phòng bị.

Đêm cuối tháng trời bắt đầu se lạnh, lại lất phất mưa phùn. Viên võ sĩ do Thái sư cử tới chột tỉnh giấc, thấy hai bóng đen lướt trên mái nhà. Ông vội tuốt gươm tới phòng khách thì thấy hai viên võ sĩ, hai thị nữ nằm chết gục trong phòng, Ngô An Thủy đã biến mất. Ông vội hô hoán rồi dùng khinh công đuổi theo hai bóng đen. Hai bóng đen chính là Ngô An Thủy và người thị nữ do Thái sư phái tới. Người thị nữ đuổi sát An Thủy. Bất ngờ An Thủy quay lại tung cước đá trúng ngực người thị nữ. Thị nữ hộc lên một tiếng, ngã lộn xuống đất chết ngay. An Thủy xông tới định lột quần áo người thị nữ để cải trang để bề trà trộn, chạy trốn. Nhưng viên võ sĩ đã tới kịp. Cuộc giao đấu vô cùng quyết liệt. Lúc ấy quân cấm vệ đã phong tỏa khắp Long Thành. Các cửa Đại Hưng, Diệu Đức, Tường Phù, Quảng Phúc đều có Thiên tử quân trấn giữ. Viên võ sĩ vốn

là một võ sinh cùng trúng tuyển kỳ thi võ học năm ất Mão. Trong cuộc chiến tranh chống Tống, ông được phong Đô úy, năm Giáp Tý theo Lê Văn Thịnh tới hội nghị Vĩnh Bình, sau đó xin về phục vụ trong phủ Thái sư Lê Văn Thịnh, Địch Quốc Trung thường xuyên đàm đạo và tập luyện cùng ông. Ông kính phục và yêu mến Thái sư nên đã truyền cho Thái sư thế võ gia truyền. "Tả Long xuất hải" vô cùng lợi hại. Không thuyết phục được Hoàng thượng, lại biết Ngô An Thủy võ công đã đạt tới bậc vô thường trong phái Vân Phong, công lực vô cùng thâm hậu, lại đang nung nấu ý đồ đào tẩu, Thái sư bèn giao cho ông đóng giả làm võ sĩ tới canh chừng.

Lúc ấy quân cấm vệ đã đốt đuốc sáng rực, vây xung quanh hai người. Ngô An Thủy chỉ có hai con đường: một là đầu hàng quy án, hai là chịu chết. Một chút chần chừ nghĩ tới giọt máu còn nằm trong bụng, nghĩ tới hai công chúa như hai búp măng mới hé. Nhưng rồi lời Triệu Tiết vừa âu yếm ân cần vừa đe dọa, cảnh báo văng vẳng bên tai. ả thấy mình không còn đường sống. Mắt ả long lên toé lửa. ả vờ vấp ngã. Viên võ sĩ lao tới chém xuống. Tức thì ả quay gót đá một cước "bạt sơn" trúng đốc kiếm. Tay viên võ sĩ tê dại, kiếm văng lên cao mắc trên mái ngói. ả trở hết quyền cước tấn công như vũ bão, mong tìm sự sống trong cái chết. Là người trải qua nhiều trận mạc, viên võ sĩ hiểu rằng nếu lúc này đối công ắt sẽ muôn phần bất lợi, nên ông liên tục né tránh. Ngô An Thủy dồn ông vào một chân tường. Đó lại chính là thời cơ thuận lợi để ông thực hiện thế võ gia truyền. Hai chân đạp mạnh vào tường, ông bay lên chụp mười đầu ngón tay cứng như sắt vào đầu ả, người ông tung lên cao, lộn một vòng, đánh hai gót trúng lưng đối thủ. Đầu Ngô An Thủy bị bóc hết tóc, cả thân hình lộn lên cao rồi đập xuống nát bét. Cấm vệ quân xô tới. ả chỉ còn là một đồng thịt bùng nhùng, đầy máu.

Sáng hôm sau nhà Vua đứng chết lặng trước thi hài Ngô An Thủy, rồi lão đảo về điện Long

Thụy ôm hai công chúa khóc không thành tiếng. Hoàng Thái Hậu phải rời chùa Đại Lâm về triều tìm cách an ủi nhà Vua và cùng Thái sư chăm lo chính sự.

*

Biết là sau vụ án Tây phi, Mục Thận nhất định sẽ tới đòi Thái sư dạy cho thuật hóa hổ, Lê Văn Thịnh liền cho mời Mục Thận. Ông vui vẻ nói:

- Làm rõ thân phận Tây phi, trừ cho đất nước mối lo lớn, công đầu thuộc về Đô úy. Ta sẽ xin Hoàng thượng phong ông lên Đô tướng, hàm ngũ phẩm. Ta xin cảm ơn ông, xin ông tha lỗi cho lời hứa của ta. Thực tình ta không hề biết thuật hóa hổ.

Mục Thận gầm lên:

- Không! Ta không cần phẩm trật. Ta chỉ cần học được thuật hóa hổ. Ta không tin ông không biết thuật ấy. Ông là một Thái sư, chẳng lẽ ông nói lời rồi lại nuốt?

- Mục Thận. Ông trách mắng ta, ta xin chịu. Chuyện Tây phi quả thật ta không còn cách nào khác nên mới phải lợi dụng ông. Ông hãy vì sự an nguy của xã tắc mà bỏ quá cho ta. Một lần nữa, ta xin lỗi ông.

- Lê Văn Thịnh. Ông là một vị quan đầu triều dưới một người mà trên ức vạn người, ông được thần dân tin cậy. Nếu thiên hạ biết chuyện này, ông sẽ ăn nói thế nào? Ông có thể giết ta, nếu không quân tử nhất ngôn, ông hãy tự vả vào miệng mình đi.

Địch Quốc Trung trừng mắt, định rút kiếm. Lê Văn Thịnh vội xua tay rồi nói to "được". Thái sư dang tay tát mạnh vào hai má mình, rồi hỏi:

- Ông đã thỏa mãn chưa?

Mục Thận hậm hực ra về. Ra khỏi dinh, ông quay lại chỉ vào hai chữ Thái sư trên nóc cổng mà thề rằng: "Ta đã bị người lừa. Thù này không trả không sống ở đời. Giữa ta và Thái sư phải một còn, một mất".

Phần năm: Sương khói Dâm Đàm

XVII

Đầu tháng 2 hai cha con Lê Văn Thịnh từ kinh thành về quê dự hội Thập Đình. Cậu bé Lê Văn Tiễn vui lắm. Hội Thập Đình được tổ chức bốn năm một lần vào các năm Tý, Thìn, Thân. Đã bốn năm liên tiếp được mùa nên hội năm nay sẽ đông vui hơn hẳn những năm trước, nghe nói có cả phường múa rối nước làng Kẻ Ngự. Cậu còn nhớ như in cái lần được vào sân Quảng Long coi phường Kẻ Ngự múa rối ở hồ Long Thủy. Bố cậu - Thái sư Lê Văn Thịnh thì chỉ thích nghe phường Kẻ Trướng hát cô đầu. Cậu chả thích cái bà cả đêm ngồi bẻ què chân hát những câu lấp lửng, buồn thối ruột; chả thích bố cậu cứ gật gù lúc lúc lại gõ vào cái trống con: tom chát, tom tom chát. Hội Thập Đình quê cậu vui nhất, vui hơn cả ở kinh thành. Sáng sớm ngày mồng sáu cả mười làng cờ quạt, vồng long rước long đình, đồ tế khí, phẩm vật về công đồng tại bãi cỏ rộng trước đình làng Bảo Tháp, dưới chân núi Đình Quan, ngay trước cửa nhà cậu. Lễ hội diễn ra đủ bảy ngày, đủ các nghi thức tế lễ, đủ các trò vui. Nào đánh vật, kéo co, chơi đu, chơi gà. Có năm còn có cả chơi trâu, đua thuyền. Nhưng theo cậu vui nhất vẫn là múa rối nước. Ồi những con rối sắc sỡ đẹp như người thật, vật thật đã làm cậu say mê, ao ước.

Năm nào có hội, cha con cậu cũng về từ ngày mồng bốn, đi thăm họ hàng, làng xóm, đắp điểm lại mộ phần cho ông bà nội. Những ngày ấy mẹ và chị Sạn vui lắm. Mẹ làm bao nhiêu là bánh, nấu bao nhiêu những món ăn ngon. Ở với cha, cậu cũng không thiếu gì, cũng được ăn đủ thứ. Nhưng cậu chả thích vì toàn món lạ, sắc mùi thuốc bắc. Còn những món mẹ nấu, nào là canh cua, tôm rảo rang đỏ au, chim dẽ cặp chả chấm mắm cáy pha mật cà cuống chỉ nghĩ thôi cũng đã chảy nước miếng. Nghĩ tới những trò vui, những món ăn, cậu thấy người nóng ran, cứ nhấp nha nhấp nhồm sau lưng bố, trên lưng con ngựa bạch. Mỗi lần về quê, bố cậu chuyên cười con ngựa này. Nó là con Bạch mã già đã gắn bó với bố cậu từ những ngày bố mới vào kinh thành, thi võ trên sân Giảng Võ.

Bố cậu cũng vui lắm. Cứ mỗi lần về quê hay đi xuống các vùng nông thôn, cậu thấy bố cứ như trẻ ra, tươi roi rói, cười nói luôn miệng.

Nhưng lần này... lạ quá. Sao bố lại buồn thế nhỉ? Hay bố thương mẹ vừa trải qua trận ốm thập tử nhất sinh, các thầy lang đều chịu? May mà bố nhờ người lên núi Hàm Long kiếm được cây thuốc quý. Hay là bố lo cho chị Sạn? Chị Sạn năm nay đã mười chín tuổi nét na, xinh đẹp, mấy lần Hoàng Thái Hậu ngỏ ý muốn đón chị vào cung làm phi, nhưng bố từ chối. Trai làng cũng như con cái các nhà quan lại vì thế mà lo sợ không dám đánh tiếng. Chỉ có cậu biết là chị Sạn cậu đã có một chàng trai rất hiền ngoài phủ Siêu Loại đem lòng thương nhớ. Cậu còn biết họ đã nặng lời thề thốt, hẹn nhau bao giờ anh ấy công thành danh toại, ngày vinh quy cũng sẽ là ngày chị cậu vu quy. Không biết có nên nói cho bố biết để bố mừng, để bố khỏi lo không?

Lê Văn Tiễn tuy đã mười ba tuổi, to lớn, cứng chắc, thông minh, nhưng làm sao đã hiểu nổi tâm trạng, hiểu nổi nỗi buồn sâu thẳm của cha mình.

Ngắm lại bức thư của Ngô An Thủy gửi cho Triệu Tiết, ông thấy rất buồn. Đúng là Đại Việt giờ đây bề ngoài thì an bình, mùa màng tươi tốt mà ung nhọt thì nung mủ giữa triều đình. Hoàng Thái Hậu là người thông minh đức độ, gần dân thương dân, biết người biết ta, biết trước, biết sau có thể coi là một minh quân nhưng khi lòng tự trọng bị xúc phạm thì vừa tự ái, vừa mặc cảm, không buồn ở ề công việc triều đình. Vua ăn chơi sa đọa, coi trời bằng vung, không nghe lời can gián. Các trung thần bị lòng đố kỵ ghen tuông, bị mưu gian kế hiểm hãm hại hoặc bị đưa đi thật xa khỏi kinh thành. Nền văn trị mà Đức Thánh Tông đã dày công xây dựng nay đang đứng trước nguy cơ đổ vỡ. Việc nhà sư Khô Đầu được phong Quốc sư đứng ngang với Thái sư luận bàn quốc sự đã gây cho Lê Văn Thịnh bao nhiêu khó khăn trong việc thi hành những biện pháp cấp thiết, chọn lựa nhân tài, lập nền pháp trị. Những chính sách đúng đắn của ông đang bị giới Phật giáo và bọn nhà giàu tìm mọi cách chống đối. Nhà Vua cũng biết những chính sách ấy

là đúng đắn, là mang lại thực quyền cho vương triều, nhưng lại không ra mặt ủng hộ, chỉ biết gió chiều nào che chiều ấy.

Hoàng thượng đến nay vẫn chưa có Thái tử cũng gây nên bao điều rắc rối. Bao nhiêu kẻ lợi dụng thánh thần, mê tín dị đoan, tìm mọi cách thuyết phục nhà Vua mưu toan cùng những hoàng thân quốc thích dùng thuật thác sinh. Lê Văn Thịnh thừa biết thác sinh là sự lừa dối, sự thông đồng để tranh đoạt ngôi vị theo kiểu Lã Bất Vi thời Chiến Quốc. Nếu như Hoàng thượng không có Thái tử hoặc Thái tử lại không mang dòng máu họ Lý thì giang sơn xã tắc này sẽ thuộc về ai? Chả lẽ sự nghiệp vẻ vang của Đức Thái Tổ mới bốn đời đã phải lui tàn?

Ông nhớ lễ Minh Thệ năm ngoái tất cả các quan ai ai cũng quỳ xuống mà thề rằng: "Vi tử bất hiếu, vi thần bất trung, thần minh cực chi" (làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết). Nhưng ông chưa thấy ai bị "thần minh cực chi" mà chỉ thấy những trò xu nịnh, những hành vi vụ lợi và lạ thay những kẻ đó thường là sống ung dung, giàu sang, quyền thế. ôi, thần Đồng Cổ, thần có linh thiêng hãy biến những lời thề thành sự thật, hãy ngăn đe, trừng phạt, hãy giúp Lý triều mãi mãi trường tồn!

Là một trung thần, là thầy dạy đương kim Hoàng thượng, ông nhất định sẽ tìm cách chấn hưng triều chính, nhất định sẽ không để những kẻ cơ hội đục nước béo cò. Nhưng, ông phải làm sao khi giờ đây Hoàng thượng đã mất lòng tin ở ông, đã không chịu nghe lời ông và sau cái chết của Tây phi luôn muốn tránh mặt ông?

Ông có ý định sau chuyến về thăm quê, dự hội Thập Đình sẽ vào châu Hoan, ái tham kiến vị Thái uý già. ông bỗng chạnh nhớ tới thầy Ngô ẩn, vị Quốc lão uyên thâm, đức độ sáng trong như vàng nhật nguyệt. Nếu thầy còn, chắc chắn thầy sẽ gỡ cho ông những mớ bòng bong trong chính sự. Nhưng, thân ôi, đời người hữu hạn mà việc đời thì vô hạn. Cũng chẳng bao lâu nữa ông cũng sẽ đi theo thầy, lo mãi làm sao được việc trong thiên hạ. Dẫu sao ông vẫn muốn dùng cuộc đời mình, kể cả cái chết vào những việc ích quốc lợi dân. ông muốn hậu thế hiểu ông, đồng cảm với ông...

Hai cha con về tới nhà, trời đã sắp tối, nhà nào cũng đã lên đèn. Con gái ông đang ở ngoài đình cùng chị em tập lễ dâng hương, chuẩn bị cho những ngày lễ hội. Vợ ông, nàng Đặng gương mặt vẫn xanh gầy ngồi trước án thư trầm ngâm đọc sách. ông cẩn thận xuống ngựa, nhẹ nhàng dắt tay con trai bước lên nhà. Bóng vợ ông che khuất cửa chính, im phăng phắc như hòn vọng phu câm lặng. ông bước qua bậc cửa. Một luồng gió ào theo. Đèn đèn dầu hồ đào bỗng bùng lên sáng chói rồi vụt tắt, để lại những sợi khói mỏng manh bay mãi lên cao, tan dần trong bóng tối. Hai lần vợ ông khêu lại ngọn đèn, hai lần ngọn đèn phụt tắt. Chỉ có ba nén hương trên bàn thờ là rực lên sáng chói. Rồi cả bát hương bốc khói, mù mịt, đen đặc khắp căn nhà.

*

Nghe tin Thái sư về, cả làng Bảo Tháp không ai bảo ai đèn đuốc sáng trưng kéo đến nhà chơi đông như trẩy hội. Lê Văn Thịnh ân cần đón tiếp, hỏi thăm sức khỏe, chia quà cho các cháu, gửi biếu quà các cụ cao niên.

Hôm sau, ông cùng vợ con ra viếng mộ cha mẹ. ông nghe văng vẳng trên đỉnh Thiên Thai những tiếng chan chát đều đặn, cần mẫn. Đắp đấm, hương khói cho cha mẹ xong, ông bảo vợ con về trước. Còn ông, một mình thủng thẳng dạo chơi, vui chân leo dần lên đỉnh núi. Càng lên cao những tiếng chan chát càng rõ, nghe như tiếng những người thợ đang đánh đá. ông nhác thấy một bóng trắng. Bóng trắng đang xoay quanh tảng đá xanh biếc đục đẻo mê mải.

ông hăm hở tiến lại gần, bất ngờ thảng thốt kêu lên: "Bạch quý! ôi. Đại ca!". Bạch Quý không hề ngạc nhiên, cũng không buông tay đục, nói: "Ta có lời chào Thái sư. Ta đợi Thái sư đã lâu rồi".

Lê Văn Thịnh tiến đến gần, giơ tay ôm chầm lấy Bạch Quý, hai hàng nước mắt chảy giàn giụa. Lê Văn Thịnh nức nở:

- Đại ca. Tiểu đệ có được ngày này là nhờ đại ca hết lòng chỉ giáo. Đã hai mươi tư năm đằng đặc anh em không gặp nhau, sao đại ca nỡ đứng đưng như người không quen biết?

Bấy giờ Bạch Quỷ mới buông tay đục, âu yếm nhìn Lê Văn Thịnh thở dài:

- Đệ đừng nghĩ oan cho ta. Tuy không gặp nhau, nhưng lòng ta vẫn luôn hướng về phía đệ, lo cho đệ từng ngày. Chỉ hận là ta không thể ra chốn kinh thành đi theo giúp đệ.

Anh em hàn huyên tâm sự đến khi mặt trời đứng bóng. Lê Văn Thịnh mời Bạch Quỷ về nhà, Bạch Quỷ nhất định từ chối, còn nói:

- Ta phải làm cho xong cái này. Một mai ta đi theo đệ thì ai sẽ thay ta hoàn thành nốt tâm nguyện này?

Lê Văn Thịnh ngạc nhiên hỏi:

- Đại ca đang làm gì? Đại ca định dùng tảng đá này để làm gì?

Bạch Quỷ vừa đi vòng quanh tảng đá, vừa kể:

- Ta có một người bạn. ông ta bảo năm nay đệ sẽ gặp họa sát thân. Họa ấy lại do đệ gây nên, cứ như tự mình cắn xé thịt da mình. Ta hỏi: "Có cách gì ngăn chặn?". Người bạn ấy cười bảo: "Số phận! Ai bảo Thái sư quá thông minh, tài giỏi, quá liêm khiết, ngay thẳng. Ai bảo uy danh Thái sư quá lớn, lấn át cả phép mầu nhà Phật. Ai bảo tiểu đệ của người lại bất chấp thói đời. Thói đời muốn đem số phận đỏ đen trong canh bạc. Đã sa vào canh bạc ấy, như cánh bèo sa vào dòng lũ xoáy, làm sao mà gỡ cho ra?". Ta buồn rầu hỏi: "Không còn cách nào nữa ư?". Người bạn ấy suy nghĩ rất lâu rồi bảo: "Nếu là bạn tri âm tri kỷ hãy giúp Thái sư nhắn gửi cùng hậu thế". Ta lại hỏi: "Hậu thế là những bon nào?". Bạn ta ngơ ngác: "Có lẽ là những con người như Thái sư. à, như Thái sư thì khó khăn lắm, mà là những con người có tấm lòng như Thái sư". Ta bảo: "Hiếm lắm!". Bạn ta lắc đầu, nhưng đôi mắt lại sáng lên: "Không hiếm đâu. Còn nhiều lắm. Có điều họ trung thực thật thà quá nên nghèo khổ và cam chịu. Nhưng họ rất nhiều nên vẫn là sức mạnh. Hãy cứ thử xem nếu như người yêu bạn".

Ta nghĩ: Ta sẽ lấy đá, đá xanh thôi để tạc chân dung đệ. Nhưng tạc thế nào để có thể nhắn gửi nỗi lòng mình cho hậu thế. Tạc đệ tọa thiền trong ánh hào quang ư? Hay đệ thoát thân là bông hoa muôn sắc? Có thể đệ xứng đáng là vị Bồ Tát nghìn mắt nghìn tay có trái tim bốc lửa... Không! Đệ là một thứ quái nhân kỳ dị không chịu chấp nhận thói thường. Đệ là hung thần có tấm lòng Bồ Tát? Bao nhiêu người đời sau sẽ hiểu đệ, hiểu ta? Đệ nói đi, ta phải tạc đệ thế nào?

Lê Văn Thịnh cười lớn:

- Đại ca đầu đội trời, chân đạp đất, sao lại quá tin vào tướng số? Dẫu có vậy thì đã sao. Đệ đâu có ân hận. Con cháu chúng ta thông minh và công bằng lắm, miễn là đừng làm gì để hổ thẹn với lương tâm. Xin đại ca chớ vì đệ mà quá lo phiền.

- Không. Ta hiểu đệ lắm. Người đời bảo: "Cây ngay không sợ chết đứng" là tự mình dối mình, đệ chớ có tin. Kìa, đệ nhìn đi.

Ồ lạ thật! Giữa mùa xuân tươi tốt mà trên đỉnh Thiên Thai vẫn có những cây hồ đào, những cây thông bỗng nhiên héo úa, lá rụng tơi bời, trơ những thân cành khẳng khiu như những cánh tay giơ lên kêu trời, cầu cứu.

- Đấy, thiên nhiên còn vậy huống chi con người. Đôi bờ Thiên Đức muốt xanh này sẽ còn chứng kiến bao sự bất công, bao điều bất hạnh. Nước của nó dẫu đã nhuộm màu máu đỏ cũng không sao rửa hết bao nỗi oan khiên. Ta hiểu tính cách của đệ. Ta hiểu giờ đây đệ đang nghĩ gì. Ta hiểu đệ là con người đích thực.

- Cám ơn đại ca. Thực ra đệ đầu có là gì. Nếu đệ có tự mình cắn xé thân mình chắc cũng là vì sơn hà xã tắc, vì muôn dân trăm họ, vì sự bền vững của vương triều.

- Ha, ha. Tự mình cắn thân mình. Hay, hay lắm. Ta hiểu rồi. Không phải là rỗng, không phải là hổ báo, sư tử, không phải tiên, không phải Phật mà là một loài thủy quái. Ai có thể yêu mến được loài thủy quái này cho dù nó đã xả thân cứu rồi bao người hoạn nạn. ôi, nỗi oan muôn đời. Thủy quái. Tự cắn mình! Tự cắn thân mình, ôi, loài thủy quái!

Vừa nói, vừa cười, nước mắt Bạch Quỷ chảy ròng ròng. Những giọt nước mắt màu đỏ thẫm. Bạch Quỷ giơ tay gạt ngang mặt rồi phi ào ào trên những ngọn hồ đào, biến mất trong cánh rừng đại ngàn trải dài khắp vùng phía nam sông Thiên Đức.

*

Ngày mồng 10 tháng 2 năm Bính Tý, vẫn chưa hết hội nhưng Lê Văn Thịnh phải về triều. Chỉ còn nửa tháng nữa là đến lễ ăn thề Đồng Cổ. ông cứ nghĩ mãi về con người, về đạo làm người. Con người không thể chỉ hiểu nghĩa với cha mẹ, còn đối với người ngoài lại bất nhân, bất nghĩa. Bề tôi không thể chỉ trung với vua mà không trung với nước. Nếu vua là một minh quân, lợi ích của vương triều cũng là lợi ích quốc gia thì không còn điều gì để nói. Nhưng nếu ông vua ấy lại như Lý Phật Tử, Kiều Công Tiễn hay như Tam Vương thời Lý Thái Tông thì sao? ông thấy làm một con người thật khó. ông định sẽ tâu với vua xin đưa thêm vào lễ Minh Thệ một lời thề mới: Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, làm người bất nhân, bất nghĩa, dối trên lừa dưới cũng sẽ bị thần linh trừng phạt, trừng phạt thật nặng nề. ông muốn lời thề Đồng Cổ không chỉ của các quan lại, tướng lĩnh, những người có chức có quyền mà là lời thề của cả trăm họ, góp phần kiến tạo một nền văn minh thuần Việt. ông muốn hội thề là ngày hội lớn của toàn dân.

Đêm ấy nằm bên nàng Đặng, ông âu yếm

dặn vợ:

- Chuyến này tôi đi chắc là lâu mới lại về. Sau lễ Minh Thệ tôi sẽ vào trong Hoan, ái tiếp kiến Thái úy, xin Người chỉ bảo đôi điều, sau đó sẽ đi thị sát các vùng, nên không thể đem thằng Tiễn đi theo. Mình hãy nuôi dạy con cho khéo. Trước hết hãy dạy con biết làm người. Làm người khó lắm, khó như con người muốn biến thành con hổ. Mình chớ có coi thường.

Nghe chồng nói những lời khác lạ, nàng Đặng sợ lắm. Sáng mồng một tết theo thói quen học từ ông nội, nàng lại giở sách xem năm mới hanh thông, tât hạn thế nào. Nàng vô cùng hoảng sợ khi thấy có quá nhiều hung tinh xuất hiện mà Tuần, Triệt thì cứ lảng xa. Nhưng nàng nghĩ trong Thiên - Địa - Nhân con người đứng ngang hàng cùng trời đất, trời đất có thể áp đặt số phận cho mỗi con người thì con người cũng có thể chuyển xoay trời đất, tự quyết định số phận của mình. Nàng tin chồng nàng là một người như thế. Khi chồng về, ngọn đèn ba lần phụt tắt, bình hương bốc lửa bùng bùng, nàng lại vô cùng hoảng sợ. Chồng nàng nói với nàng rằng: Đó sẽ là điềm tốt. Dầu ba lần ngọn đèn phụt tắt, nhưng những nén hương lại rực sáng, khí tiết chồng nàng vẫn rùng rục sáng soi. Nàng im lặng nằm nghe chồng nói, nửa mừng mà nửa vẫn lo lo.

Sáng hôm sau Lê Văn Thịnh lên đường. Cả làng Bảo Tháp, cả vùng Gia Định lưu luyến tiễn đưa người mà họ mến yêu gọi là "Quan Trạng". Mặt trời lên cao, chiếu những tia nắng vàng óng ánh lên khuôn mặt từng người mà Quan Trạng vẫn chưa ra được khỏi làng. Con Bạch mã tinh khôn đưa Lê Văn Thịnh nép dưới gốc cây đa cổ thụ đầu làng. Các cụ già râu tóc bạc phơ, các cháu bé để chỏm trái đào, những chàng trai, những thiếu nữ lại vây quanh "Quan Trạng". Lê Văn Thịnh chấp tay:

- Thừa nam phụ lão ấu, thừa bà con cô bác. Lê Văn Thịnh tôi xin được cảm ơn dân làng. Đưa tiễn mãi rồi cũng phải chia tay. Xin dân làng trở lại tiếp tục cuộc vui lễ hội, canh cấy nông tang, giúp nhau no đủ, gìn giữ lễ nghĩa vẹn toàn. Tôi đi rồi sẽ có ngày trở lại với dân làng.

Đột nhiên không ai bảo ai đều hỏi:

- Vậy thì bao giờ Quan Trạng sẽ về?

Lê Văn Thịnh vô cùng lúng túng. Bởi làm sao lường trước được việc quốc gia, làm sao lường được những chuyện bất ngờ. Mà Lê Văn Thịnh không muốn nói dối dân làng. Ông cho rằng làm quan mà dối vua, dối dân, dù chỉ một lần cũng không còn phẩm cách của người quân tử, nên không bao giờ ông nói dối. Nghe dân làng hỏi ông không biết trả lời thế nào. Ngẩng lên thấy cây đa sum suê xanh tốt, ông nghĩ là ông sẽ rất lâu mới có dịp trở lại quê nhà, bèn nói đùa với dân làng:

- Bao giờ cây đa này đổ thì tôi sẽ trở về.

Mọi người cười ồ vui vẻ, giơ tay vẫy chào Quan Trạng.

*

Tháng 3, ngày Bính Thân. Trời trong xanh. Mặt nước Dâm Đàm phẳng lặng như tấm gương xanh biếc. Từng đoàn thuyền xúm Chài náo nức thả lưới, buông câu. Tiếng hát dân dã khỏe khoắn cất lên từ những con thuyền, khiến lòng người dẫu có ngổn ngang trăm mối cũng náo nức, nhảy nhót những niềm vui.

Lý Nhân Tông vẫn chưa vơi hết nỗi buồn, nhất là khi thấy hai công chúa ngẩn ngơ gọi mẹ. Nỗi buồn thấm vào gan ruột làm mềm nhão cơ bắp, gân cốt xác xơ và cả nhịp đập con tim cũng lờ lờ, chán ngán. Tiếng hát của dân vạn chài bay qua những rèm che, luồn vào Hành cung, ủa vào đôi tai Hoàng thượng. Nhà Vua thấy mình tỉnh táo hơn. Người đứng dậy vươn vai, từ từ bước ra hành lang, lơ đãng ngắm nhìn về phía những con thuyền. Ai đó, như tiếng một cô gái, trong vắt vút lên chèo néo:

Cuộc đời đẹp lắm ai ơi

Không vui cũng uống, không chơi cũng già.

Tiếng bơi chèo giục già, tiếng đế ngân nga "Không chơi cũng già" khiến nhà Vua mỉm cười, thích thú:

Trăm năm chết cũng ra ma

Một ngày vùng vẫy cũng là cõi tiên.

Vẫn cái tiếng con gái trong vắt, cao vút. Vẫn những tiếng ngân nga để lại. Vẫn những nhịp bơi chèo khua nước... Nhà Vua bỗng thấy râm rạt chân tay, muốn được hát một câu gì đó, muốn được nâng cổ tay người đẹp giữa chốn bồng bênh.

Nhà Vua cho đòi Mục Thận. Mục Thận nhanh chóng đưa đến bến Hành cung một chiếc Tầu kha đẹp như một con rồng thật. Nhưng nhà Vua muốn được hoà vào đám thuyền kìa, muốn tiếng hát không bị cắt ngang, muốn người đẹp nguyên sơ như những gì vốn có. Một chiếc thuyền con, một ông vua mặc áo dân chài, năm người lính đóng làm ngư dân quen nghề sông nước và Mục Thận cũng có trong tay một tấm lưới, một bó cần câu, chỉ thiếu một người đàn bà có giọng hát say mê hoang dã.

Con thuyền nhổ neo vun vút đi về phía tây, nơi xóm Chài làng Công Thụy đang nhộn nhịp thả lưới buông câu cứ như đang giữa ngày hội đua thuyền.

Lúc đó Thái sư đang ngồi dưới âu thuyền uống trà ngắm cảnh. Lòng ông trống rỗng. Hội thề Đồng Cổ nhà Vua không chấp nhận lời thề mới. Vua bảo: Đã là đứa con có hiếu, là bề tôi trung thành thì ắt phải là người tốt, can có gì Thái sư phải nhiều lời. Tất cả các quan triều đều tán

thường, tung hô nhà Vua sáng suốt, anh minh. Chỉ có Hoàng hậu buồn bã lắc đầu. Hoàng Thái Hậu chẳng nói chẳng rằng, tay lần tràng hạt, lầm rầm đọc những lời kinh.

Hôm ấy, ngoài Quốc sư Khô Đầu không bao giờ vắng mặt trong các buổi chiều, còn có một vị đại sư tên là Thông Biện. Thông Biện là sư Trí Không trụ trì chùa Sùng Khánh Báo Thiên. Rằm tháng 2 Hoàng Thái Hậu cho đặt tiệc chay ở chùa Trấn Quốc, mời các sư trụ trì tất cả các chùa ở kinh thành, phủ Siêu Loại, phủ Thiên Đức thuyết lý về Phật học. Hoàng Thái Hậu hỏi:

- Nghĩa hai chữ Phật và Tổ thế nào? Có hơn kém nhau điều gì không? Phật ở phương nào? Tổ ở phương nào? Đạo Phật đến ta từ bao giờ? Truyền đạo ấy ai trước ai sau? Mà sự niệm tên Phật, hiểu tâm Tổ là do từ ý ai?

Các sư đều im lặng, ngạc nhiên về sự ấu trĩ của Hoàng Thái Hậu, chỉ có sư Trí Không trả lời lưu loát, đúng ý. Hoàng Thái Hậu bằng lòng lắm bèn phong Trí Không chức Tăng Lục, lại đổi tên là Thông Biện đại sư.

Thông Biện đại sư không nhìn nhận Thái sư như Quốc sư Khô Đầu. Ông kính phục tài năng, đức độ của Thái sư. Ông tin những điều Thái sư bày ra là có lý. Ông mạnh dạn bước ra thưa:

- Muôn tâu Hoàng thượng. Bần tăng cho rằng Thái sư đã đặt vị trí con người vào trong tam giới: Thiên - Địa - Nhân. Muốn có quan trung, con hiểu trước hết phải có con người nhân ái, quần sinh lợi lạc, vô ngã vị tha. Vì thế bần tăng cho rằng lời thề của Thái sư là cần thiết. Mong Hoàng thượng minh xét.

Hoàng thượng quay sang hỏi Quốc sư Khô Đầu. Quốc sư chấp tay lăm nhăm: "Thiện tai, thiện tai! Sao sáng ắt trăng mờ. Thiện tai!". Vua phẩy tay đứng dậy, cho bãi chiều.

Bất giác Lê Văn Thịnh buông một tiếng thở dài. Ông nghe bên tai những tiếng ù ù, ầm ào như tiếng cối xay. Ông ngạc nhiên đứng dậy nhìn ra mặt hồ thấy những luồng khói từ đáy hồ dâng lên, từ trên trời chụp xuống và trận cuồng phong xô tới rú gào. Trước mắt ông là màn sương trắng đục, âm u, gào thét. Không thấy bóng một con thuyền, không thấy đức Vua, không một tiếng người. Ông vội kêu lên "Người đâu. Mau cứu giá", rồi nhảy lên một chiếc thuyền con lơ lửng trước mặt. Chiếc thuyền trông chừng chao nghiêng. May thay trên thuyền có chàng trai đang giang chân chèo chống cho chiếc thuyền đứng vững. Ông vội ra lệnh "Chèo ta tới chỗ đức Vua, chỗ dân xóm Chài đang buông câu thả lưới". Con thuyền vẫn trông chừng chao nghiêng ngả. Lê Văn Thịnh hai tay bám chặt mạn thuyền, quỳ hai đầu gối xuống sập cẳng mắt nhìn vào màn sương đục trắng. Con thuyền khó nhọc băng lên. Xa xa ông nghe văng vẳng có tiếng bơi chèo. Ông bảo người lái: Phía trước có thuyền, có thể đó là đức Vua. Một cơn gió lốc chụp xuống, con thuyền quay tít như con thò lò. Lê Văn Thịnh ngã nghiêng. Người lái đồ đầy kinh nghiệm đã kịp ghìim cho thuyền không úp. Phía xa nhốn nháo. Có tiếng kêu cứu thất thanh. Lê Văn Thịnh bảo người lái thuyền xông vào đám ấy. Ông nghe tiếng nhà Vua kêu "Người đâu? Cứu giá!" và một tiếng gió xé vun vút như tiếng giáo lao.

Sương loãng ra tan biến như bị lòng hồ nuốt chửng, trả lại cho mặt hồ khoảng không bao la xanh biếc. Lê Văn Thịnh nhìn thấy nhà Vua thở phào nhẹ nhõm.

Nhưng nhà Vua mặt vẫn tái mét, hốt hoảng kêu lớn "Nguy rồi! Nguy rồi!". Lê Văn Thịnh chưa biết nguy gì thì một quầng vàng từ trên trời rào rào rơi xuống mũi thuyền chụp lấy ông. Ông kịp nhận ra đó là một tấm lưới màu vàng. Tiếng Mục Thận hô vang: "Bạch hổ! Bạch hổ!" Lý Nhân Tông càng hốt hoảng kêu ầm lên "Hổ, có hổ". Lê Văn Thịnh lung tung gỡ lưới. Mục Thận phi từ thuyền vua sang thuyền Lê Văn Thịnh hô vang: "Bắt được rồi. Thái sư hóa hổ giết vua. Đồ phản nghịch". Lê Văn Thịnh vừa gỡ lưới vừa mắng Mục Thận: "Người sao lại nói càn, không sợ tội thương mọc mã à?". Lúc ấy mặt nhà Vua càng xám ngoét, mắt long lên ra lệnh: "Hãy lấy xích sắt gổ cổ kẻ hóa hổ giết vua, thoán đoạt ngai vàng". Một người lính Ngự long quân tung sang sợi xích sắt. Mục Thận quát to: "Nghịch tặc! Sao không giơ tay chịu trời?". Lê Văn Thịnh gục xuống sàn thuyền kêu lớn: "Hoàng thượng, thần bị oan. Người sao có thể hóa thành hổ dữ".

Lý Nhân Tông càng giận dữ, giậm chân: "Câm mồm! Mau xích lại!". Chàng trai trẻ chở thuyền vội quỳ xuống:

- Tâu Hoàng thượng. Thái sư quả thật bị oan. Thái sư là người làm sao mà hóa được thành...

Chàng trai chưa dứt câu, lưới gươm của Mục Thận đã vung lên. Đầu người lái thuyền rơi tồm xuống nước, hai tay vẫn vòng trước ngực. Máu từ cổ người lái thuyền vọt lên những tia đỏ rực về phía nhà Vua. Lý Nhân Tông hốt hoảng lui vào khoang thuyền.

Lúc ấy những chiếc Tẩu kha vùn vụt phóng tới. Mục Thận đưa Lê Văn Thịnh nhốt xuống găm một chiếc Tẩu kha, rồi phóng hỏa đốt con thuyền đầy máu và xác người lái thuyền bị chém cụt đầu.

XVIII

Hoàng Thái Hậu cùng sư Trí Cương lên khóa lễ nhập hạ trong chùa Đại Lâm thì ngựa lưu tình đến cấp báo sự việc Thái sư Lê Văn Thịnh hóa hổ hại vua, thoán đoạt ngai vàng, mời Hoàng Thái Hậu mau trở về Thăng Long xử lý. Hoàng Thái Hậu giận lắm, nói với sư Trí Cương:

- Ta không ngờ Lê Văn Thịnh ỷ tài năng, cậy có công lớn, âm mưu thoán nghịch. Ta quyết nghiêm trị. Tội này không thể không chu di ba họ.

Trí Cương tay lần tràng hạt, nói lớn:

- Thiện tai! Thiện tai! Bần tăng không tin. Xin Hoàng Thái Hậu bình tĩnh xét suy. Từ cổ chí kim chuyện người hóa hổ chỉ là chuyện dựng chửi làm gì có thật. Xét cả lý cả tình chuyện này đều không hợp. Nếu Thái sư muốn hại nhà Vua thì thiếu gì thời cơ mà phải đợi lúc này? Vả lại ngay cả lúc ấy với võ công của Thái sư thì một Mục Thận với năm gã Ngự long quân đâu phải là đối thủ làm sao cái viên Đô úy nhỏ nhoi ấy có thể bắt được ngài? Đó là điều không hợp lý. Thái sư với Hoàng thượng tình thầy trò nghĩa vua tôi, Thái sư lại là người trọng tình trọng nghĩa, con hiếu tôi trung, làm sao Thái sư lại đem lòng phản trắc đó là điều không hợp tình. Hoàng Thái Hậu thử ngẫm xem có thể có chuyện đó không?

- Nhưng trong chiếu văn của Hoàng thượng ghi rõ: Chính mắt Hoàng thượng đã nhìn thấy hổ. Đến khi Mục Thận quăng lưới trùm lên thì lại là Lê Văn Thịnh.

- Bần tăng xưa trụ trì ở Thiên Thư Tự đã từng nghe một lần bà Trần Thị Tín là thân mẫu của Thái sư, vào buồng học của con, đã nhìn thấy một con hổ bạch. Bà lăn ra chết ngất. Khi tỉnh lại chỉ thấy có Lê Văn Thịnh. Hoàng Thái Hậu thử nhìn tướng Thái sư xem. Khi ngài ngồi chăm chú điều gì, hai tay vịn vào thành ghế, có khác gì mãnh hổ đang rình mồi. Đã có lần bần tăng cũng nhầm như vậy.

- Đại sư đã nói vậy, hãy đợi ta về tra rõ thực hư.

Nói xong bà cấp tốc lên đường.

Ra tới Tam quan, Hoàng Thái Hậu thấy một đoàn người đi đầu là một người đàn bà đứng tuổi, một người con gái xinh đẹp, một cậu bé khôi ngô và bao nhiêu các cụ già, đàn bà, con trẻ đang quỳ dọc theo đường cái quan, hướng vào Đại Lâm Tự. Hỏi ra mới biết đó là vợ, con gái, con trai và dân làng Bảo Tháp chờ gặp Hoàng Thái Hậu kêu oan cho Thái sư Lê Văn Thịnh. Hoàng Thái Hậu chăm chú ngẫm nhìn cậu bé, rồi xuống kiệu đi đến trước mặt, nâng cậu dậy, hỏi:

- Cháu tên gì?

- Dạ. Bẩm Hoàng Thái Hậu. Cháu tên là Lê Văn Tiễn. Xin Hoàng Thái Hậu soi xét, cha cháu bị oan. Nhất định có người muốn hãm hại cha cháu.

Mọi người nhất loạt dập đầu kêu oan. Hoàng Thái Hậu xua tay:

- Được rồi, được rồi. Trong bụng nghĩ: Đúng là "hổ phụ sinh hổ tử", đứa bé này mai mốt lớn lên nhất định sẽ thành một nhân tài. Nhưng than ôi, những kẻ có tài thường nhiều tham vọng. Đã làm tới chức Thái sư dưới một người trên ức vạn người mà vẫn mang lòng phản trắc. Ta tưởng đã hiểu được gan ruột Lê Văn Thịnh mà nào đã hiểu được gì? Tại sao người ta cứ nhất thiết phải leo tới ngai vàng? Chả lẽ khi ngồi trên đó thì kẻ xấu thành người tốt, bất tài thành có tài, thất đức thành nhân đức? Chả lẽ Phật tổ lại nương tay cho những tội lỗi khi người đó là một đức Vua? Hoàng Thái Hậu đưa mắt nhìn người con gái xinh đẹp nhận ngay ra là Lê Thị Sạn - người mà mấy lần Hoàng Thái Hậu đã định đón vào cung làm phi cho Lý Nhân Tông, nhìn sang người đàn bà nước mắt lưng tròng nhưng vẫn toát ra sự trung hậu, dịu dàng của con nhà gia

giáo. Bất giác Hoàng Thái Hậu buông một tiếng thở dài.

Bỗng bà chú ý tới nửa miếng ngọc bội màu xanh lam mà cậu bé Lê Văn Tiễn đang đeo trên cổ. Bà vội vàng hỏi:

- Miếng ngọc bội cháu đang đeo là của ai?

- Dạ. Thưa. Đó là của cha cháu cho cháu.

- Mới cho hay là cho từ lâu?

- Dạ. Vừa rồi về quê dự hội Thập Đình, cha cháu bảo chuyến này phải đi xa nên không cho cháu đi theo, đưa cho cháu miếng ngọc bội này bảo đây là báu vật gia truyền.

- Cháu có thể tháo ra cho ta xem một chút được không?

Bấy giờ nàng Đặng mới dám ngẩng đầu lên, giúp con tháo miếng ngọc bội (đúng ra là nửa miếng) đưa cho Hoàng Thái Hậu. Hoàng Thái Hậu quay đi, rút trong túi gấm ra nửa miếng ngọc bội màu xanh lam. Hai nửa miếng ngọc bội ghép vào nhau tạo nên một vầng trăng xanh lam kỳ diệu. Hoàng Thái Hậu ngơ ngác, áp đôi bàn tay vào má Lê Văn Tiễn, nhìn chăm chăm vào mắt cậu. Năm xưa khi hết tang mẹ, cha bà cũng áp đôi tay gầy guộc vào mặt bà, nước mắt giàn giụa, bảo:

- Con ơi! Cha không muốn tục huyền. Thiên hạ bảo "Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời dì ghè có thương con chồng". Cha thương con lắm. Nhưng ông nội sinh được có một mình cha, con lại là con gái. Không lẽ họ Lê nhà mình không người nối dõi.

Đêm ấy, cha đưa bà xem cuốn gia phả, rồi bảo:

- Đời này, kiếp này không tìm được con cháu chú Lê Tài, cha có chết cũng không sao nhắm được mắt. Nếu cha không tìm được, con hãy thay cha mà tiếp tục tìm. Nhớ là họ nhà mình, đặt tên con trai đều có bộ qua bên tay phải.

Thời khắc lâm chung, cha lại gọi bà đến bên, ứa hai hàng nước mắt thều thào:

- Con... nhớ... tìm... con cháu... chú... Lê... Lê... Tài.

Rồi lần từ trong ngực áo rút ra nửa miếng ngọc bội quàng vào cổ bà. Giờ đây bà đã tìm thấy nửa miếng ngọc bội còn lại, nghĩ tới tên hai cha con Lê Văn Thịnh, Lê Văn Tiễn, cả cô con gái Lê Thị Sạn đều có bộ qua bên tay phải, bà chắc chắn là đã tìm thấy con cháu cụ Lê Tài. Bà vừa ngỡ ngàng, vừa hồi hộp, sung sướng. Nhưng để thật chắc bà quay lại hỏi nàng Đặng:

- Ngươi là vợ Thái sư à? Thế nhà ngươi có giữ được gia phả không?

- Dạ. Bẩm Hoàng Thái Hậu. Nhà thảo dân vẫn giữ được gia phả. Nhưng...

- Nhưng sao?

- Dạ. Không. Nếu Hoàng Thái Hậu muốn xem, thảo dân sẽ về đem dâng Hoàng Thái Hậu.

- Không. Ta sẽ tới nhà ngươi để xem gia phả, rồi sẽ hồi triều.

*

Rồi Gia Định Hoàng Thái Hậu tạt qua trang Thổ Lỗi thắp ba nén hương vui mừng báo với cha là đã tìm thấy con cháu cụ Lê Tài. Nhưng niềm vui chỉ như cơn gió ào tới lại biến đi. Giờ đây bà đã biết Lê Văn Thịnh là cậu em trai thúc bá tri tôn duy nhất của bà. Tài năng và đức độ của em bà

không riêng gì bà biết rõ mà cả triều đình, cả bàn dân thiên hạ, cả Tổng triều đều phải khâm phục, ngợi ca. Bà thấy ân hận, xấu hổ vì đã có lúc tư tưởng, thêm khát, đắm say. ôi, một trang nam nhi như vậy nếu không huyết thống thì làm sao lại không có chút cảm tình. Nhưng vì sao em bà lại đại đột làm chuyện thoán đoạt, cướp ngôi? Cậu định giết cháu, thầy định giết trò, tôi định giết vua. Tôi ấy đến cha mẹ bà phạm phải cũng bị chu di tam tộc huống chỉ là Lê Văn Thịnh. Bà nhớ lại từng lời của đại sư Trí Cưng. Bà thấy đại sư kiến giải có lý có tình. Nhưng nếu sự thật đúng như chiếu văn thì bà sẽ xử sự thế nào? Không lẽ chị em chưa kịp nhận nhau đã phải âm dương chia lìa đôi ngả?

Ruột nóng như cào, bà lệnh cho giám mã ra roi. Chiếc xe tứ mã lồng lên phi như bay về phía kinh thành.

*

Hoàng Thái Hậu gặp vua con ở điện Thiên An. Bà dồn dập hỏi:

- Có thật Hoàng thượng nhìn thấy hổ ở giữa hồ không?

Lý Nhân Tông ấp úng đáp:

- Lúc đó con thấy có người kêu "Bạch hổ! Bạch hổ!", con nghĩ như mình đang lạc vào rừng, nhìn về phía đông thấy một chiếc thuyền con đang lao vun vút về phía con, mũi thuyền có người ngồi chồm hổm nhe răng cười. Con nghĩ người đó đúng là con hổ, ai đó vừa kêu liền kêu theo "hổ". Định thần lại con mới biết đó là Thái sư. Mục Thân đã nhanh tay tung lưới trùm lên, rồi kêu lớn "Thái sư hóa hổ giết vua. Đồ phản nghịch". Không hiểu sao lúc ấy con thấy Thái sư lúc nào cũng chống lại con, con nhớ tới Tây phi và giận run lên, liền ra lệnh lấy xích sắt trói Thái sư lại. Đêm ấy về nhớ lại, con bàng hoàng vì những gì xảy ra không đúng như thế. Nhưng "Quân bất hý ngôn". Mẫu hậu bảo con phải làm gì?

Hoàng Thái Hậu nghiêm mặt, nhìn Lý Nhân Tông hỏi:

- Hoàng thượng có biết Thái sư với Hoàng thượng là thế nào không?

- Thừa Mẫu hậu. Con biết Thái sư là thầy dạy con học, là cột trụ của vương triều.

- Chưa đủ.

Nói rồi bà đưa Hoàng thượng quyển sách bọc tấm da dê màu vàng xỉn và hai nửa miếng ngọc bội. Lý Nhân Tông đọc đi đọc lại quyển sách mờ mờ hiểu rằng giữa ông và Lê Văn Thịnh có mối liên quan huyết thống, nhưng chưa thật rõ ràng. Hoàng Thái Hậu giảng giải:

- Cụ Lê Tang chính là cụ ngoại của Hoàng thượng đấy. Khi hai anh em lạc nhau, cụ đã chạy ngược về phía tây, đến hương Thổ Lỗi. Cụ được dân làng yêu thương đùm bọc, gả cho một cô gái nết na. Sau khi sinh ông ngoại con, cả hai cụ không may đều lâm bệnh nặng qua đời. Trước lúc lâm chung ông ngoại con đã trao cho mẹ nửa miếng ngọc bội này, thề thào bảo:

- Cha không có con trai, không theo các cụ đặt tên con có bộ qua bên phải nên cha chết mà không khỏi ân hận. Con hãy giữ nửa miếng ngọc bội này, đi tìm người có nửa miếng còn lại. Đó chính là con cháu của chú Lê Tài. Chắc chú sẽ đặt tên con cháu mình như lời cụ nội Lê Đại Hành đã dặn.

Giờ đây mẹ đã tìm thấy cháu nội cụ Lê Tài, chị đã nhận được em lại là lúc Hoàng thượng hồ đồ nghe bọn tiểu nhân gieo vạ cho thầy, cho cậu.

- Mẫu hậu! Con đã biết lỗi. Mẫu hậu bảo con phải xử lý thế nào?

- Hoàng thượng hãy để chị em ta gặp nhau lần cuối.

*

Lê Văn Thịnh được cấm vệ quân dẫn ra điện Phụng Thiên. Ông quỳ sụp lạy Hoàng Thái Hậu.

- Chúc Hoàng Thái Hậu thiên tuế, thiên tuế, thiên thiên tuế.

Mấy lần Hoàng Thái Hậu bảo Lê Văn Thịnh bình thân nhưng ông vẫn cứ quỳ. Hoàng Thái Hậu đưa tay nâng ông đứng dậy. Thì ra Lê Văn Thịnh đã bị nhục hình nát như đôi chân. Mặt ông sưng húp biến dạng đến nỗi Hoàng Thái Hậu suýt nữa thét lên vì kinh sợ. Hoàng Thái Hậu không cầm nổi hai hàng nước mắt. Bà vội bỏ ra khỏi phòng cho gọi Hoàng thượng. Giọng bà chì chiết:

- Hoàng thượng vào mà nhìn người ta hành hạ em ta. Chắc ta chết cũng không nhắm nổi mắt.

Lý Nhân Tông đứng ngây ra, không biết nói thế nào. Phòng trong viên quan Đô hộ sĩ và hai tên lính ngục tưởng Lê Văn Thịnh xúc phạm Hoàng Thái Hậu nên xông vào dẫm đá túi bụi. Lý Nhân Tông bước vào quát to:

- Ai cho các người dùng nhục hình?

Viên Đô hộ sĩ khúm núm:

- Dạ. Bẩm Hoàng thượng. Quan thượng thư bộ hình ra lệnh phải bắt Lê Văn Thịnh khai đã hóa hổ, âm mưu thoán nghịch. Nhưng Lê Văn Thịnh cứ một mực kêu oan. Những ngày gần đây lại không chịu nói, cứ như đã cấm khẩu, nên hạ thần bắt buộc phải dùng nhục hình.

- Các người hãy đưa Thái sư về Đại Lý Tự, gọi ngự y đến chăm sóc, cấm không được dùng nhục hình. Phải đối xử với Thái sư như khi Thái sư vẫn còn đương chức. Nếu sai, trẫm sẽ trừng trị không thương xót.

*

Suốt mấy ngày đêm Hoàng Thái Hậu mất ăn mất ngủ, nước mắt đầm đìa. Bao nhiêu năm mới tìm được người em trai họ hàng duy nhất theo di huấn của người cha thân yêu thì lại trong hoàn cảnh éo le này. Cả Hoàng thượng giờ đây cũng biết Lê Văn Thịnh bị oan, nhưng trông thời khắc tâm thần bất định, đã trót kết tội cho một đại thần, làm sao có thể đổi thay? Giờ biết làm sao để giữ cho Thái sư và gia đình ông được toàn mạng sống?

Hoàng Thái Hậu cho mời Thái úy Lý Thường Kiệt, Hàn lâm học sĩ Mạc Hiến Tích, Thiếu sư Đỗ Bảo An, Thái phó Quách Lương và những quan lại có thực tài về triều. Riêng với lão tướng Lý Thường Kiệt, Hoàng Thái Hậu đã kể lại toàn bộ sự việc không giấu giếm điều gì. Lý Thường Kiệt rất buồn nhưng ông lại nói:

- Dẫu biết Thái sư oan sai cũng không thể sửa. Thái sư là người hiểu hơn ai hết lời nói của một quân vương. Hoàng Thái Hậu hãy lấy lòng từ bi bác ái của Phật tổ, lấy ngũ giới của đạo pháp mà tha cho Lê Văn Thịnh. Tuy vậy Lê Văn Thịnh không thể ở lại kinh thành. Có thể đưa ông đi lưu đày ở vùng Thao Giang, hoặc trong Hoan, ái; bí mật đưa vợ con gia quyến lên đó đoàn tụ, bí mật cho người đi phục dịch. Như vậy vẫn giữ được thể diện cho Hoàng thượng, giữ nghiêm hình luật lại biểu dương lòng nhân ái cao cả của Hoàng Thái Hậu, của Hoàng thượng, nêu cao tính nhân thiện của quốc đạo.

Ngày sóc, tháng trọng hạ, Đại Lý Tự ra bố cáo: Thái sư Lê Văn Thịnh ỷ tài năng, công trạng đã lập mưu hóa hổ hại vua, mưu thoán nghịch, tội phải chu di tam tộc. Hoàng Thái Hậu và Hoàng thượng lấy Phật giáo làm quốc đạo, từ bi hỉ xả, theo ngũ giới không sát sinh, vả lại hai mươi một năm làm quan Lê Văn Thịnh đã có nhiều công lao xây đắp vương triều nên mở lòng hiếu sinh, đày lên vùng Thao Giang để mà suy ngẫm, làm gương cho trăm họ.

Lê Văn Thịnh quay mặt về điện Thiên An lay đủ chín lay, rồi lập tức lên đường. Ngày thứ ba đội áp tải gồm mười hai người tới một vùng hoang vắng, cây cối lúp xúp có những móm đồi san sát như bát úp. Khi đoàn người đi qua một khe núi hẹp thì từ các ngọn cây một toán người áo chàm, mặt bịt vải đen nhảy xuống nhằm Lê Văn Thịnh chém tới tấp. Đội áp tải cố sống cố chết lao vào đánh trả nhưng đều bị bọn áo chàm đánh cho tan tác. Rất may, trước lúc ra đi Hoàng Thái Hậu đã lệnh cho đội áp tải tháo hết gông cổ, xiềng chân cho Lê Văn Thịnh. Hai cổ tay cũng được thay chiếc xích sắt to nặng bằng chiếc xích nhôm mạ bạc nhỏ nhẹ, nên Lê Văn Thịnh dễ dàng tránh khỏi những đường gươm điêu luyện của bọn thích khách. Thấy đã khá lâu bọn người áo chàm không hạ nổi Lê Văn Thịnh, một người mặc toàn đồ đen từ trên cây to lao xuống. Đúng lúc ấy một vòng dây cũng được quăng tới. Vòng dây chụp vào cổ Lê Văn Thịnh kéo ông ngã sõng soài. Người áo đen phi tới, lưỡi gươm sáng loáng xé gió chém xuống. Nhưng một bóng trắng như một tia nắng quái đã cắt đôi đường kiếm. Và chỉ bằng một cái phất tay, bóng trắng đã làm người áo đen tê cứng chân tay, ngã lăn ngay sát nơi Lê Văn Thịnh bị kéo ngã. Bóng trắng hất chiếc khăn bịt mặt. Lê Văn Thịnh nhận ngay ra đó là tên Đô úy Mục Thân sau sự việc hồ Dâm Đàm đã được phong Đô thống hàm ngũ phẩm. Còn bóng trắng không phải ai xa lạ mà chính là Bạch Quý. Bạch Quý đã theo sát từng bước chân Lê Văn Thịnh. Có lẽ ông đã lường trước được sự ám hại bất thủ này. Bạch Quý giận dữ cầm thanh gươm của Mục Thân định kết liễu đời tên khốn kiếp, nhưng Lê Văn Thịnh đã hết sức can ngăn. Lê Văn Thịnh từ tốn hỏi Mục Thân:

- Ta với ông không thù không oán, sao ông nỡ hại ta, vu khống cho ta?

Mục Thân thẳng thắn:

- Vì người không dạy ta thuật hóa hổ. Vì ta và người cùng sinh ra trong trời đất, cùng một tuổi, sao người làm Thái sư, ta lại phải hầu hạ đức Vua?

Lê Văn Thịnh bật cười:

- Cho đến giờ ông vẫn tin là ta biết thuật hóa hổ. Ông ghen tức, đổ kị ta. Giữa ta và ông ai là kẻ đáng chết?

- Cả hai.

- Vì sao?

- Vì người tài giỏi thông minh quá. Còn ta, ta không chịu nổi cái tài giỏi thông minh của người. Thôi người cứ để con quỷ trắng kia giết ta đi.

- Không. Ông về đi. Số ông và số ta chưa ai được chết. Ta phải sống để mong nhà Vua tỉnh ngộ. Ông phải sống để mà tự vấn lương tâm.

Lê Văn Thịnh quay lại bốn người lính thoát chết, bảo:

- Còn anh em hãy cùng ta chôn cất tám anh em đã vì ta mà thiệt mạng, rồi anh em cứ đưa điệp văn cho ta, cứ yên tâm trở về tâu với Hoàng thượng rằng: Lê Văn Thịnh nhất định sẽ sống hết cuộc đời lưu đầy, chỉ xin khi nào chết Hoàng thượng gia ân cho đem năm xương tàn về quê hương Bảo Tháp và nếu được thì xin cho Địch Quốc Trung lên đây với ta.

Bạch Quý kiên quyết đi cùng Lê Văn Thịnh. Khi qua làng Mía, Lê Văn Thịnh tạt vào làm lễ thầy Ngô ẩn. Dân Đường Lâm kéo ra đón Thái sư đông như hội. Ai cũng mang theo lễ vật, đòi được đi theo Thái sư lên tận Thao Giang, giúp Thái sư ổn định nơi ăn chốn ở. Lê Văn Thịnh cúi đầu tạ, nói với dân làng:

- Giờ tôi đã là tội phạm, không còn là Thái sư, xin bà con chớ nặng lòng thương xót mà làm trái hình luật triều đình. Xin lần nữa cảm ơn bà con cô bác.

Nghe Lê Văn Thịnh nói có người khóc nức lên, khiến không ai cầm nổi nước mắt. Người ta lên án triều đình, nguyên rủa những kẻ vu khống. Một cụ già râu tóc bạc phơ đứng ra thưa:

- Thưa Thái sư. Dù người có bị nhà Vua ghép tội, người vẫn là Thái sư của dân làng Mía chúng tôi. Chúng tôi không tin Thái sư là kẻ phản đồ, không tin Thái sư là người có mưu toan thoán nghịch. Huống hồ chuyện người hóa hổ chỉ là chuyện hoang đường, chuyện vu cáo. Dân làng Mía dầu óc lầy bùn cũng không bao giờ tin điều đó. Mong Thái sư nhận mỗi ân tình của bà con chúng tôi.

Nói rồi cụ cử ba mươi thanh niên trai tráng mang theo đồ biếu đưa Lê Văn Thịnh tới tận Thao Giang. Họ ở đây một tháng dựng cho ông một ngôi nhà sàn xinh xắn trên đầu dốc Phong Lan, lưng dựa vào núi, mặt nhìn ra phía sông Thao, con sông hợp với dòng Đà Giang tạo thành con sông Cái cuộn cuộn phù sa, quần quanh kinh thành như dải lụa hồng bồi đắp cho cả vùng đất mênh mông ngàn năm màu mỡ.

*

Thấm thoát đã hai mươi mốt năm trôi. Thế là mỗi năm làm quan ăn lộc triều đình, Lê Văn Thịnh đã trả bằng một năm lưu đầy nơi đầu nguồn con sông Nhĩ Hà quanh năm đỏ ngầu như máu. Dòng sông ấy đổi thay theo năm tháng như đời người năm tháng bất đổi thay. Bao nhiêu người thân yêu đã ra đi. Bao chuyện lo toan chỉ còn là những kỷ niệm vui buồn. Con người nào có để lại cái gì cho hậu thế họa chăng là những câu chuyện hoang đường, được nặn nhào qua từng thời đại, theo ý tưởng của người này kẻ nọ. Bạch Quý, Địch Quốc Trung đã ra đi, nàng Đặng cũng không còn. Hai vợ chồng con Sạn đã dắt díu nhau bỏ làng quê biệt vô âm tín tránh cái họa "Hồng nhan bạc mệnh". Cậu con trai Lê Văn Tiến được Thái uý Lý Thường Kiệt nhận làm con nuôi nay đã lập nghiệp ở vùng Châu ái.

Hồi ức trôi qua, thoáng một nét buồn. Lê Văn Thịnh luôn giữ được dáng vẻ bình thản trong mấy chục năm trôi. Những năm tháng lưu đầy, tuy ông không phải chịu sự quản lý quá khắt khe của quan lại địa phương, bên cạnh vẫn có những người thương yêu nhất, cuộc sống cũng không đến nỗi quá khó khăn, ông vẫn canh cánh lo cho vận mạng của vương triều nhà Lý, lo cho xã tắc giang sơn. Mỗi sáng thức dậy ông lại cùng Bạch Quý, Địch Quốc Trung và bố già người Tày uống trà đàm đạo, không nghe thấy ngựa lưu tinh, không thấy đàn chim xáo xáo, ông mới tạm yên lòng. Rồi năm tháng trôi đi, mái tóc muối tiêu nay đã phơ phơ bạc trắng, chiếc túi đựng râu đã sờn bạc không còn chứa hết bộ râu, lòng dạ ông cũng tro ly như gỗ đá. Ông chỉ còn chờ đến một ngày, cái ngày được vui vầy cùng nàng Đặng, được đàm đạo cùng hai người anh em, hai người bạn thủy chung sau trước.

Sáng nay ông với bố già yên lặng ngồi nghe chim hót, nghe tiếng vượn gọi bầy, tiếng con hổ già gầm gừ nơi đỉnh dốc. Bỗng ông thấy mặt đất chuyển rung, từng đàn chim táo tác, con vượn cái thoi kêu, con hổ già thoi không gào thét. Ông nhìn bố già, bố già nhìn ông hồi hộp. Một đoàn người ngựa phi như bay lên dốc. Đi đầu là viên tướng già râu tóc bạc phơ, đôi mắt xéch ngược trông rất kỳ dị. Viên tướng xuống ngựa, quỳ sụp trước Lê Văn Thịnh:

- Bẩm Thái sư. Chắc ngài không nhận ra tôi: Tôi đem chiếu thư của đức Vua và huyết thư của Hoàng Thái Hậu lên cho ngài.

Lê Văn Thịnh vội quỳ sụp tạ ơn Hoàng Thái Hậu, tạ ơn Hoàng thượng, thấp ba nén hương rồi bóc chiếu thư. Hoàng thượng ân cần hỏi thăm sức khỏe của Lê Văn Thịnh, xoá án lưu đầy, trao cho ông một chiếc kim bài, mời ông về triều giúp Hoàng thượng chăm lo chính sự. Một lần nữa Lê Văn Thịnh lại quỳ xuống tạ ơn.

Ông rung rung cầm phong thư của Hoàng Thái Hậu. Ông vô cùng kinh ngạc thấy ngoài bì đề: Gửi em Lê Văn Thịnh. Nét chữ Hoàng Thái Hậu run rẩy, đầy nước mắt. Lê Văn Thịnh cũng không sao cầm nổi những giọt nước mắt tuôn rơi. Trong thư có đoạn:

"... Khi chị em nhận ra nhau thì em đã phải chịu điều oan khốc. Em hãy tha thứ cho chị, cho cháu. Chị tin là hậu thế sẽ hiểu em, hiểu nỗi lòng của chị. Chị đã chọn thợ làm tiếp công trình của Bạch Quỷ. Vì những quy định khắt khe, vì thể diện của Hoàng thượng, chị và cháu không dám minh oan cho em, không dám nói lại với người đời sau, nhưng chị tin con thủy quái bằng đá xanh tự cắn ngập mười hai cái răng vào thân mình sẽ là thông điệp để muôn đời cháu con hiểu được nỗi oan khuất của em, hiểu được lòng dạ chị em mình.

Chị đã già yếu lắm, chắc là không qua khỏi. Sẽ có ngày chị em gặp nhau ở chốn tuyền đài. Khi đó em sẽ hiểu chị hơn.

Chị của em: Lê Thị Khiết".

Lê Văn Thịnh khóc nức lên. ôi thế là mộng ước bao năm của cha đã toại nguyện. Ông đã tìm được con cháu của cụ Lê Tang. Nhưng làm thế nào mà chị Khiết lại nhận được ra ông thì ông chưa biết. Bấy giờ viên tướng già mới bảo:

- Chuyện Hoàng Thái Hậu nhận ra ông là em thì dài lắm. Nhưng còn tôi, ông có nhận ra là ai không?

- Xin lỗi. Ông là ai thì đâu có gì là quan trọng. Ta muốn hỏi ông: Hoàng Thái Hậu bây giờ thế nào?

- Mất rồi.

- Sao? Mất rồi ư? Bao giờ?

- Giờ Ngọ ngày 25 tháng trước - tháng Bính Thân.

Lê Văn Thịnh lại nức nở gọi tên bà, khóc than thảm thiết. Người bố già chẳng nói chẳng rằng chỉ đưa đôi tay gầy guộc đỡ lấy đôi vai rộng đang rung lên của Lê Văn Thịnh. Lê Văn Thịnh lau nước mắt hỏi viên tướng già:

- Trước lúc qua đời Hoàng Thái Hậu có căn dặn gì không?

- Chỉ gọi tên ông.

- Hoàng Thái Hậu có di chiếu gì không?

- Có.

- Ông có mang theo không?

- Không. Nhưng tôi thuộc.

Rồi diễm nhiên đọc:

Sắc thị không, không tức sắc

Không thị sắc, sắc tức không

Sắc không câu bất quản

Phương đặc kế chân tông.

(Sắc là không, không tức sắc

Không là sắc, sắc tức không

Sắc không đều chẳng quản

Mới thật hợp chân tông).

Đọc xong viên tướng hỏi:

- Bây giờ ngài định thế nào?

- Ta cũng chưa biết. Nhưng ta nhờ ông bái biệt Hoàng thượng giúp ta. Ta phải về chịu tang chị ta.

Viên tướng quỳ sụp xuống, giọng trầm buồn:

- Thái sư. Tôi đội ơn ngài. Nhưng tôi là một tên khốn kiếp. Tôi muốn được hầu hạ ngài, được đưa ngài về chịu tang Hoàng Thái Hậu.

- Ông là...

- Vâng. Tôi là tên Mục Thân, tên Mục Thân cố chấp ti tiện, mơ ước hảo huyền, tên Mục Thân gặp lửa bỏ tay người, kẻ đáng bị hậu thế muôn đời nguyền rủa, kẻ...

- Thôi, Mục Thân. Ông và ta cùng tuổi, cùng số phận. Ta biết ông cũng chỉ là nạn nhân của những thói đời. Ta cảm ơn ông. Ông cứ về đi, giúp ta cảm ơn Hoàng thượng. Còn ta, ta sẽ cố đem bộ xương già về nơi cắt rốn chôn rau.

*

Phiên chợ Diềng cuối năm người bán mua tấp nập. Từng cơn gió bắc hun hút tràn về, mưa lâm thâm đan nhau tạo thành màn sương đặc quánh.

Cổng chợ phía tây xuất hiện một cụ già cao lớn, đầu tóc bạc phơ, giấu kín bộ râu trong chiếc túi gấm đã nhàu nát, thất thểu bước vào trong chợ. Cụ thở rất khó nhọc, lê từng bước chậm chạp tới hiệu bán thuốc. Cụ thều thào hỏi:

- Từ đây tới Bảo Tháp còn bao xa?

- Dạ. Từ đây tới Bảo Tháp chừng vài chục dặm. Chúng tôi đi chỉ vài ba canh giờ, nhưng cụ thì đi sao nổi. Thế con cháu cụ đâu mà để cụ thế này?

Cụ già không kịp trả lời. Những cơn ho khan dồn dập kéo tới. Cụ đặt chiếc gậy trúc xuống đất, thông thả trải tấm áo tơi rồi từ từ ngồi xuống. Một luồng gió lạnh buốt ào qua, đẩy cụ già ngã dúm xuống bờ gạch. Lại một cơn ho kéo dài. Mặt cụ già xám ngoét. Chủ hiệu thuốc vội vã gọi người nâng cụ dậy, pha thuốc cấp cứu. Mặt cụ già bỗng hồng rực. Cụ mở đôi mắt sáng quắc nhìn mọi người, khe khẽ gật đầu, trút hơi thở cuối cùng.

Lúc đó ở làng Bảo Tháp trời quang mây tạnh, bỗng một cơn gió lốc ào tới, cây đa đầu làng lá đang xanh tốt bỗng héo úa rồi đổ kành ra. Từ thân cây đa cổ thụ chảy ra những dòng nước trong vắt như những dòng nước mắt.

Mọi người chứng kiến cái chết đột ngột của cụ già đều vô cùng hoảng sợ. Họ sợ liên lụy đến bản thân, vội vàng bảo nhau:

- Thôi. Ông cụ chẳng may xấu số qua đời vào lúc năm hết tết đến. Việc này mà quan trên biết thì làng Diềng năm nay mất tết, mà ông chủ hiệu thuốc cũng bị vạ lây. Chi bằng hãy đưa ông cụ ra doi đất giữa lòng hồ, lấy thuyền úp lại, tết xong sẽ cáo quan.

Mọi người đều đồng thanh nhất trí.

Mồng 6 tết dân làng Diềng nhớ tới ông lão đầu tóc bạc phơ, dáng như tiên ông, bèn bảo nhau bơi thuyền ra xem thi thể ông cụ thế nào. Tất cả đều kinh ngạc kêu lên. Doi đất bỗng cao to sừng sững. Cả chiếc thuyền, cả thi thể cụ già biến mất. Mùi trầm hương từ doi đất tỏa ra thơm ngát. Không ai bảo ai, mọi người đều cúi đầu vái lạy, bảo ông cụ là người nhà giời.

Khi viên tri phủ Siêu Loại tới nơi thì từ doi đất nhô ra một tấm kim bài. Viên tri phủ biết ngay đó chính là Thái sư Lê Văn Thịnh.

Tin tới tai nhà Vua. Lý Nhân Tông xa giá về tận nơi, đi chân đất, tự chèo thuyền tới phần mộ hóa mà khóc rằng:

- Thái sư lúc sống là thầy, là cậu, là rường cột triều đình, là uy danh đất Việt. Chỉ vì trẫm lòng đa hẹp hòi, mắc mưu gian nịnh để người đến nông nỗi này. Nhưng con người phải chiều theo số phận. Thái sư hãy vì giang sơn gấm vóc mà phù hộ cho vương triều thịnh trị.

Nhà Vua chưa dứt lời, bầu trời phía đông nam, giữa thanh thiên bạch nhật bỗng xuất hiện một ngôi sao sáng rực. Ngôi sao nhấp nháy, nhấp nháy rồi lẩn vào áng mây hồng chìm vào khoảng trời bao la xanh ngắt.

Nơi nhà Vua quỳ lạy, dân làng Diềng bảo nhau góp công góp của, triều đình cũng xuất quỹ dựng lên một ngôi miếu thờ, thờ ông lão xấu số. Ngôi miếu ấy sau này gọi là đình, ngôi đình đầu tiên trên đất Đại Việt. Dân làng Diềng gọi là đình thờ Tổ. Lâu dần người ta gọi tắt là Đình Tổ và Đình Tổ đã trở thành tên một làng quê giàu đẹp nhất trong phủ Siêu Loại xứ Kinh Bắc sau này.

Hồi dương

Thế là rõ. Cụ già dừng kể. Đêm đã vào khuya. Trên cánh rừng đại ngàn chỉ còn đôi ba tiếng lẻ loi mang tác. Tôi đau đớn lặng đi trước một sự thật đã ngót ngàn năm không người làm sáng tỏ. Tôi muốn hỏi thêm cụ đôi điều. Nhưng có lẽ do mệt mỏi, căng thẳng quá mắt tôi mờ đi, rồi díp lại. Tôi đi vào giấc ngủ đầy những cơn ác mộng.

Sáng hôm sau tôi thấy mình nằm chơ vơ trên chiếc du thuyền ngay trước cửa đình làng Vồng Thị. Tôi nghe văng vẳng tiếng cụ già, lò mờ thấy bóng cụ bước khỏi thuyền đi sâu mãi vào hậu cung đình. Tôi vẫn thấy phảng phất nơi đâu mùi trầm hương, mùi nước chè xanh ngào ngọt. Cánh rừng đại ngàn đã biến mất, chỉ còn lại ánh điện muôn màng lung linh như bầu trời sao rơi rụng lấp kín lòng hồ.

Tôi bàng hoàng giật nhẹ sợi dây màu đỏ. Du thuyền lại rung lên nhẹ nhẹ, nhẹ nhẹ lướt ra khơi. Tôi mong được lần nữa gặp cụ già có bộ râu tuyệt đẹp và nỗi buồn xuyên thế kỷ.

Nhưng du thuyền đã đưa tôi trở lại đúng nơi tôi xuất phát, trở lại công viên nước Hồ Tây.

Người ta kinh ngạc, người ta vui mừng. Chuông điện thoại réo vang. Còi ô tô inh ỏi. Tôi chỉ kịp nói lời từ chối, rồi theo đường tắt, gọi một chiếc xe ôm chạy thẳng về nhà.

Vợ con tôi đi vắng. Tôi giơ tay bật quạt, ngược nhìn tờ lịch, kinh ngạc thấy hôm nay đã là rằm tháng bảy. Tôi chợt nhớ ra rằng cũng ngày này cách đây chín trăm chín mươi ba năm Lý Thái Tổ đã hạ chiếu dời đô, thành Đại La từ đó đã trở thành kinh đô với tên gọi Thăng Long đầy uy dũng, tự hào.

Tự nhiên tôi thấy xốn xang, phấn chấn. Tôi quyết định ngồi vào bàn viết ghi lại trung thực câu chuyện cụ già kỳ dị kia đã kể. Tôi coi đó là nén tâm nhang dâng lên vương triều nhà Lý và một chút hương hoa góp thêm cho lễ kỷ niệm Thăng Long ngàn năm tuổi.

Ngoài đường, trên những chiếc loa công cộng người ta đang đọc một bài xã luận về truyền thống "Uống nước nhớ nguồn".

Làng Bến, ngày 11 tháng giêng - ngày 6 tháng 6 Giáp Thân

Đôi điều về tiểu thuyết lịch sử Sương khói đậm đà

Tôi và Hoàng Giá cùng sinh ra và lớn lên ở đất Siêu Loại xưa - Thuận Thành nay. Nhưng mãi sau này khi anh bắt đầu in truyện ngắn đầu tiên trên Tạp chí Văn nghệ Quân đội tôi mới biết anh.

ở tuổi sáu mươi Hoàng Giá vẫn rất nhanh nhẹn, hoạt bát và khỏe mạnh. Có lẽ là do anh được rèn luyện nhiều trong môi trường quân đội, nhất là anh lại là một sĩ quan đặc công thời đánh Mỹ.

Trở lại đời thường, trong cuộc mưu sinh vất vả, anh vẫn đau đầu một nỗi niềm, khi thì hoài niệm, khi lại mộng mơ và thế là anh cầm bút dù đã quá muộn màng. Chỉ trong ba năm (1999-2002) anh đã cho ra mắt bạn đọc tập truyện ngắn Người bày cờ thế do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn hành, được dư luận rất chú ý. Đầu năm 2004 cũng vẫn Nhà xuất bản ấy in tiếp cho anh tiểu thuyết chiến tranh Tụ thủ. Và giờ đây anh lại đưa tôi đọc tập bản thảo tiểu thuyết - Sương khói đậm đà.

SƯƠNG KHÓI DẬM ĐẬM là tiểu thuyết lịch sử kể về cuộc đời Thái sư Lê Văn Thịnh và những yếu nhân trong hai đời vua Lý Thánh Tông và Lý Nhân Tông, gắn với những sự kiện lịch sử quan trọng giai đoạn nửa cuối thế kỷ XI.

Lê Văn Thịnh người làng Bảo Tháp, trang Đông Cứu, huyện Gia Định, xứ Kinh Bắc (nay là xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh). Năm 26 tuổi (1075) ông đỗ đầu khoa thi Minh Kinh bác học và Nho học tam trường, được Hoàng Thái Hậu ý Lan trọng dụng dạy vua Lý Nhân Tông học và phong chức Thị lang Bộ binh. Ông có nhiều đóng góp trong cuộc chiến tranh chống Tống. Năm Giáp Tý (1084) ông dẫn đầu phái bộ Đại Việt tới hội nghị Vĩnh Bình tranh biện về vấn đề biên giới. Bằng tài năng kiệt xuất ông đã buộc nhà Tống phải trả lại sáu huyện, ba động. Sau thắng lợi vang dội ấy ông được phong chức Thái sư, đứng đầu bá quan văn võ. Với cương vị của mình Lê Văn Thịnh đã thi hành những chính sách tiến bộ nhằm củng cố vương triều, khẳng định chủ quyền dân tộc. Nhưng những chính sách tân tiến ấy đã đụng chạm tới quyền lợi các tầng lớp quan lại, tăng ni và quý tộc. Vụ án Dậm Đầm là sự tất yếu của cuộc đấu tranh giữa một bên là lực lượng Nho học mạnh nham và một bên là lực lượng Phật giáo hùng mạnh đã tồn tại ngót ngàn năm. Vụ án đã trở thành nghi án lớn nhất trong lịch sử dân tộc. Và cuộc đời hai mươi một năm làm quan của Lê Văn Thịnh được đối bằng hai mươi một năm lưu đầy biệt xứ, trở thành nỗi đau xuyên thời đại của những bậc túc nho, trí thức.

Tiểu thuyết lịch sử sương khói đậm đà đã tái hiện một giai đoạn lịch sử hết sức hào hùng, đã khắc họa bức tranh sinh động về những nhân vật lịch sử với độ chính xác của các sử gia và trí tưởng tượng tuyệt vời của nhà sáng tạo. sương KHÓI DẬM ĐẬM như tia nắng ban mai làm tan biến những lớp sương mù, phơi bày những gì vốn có. Số phận các nhân vật lịch sử được trình bày cặn kẽ, vô tư, đầy trách nhiệm. Sương khói Dậm Đầm đã khai thác triệt để vốn văn nghệ dân gian. Những câu chuyện lưu truyền trong dân gian được tác giả khéo léo vận dụng khiến ta có cảm giác Sương khói Dậm Đầm là câu chuyện cổ tích đầy huyền thoại nhưng rất thật và hoàn toàn có thể.

Bút pháp trong sương Khói DẬM ĐẬM khá đặc biệt. Các nhân vật chính được miêu tả tỷ mỉ, liền một mạch. Những sự kiện liên quan đến từng nhân vật được lặp đi lặp lại ở những góc độ khác nhau. Có thể nói các nhân vật trong Sương khói Dậm đà như những vận động viên ma ra tông. Mỗi người đều thể hiện hết bản chất, cá tính, tài năng của mình nhưng lại đan xen, hỗ trợ nhau vừa hợp lý, vừa hiệu quả. Chiến thắng của đoàn vận động viên ấy chính là giá trị đích thực của tiểu thuyết SƯƠNG KHÓI DẬM ĐẬM.

*

Chỉ còn sáu mùa thu nữa nhân dân Việt Nam và những người bạn trên khắp địa cầu sẽ vui mừng chào đón kinh thành Thăng Long tròn nghìn năm tuổi. Tôi nghĩ SƯƠNG KHÓI DÂM ĐÀM sẽ là nén tâm nhang của Hoàng Giá và của cả chúng ta dâng lên vương triều nhà Lý, cũng là lời minh oan tâm phúc nhất cho Đệ nhất Minh Kinh Lê Văn Thịnh - người được tôn vinh là vị Trạng Nguyên đầu tiên của nền tri thức Việt Nam.

Tôi nghĩ Hoàng Giá không phê phán ai, nhưng đã đến lúc "Sương khói phải bị xua tan, sự thật thế nào phải trả lại nguyên hình thế ấy".

Xin cảm ơn Hoàng Giá đã cho tôi đọc bản thảo tập tiểu thuyết tâm đắc này. Tôi tin là SƯƠNG KHÓI DÂM ĐÀM sẽ được bạn đọc gần xa đón đọc và đồng tình với quan điểm, với cách nhìn của Hoàng Giá, qua đó càng thêm mến yêu tác giả.

Thanh Khương, ngày sóc tháng mạnh thu năm Giáp Thân.

Nhà văn: Nguyễn hữu

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>